

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

-----8008-----

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
của dự án
“HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU TÁI ĐỊNH CƯ
HÀ THANH”

ĐỊA CHỈ: TÔ DÂN PHỐ HÀ THANH 2, PHƯỜNG NINH ĐÀ, THỊ XÃ
NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

-----2008-----

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
của dự án

**“HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU TÁI ĐỊNH CƯ
HÀ THANH”**

**ĐỊA CHỈ: TÓ DÂN PHỐ HÀ THANH 2, PHƯỜNG NINH ĐÀ, THỊ XÃ
NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA**

CHỦ DỰ ÁN

BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
TỈNH KHÁNH HÒA



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Văn Hòa

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

TRUNG TÂM QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
KHÁNH HÒA



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đỗ Anh Văn

Khánh Hòa, năm 2023

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	4
1. XUẤT XỨ CỦA DỰ ÁN	4
1.1. Thông tin chung của dự án.....	4
1.2. Cơ quan tổ chức có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư.....	5
2. Các văn bản pháp luật liên quan đến dự án	5
CHƯƠNG 1	6
MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN	6
1. Tóm tắt dự án.....	6
1.1. Thông tin chung về dự án	6
1.2. Vị trí địa lý, các đối tượng kinh tế - xã hội và các đối tượng khác có khả năng bị tác động bởi dự án.....	6
1.2.1. Vị trí dự án	6
1.2.2. Hiện trạng khu vực dự án.....	9
1.2.3. Mục tiêu, quy mô và loại hình dự án	10
1.2.3.1. Mục tiêu của dự án.....	10
1.2.3.2. Quy mô dự án.....	10
1.2.3.3. Loại hình dự án	11
1.3. Các hạng mục công trình của dự án.....	11
1.3.1. Các hạng mục công trình chính của dự án	11
1.3.1.1. Sân nền.....	11
1.3.1.2. Hạng mục đường giao thông.....	11
1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án	15
1.3.2.1. Hạng mục thoát nước mưa.....	15
1.3.2.2. Hoàn trả nương thủy:.....	18
1.3.2.3. Hạng mục công viên cây xanh:.....	18
1.3.2.4. Hạng mục cấp nước:	18
1.3.2.5. Hạng mục điện chiếu sáng:.....	19
1.3.2.6. Chất thải rắn và Vệ sinh môi trường:.....	20
CHƯƠNG 2	21
ĐIỀU KIỆN MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN.....	21
2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội	21

2.1.1. Điều kiện về địa lý, địa chất	21
2.1.1.1. Đặc điểm địa hình, địa mạo	21
2.1.1.2. Điều kiện về khí hậu, khí tượng khu vực	21
2.1.2. Đặc điểm địa chất công trình.....	22
2.2.2. Hiện trạng tài nguyên sinh vật	23
CHƯƠNG 3	24
ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG.....	24
3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án	24
3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động.....	24
3.1.1.1. Tác động do công tác đền bù, di dân, giải phóng mặt bằng	26
3.1.1.2. Tác động đến môi trường không khí	26
3.1.1.3. Tác động của tiếng ồn và độ rung.....	28
3.1.1.4. Tác động đến môi trường nước	31
3.1.1.5. Tác động đến môi trường đất.....	34
3.1.1.6. Tác động do chất thải rắn	34
3.1.1.7. Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực dự án	36
3.1.1.8. Dự báo tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố của dự án.....	37
3.1.2. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện.....	38
3.1.2.1. Giảm thiểu tác động từ công tác đền bù	38
3.1.2.2. Giảm thiểu tác động từ công tác giải phóng mặt bằng	38
3.1.2.3. Giảm thiểu tác động do quá trình san nền	39
3.1.2.4. Giảm thiểu tác động từ các máy móc, thiết bị thi công.....	40
3.1.2.5. Giảm thiểu tiếng ồn và rung động	40
3.1.2.6. Giảm thiểu tác động do nước thải.....	41
3.1.2.7. Giảm thiểu tác động do chất thải rắn	42
3.1.2.8. Giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội khu vực dự án.....	44
3.1.2.9. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án	45
3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành	46
3.3. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo.....	47
CHƯƠNG 4	49

CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG	49
4.1. Chương trình quản lý môi trường của dự án.....	49
4.2. Chương trình giám sát môi trường.....	50
4.2.1. Giám sát chất lượng nước	50
4.2.2. Giám sát chất lượng không khí xung quanh	50
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	51
1. KẾT LUẬN.....	51
2. KIẾN NGHỊ	51
3. CAM KẾT	51
VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA DỰ ÁN.....	54

MỞ ĐẦU

1. XUẤT XỨ CỦA DỰ ÁN

1.1. Thông tin chung của dự án

Thị xã Ninh Hòa nằm trong chùm đô thị phía Bắc của tỉnh Khánh Hoà và thuộc khu vực phía Nam Khu kinh tế Vân Phong. Trong những năm vừa qua, thị xã Ninh Hòa đã có nhiều bước phát triển về kinh tế - xã hội cũng như hạ tầng đô thị. Thị xã Ninh Hòa bao gồm 07 phường nội thị và 20 xã. Trong đó, Ninh Đa là một trong những phường trung tâm có vai trò quan trọng của thị xã.

Hiện nay, Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột (giai đoạn 1) đang triển khai gây ảnh hưởng cuộc sống của dân cư khu vực dự án đi qua. Do đó, ngày 02/3/2023, UBND tỉnh Khánh Hòa đã có Công văn số 1836/UBND-XDND về việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) Khu dân cư Hà Thanh, phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hòa để phục vụ tái định cư cho các trường hợp bị ảnh hưởng bởi Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột (giai đoạn I).

Theo đó, ngày 27/3/2023, UBND thị xã Ninh Hòa có Thông báo số 72/TB-UBND về Kết luận của UBND thị xã tại cuộc họp nghe các cơ quan, đơn vị báo cáo điều chỉnh cục bộ quy hoạch (1/2000) Khu tái định cư Hà Thanh, phường Ninh Đa. Trong đó, có nội dung cần tiến hành song song với việc lập Quy hoạch chi tiết 1/500 để đẩy nhanh tiến độ thực hiện..

Từ những lý do trên, việc lập Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Khu tái định cư Hà Thanh, phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hòa là hết sức cấp bách và cần thiết, đảm bảo cơ sở pháp lý cho công tác quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng, đất đai và đẩy nhanh tiến độ thực hiện xây dựng khu dân cư, tái định cư đảm bảo quyền lợi, ổn định cuộc sống của người dân địa phương trong khu vực ảnh hưởng.

Thực hiện nghiêm chỉnh Luật Bảo vệ môi trường 72/2020/QH14 năm 2020 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022, theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa tiến hành lập Báo cáo ĐTM cho dự án “Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Hà Thanh” có diện tích 7,038 ha gồm 200 lô Tái định cư với đơn vị tư vấn là Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường Khánh Hòa.

1.2. Cơ quan tổ chức có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư

- Dự án thuộc loại dự án mới, Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư dự án do UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt.

- Ban quản lý khu kinh tế Vân Phong là cơ quan có thẩm quyền thẩm định và UBND tỉnh Khánh Hòa là cơ quan quản lý có thẩm quyền phê duyệt báo cáo ĐTM của Dự án.

2. Các văn bản pháp luật liên quan đến dự án

- Quyết định số 1420/QĐ-UBND ngày 29/12/2005 của UBND thị xã Ninh Hòa về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu dân cư Hà Thanh, phường Ninh Đa, huyện Ninh Hòa;

- Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Ninh Hòa đến năm 2020;

- Quyết định số 1981/QĐ-UBND ngày 04/8/2014 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa giai đoạn đến năm 2020;

- Công văn số 1836/ UBND-XDND ngày 02/3/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) Khu dân cư Khu dân cư Hà Thanh, phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hòa để phục vụ tái định cư cho các trường hợp bị ảnh hưởng bởi Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột (giai đoạn 1);

- Thông báo số 72/TB-UBND ngày 27/3/2023 của UBND thị xã Ninh Hòa về Kết luận của UBND thị xã tại cuộc họp nghe các cơ quan, đơn vị báo cáo điều chỉnh cục bộ quy hoạch (1/2000) Khu tái định cư Hà Thanh, phường Ninh Đa.

CHƯƠNG 1

MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN

1. Tóm tắt dự án

1.1. Thông tin chung về dự án

- Tên dự án: Khu tái định cư Hà Thanh 2, phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hòa.
- Địa điểm: Tổ dân phố Hà Thanh 2, phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hòa.
- Chủ đầu tư: Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa.

1.2. Vị trí địa lý, các đối tượng kinh tế - xã hội và các đối tượng khác có khả năng bị tác động bởi dự án

1.2.1. Vị trí dự án

Dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Hà Thanh có diện tích 70.381 m², thuộc Khu dân cư Hà Thanh, phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hòa. Vị trí và phạm vi dự án như sau:

- Phía Bắc giáp khu dân cư và đất trống.
- Phía Đông giáp khu dân cư hiện hữu dọc Quốc lộ 1A.
- Phía Nam giáp khu dân cư hiện hữu.
- Phía Tây giáp khu dân cư hiện hữu dọc đường quy hoạch lộ giới 30m.

Tọa độ vị trí dự án như sau:

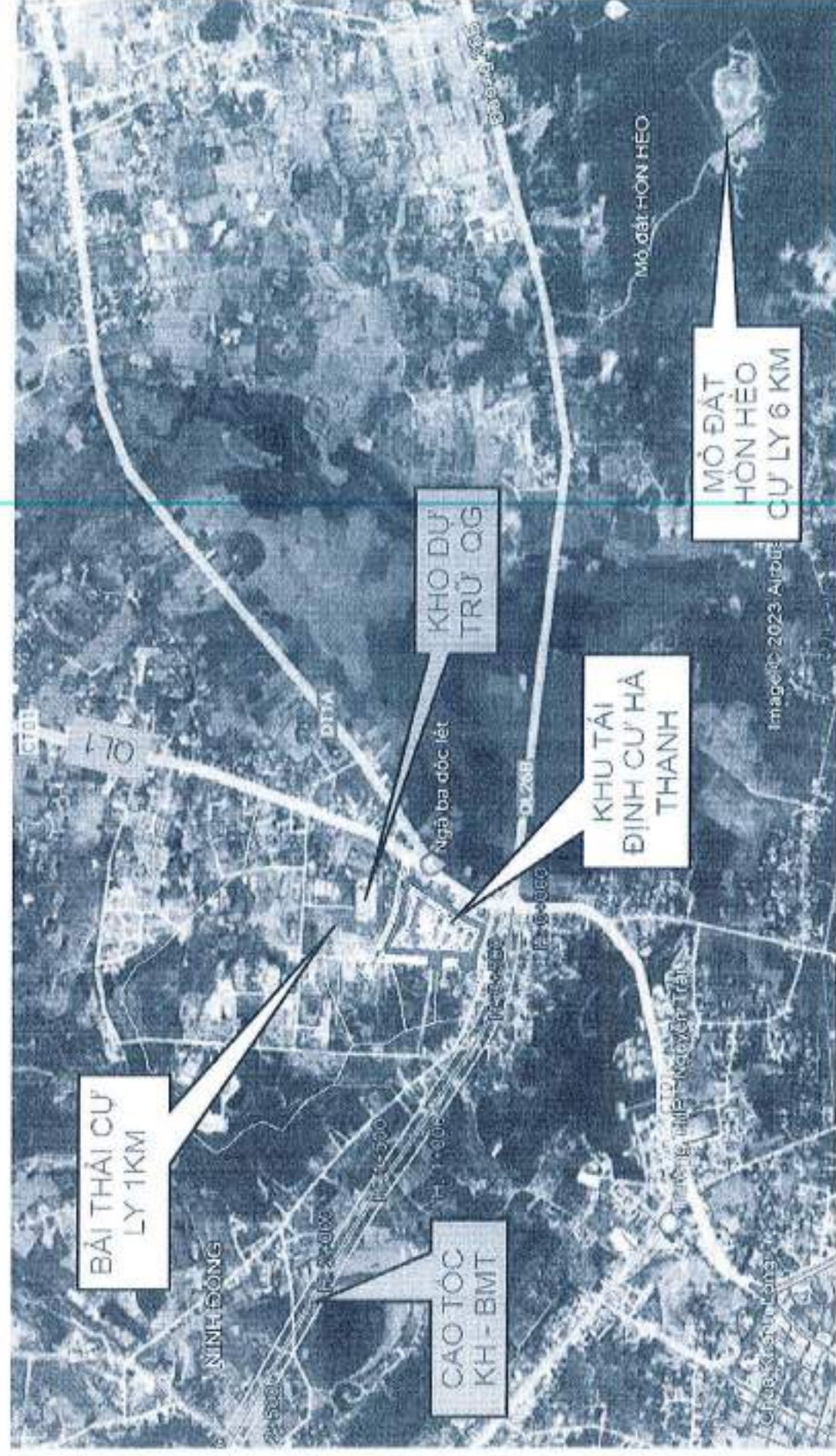
Bảng 1.1. Bảng tọa độ thống kê ranh giới dự án

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 108°15', múi giờ 3⁰)

Stt	Tên đỉnh	X(m)	Y(m)	Stt	Tên đỉnh	X(m)	Y(m)
1	M1	1384433.229	597828.669	14	M14	1384356.969	598173.652
2	M2	1384432.790	597836.375	15	M15	1384350.091	598169.411
3	M3	1384421.327	597835.823	16	M16	1384383.071	598107.661

Stt	Tên đỉnh	X(m)	Y(m)	Stt	Tên đỉnh	X(m)	Y(m)
4	M4	1384416.994	597837.615	17	M17	1384248.641	598022.190
5	M5	1384408.682	597871.802	18	M18	1384163.391	597990.768
6	M6	1384509.994	597877.575	19	M19	1384211.600	5978257.202
7	M7	1384505.324	597959.457	20	M20	1384226.651	597862.628
8	M8	1384528.167	597960.760	21	M21	1384227.068	597861.453
9	M9	1384526.913	597982.793	22	M22	1384390.885	597870.788
10	M10	1384506.041	598053.658	23	M23	1384398.667	897838.899
11	M11	1384510.603	598056.558	24	M24	1384395.069	897834.546
12	M12	1384450.795	598150.720	25	M25	1384386.328	597534.540
13	M13	1384390.416	598112.331	26	M26	1384386.790	597826.436

(Nguồn: Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án)



Hình 1.1. Sơ đồ vị trí dự án trên nền bản đồ vệ tinh Google Map

1.2.2. Hiện trạng khu vực dự án

(1) Hệ thống cấp điện, nước

❖ Cấp điện

- Khu vực quy hoạch có thể tiếp cận tuyến đường dây trên không 22kv/474 – trạm 110KV - Ninh Hòa đi dọc theo Quốc lộ 26B. Trong đó nhánh rẽ đường dây có các trạm biến áp bao gồm:

+ Trạm T.8043-37.5KVA.

+ Trạm T.4475-100KVA.

- Lưới điện hạ áp: Đường dây hạ thế đi nối dùng chung trụ trung thế, hoặc đi riêng trụ điện bê tông ly tâm. Hiện tại, lưới điện chiếu sáng chỉ bố trí trên tuyến Quốc lộ 26B.

❖ Cấp nước

- Hiện nay, khu vực lập quy hoạch vẫn còn một ít hộ dân đang sử dụng nước sinh hoạt là từ nguồn giếng đào và giếng khoan.

- Dọc tuyến Quốc lộ 1A, Quốc lộ 26B, đã có hệ thống đường ống cấp nước chính Ø280. Khu vực lập quy hoạch có thể đầu nối cấp nước vào các tuyến ống này tương đối thuận lợi.

(2) Hệ thống thoát nước thải

- Khu vực quy hoạch chưa có hệ thống thoát nước bẩn - vệ sinh môi trường, nước thải từ các công trình trong khu quy hoạch chủ yếu được xử lý cục bộ bằng các bể tự hoại của công trình.

(3) Hệ thống thoát nước mưa

- Khu vực thiết kế quy hoạch chưa có hệ thống thoát nước mưa hoàn chỉnh, chủ yếu thoát tự nhiên và thoát theo các tuyến mương.

- Khu vực phía Tây Nam giáp ranh với khu vực thiết kế quy hoạch có tuyến mương nắp đan thoát nước mưa chạy dọc theo tuyến đường nhựa.

(4) Hệ thống giao thông

- Phía Đông Bắc có thể tiếp cận khu vực lập đồ án bằng tuyến đường đất hiện trạng rộng 3-5m, điểm bắt đầu từ Ngã Ba Dốc lết vào đến khu dân cư hiện trạng (rẽ nhánh từ đường Quốc lộ 1A Hướng Vạn Giã -> Nha Trang).

- Phía Tây Nam tiếp cận khu vực lập đồ án bằng tuyến đường đất hiện trạng rộng 5-6m, điểm bắt đầu từ Quốc lộ 26B, tuyến đường nhựa đi vào khu vực thiết kế quy hoạch.

(5) Hiện trạng cao độ nền

- Khu vực lập quy hoạch có địa hình tương đối ổn định, chủ yếu là đất trồng chưa sử dụng xen kẽ với đất ở, hướng dốc nền dốc từ Tây Bắc sang Đông Nam, cao độ tự nhiên chênh lệch từ 1,0m – 6,5m.

1.2.3. Mục tiêu, quy mô và loại hình dự án

1.2.3.1. Mục tiêu của dự án

Xây dựng Khu tái định cư với đầy đủ cơ sở hạ tầng kỹ thuật, nâng cao chất lượng ở, tạo môi trường sống ổn định lâu dài, từng bước hoàn thiện quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt, phát triển khu dân cư có hiệu quả.

Từng bước hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng cho thị xã, cải thiện vệ sinh môi trường, tạo mỹ quan đô thị.

1.2.3.2. Quy mô dự án

Xây dựng Khu tái định cư Hà Thanh với quy mô 7,038 ha, dự kiến bố trí tái định cư 200 lô.

Bảng 1.2. Tổng hợp cân bằng sử dụng đất

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nhà ở nông thôn, nhà ở làng xóm đô thị hóa	17.319,80	16,77
2	Đất giao thông	1.909,78	1,85
3	Đất nghĩa trang	1.111,29	1,08
4	Đất sản xuất nông nghiệp	1.199,29	1,16
5	Đất chưa sử dụng	79.792,79	77,24
6	Hồ, ao, đầm	560,20	0,54
7	Sông, suối, kênh , rạch	1.406,85	1,36
	Tổng	103.300,00	100,00

(Nguồn: Theo thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi)

1.2.3.3. Loại hình dự án

- Đầu tư xây dựng cơ sở Hạ tầng kỹ thuật

1.3. Các hạng mục công trình của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính của dự án

1.3.1.1. San nền

Hiện trạng nền đất xây dựng: Đất trong khu vực thiết kế san nền chủ yếu là đất trồng cây lâu năm, đất ruộng, đất trồng hoa màu, và địa nền là đất tốt, do đó thuận lợi cho công tác san nền

San nền được tiến hành tổng thể đảm bảo thoát nước sơ bộ và tạo mặt bằng chung để tiến hành xây dựng công trình ở các bước tiếp theo.

Cao độ san nền bám theo cao độ Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Khu dân cư Hà Thanh, đã được phê duyệt. Hướng dốc san nền thấp dần về phía đường N3 (để thoát nước về cống hộp 2 khoang trên QL1), sau đó dốc từ hướng Tây thấp dần về hướng Đông .

Tính toán khối lượng san nền theo phương pháp chia lưới ô vuông 10mx10m. Sử dụng phần mềm Anddesign có bản quyền để tính toán khối lượng san nền.

Chiều cao đắp san nền từ bình quân 1,95 m . Khối lượng san nền độc lập với khối lượng đường giao thông. Mái taluy đào/ đắp được tính đào đắp thẳng đứng (phạm vi tiếp giáp đường giao thông). Thiết kế taluy nền đắp với độ dốc mái taluy 1/2, nền đường đào với taluy 1/1. Mái taluy ranh đất phía bắc được thiết kế gia cố mái taluy chống xói bằng lát đá hộc có chít mạch vữa xi măng.

Xung quang ranh đất phía Đông, phía Tây, và phía Nam được thiết kế tường chắn đất bằng xây đá hộc thẳng đứng.

Toàn bộ diện tích đắp nền trước khi thi công cần tiến hành dọn dẹp mặt bằng, đào bỏ lớp hữu cơ trên mặt dày b/q 20 cm mang đi đổ bỏ, sau đó sẽ được đắp bù bằng đất chọn lọc.

Đất hữu cơ đổ bỏ vận chuyển về khu bãi thải phía Bắc xa 1km. Đất đắp được khai thác từ mỏ đất Hòn Hèo cự ly 6 km.

Vật liệu san nền sử dụng đất đồi chọn lọc đảm bảo $K=0,90$. Khi thi công tiến hành theo từng lớp $\leq 30\text{cm}$.

1.3.1.2. Hạng mục đường giao thông

a) Xác định cấp đường:

- Cấp đường: Đường phố cấp nội bộ

- Loại đường: Đường nội bộ
- Cấp kỹ thuật: 40. Vận tốc thiết kế: $V_{tk}=40\text{km/h}$
- Quy mô mặt cắt ngang đường theo quy hoạch
- Kết cấu mặt đường : Mặt đường bê tông nhựa, vỉa hè lát gạch Terrazzo
- Đốc ngang mặt đường 2%, đốc ngang vỉa hè 1,5%.
- Tải trọng thiết kế mặt đường trục xe ô tô 10 tấn.
- Mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{vc}\geq 130\text{ Mpa}$.

b) Bình đồ:

Tim tuyến đường thiết kế Dự án “Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Hà Thanh” tuân thủ theo Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Khu dân cư Hà Thanh.

Thống kê chiều dài và chỉ giới các đường như sau:

Bảng 1.2. Bảng thống kê tên đường và chiều dài tuyến

STT	Tên đường	Chiều dài tuyến (m)	Chỉ giới đường đỏ (m)	Quy mô mặt cắt ngang (m)
1	N3	188,43	17,5	5(vĩa hè)+7,5(mặt)+5(vĩa hè)
2	N4	252,78	15,5	5(vĩa hè)+7,5(mặt)+5(vĩa hè)
3	N5	129,62	17,5	5(vĩa hè)+7,5(mặt)+5(vĩa hè)
4	N6	105,38	17,5	5(vĩa hè)+7,5(mặt)+5(vĩa hè)
5	N7	182,41	17,5	5(vĩa hè)+7,5(mặt)+5(vĩa hè)
6	D2	208,11	17,5	5(vĩa hè)+7,5(mặt)+5(vĩa hè)
7	D3	89,54	17,5	5(vĩa hè)+7,5(mặt)+5(vĩa hè)
8	D4	95,94	17,5	5(vĩa hè)+7,5(mặt)+5(vĩa hè)
9	D5	307,88	17,5	5(vĩa hè)+7,5(mặt)+5(vĩa hè)

c) Cắt dọc:

Cao độ thiết kế bám theo quy hoạch, có độ dốc dọc tối thiểu 0,3 %, tối đa 1,5%, đảm bảo hướng nước chảy tự nhiên về các hố thu nước, các cống nhánh để tập trung nước về cống 2 khoang trên QL1.

Đảm bảo xe chạy êm thuận, kết hợp hài hòa giữa mặt bằng và mặt đứng. Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật khống chế của cấp đường.

d) Cắt ngang đường:

Dự án **Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Hà Thanh** nằm trong khu vực đã quy hoạch sử dụng đất là đất ở đô thị: việc xác định quy mô mặt cắt ngang căn cứ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07:2016/BXD và Tiêu chuẩn TCVN 13592:2022 “Đường đô thị yêu cầu thiết kế”, đảm bảo tối thiểu 02 làn xe 2 chiều và vỉa hè đủ để bố trí hạ tầng kỹ thuật.

Quy mô mặt cắt ngang các tuyến cụ thể như sau:

Phần xe chạy	= 7,50m
Vỉa hè	2 x 5m = 10,00m
Tổng cộng :	17,50 m

e) Nền đường:

Nền đường thiết kế phải đảm bảo ổn định, duy trì được các kích thước hình học, có đủ cường độ để chịu được các tác động của tải trọng xe và của các yếu tố thiên nhiên trong suốt thời gian sử dụng.

Phải đảm bảo các yếu tố về thủy nhiệt nền đường, khu vực tác dụng của nền đường không bị quá ẩm và không chịu ảnh hưởng các nguồn ẩm bên ngoài (nước mưa, nước ngầm, lũ lụt..)

Nền đường được đào bỏ lớp hữu cơ dày 20cm, sau đó đắp đất K95 trong phạm vi mặt đường (phần tiếp giáp kết cấu áo đường đắp đất K98 dày 50cm, đối với nền đào xáo xới K98 dày 30cm). Phạm vi vỉa hè đắp đất K95.

Thiết kế taluy nền đường đắp với độ dốc mái taluy 1/2, nền đường đào với taluy 1/1.

Trước khi tiến hành đắp nền đường, nhà thầu tiến hành kiểm tra độ chặt nền đường tự nhiên, trong trường hợp không đảm bảo theo độ chặt yêu cầu của nền đường

trước khi đắp, cần tiến hành xáo xới lu lên K98 hoặc đào thay đất đầm chặt K95 dày trung bình 50cm.

Đ) Kết cấu mặt đường:

Căn cứ tiêu chuẩn thiết kế áo đường mềm TCCS 38:2022/TCĐBVN của Bộ GTVT và quy phạm kỹ thuật đường đô thị TCXDVN – 104 –2007, TVTK lựa chọn kết cấu mặt đường mềm như sau

- + Lớp mặt là lớp bê tông nhựa chặt cấp cao A1, thời hạn thiết kế 15 năm.
- + Lớp móng cấp phối đá dăm, loại vật liệu thông dụng, có sẵn tại địa phương.
- + Môđun đàn hồi: $E_{vc} \geq 130 \text{Mpa}$.
- ✓ Kết cấu mặt đường đối với các tuyến đường nội bộ thiết kế mới từ trên xuống

như sau:

- + Lớp bê tông nhựa BTNC 12,5 dày 7 cm
- + Tưới nhựa thấm bảm MC70 TCN 1kg/m²
- + Lớp cấp phối đá dăm Dmax25 dày 16 cm
- + Lớp cấp phối đá dăm Dmax37,5 dày 16 cm
- + Đất nền lu lên $K \geq 0,98$ dày 50 cm đối với nền đắp, dày 30cm đối với nền đào

g) Bó vỉa, vỉa hè:

• Vỉa hè

Kết cấu vỉa hè được thiết kế bao gồm:

- + Lát gạch Terrazzo kích thước 40x40cm dày 3,2cm.
- + Đệm VXM M50 dày 2.5cm.
- + Bê tông móng đá 4x6 M100 dày 10cm.
- + Nền đất đầm chặt $K \geq 0,95$.

• Bó vỉa

Bó vỉa bằng bê tông đá 1x2 M250 đổ tại chỗ, cách khoảng 5m bố trí một khe co giãn rộng 1cm, bên dưới lót nilon tái sinh, có 2 loại bó vỉa:

- + Bó vỉa loại cao (loại 1): Phần máng rộng 35cm, gờ chắn cao 15cm, rộng 35cm, vạt góc 30x12cm.
- + Bó vỉa loại thấp (loại 2): Tại các công cơ quan, đường hẻm, lối đi dành cho người tàn tật. Phần máng rộng 35cm, gờ chắn cao 8cm, rộng 35cm, vạt góc 30x5cm.

• **Chân khay.**

+ Chân khay bảo vệ mặt đường, tại các vị trí cuối nút giao với các đường quy hoạch tạm thời chưa xây dựng, bố trí gờ chặn bê tông đá 1x2 M250 để bảo vệ mặt đường, gờ chặn dạng chữ I kích thước gờ chặn $b \times h = 20\text{cm} \times 60\text{cm}$ trên lớp đệm đá 4x6 dày 10cm.

+ Chân khay bảo vệ vỉa hè, tại các vị trí mép vỉa hè tiếp giáp với lô đất bố trí gờ chặn bê tông đá 1x2 M250 để bảo vệ vỉa hè, gờ chặn dạng chữ I kích thước gờ chặn $b \times h = 10\text{cm} \times 20\text{cm}$ trên lớp đệm đá 4x6 dày 10cm.

h) Vị trí quay đầu xe:

Cuối các đường D3, D4, D5 và N7 được bố trí khoảng trống để quay đầu xe có kích thước 10x12m (mặt đường rộng 12m, vỉa hè mỗi bên rộng 2,75m). Tương lai sau này khi khu dân cư mở rộng, các tuyến đường D3, D4, D5 sẽ được kéo dài đến đường N2, những vị trí quay đầu xe này sẽ không còn và mặt đường trở lại như ban đầu rộng 7,5 m, vỉa hè rộng 5m.

k) An toàn giao thông:

Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống an toàn giao thông như cọc tiêu, biển báo, sơn kẻ đường theo đúng quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT bao gồm:

+ Biển báo: Sử dụng loại biển báo phản quang, treo trên cột thép, thân cột sơn phản quang trắng đỏ. Vị trí đặt biển báo đặt phía tay phải chiều đi, biển thẳng đứng, mặt biển vuông góc với chiều đi, cao độ đặt biển tính từ cạnh dưới của biển đến mép phần xe chạy là 2m, khoảng cách tối thiểu từ mép ngoài của biển báo theo phương ngang đường đến mép phần đường xe chạy đảm bảo tối thiểu 0,5m, tối đa 1,7m. Biển báo được sơn phản quang có giá cố thép tăng cường, cột biển báo bằng ống thép tráng kẽm, với những biển gần nhau được sắp xếp lắp đặt chúng trên cùng 1 cột (tối đa 3 biển/cột).

+ Vạch sơn: Bố trí đầy đủ các loại vạch sơn phân làn, sơn người đi bộ, sơn gờ giảm tốc, vạch chỉ hướng... Tất cả các loại sơn đều phải là sơn dẻo nhiệt, phản quang đảm bảo để người lái xe có thể nhận biết được cả vào ban ngày lẫn ban đêm và trong mọi điều kiện thời tiết.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án

1.3.2.1. Hạng mục thoát nước mưa

Định hướng thoát nước tuân thủ theo Quy hoạch chi tiết (1/500) Khu tái định cư Hà Thanh đã được phê duyệt. Hướng thoát nước của dự án sẽ hướng từ Tây sang

Đông, sau đó tập trung đổ về đường N3, và ra cửa xả theo mương hở chảy về cống 2 khoảng 2(2,2x1m) trên đường QL1 hiện nay.

Thiết kế tính toán cho khu tái định cư rộng 7 ha và có tính đến việc sau này mở rộng khu đất lên thành 10,3 ha.

Tuân thủ hiện trạng tiêu thoát nước, các hướng thoát nước hiện có. Hệ thống cống thoát nước mưa được xây dựng hoàn chỉnh dọc theo các tuyến đường, đảm bảo thu gom và thoát nước mưa trong khu vực dự án đồng thời kết nối với hiện trạng thoát nước của khu vực bên ngoài dự án bằng các cửa thu, nhằm đảm bảo khi khu dân cư hình thành thì khu vực xung quanh dự án không bị ngập úng.

Thiết kế cống thoát nước tự chảy. Hệ thống cống thoát nước dọc đường được bố trí 1 bên đường, bên đường còn lại bố trí hệ thống chiếu sáng.

Nước mưa trong phạm vi dự án tự chảy trên máng bố vỉa được thu bằng các hố ga dọc đường chảy vào hệ thống cống dọc sau đó tự chảy theo hướng dốc dọc cống tập trung về vị trí cửa xả thiết kế.

❖ Tính toán lưu lượng nước mưa

Tính toán lưu lượng nước mưa được xác định theo phương pháp cường độ mưa giới hạn và công thức tính toán Marniing.

Tính toán thủy lực hệ thống thoát nước mưa theo phương pháp cường độ giới hạn:

Công thức tính toán lưu lượng nước mưa:

$$Q = q.F. \Psi \text{ (l/s)}$$

Trong đó : Q : Lưu lượng tính toán (l/s)

F : Diện tích lưu vực thoát nước mưa (ha)

Ψ : Hệ số dòng chảy, phụ thuộc vào đặc điểm mặt phủ của lưu vực thoát nước

q : Cường độ mưa tính toán (l/s/ha)

Cường độ mưa tính toán q tính theo công thức :

$$(20+b)n. q_{20}(1+clgP)$$

$$q = \frac{-----}{(t+b)n}$$

$$(t+b)n$$

Với : P - Chu kỳ ngập tràn cống (năm)

q₂₀ b,c,n: tra bảng tại trạm quan trắc lấy theo tỉnh Khánh Hoà

t : thời gian tập trung nước mưa (phút)

$$t=t_0+t_r+t_c$$

t_0 : Thời gian tập trung dòng chảy, lấy $t = 5-10$ phút

t_r : Thời gian nước chảy trong rãnh

$$t_r = 1,25 l_r \cdot V_r$$

1,25 : Hệ số tính đến sự tăng tốc nước chảy trong quá trình mưa

V_r : Vận tốc nước chảy trong rãnh

t_c : Thời gian nước chảy trong ống từ giếng thu đến tiết diện tính toán

l_c : Chiều dài đoạn cống

l_c

$$t_c = r \cdot \sum \frac{l_c}{V_c}$$

V_c

V_c : Vận tốc nước chảy trong cống

r : Hệ số, lấy phụ thuộc vào địa hình

❖ Tính toán thủy lực cống

Tính toán thủy lực:

Sử dụng công thức: $Q=V.W$

$$V = C \sqrt{Ri}$$

Trong đó :

Q : Lưu lượng tính toán (l/s)

W : Diện tích mặt cắt ướt (m²)

V : Vận tốc dòng chảy i : Độ dốc thủy lực

R : Bán kính thủy lực n : Hệ số nhám ($n = 0,013$)

Các thông số kỹ thuật :

- Độ dốc cống $i \geq 1/D$

- Vận tốc tính toán nhỏ nhất là 0,7m/s, lớn nhất là <4,0 m/s.

- Hệ thống thoát nước được thiết kế theo tiêu chuẩn sau:

• Ống cống – móng cống – gờ cống:

- Cổng dọc đặt dưới vỉa hè.
- Ống cống bê tông ly tâm được thiết kế cho 2 loại tải trọng khác nhau :
- + Cổng được thiết kế với tải trọng cấp T (H10), dùng đặt trên vỉa hè người đi bộ
- + Cổng được thiết kế với tải trọng cấp TC (H30), dùng để băng qua đường có xe chạy bên trên.

- Cổng băng đường dùng móng băng BT đá 1x2 M200, cống dọc đoạn không băng đường dùng gờ cống BTCT đá 1x2 M200 đúc sẵn.

• **Kết cấu hồ thu, cửa thu, cửa xả:**

❖ Hồ thu: Bố trí hồ thu nước kết nối giữa cống dọc, cống ngang kết cấu như sau:
+ Móng hồ BT đổ tại chỗ đá 1x2 M200 dày 20cm trên lớp bê tông lót đá 4x6 M100 dày 10cm.

- + Thân hồ bê tông đá 1x2 M250.
- + Đạn chìm BTCT đá 1x2 M300 đúc sẵn.
- + Đá kiềng BTCT đá 1x2 M300 đổ tại chỗ.
- + Nắp hồ thu được bố trí nắp gang D70 có KT:1000x1000.
- + Hộp thu nước bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M250 đúc sẵn có bố trí lưới chắn rác bằng thép mạ kẽm và 2 van lật ngăn mùi đường kính 20cm, hộp thu nước được gắn trực tiếp trên hồ thu.

❖ Cửa thu, cửa xả:

- + Kết cấu móng bê tông đá 1x2 M200 trên lớp bê tông lót đá 4x6 M100 dày 10cm.
- + Tường đầu, tường cánh bằng bê tông đá 1x2 M250 đổ tại chỗ.
- + Bố trí rọ đá gia cố cửa xả, có KT: 2x1,0x0,5m

1.3.2.2. Hạ tầng công viên cây xanh:

❖ **Cây xanh**

- + Cây xanh được bố trí dọc hai bên các tuyến đường trong khu đất của dự án
- + Hồ trồng cây bố trí nằm cạnh mép bó vỉa, thành hồ trồng cây bằng bê tông đá 1x2 M200, lòng hồ trồng cây được bố trí gạch số 8, kích thước trong lòng 1,2x1,2m, dày 10cm, cao 50cm. Khoảng cách hồ trồng cây trên vỉa hè từ 8-12m, bố trí giữa hai nhà.
- + Trong lòng hồ trồng cây được đào bỏ đất không thích hợp và thay thế bằng đất trồng cây, đất trồng cây được trộn gồm đất hữu cơ + phân bò + tro trấu theo tỷ lệ % là 60 + 20 + 20.

+ Cây xanh sau khi trồng được bảo dưỡng trong thời gian 90 ngày đảm bảo cây phát triển tốt. Công tác bảo dưỡng bao gồm các công việc: Tưới nước, vun bồn, làm cỏ dại, sửa cọc chống, dọn dẹp vệ sinh, chỉnh sửa cây nghiêng.

+ Cây trồng dọc hai bên các tuyến đường của dự án chọn cây Giáng Hương có chiều cao $\geq 3\text{m}$, đường kính thân tại chiều cao tiêu chuẩn $\geq 5\text{cm}$ kích thước bầu 60x60x60cm.

❖ **Công viên**

Khu đất công viên cây xanh có diện tích 1.311 m², được xây dựng thảm cỏ, công viên vườn hoa tiểu cảnh để tạo cảnh quan và đường đi dạo.

❖ **Cây xanh :**

- + Cây Sứ Đại : Cây cao $> 3\text{m}$, kích thước bầu 40x40cm.
- + Cây Hồng Lộc: Cây cao $> 1\text{m}$, kích thước bầu 40x40cm.
- + Cây Bằng Lăng tím : Cây cao $> 3\text{m}$, kích thước bầu 40x40cm.
- + Cây Phượng Vỹ : Cây cao $> 3\text{m}$, kích thước bầu 40x40cm.
- + Cây Osaka đỏ : : Cây cao $> 3\text{m}$, kích thước bầu 40x40cm.
- + Cây Trang đỏ chiều cao $> 0,5\text{m}$.
- + Cây Chuối ngọc trồng viền trang trí chiều cao $> 0,3\text{m}$.
- + Cây Trang Đỏ trắng trồng viền trang trí chiều cao $> 0,3\text{m}$.
- + Phần diện tích còn lại được trồng cỏ lá tre.

❖ **Đường đi dạo :**

- + Lát đá bun.
- + Đệm VXM M50 dày 2.5cm.
- + Bê tông móng đá 4x6 M100 dày 10cm.
- + Nền đất đầm chặt $K \geq 0,95$.

1.3.2.3. Hạ tầng cấp nước:

- Mạng lưới đường ống cấp nước cho khu thiết kế theo dạng mạng vòng kết hợp mạng cụt.

- Loại ống sử dụng trong khu thiết kế là ống tròn nhựa HDPE DN150/160; DN100/110 và D50/63. Các tuyến ống trên đầu nổi từ ống D280 hiện có trên đường nhựa hiện trạng và cung cấp nước trực tiếp cho các công trình.

- Độ sâu chôn ống cách mặt đất 0,7m (tính từ đỉnh ống).

- Ống chôn có lớp cát bảo vệ cao hơn đỉnh ống 150mm để chống hiện tượng ống rò rỉ do các loại đất đá có cạnh sắc bèn làm hỏng.
- Ống đi cách chi giới đường đỏ 0,5m.
- Ống qua đường giao thông có tấm đan BTCT mác 200 dày 100mm đặt bên trên để bảo vệ ống.

1.3.2.4. Hạ tầng điện chiếu sáng:

- Tổng công suất đặt tiêu thụ cho toàn hệ thống chiếu sáng, trong đó TĐCS là 4,6kW . Nguồn cấp điện được lấy từ 01 tủ điều khiển chiếu sáng thiết kế. Cấp điện cho các tủ điều khiển này từ tuyến hạ áp hiện có.
- Cấp nguồn cho các xuất tuyến chiếu sáng đi nổi dùng cáp vặn xoắn hạ áp ruột nhôm bọc cách điện XLPE 0,6/1kV, chịu lực chia đều : ký hiệu LV-ABC-4x16mm².
- Dấu nối từ đường dây cấp nguồn chiếu sáng trên không vào các hộp bảo vệ dùng loại cáp đồng 2 ruột bọc cách điện PVC, vỏ PVC 0,6/1kV, ký hiệu CVV-2x2,5mm².
- Cáp dấu nối từ hộp bảo vệ lên các đèn chiếu sáng dùng loại cáp đồng 2 ruột bọc cách điện PVC, vỏ PVC 0,6/1kV, ký hiệu CVV-2x2,5mm².
- Cáp dấu nối tiếp địa bộ đèn : từ tiếp địa cần đèn thiết kế lên các đèn chiếu sáng dùng loại cáp đồng 1 ruột bọc cách điện PVC, vỏ PVC, ký hiệu CVV-(1x2,5)mm².

CHƯƠNG 2

ĐIỀU KIỆN MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

2.1.1. Điều kiện về địa lý, địa chất

2.1.1.1. Đặc điểm địa hình, địa mạo

Hiện trạng khu vực dự án “Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Hà Thanh” có địa hình tương đối bằng phẳng, địa hình có hướng dốc từ hướng Tây Bắc sang hướng Đông Nam. Cao độ trung bình khoảng 5.0m.

2.1.1.2. Điều kiện về khí hậu, khí tượng khu vực

- Theo phân vùng khí hậu tỉnh Khánh Hòa, thị xã Ninh Hòa nằm trong tiểu vùng khí hậu II3- thuộc vùng đồng bằng ven biển, mang đặc trưng của khí hậu nhiệt đới gió mùa, chịu ảnh hưởng của khí hậu Đại dương. Một năm chia 2 mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô.

- Mùa mưa: bắt đầu từ tháng 9 đến tháng 12, trong thời gian này chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông bắc, khí hậu hơi lạnh, mưa nhiều, lượng mưa chiếm 80% tổng lượng mưa cả năm.

- Mùa khô: kéo dài từ tháng giêng đến tháng 8 hàng năm, lượng mưa chỉ chiếm 20% tổng lượng mưa cả năm, nắng hạn gay gắt, gây khô hạn và ảnh hưởng xấu đến sản xuất và đời sống nhân dân trong vùng.

a. Nhiệt độ:

Nhiệt độ theo số liệu trạm Quan trắc Ninh Hòa và trạm Khí tượng Nha Trang cho thấy:

- + Nhiệt độ trung bình năm : 26.6°C
- + Nhiệt độ cao nhất : 39.4°C
- + Nhiệt độ thấp nhất : 14.6°C

b. Nắng:

Số giờ nắng trong năm 2.482 giờ/năm, nắng trung bình khoảng 6,8giờ/ngày.

Tổng nhiệt lượng bình quân trong năm 9.500°C.

Nhìn chung số giờ nắng rất lớn, thuận lợi cho hoạt động du lịch, sản xuất muối, nuôi trồng thủy sản.

c. Mưa :

- + Lượng mưa trung bình năm : 1350mm.
- + Lượng mưa lớn nhất năm : 1600-1800mm.
- + Lượng mưa thấp nhất năm : 1000-1200mm.

d. Độ ẩm không khí :

- + Độ ẩm cao nhất trung bình 70% - 80%.
- + Trung bình thấp nhất tháng 7 và tháng 8 với tỷ lệ 77%.

e. Gió:

Về mùa khô hướng gió thịnh hành là hướng Tây, tốc độ gió thường từ 5-10m/s, khu vực Dục Mỹ có khi đạt tới 20m/s. Mùa mưa hướng gió thịnh hành là hướng Bắc và Tây Bắc.

f. Bão lụt:

+ Khu vực Ninh Hòa chịu ảnh hưởng của bão nhiều hơn các khu vực khác trong tỉnh, hệ thống sông ngòi ngắn và dốc, mưa bão tập trung nên thường xuyên gây ngập lụt vào mùa mưa bão.

2.1.2. Đặc điểm địa chất công trình

Công tác khoan khảo sát trong bước lập Dự án đầu tư được bố trí 8 hố khoan, các lớp đất đá được phân chia và sắp xếp từ trên mặt đất xuống đến độ sâu 5.0m như sau :

- Lớp 1: lớp mặt (Sét pha, trạng thái dẻo cứng).

+ Độ sâu xuất hiện mặt lớp từ 0.0m và độ sâu xuống đáy lớp 0.3m, bề dày trung bình 0.3m

+ Thành phần chủ yếu là lớp mặt Sét pha màu xám nâu, nâu nhạt, xen lẫn cát sạn, trạng thái dẻo cứng, nguồn gốc bồi tích.

- Lớp 2: Sét. Trạng thái dẻo cứng đến cứng.

+ Độ sâu xuất hiện mặt lớp 0.3m đến độ sâu xuống đáy lớp 3.0-5.0m, bề dày của lớp thay đổi từ 2.7 đến 4.7m; bề dày trung bình 4.15m.

+ Thành phần chủ yếu Sét màu vàng nhạt, vàng nghệ, trạng thái dẻo cứng đến cứng, nguồn gốc bồi tích ;

+ Giá trị SPT: 9-39.

Giá trị SPTtb : $N = 19.2$

Độ cổ kết : dẻo cứng đến cứng

Cường độ chịu tải quy ước : $R = 1.5-2.0 \text{ kg/cm}^2$.

- Lớp 3: Sét pha chứa dăm sạn. Trạng thái cứng

+ Độ sâu xuất hiện mặt lớp từ 3.0-3.8m đến độ sâu xuống đáy lớp 5.0m, bề dày trung bình 1.57m

+ Thành phần chủ yếu là Sét pha chứa dăm sạn màu xám nâu, vàng nhạt, đất có tính dẻo thấp, trạng thái chặt, phần cuối lớp đôi chỗ còn nguyên hình đá gốc có kích thước 5cm đến 10cm, nguồn gốc tàn tích ;

+ Giá trị SPTtb: $N > 50.0$

Độ cổ kết: cứng

Cường độ chịu tải quy ước : $R = 2.5-3.0 \text{ kg/cm}^2$.

2.2.2. Hiện trạng tài nguyên sinh vật

Hiện nay, tại khu vực dự án chưa có báo cáo tổng hợp, đề tài nghiên cứu nào về tài nguyên sinh vật. Vì vậy, số liệu, thông tin về tài nguyên sinh vật sẽ được tham khảo từ việc khảo sát thực tế. Qua khảo sát, nhận thấy thực vật tại khu vực dự án khá nghèo nàn, tính đa dạng sinh học không cao, không có loài động, thực vật đặc hữu hay có nguy cơ tuyệt chủng cần phải bảo vệ. Cụ thể:

- Về thực vật: chủ yếu là đất canh tác nông nghiệp (đất lúa) của người dân.
- Về động vật: chủ yếu là một số loài chim, côn trùng, bò sát.

CHƯƠNG 3

ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

Dự án “Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Hà Thanh” sẽ có ảnh hưởng tích cực đến việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tuy nhiên, những hoạt động này có khả năng gây một số tác động tiêu cực tới môi trường, các tác động ở mức độ cao sẽ gây nên xáo trộn các yếu tố môi trường, thay đổi cảnh quan và đối tượng cuối cùng chịu ảnh hưởng là sức khoẻ cộng đồng và tài nguyên thiên nhiên khu vực.

Theo từng giai đoạn, các hoạt động diễn ra khác nhau nên yếu tố tác động đến môi trường và nguồn gây ô nhiễm cũng sẽ thay đổi. Do vậy, chúng tôi sẽ đánh giá tác động của từng giai đoạn, cụ thể:

- Giai đoạn chuẩn bị: giải phóng mặt bằng;
- Giai đoạn xây dựng;
- Giai đoạn hoạt động.

3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án

3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động

Bảng 3.1. Các hoạt động và nguồn gây tác động môi trường có liên quan đến chất thải và không liên quan đến chất thải trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án

STT	Các hoạt động	Nguồn gây tác động liên quan đến chất thải	Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải
1	Hoạt động đền bù, hỗ trợ người dân các trường hợp còn lại thuộc diện giải tỏa		Ảnh hưởng đến tâm lý, sinh hoạt và kinh tế của người dân.
2	Dọn quang mặt bằng thi công, làm kho bãi	- Bụi, chất thải rắn. - Khí thải từ phương tiện	- Ảnh hưởng đến cảnh quan, thực vật tại khu vực

STT	Các hoạt động	Nguồn gây tác động liên quan đến chất thải	Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải
	lấn trại.	thi công. - Ôn, rung do hoạt động phát quang, phá dỡ nhà cửa.	dự án. - Tai nạn lao động, tai nạn. - Ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của các nhà dân xung quanh dự án.
3	Vận chuyển xà bần	- Bụi, khí thải của xe vận chuyển.	- Môi trường không khí tại khu vực
4	- Bóc đất hữu cơ, san nền khu vực dự án - Vận chuyển đất đắp.	- Bụi, khí thải từ hoạt động đắp đất, san nền. - Khối lượng đất hữu cơ trong quá trình đào nạo vét - Bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển đất đắp, đất đào.	- Ảnh hưởng đến cảnh quan, thực vật tại khu vực dự án. - Tai nạn lao động, tai nạn giao thông.
5	XD hoàn thiện các hạng mục HTKT: hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống điện,...	- Bụi, khí thải từ hoạt động xây dựng; khí thải từ các phương tiện, máy móc, thiết bị thi công,... - Nước thải từ quá trình vệ sinh xe, thiết bị ra vào công trường. - Thùng sơn, khăn dầu phát sinh trong quá trình thi công HTKT.	- Ôn, rung do hoạt động vận chuyển, xây dựng cơ sở hạ tầng. - Ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội. - Ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của các khu dân cư xung quanh dự án.
6	Vận chuyển, lưu trữ	- Bụi, khí thải trong quá	

STT	Các hoạt động	Nguồn gây tác động liên quan đến chất thải	Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải
	nguyên, nhiên vật liệu.	trình vận chuyển.	

3.1.1.1. Tác động do công tác đền bù, di dân, giải phóng mặt bằng

- Công tác giải tỏa, di dời dân sẽ gây tổn thất về kinh tế do phải tháo dỡ toàn bộ nhà cửa, các công trình phụ trợ, di chuyển đồ đạc của người dân, làm ảnh hưởng đến đời sống, tâm lý của các hộ dân.

- Di dời, giải tỏa được xem là vấn đề khó khăn phức tạp nhất đối với các dự án xây dựng hạ tầng. Việc bồi thường cho người đang sống trên khu đất cần giải tỏa nếu không phù hợp sẽ dẫn đến tranh chấp giữa những người này và các cơ quan quản lý địa phương cũng như chủ dự án, từ đó nảy sinh nhiều vấn đề xã hội phức tạp và làm chậm tiến độ của dự án.

- Việc thu hồi đất sẽ đem lại cho người dân một khoản tiền lớn. Tuy nhiên, một bộ phận người dân lâu nay sống phụ thuộc vào nông nghiệp, thiếu vốn xã hội, vốn con người, thiếu bằng cấp, trình độ chuyên môn hay tuổi tác cao nên nay không thể tìm được việc làm hay không có đủ việc làm, gây ra áp lực lớn trong việc chuyển đổi ngành nghề.

- Đời sống vật chất và tinh thần của phần lớn người dân có đất bị thu hồi trên địa bàn sau khi bị thu hồi khá hơn trước đây. Mặc dù đây được xem là dấu hiệu tích cực nhưng hệ quả xấu có thể xảy ra là sự cải thiện này mới là vẻ bề ngoài bởi lẽ người dân có sẵn tiền bồi thường, do chưa biết cách đầu tư sản xuất kinh doanh hoặc đầu tư sai mục đích sẽ không còn nguồn thu nhập nào mang tính ổn định. Do đó, sự phát triển bền vững của các hộ bị thu hồi đất có thể chưa thực sự đảm bảo.

- Việc thu hồi đất canh tác của các hộ dân trong thời kì chuyển giao sẽ tạo ra một lực lượng lao động dư thừa, thất nghiệp, có tác động lớn đến tình hình kinh tế xã hội của khu vực. Điều gây ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn thu nhập của người dân. Đồng thời, không tránh khỏi việc phát sinh những tệ nạn xã hội.

- Diện tích chuyên trồng lúa 36.347,47m². Qua khảo sát, thu thập thông tin từ người dân, được biết mùa vụ canh tác trong những năm gần đây không ổn định (chỉ 1 đến 2 vụ/năm); phụ thuộc vào điều kiện thời tiết; chính vì vậy hầu hết người dân

chuyển đổi sang các ngành nghề khác. Do đó, việc thu hồi đất có thể xem như không tác động quá lớn đến đời sống của người dân. Mặt khác còn mở ra những cơ hội đầu tư mới cho các hộ dân trong diện bị thu hồi.

3.1.1.2. Tác động đến môi trường không khí

(1) Tác động đến không khí do công tác đào, đắp

Bụi phát sinh từ hoạt động đào, đắp đất san nền, thi công đường và hệ thống thoát nước trong giai đoạn thi công có thể gây ra những tác động như sau:

- *Làm suy giảm chất lượng môi trường không khí:*

+ Trong quá trình đào, đắp đất các phần tử bụi có kích thước và trọng lượng lớn sẽ nhanh chóng rơi xuống đất dưới tác dụng của trọng lực. Các phần tử bụi có kích thước và trọng lượng nhỏ sẽ bay lơ lửng trong không khí và phát tán đi xa, đây chính là thành phần gây tác động mạnh đến chất lượng không khí xung quanh. Vào những ngày thời tiết hanh khô, nắng, không có gió hoặc gió nhẹ, mức độ phát tán bụi không lớn, những ngày có gió lớn, bụi, khí thải phát tán đi xa theo chiều gió thổi làm phạm vi ảnh hưởng chất lượng môi trường không khí bị mở rộng.

- *Gây tác động đến sức khỏe của công nhân, dân cư ven khu vực dự án:*

+ Bụi lơ lửng khi tiếp xúc có thể gây dị ứng, xâm nhập vào cơ thể gây ra các bệnh về đường hô hấp, nếu tiếp xúc lâu dài có thể lắng đọng, tích tụ gây xơ hóa phổi. Bụi còn làm giảm chất lượng môi trường sống của con người do bám vào thức ăn, nước uống, làm bẩn nhà cửa và các vật dụng trong gia đình của người dân.

+ Đối tượng tác động là công nhân thi công và dân cư xung quanh.

(2) Bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển

Trong giai đoạn thi công, hoạt động vận chuyển bao gồm: vận chuyển vật liệu xây dựng, cát đắp, đất thừa không tận dụng.

Các tuyến đường vận chuyển chủ yếu theo đường Quốc Lộ 26B và đường QL1A để tiếp cận dự án.

Dọc theo các tuyến đường này, dân cư đông đúc nên hoạt động vận chuyển có tác động đáng kể đến nhà dân dọc đường, người tham gia giao thông, dễ xảy ra ùn tắc và TNGT.

Ngoài ra, hoạt động vận chuyển còn gây xuống cấp, hư hỏng các tuyến đường giao thông mà xe vận chuyển đi qua nếu như không có biện pháp sửa chữa, khắc phục kịp thời. Một ảnh hưởng khác là tăng lượng xe lưu thông trên các tuyến đường, hai bên đường nhiều nhà dân dễ xảy ra tai nạn giao, vì vậy cần có biện pháp điều động xe hợp lý.

(3) Bụi phát sinh do hoạt động trải cấp phối đá dăm thi công đường

Đối tượng chịu tác động chính trong giai đoạn này là khu dân cư xung quanh và công nhân thi công. Hoạt động rải cấp phối đá dăm diễn ra trong thời gian ngắn nên tác động của bụi được giảm đi đáng kể và sẽ chấm dứt khi công tác này hoàn tất.

(4) Tác động từ khí thải máy móc thi công

Đối tượng bị tác động trực tiếp do quá trình vận hành của các thiết bị thi công là công nhân làm việc trong khu vực, nhà dân gần khu vực có máy móc thi công. Các khí HC, NOx gây ảnh hưởng đến hệ hô hấp của công nhân, có thể dẫn đến tai nạn lao động. Do đó cần trang bị khẩu trang bảo hộ để hạn chế sự tác động do hoạt động của các thiết bị thi công đến công nhân.

3.1.1.3. Tác động của tiếng ồn và độ rung

(1) Tiếng ồn từ các thiết bị thi công và phương tiện vận chuyển.

Trong quá trình xây dựng, việc vận chuyển nguyên vật liệu, việc đào đắp và các giai đoạn thi công đều sử dụng máy móc trang thiết bị. Tất cả các loại máy móc này đều phát sinh tiếng ồn đáng kể.

Quá trình chuẩn bị mặt bằng cũng như xây dựng các công trình phụ trợ làm phát sinh tiếng ồn, rung chủ yếu từ các loại phương tiện vận chuyển, thi công cơ giới như máy đào, máy trộn bê tông, xe tải, máy ủi,...

Dựa trên các tài liệu trong và ngoài nước chúng tôi thống kê mức độ ồn do máy móc thiết bị hoạt động trong khi thi công theo bảng

Bảng 3.2. Mức ồn sinh ra từ hoạt động của các thiết bị thi công trên công trường

STT	Hệ thống máy thi công	Độ ồn (dBA) (cách nguồn ồn 15 m)	
		Tài liệu 1	Tài liệu 2
1	Máy trộn bê tông	75 - 88	75
2	Máy đầm nén	72 - 74	-
3	Xe tải nặng	82 - 94	-
4	Bơm bê tông	80 - 83	-
5	Máy xúc gầu ngược	72 - 84	-
6	Máy cạp đất	77 - 95	

Nguồn: Tài liệu (1) Mackernize, L.Da, 1985; Tài liệu (2) Nguyễn Đình Tuấn.

Trên thực tế, khu vực công trường có rất nhiều nguồn và các hoạt động phát sinh tiếng ồn khác nhau, chúng cộng hưởng với nhau, do đó tiếng ồn trong thực tế sẽ lớn hơn. Độ ồn cần được bổ sung do cộng hưởng được trình bày trong bảng.

Bảng 3.3. Độ ồn cần được bổ sung khi có nhiều hoạt động xảy ra tại một vị trí

Sự khác nhau giữa các độ ồn (dB)	Độ ồn cần bổ sung (dB)	Sự khác nhau giữa các độ ồn (dB)	Độ ồn cần bổ sung (dB)
0	3,0	7	0,8
1	2,6	8	0,6
2	2,1	10	0,4
3	1,8	12	0,3
4	1,5	14	0,2
5	1,2	16	0,1
6	1,0		

(Nguồn: Lê Trình – Đánh giá tác động môi trường – Phương pháp và ứng dụng)

Như vậy, độ ồn của các phương tiện, máy móc trên công trường khi có sự cộng hưởng ở mức lớn nhất được trình bày trong bảng sau đây:

Bảng 3.4. Tiếng ồn của máy móc thi công khi có sự cộng hưởng ở mức lớn nhất

Thiết bị, phương tiện	Tiếng ồn (dB)	Thiết bị, phương tiện	Tiếng ồn (dB)
Máy trộn bê tông	78 – 91	Máy xúc gầu ngược	75 – 87
Máy đầm nén	75 – 77	Máy cạp đất	80 – 98
Bơm bê tông	83 – 86	Xe tải nặng	85 – 97

So với mức ồn cho phép tại khu vực lao động (TCVN 3985 - 1985) và trong khu vực thông thường (QCVN 26:2010/BTNMT) thì các phương tiện thi công nêu trên đều gây ồn vượt mức cho phép (70 dBA). Như vậy các nhà dân dọc theo các tuyến đường và các khu dân cư sẽ chịu ô nhiễm tiếng ồn do các xe tải phục vụ dự án gây ra.

Mức ồn cao sẽ gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của con người như gây mất ngủ, mệt mỏi, tạo tâm lý khó chịu. Tiếng ồn còn làm giảm năng suất lao động, sức khỏe của công nhân viên làm việc tại công trường. Tiếp xúc với tiếng ồn trong thời gian dài có thể làm cho thích lực giảm sút, dẫn tới bệnh diếc nghề nghiệp.

Do hoạt động của các máy móc, thiết bị trong giai đoạn này cùng diễn ra tại một khu vực và thường vào cùng thời điểm nên khoảng cách tiếng ồn đạt được tiêu chuẩn cho phép sẽ tăng lên. Tuy nhiên, mức độ tăng lên không lớn do độ ồn tổng hợp tại một điểm không phải là tổng của các độ ồn do các máy móc thiết bị gây ra tại điểm đó.

Trong thực tế, các công trình nhà cửa và cây cối sẽ hấp thụ một phần hoặc phản xạ một phần tiếng ồn và do đó mức độ suy giảm độ ồn sẽ nhanh hơn và phạm vi chịu ô nhiễm tiếng ồn sẽ thấp hơn đặc biệt là đối với các khu dân cư có nhiều công trình nhà cửa.

(2) Rung động

Trong quá trình xây dựng, rung động phát sinh chủ yếu từ máy móc thi công, các phương tiện vận tải trên công trường, máy phát điện, máy đầm, ...là chủ yếu. Mức rung được trình bày trong bảng

Bảng 3.5. Mức rung của các phương tiện thi công (dBA)

STT	Thiết bị thi công	Mức rung cách máy 10m (dB)	Mức rung cách máy 30m (dB)	Mức rung cách máy 60m (dB)
1.	Máy trộn bê tông	88	73	63
2.	Máy san ủi	79	69	59
3.	Cần trục, cần cẩu	86	75	65
4.	Xe tải	74	64	54
5.	Máy phát điện	85	77	67
QCVN 27-2010/BTNMT		75 (dBA) (6h00 – 18h00)		

Ghi chú: QCVN 27-2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung trong hoạt động xây dựng khu ở khu vực thông thường.

Kết quả từ bảng trên cho thấy, mức rung từ các phương tiện máy móc, thiết bị thi công không đảm bảo giới hạn cho phép đối với khu vực thi công và khu dân cư trong khoảng 30m trở lại, song hoàn toàn nằm trong giới hạn cho phép đối với các khu dân cư ở khoảng 60m trở lên theo quy định của QCVN 27-2010.

3.1.1.4. Tác động đến môi trường nước

(1) Nước thải sinh hoạt trong quá trình thi công

Thành phần các chất gây ô nhiễm chủ yếu trong nước thải sinh hoạt gồm: các chất cặn bã, các chất rắn lơ lửng, các chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng và vi sinh vật gây bệnh (Coliform, E.coli).

Lượng nước thải sinh hoạt trong quá trình thi công nếu không được thu gom xử lý phù hợp mà để chảy tự do là điều kiện phát triển các mầm bệnh, gây ảnh hưởng mỹ quan khu vực.

Dự kiến số lượng công nhân thi công cho từng giai đoạn vào khoảng 100 người. Với định mức nước cấp sinh hoạt là 100 lít/người.ngày. Như vậy, tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thi công xây dựng dự án khoảng 10 m³/ngày (lượng nước thải được tính bằng 100% lượng nước cấp).

(2) Nước thải trong quá trình thi công xây dựng

- Tác động đến môi trường nước do quá trình chuẩn bị mặt bằng chủ yếu do nước thải sinh hoạt của công nhân trong quá trình phá dỡ công trình, cây cối. Thành phần các chất gây ô nhiễm chủ yếu trong nước thải sinh hoạt gồm: các chất cặn bã, các chất rắn lơ lửng, các chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng và vi sinh vật gây bệnh (Coliform, E.coli). Nước thải sinh hoạt chứa nhiều chất hữu cơ dễ phân hủy, chứa lượng lớn các vi khuẩn Coli và các vi khuẩn gây bệnh khác.

Nước thải trong quá trình thi công xây dựng chủ yếu là từ quá trình làm mát thiết bị, dưỡng hồ bê tông ... thành phần của nước thải này chủ yếu chứa nhiều cặn lắng, vật liệu thải, dầu mỡ, đất, cát...lượng nước thải này nếu không có đường ống thu gom về hồ lắng để lắng sơ bộ mà cho chảy theo các mương rãnh thoát nước dễ gây nên tình trạng tắc nghẽn

Ngoài ra, nước thải lẫn dầu nếu không thu gom xử lý mà xả trực tiếp vào môi trường nước tạo thành màng dầu, làm giảm quá trình quang hợp của tảo, phiêu sinh vật, gây cạn kiệt oxy của nước, một phần nhỏ hòa tan vào nước hoặc tồn tại ở dạng nhũ tương, dầu khi lắng xuống sẽ tích tụ trong bùn đáy. Nước ô nhiễm dầu gây mất khả năng tự làm sạch của nguồn nước, sẽ giết chết các vi sinh vật phiêu sinh, vi sinh vật đáy tham gia vào quá trình tự làm sạch, tác động tiêu cực đến đời sống thủy sinh nếu không có biện pháp giảm thiểu hiệu quả.

(3) Tác động do nước mưa chảy tràn

Trong quá trình thi công xây dựng, lưu lượng nước mưa chảy tràn trên diện tích dự án có thể gây nên các tác động tiêu cực như:

- Khi lượng mưa tập trung lớn thì nguồn nước mưa chảy tràn cuốn theo đất cát, rác... ứ đọng lại các khu vực đào móng. Trong giai đoạn xây dựng khi công trình chưa hoàn thiện có thể gây các tác động nhất định đến chất lượng đất tại khu vực thi công, gây nên ngập úng cản trở hoạt động của các phương tiện thi công tại công trình.

Tính toán lượng mưa phát sinh trong khu vực dự án như sau:

Công thức tính toán lưu lượng cực đại nước mưa chảy tràn:

$$Q=0,278.K.I.A$$

Trong đó:

+ Q: Lưu lượng cực đại(m³/ngày)

+ K: Hệ số chảy tràn phụ thuộc vào đặc điểm bề mặt, chọn $K = 0,7$

+ I: lượng mưa trung bình ngày lớn nhất (mm/ngày), $I = 160 \text{ mm/ngày} = 0,160 \text{ m/ngày}$; (Nguồn: Đài KTTV khu vực Nam Trung Bộ năm 2012)

+ A: Diện tích toàn lưu vực, $A = 7,038 \text{ ha} = 70.038 \text{ m}^2$

Bảng 3.6. Hệ số chảy tràn của nước mưa (theo Trịnh Xuân Lai, 2000)

Đặc điểm bề mặt	K
Vùng thị tứ	0,70 – 0,95
Vùng dân cư	0,50 – 0,70
Vùng nhà riêng lẻ	0,30 – 0,70
Khu công viên nghỉ trang	0,10 – 0,25
Đường có lát nhựa	0,80 – 0,90
Bãi cỏ, phụ thuộc vào độ dốc và tầng	0,10 – 0,25

Tính toán lượng mưa lớn nhất trung bình ngày

$$Q_{\text{max/ngày}} = 0,278 \times 0,7 \times 0,16 \times 70.038 = 2.180,7 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

- Ngoài ra, trong quá trình xây dựng đất cát để đắp đất san nền chưa được đầm chặt cũng sẽ bị cuốn trôi theo dòng nước mưa xuống làm tắc nghẽn các cống thoát nước.

Lượng nước mưa này tuy không chứa các thành phần gây ô nhiễm cao, nhưng nếu không được khơi thông sẽ gây ngập úng trong khu vực dự án. Nước ngập úng làm tăng khả năng ô nhiễm nguồn nước và là môi trường phát triển các loài kí sinh gây bệnh gây ảnh hưởng đến hoạt động xây dựng và sinh hoạt của công nhân đồng thời nó còn là nguyên nhân gây sạt lún khu vực thi công và cản trở công tác di chuyển của các phương tiện tại dự án.

➤ Đánh giá tác động đến môi trường do nước thải

Bảng 3.7. Các tác động do nước thải đến nguồn nước mặt

STT	Thông số	Tác động
1	Các chất hữu cơ	- Giảm nồng độ oxy hoà tan trong nước; - Ảnh hưởng đến đời sống các thủy sinh vật.

STT	Thông số	Tác động
2	Chất rắn lơ lửng	- Tăng độ đục, ảnh hưởng đến chất lượng nước cũng như ngăn cản quá trình quang hợp của thực vật nước.
3	Dầu mỡ	- Ảnh hưởng đến chất lượng nước, nồng độ oxy hoà tan trong nước; - Ảnh hưởng đến đời sống thủy sinh vật, có thể gây chết.
4	Các chất dinh dưỡng (N,P)	- Gây hiện tượng phú dưỡng, ảnh hưởng đến chất lượng nước, sự sống và phát triển của thủy sinh vật đặc biệt là sinh vật phù du.
5	Các vi khuẩn gây bệnh	- Làm tăng mật độ vi khuẩn trong môi trường nước, làm tăng khả năng gây bệnh trong cộng đồng dân cư.

3.1.1.5. Tác động đến môi trường đất

Sự hình thành và xây dựng dự án tác động mạnh đến mục đích sử dụng đất của dân cư khu vực dự án, gây ảnh hưởng đến thảm thực vật và hệ sinh thái tại khu vực, phá bỏ diện tích canh tác nông nghiệp của người dân do chịu tác động từ các hoạt động phát quang, đào, đắp, san lấp mặt bằng để triển khai dự án.

Hoạt động của máy móc thiết bị thi công xây dựng; việc tập kết, lưu trữ nhiên, nguyên vật liệu; hoạt động vận hành thử các hạng mục thiết bị và sinh hoạt của công nhân tại công trường sẽ làm phát sinh các chất thải gây ô nhiễm môi trường đất như: nước thải, chất thải rắn, nguyên nhiên vật liệu, dầu mỡ rơi vãi, rò rỉ....;

Việc xảy ra sự cố cháy nổ nhiên liệu trên khu vực dự án có thể lan truyền ảnh hưởng ô nhiễm môi trường đất nghiêm trọng đến các khu vực lân cận của dự án.

Nhìn chung ảnh hưởng của quá trình thi công xây dựng hạ tầng khu tái định cư tác động đến môi trường đất chủ yếu hủy hoại thảm thực vật tại khu vực. Ngoài ra, việc phát triển khu dân cư nâng giá trị đất tại khu vực giúp phát triển kinh tế xã hội của khu vực.

3.1.1.6. Tác động do chất thải rắn

(1) Chất thải sinh hoạt

Trong quá trình thi công xây dựng, do việc tập trung nhiều công nhân làm phát sinh rác thải sinh hoạt tại khu vực công trường. Rác thải sinh hoạt này nhìn chung là những loại chứa nhiều chất hữu cơ, dễ phân hủy (trừ bao bì, nylon).

Theo ước tính, mỗi công nhân làm việc tại công trường thải ra từ 0,8 – 1 kg rác sinh hoạt mỗi ngày. Vậy với 100 công nhân lao động tại công trường thì tổng lượng rác sinh hoạt phát sinh trong quá trình thi công xây dựng dự án là khoảng 80 - 100 kg/ngày.

Mặt dù khối lượng rác thải sinh hoạt không quá lớn nhưng nếu không có biện pháp thu gom xử lý hợp lý mà vứt bừa bãi thì khả năng tích tụ trong thời gian xây dựng ngày càng nhiều và gây tác động đến chất lượng không khí do phân hủy chất thải hữu cơ cũng như tác động đến nguồn nước mặt do tăng độ đục nguồn nước, cản trở dòng chảy, gây bồi lắng. Ngoài ra, còn tạo điều kiện cho các vi sinh vật gây bệnh phát triển, gây nguy cơ phát sinh và lây truyền mầm bệnh ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân sống xung quanh khu vực dự án. Hơn nữa, lượng chất thải rắn này nếu không được thu gom và xử lý sẽ gây mất mỹ quan, khó chịu dân cư xung quanh và có thể gây các tác động tiêu cực tới môi trường do quá trình phân hủy các chất hữu cơ gây mùi hôi thối và sự cuốn trôi bởi nước mưa chảy tràn.

(2) Chất thải rắn xây dựng

- Chất thải rắn từ hoạt động phá dỡ nhà cửa, cây cối chủ yếu là gạch nát, vữa xây dựng, xà gỗ, la phông, mái tôn... Một số phế liệu như, sắt rỉ, mái tôn, xà gỗ, người dân có thể tận dụng lại hoặc đem bán phế liệu, đối với gạch, vữa xây dựng chúng tôi sẽ tiến hành vận chuyển đem đổ bỏ đúng nơi qui định.

- Bên cạnh, hoạt động chặt phá cây cối cũng phát sinh một lượng lớn các loại cành, lá cây, tuy nhiên các loại chất thải này mang đặc tính của chất thải hữu cơ, dễ phân hủy nên sự tác động là không đáng kể, chúng tôi cũng tiến hành vận chuyển các thân cây lớn, gốc tre ra khỏi khu vực đến nơi lưu giữ hoặc thải bỏ theo qui định.

- Đối với chất thải xây dựng do không thể định lượng chính xác khối lượng từng loại vật liệu (cát, xi măng, gạch, sắt, thép...) nên không có cơ sở tính toán khối lượng chất thải xây dựng phát sinh trong suốt quá trình thi công xây dựng dự án.

- Giai đoạn xây dựng phát sinh nhiều loại chất thải rắn. Các thành phần gồm: xi măng thừa, gạch vụn, cát, đá, gỗ thừa, cofa, sắt thừa, bao bì phế thải, hộp xốp, giấy.

bao ni lông, thực phẩm dư thừa...tuy khối lượng không nhiều nhưng đều gây tác động đáng kể tới môi trường nếu không có biện pháp thu gom và xử lý hợp lý.

- Chất thải rắn này được tận dụng với mục đích khác nhau như: gỗ vụn, sắt thừa sẽ được thu gom và bán cho cơ sở thu mua có nhu cầu. Còn gạch, bê tông vụn và đất, cát dư thuê xe chở đến nơi thải bỏ theo đúng quy định hoặc bán hay cho những nơi có nhu cầu cần san lấp mặt bằng. Đối với chất thải hữu cơ thì hợp đồng với Công ty môi trường đô thị thu gom và vận chuyển đến nơi xử lý tập trung.

(3) Các nguồn phát sinh chất thải nguy hại

Ngoài các chất thải đã nêu ở trên, trong quá trình thi công còn làm phát sinh các loại chất thải như thùng sơn, dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ...

- Dầu mỡ thải: trung bình lượng dầu mỡ thải ra từ các phương tiện thi công là 07 lít/lần thay. Chu kỳ thay dầu trung bình từ 3 – 6 tháng tùy thuộc vào cường độ hoạt động của các phương tiện.

- Giẻ lau dính dầu mỡ: khối lượng khó xác định, nhưng theo kinh nghiệm cho thấy khối lượng thải thường không đáng kể.

Lượng dầu mỡ thải phát sinh nếu không tiến hành thu gom và quản lý tốt lượng dầu mỡ trên sẽ tác động rất lớn đến chất lượng nước mặt.

Dầu mỡ là các hợp chất hydrocacbon khó phân hủy sinh học và có chứa các chất phụ gia độc hại, do vậy khi thải vào nguồn nước lâu ngày sẽ dẫn đến giảm khả năng tự làm sạch của nguồn nước, gây cản trở quá trình khuếch tán oxy vào nguồn nước làm ảnh hưởng đến môi trường sống của hệ sinh thái thủy sinh. Đồng thời, dầu mỡ còn gây độc đối hệ sinh thái và theo chuỗi thức ăn có thể ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

3.1.1.7. Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực dự án

- Tăng dân số và thay đổi nếp sống; Thay đổi giá cả đất đai; Tăng nhu cầu hạ tầng. Những tác động tổng hợp ảnh hưởng tới chất lượng cuộc sống của dân cư ven đường sẽ tăng lên. Nổi bật nhất là bụi, tiếng ồn, độ rung, đó là nguyên nhân của các chứng bệnh về mắt, về phổi... Bên cạnh đó, lượng xe vận tải phục vụ dự án nhiều dễ xảy ra tai nạn giao thông.

- Mật khác, do tập trung số đông nhân lực từ các nơi khác đến nên có những tác động về mặt an ninh, trật tự khu vực, gia tăng các tệ nạn xã hội.

- Quá trình thi công xây dựng dự án sẽ chuyển đổi mục đích sử dụng đất lâu dài, mà hoạt động đền bù, giải toả có thể ảnh hưởng tới các hoạt động sản xuất, kinh tế (trồng trọt, chăn nuôi) của các hộ dân thuộc diện phải giải toả, di dời, ảnh hưởng tạm thời đến mức thu nhập và các điều kiện sinh sống của người dân.

3.1.1.8. Dự báo tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố của dự án

(1) Tai nạn lao động

Nhìn chung, sự cố tai nạn lao động có thể xảy ra trong bất kỳ một công đoạn thi công xây dựng dự án nguyên nhân của các trường hợp xảy ra sự cố tai nạn lao động trên công trường xây dựng được xác định chủ yếu bao gồm:

- Xảy ra ô nhiễm môi trường trong quá trình thi công gây ảnh hưởng xấu tới sức khoẻ của công nhân. Một vài loại ô nhiễm cấp tính tuỳ thuộc theo thời gian và mức độ tác dụng có khả năng gây mệt mỏi, choáng váng hay ngất cho công nhân trong khi lao động;

- Công việc lắp ráp, thi công và quá trình vận chuyển nguyên vật liệu với mật độ xe, tiếng ồn, độ rung cao có thể gây ra các tai nạn lao động, tai nạn giao thông, ...

- Do thiếu trang bị bảo hộ lao động, hoặc do thiếu ý thức tuân thủ nghiêm chỉnh về nội quy an toàn lao động của công nhân thi công;

- Bất cẩn của công nhân trong vận hành máy móc, thiết bị;

- Tình trạng sức khoẻ của công nhân không tốt: làm việc quá sức gây choáng váng.

Với các nguồn phát sinh ô nhiễm trong quá trình thi công xây dựng dự án trình bày ở trên, thì nguy cơ xảy ra ô nhiễm môi trường có ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ người lao động được đánh giá là cao trong điều kiện thi công nắng nóng và đứng gió.

(2) Tai nạn giao thông

Số lượt xe để vận chuyển lượng đất đá, thiết bị, máy móc trong thời gian thi công dự án sẽ gia tăng, lượng xe này sẽ làm gia tăng mật độ phương tiện lưu thông trong khu vực và kết quả làm gia tăng nồng độ các chất gây ô nhiễm không khí, tiếng ồn, gia tăng nguy cơ tai nạn giao thông trên khu vực. Tuy nhiên chúng tôi cam kết phối hợp với chủ thầu xây dựng kế hoạch điều động xe ra vào hợp lý, yêu cầu các lái xe tuân thủ các quy định về an toàn giao thông, giờ giấc vận chuyển nhằm giảm thiểu các tác động này.

- Áp dụng thêm các biện pháp quản lý trong quá trình vận chuyển sẽ giúp hỗ trợ một phần trong việc khống chế các nguồn phát sinh bụi đất.

(2) Giảm thiểu tác động do hoạt động vận chuyển đất thừa

- Phủ bạt kín xung quanh các thùng xe trong quá trình vận chuyển.

- Vận chuyển theo đúng tải trọng, tốc độ quy định và thường xuyên kiểm tra các phương tiện nhằm đảm bảo luôn ở trong điều kiện tốt nhất về mặt kỹ thuật; dùng nhiên liệu phù hợp với hàm lượng S thấp (0,001%).

- Tưới nước thường xuyên các tuyến đường ra vào dự án:

+ Vào mùa hè: tiến hành phun nước 3-5 lần/ ngày.

+ Vào mùa mưa: chỉ tiến hành phun nước tức thời tại các khu vực phát tán bụi cao.

3.1.2.4. Giảm thiểu tác động từ các máy móc, thiết bị thi công

- Lựa chọn nhà thầu có máy móc, thiết bị tiên tiến.

- Không sử dụng máy móc quá cũ để hạn chế phát sinh khí thải độc hại.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì máy móc và các phương tiện vận chuyển, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật trước khi đưa vào vận hành.

- Máy móc thiết bị thi công và vận chuyển sử dụng đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

- Giảm thiểu ô nhiễm gây ra do khí thải của các phương tiện giao thông vận tải, thiết bị thi công cơ giới:

+ Sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ như: Dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh 0,001%, xăng không pha chì;

+ Không chở quá trọng tải quy định cho phép;

+ Kiểm tra bảo dưỡng động cơ thiết bị đúng định kỳ, nâng cao hiệu suất làm việc của động cơ.

3.1.2.5. Giảm thiểu tiếng ồn và rung động

➤ *Kiểm soát tiếng ồn bằng cách vận hành máy móc, thiết bị hợp lý*

- Hạn chế thi công vào giờ cao điểm, giờ nghỉ ngơi của người dân (từ 12h00 - 13h30 và từ 22h - 6h sáng hôm sau).

- Vận hành máy móc đúng quy trình kỹ thuật, tắt những máy hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết.

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của máy móc, định kỳ bảo dưỡng, bôi trơn máy để hạn chế phát sinh tiếng ồn lớn.

➤ *Bố trí thời gian cũng như vị trí hoạt động của các máy móc, phương tiện gây ồn một cách hợp lý*

- Dẩy nhanh tiến độ thi công để tránh tình trạng phát sinh tiếng ồn cộng hưởng của nhiều thiết bị kéo dài. Không đặt máy phát điện gần nhà dân, bố trí thiết bị gây ồn lớn có khoảng cách ly hợp lý để hạn chế thấp nhất tác động đến khu dân cư.

➤ *Trang bị cho công nhân các dụng cụ chống ồn, rung động*

Công nhân trực tiếp vận hành máy móc thi công được đánh giá là đối tượng chịu tác động mạnh nhất bởi tiếng ồn. Do đó, Công ty sẽ trang bị đầy đủ nút bịt tai chống ồn và găng tay chống rung cho các công nhân trực tiếp vận hành máy móc thi công để hạn chế ảnh hưởng đến sức khỏe.

➤ *Thực hiện giám sát môi trường định kỳ*

Kiểm soát mức độ ảnh hưởng của tiếng ồn và rung động bằng cách tổ chức giám sát môi trường định kỳ để có điều chỉnh kịp thời các biện pháp giảm thiểu.

3.1.2.6. Giảm thiểu tác động do nước thải

(1) Nước thải sinh hoạt của công nhân

- Đơn vị thi công sẽ sử dụng các nhà vệ sinh di động và ký hợp đồng với Công ty Môi trường đô thị thu gom và vận chuyển chất thải tới khu vực xử lý theo quy định. Phương án sử dụng nhà vệ sinh lưu động áp dụng cho dự án xây dựng tuyến đường được đánh giá là phù hợp.

- Xây dựng nội quy cấm phóng uế, vứt rác sinh hoạt, đổ nước thải bừa bãi gây ô nhiễm môi trường.

- Tuyên truyền giáo dục cho cán bộ công nhân về ý thức bảo vệ môi trường xung quanh.

(2) Nước thải xây dựng

- Trong quá trình vận hành và sửa chữa máy móc thiết bị, dầu nhớt sẽ được thu gom một cách triệt để, không để rơi vãi hoặc đổ một cách tùy tiện trên mặt bằng khu vực nhằm giảm thiểu các chất thải này phát thải vào nguồn nước mưa gây ô nhiễm.

- Bố trí cán bộ phụ trách tại khu vực rửa xe để kiểm soát quá trình vệ sinh và kiểm soát nước thải rửa xe, không cho thải trực tiếp ra môi trường.

- Nước thải từ quá trình rửa xe, thiết bị thi công sẽ được thu gom tập trung theo hố gom thoát nước có vải lọc để lọc bỏ đất, đá, cát trong quá trình rửa trước khi cho thoát ra sông.

- Lượng dầu mỡ trong nước thải phát sinh từ vệ sinh thiết bị máy móc sau khi được gom vào hố thu phải được xử lý bằng băng vải thấm dầu và đem đi xử lý như chất thải rắn nguy hại.

- Hạn chế dầu nhớt rơi vãi có thể gây ô nhiễm cho môi trường nước mặt khu vực.

(3) Nước mưa chảy tràn

Đẩy nhanh tiến độ thi công trong mùa khô. Đây là biện pháp căn bản để hạn chế thấp nhất tình trạng ngập úng nếu chưa hoàn tất việc thi công các công trình thoát nước.

- Xây dựng hệ thống tiêu thoát nước kết hợp với công tác san nền cũng như thi công chân kè.

- Sử dụng bơm nước để tăng cường thoát nước vào các ngày mưa lớn và kéo dài tại các khu vực trũng thấp; khi cần thiết có thể đặt các cống tạm thời hoặc chuyển hướng dòng chảy để bảo đảm thoát nước tại khu vực.

- Tổ chức đội vệ sinh thu gom ngay vật liệu rơi vãi trên đường tránh lượng vật liệu rơi vãi bị cuốn trôi gây tắc, bồi lắng dòng chảy.

- Tiến hành nạo vét kịp thời lượng đất cát lắng đọng trong hệ thống mương thoát tạm thời và mương hiện trạng.

3.1.2.7. Giảm thiểu tác động do chất thải rắn

(1) Chất thải rắn sinh hoạt

Tất cả rác sinh hoạt từ công nhân được thu gom và tập trung vào các thùng chứa hoặc bao plastic có dung tích khoảng 10-20 lít sau đó bỏ vào thùng chứa rác ở các nơi tập trung rác trong khu vực.

- Trang bị sọt rác tại các khu lán trại để thu gom rác thải sinh hoạt.

- Hằng ngày sẽ có người đi thu gom rác trên toàn công trường. Nếu lượng rác lớn sẽ thuê Công ty Môi trường đô thị thu gom, vận chuyển đi xử lý, nếu không đáng kể sẽ đốt hoặc chôn lấp tại chỗ.

- Tận dụng tối đa các vật dụng có thể tái sử dụng để giảm thiểu lượng rác thải phát sinh.

- Thường xuyên quét dọn, vệ sinh sạch sẽ tại khu lán trại, không để rác thải rơi vãi, phát tán ra khu vực xung quanh gây mất vệ sinh.

- Tuyên truyền, nhắc nhở công nhân bỏ rác đúng nơi quy định, đặc biệt không vứt rác bừa bãi xuống sông.

(2) Chất thải rắn xây dựng

Toàn bộ chất thải rắn xây dựng sẽ được thu gom, phân loại để có biện pháp xử lý thích hợp. Các phế thải trong xây dựng như: sắt thép vụn, rêu tôn, đinh, bao bì xi măng, gỗ, ván, cây... được nghiên cứu tái sử dụng tối đa, nếu không tái sử dụng được thì thu gom bán phế liệu.

(3) Chất thải nguy hại

➤ Biện pháp xử lý

Chất thải nguy hại được thu gom riêng đối với các loại chất thải khác để có biện pháp xử lý thích hợp, cụ thể:

- Chất thải nguy hại ở dạng lỏng như dầu mỡ thải, cặn sơn... được thu gom chứa trong các thùng chuyên dụng, có đánh dấu bên ngoài.

- Chất thải nguy hại ở dạng rắn như giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn... được chứa trong các túi ni lông buộc kín miệng hoặc các thùng rác có nắp đậy để không cho nước mưa chảy vào, bên ngoài có đánh dấu để dễ nhận biết.

- Hợp đồng với đơn vị thu gom có chức năng đến vận chuyển toàn bộ chất thải nguy hại đi xử lý theo quy định.

➤ Biện pháp quản lý

- Khu vực chứa các chất thải nguy hại được bố trí ở vị trí an toàn (xa nguồn nước, xa khu vực dễ bắt cháy và xa nơi làm việc của công nhân), phải có mái che và đặt trên nền đất cao hơn khu vực xung quanh để không cho nước mưa chảy tràn qua.

- Chủ đầu tư yêu cầu các nhà thầu phải có giấy đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại và phải có bản hợp đồng ký kết với đơn vị thu gom chất thải nguy hại có chức năng.

3.1.2.8. Giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội khu vực dự án

- Khi kết thúc thi công từng hạng mục công trình, mặt bằng thi công sẽ được thu dọn sạch sẽ để đảm bảo không còn chướng ngại vật nào có thể gây cản trở hoạt động giao thông trên cả đường thủy và đường bộ.

- Thực hiện tốt các giải pháp giảm thiểu tác động đến môi trường tự nhiên trên tuyến thi công.

- Quá trình thi công tuyệt đối không xâm phạm vào các khu đất ngoài phạm vi giải phóng mặt bằng khi chưa được sự đồng ý của cộng đồng, chính quyền địa phương và các cơ quan có thẩm quyền.

- Phổ biến và tuyên truyền các quy định pháp luật cho công nhân, nghiêm cấm và xử lý kịp thời các trường hợp công nhân gây rối an ninh trật tự tại địa phương.

- Phối hợp với chính quyền địa phương trong việc ngăn ngừa và đấu tranh chống tệ nạn xã hội.

- Ưu tiên sử dụng công nhân xây dựng tại địa phương nhằm hạn chế bớt những tác động đến môi trường như xây dựng lán trại, giảm thiểu các chất thải của công nhân xây dựng đến môi trường; những tác động đến tình hình hình trật tự, trị an tại khu vực dự án do sử dụng công nhân ở nơi khác đến xây dựng.

- Trong quá trình thi công xây dựng, chủ thầu thi công phải chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát công nhân tuân thủ chặt chẽ những quy định đã đặt ra nhằm đảm bảo trật tự trị an tại khu vực dự án.

- Nghiêm cấm công nhân phóng uế bừa bãi, vứt rác không đúng nơi quy định.

- Ban hành nội quy để công nhân tuân thủ các qui định, giữ gìn vệ sinh môi trường trong quá trình thi công.

- Chúng tôi yêu cầu công nhân đang thi công tại công trường sử dụng các nhà vệ sinh hợp vệ sinh do nhà thầu trang bị để giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Bảo quản nhiên liệu đúng qui trình, hạn chế rò rỉ, phát tán ra môi trường ngoài.

- Đặt các thùng chứa rác tại các công trường và lán trại. Tiến hành thu gom rác thải về nơi tập trung và hợp đồng với công ty môi trường đô thị vận chuyển về bãi rác tập trung của địa phương.

3.1.2.9. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án

(1) Tai nạn lao động

- Lập đội kiểm tra an toàn lao động và vệ sinh môi trường tại công trường để nhắc nhở công nhân tuân thủ các quy định an toàn, vệ sinh môi trường.

- Xây dựng và ban hành nội quy làm việc tại công trường bao gồm nội quy ra vào công trường, nội quy về an toàn lao động, các quy định về việc sử dụng các thiết bị máy móc.

- Trang bị đầy đủ và đúng chủng loại các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân như quần áo, găng tay, khẩu trang, kính, ủng...

- Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng trang thiết bị bảo hộ lao động đúng cách. Xử lý nghiêm công nhân không mang bảo hộ lao động khi làm việc.

- Tất cả các máy móc vận hành phải tuyệt đối tuân theo qui trình thao tác và an toàn hiện hành. Hệ thống điện ở hiện trường phải bố trí hợp lý, nghiêm chỉnh chấp hành các qui định an toàn sử dụng điện. Phải có công nhân chuyên môn phụ trách hệ thống điện.

- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi lập đồ án tổ chức thi công như xây dựng lán trại tạm hoặc thuê chỗ trọ để đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ cho công nhân (nghỉ ngơi, tắm rửa, nhà vệ sinh ...).

- Các địa chỉ cần thiết liên hệ khi có sự cố sẽ được ghi rõ ràng như: địa chỉ và số điện thoại của bệnh viện, ...

(2) Tai nạn giao thông

- Lắp đặt các biển báo, cảnh báo cho người dân trong vùng biết nơi công trình đang xây dựng để hạn chế tốc độ vận chuyển của các phương tiện giao thông khi qua lại khu vực.

- Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu khi đi vào khu vực đông dân cư phải giảm tốc độ < 5km/h, và bắt còi báo hiệu để cảnh báo cho người dân.

(3) Sự cố rò rỉ nguyên nhiên vật liệu và cháy nổ

➤ An toàn về điện

- Khi sử dụng thiết bị điện, nhà thầu phải kiểm tra công suất của thiết bị phù hợp với khả năng chịu tải của nguồn và dây dẫn.

- Bọc kín các điểm tiếp nối điện bằng vật liệu cách điện tốt để phòng cháy nổ do chập điện.

- Bố trí khu vực chứa nhiên liệu phải ở vị trí phù hợp, cách ly riêng biệt, tránh xa các nguồn có khả năng phát ra tia lửa, lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây cháy nổ (như các kho chứa nhiên liệu xăng dầu..).

- Thường xuyên thực hiện công tác giám sát, kiểm tra tại các khu vực kho chứa nhiên liệu để phát hiện và có biện pháp khắc phục kịp thời các nguy cơ xảy ra cháy nổ.

- Trang bị các phương tiện chữa cháy tại khu vực làm việc (bình bột, bình CO₂, bơm nước, các khâu móc giạt); đảm bảo các trang thiết bị đó luôn ở trong điều kiện sẵn sàng đáp ứng khi cần thiết. Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn công tác phòng cháy chữa cháy cho công nhân viên làm việc tại công trường.

➤ **Hạn chế rò rỉ nhiên liệu**

- Khu vực chứa nhiên liệu phải có nền cao hơn so với khu vực xung quanh, đảm bảo khoảng cách ly an toàn đối với khu vực bảo quản nhiên liệu;

- Nhiên liệu phải được đựng hoặc chứa trong các thùng chuyên dụng, đảm bảo kín, không gây rò rỉ;

- Xây dựng nội quy phòng cháy chữa cháy và có kế hoạch ứng cứu sự cố cháy nổ.

3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

(1) Tác động tích cực

Dự án được thực hiện sẽ có tác động thúc đẩy sự phát triển cả về kinh tế và xã hội của khu vực. Giảm thời gian và chi phí hoạt động của xe, giảm thời gian đi lại cho người dân, khách du lịch ...

Mức sống của dân cư ngày càng được cải thiện nên nhu cầu về sinh hoạt và giải trí của người dân không ngừng được nâng cao, cơ sở hạ tầng kỹ thuật hiện đại không những tạo ra diện mạo đô thị văn minh mà còn hỗ trợ các nhà đầu tư trong các lĩnh vực giáo dục, văn hóa, y tế, thể thao, và các lĩnh vực kinh doanh giải trí, thương mại, góp phần nâng cao chất lượng và nhu cầu ngày càng tăng của người dân trong khu vực.

Đem đến tiềm năng và những thuận lợi về giao lưu thương mại, văn hóa xã hội, dịch vụ hành chính không chỉ trong khu vực Thị xã mà còn ở các vùng lân cận, tạo ra nhiều việc làm mới cho người dân khu vực.

Dự án góp phần hoàn chỉnh hệ thống giao thông của thị xã, giúp cho người dân có môi trường sống tốt hơn, thuận lợi để kinh doanh phát triển và làm giảm ô nhiễm môi trường nhờ hệ thống đường sá, hệ thống hạ tầng kỹ thuật quy mô và đồng bộ.

(2) Tác động tiêu cực

Quy hoạch khu dân cư trong giai đoạn hoạt động có tác động không nhỏ đến môi trường, việc phát sinh một lượng chất thải rắn và nước thải sinh hoạt làm gia tăng áp lực lên khu vực tiếp nhận nguồn thải.

Quy hoạch khu dân cư dẫn tới gia tăng dân số cơ học tại khu vực dẫn đến vấn đề quản lý an ninh trật tự xã hội tại khu vực trở nên khó khăn hơn.

3.3. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

Đánh giá tác động của dự án tới các đối tượng chịu tác động đều tuân theo một trình tự:

- Xác định tính và định lượng (nếu có thể) nguồn gây tác động theo từng hoạt động hoặc từng thành phần của các hoạt động gây tác động của dự án.

- Xác định qui mô không gian và thời gian của các đối tượng bị tác động. Đánh giá tác động dựa trên quy mô nguồn gây tác động, quy mô không gian, thời gian và tính nhạy cảm của các đối tượng chịu tác động.

- Các đánh giá không chỉ xem xét tới các tác động trực tiếp từ các hoạt động của dự án mà còn xem xét tới những tác động gián tiếp và tiềm tàng như hậu quả của những biến đổi của các yếu tố môi trường với các tác động này.

- Các công cụ đánh giá tác động môi trường là các phương pháp đã được trình bày và đánh giá ở trên. Kết quả đánh giá là tin cậy. Do đó, việc đánh giá các tác động, quy mô và mức độ tác động của dự án tới môi trường đối với từng giai đoạn thực hiện của dự án là thực tế.

- Chủ dự án cũng đã có những cam kết trình bày trong phần kết luận và kiến nghị của báo cáo này để thực hiện tốt các biện pháp giảm thiểu và phòng ngừa ô nhiễm được đề ra nhằm đảm bảo phát triển dự án về bảo vệ môi trường khu vực.

- Các đánh giá trên được thực hiện trên các cơ sở lý thuyết của các yếu tố ô nhiễm tác động lên đối tượng cụ thể trong hoạt động của dự án và so sánh với các số liệu đo đạc cụ thể đã được thực tế kiểm nghiệm và dự đoán hậu quả.

(1) Cam kết thực hiện các chương trình quản lý

Chúng tôi cam kết thực hiện thực hiện các nội dung đã được đề cập trong chương trình quản lý môi trường đã được trình bày tại chương 3.

(2) Cam kết thực hiện các chương trình giám sát

Chúng tôi cam kết thực hiện thực hiện các chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn xây dựng như đã trình bày trong báo cáo.

Các thông số giám sát cũng như tần suất giám sát đã được trình bày tại chương 4 của báo cáo. Công tác quan trắc này được thực hiện bởi một đơn vị có chức năng và có đủ năng lực thực hiện; kết quả quan trắc sẽ được gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa để báo cáo.

(3) Cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường

Chúng tôi cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu và khống chế các nguồn gây tác động đến môi trường như đã được đề cập trong chương 3. Các biện pháp gồm:

- Cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu và khống chế các nguồn gây tác động đến môi trường không khí trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và xây dựng cũng như khi Dự án đi vào hoạt động.

- Cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu và khống chế các nguồn gây tác động đến môi trường nước trong giai đoạn xây dựng và khi dự án đi vào hoạt động.

- Cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động do chất thải rắn gây ra trong giai đoạn xây dựng và giai đoạn Dự án đi vào hoạt động.

- Cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu và khống chế các rủi ro, sự cố môi trường trong giai đoạn xây dựng và giai đoạn Dự án đi vào hoạt động.

(4) Cam kết đạt tiêu chuẩn môi trường

Trong quá trình xây dựng, Chúng tôi cam kết thực hiện các biện pháp nhằm bảo vệ môi trường đã được đề cập trong chương 3 nhằm đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường do Nhà nước đã ban hành. Bao gồm:

◆ Tiêu chuẩn về không khí:

Các chất gây ô nhiễm không khí trong quá trình xây dựng đạt Tiêu chuẩn môi trường Việt Nam được quy định tại QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT.

Chúng tôi cam kết không chế đến mức thấp nhất nồng độ bụi lơ lửng phát tán ra môi trường do các hoạt động xây dựng công trình của dự án gây ra.

♦ Độ ồn và rung:

Đảm bảo độ ồn phát sinh trong quá trình xây dựng đạt tiêu chuẩn tiếng ồn đã được quy định tại QCVN 26-2010/BTNMT, QCVN 27-2010/BTNMT.

♦ Nước thải:

- Trong giai đoạn xây dựng, nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng được thu gom và xử lý bằng nhà vệ sinh di động;

(5) Cam kết khác

Chúng tôi xin cam kết quá trình xây dựng của dự án đảm bảo đạt các tiêu chuẩn và quy chuẩn môi trường Việt Nam và các quy định, thông tư liên quan, cũng như hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các công ước quốc tế, các tiêu chuẩn Việt Nam hoặc để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA DỰ ÁN

NGHỊ QUYẾT

Triển khai Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đất đai, Luật Điện lực, Luật Thương mại, Luật Thuế thu nhập đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Từ đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Đã xem xét kết quả biên soạn của các Thành viên Chính phủ

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Triển khai Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 (sau đây gọi tắt là Dự án) được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 và thực hiện chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội theo đúng nội dung chủ trương và phân bổ, phân bổ, chia sẻ nguồn vốn và quản lý mặt đất và sử dụng vốn theo thẩm quyền của các cơ quan chức năng và địa phương.

1. Ủy ban Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Ủy ban Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk thực hiện thẩm định dự án đầu tư xây dựng.

thẩm định, quyết định phê duyệt dự án thành phần được Thủ tướng Chính phủ phân cấp làm cơ quan chủ quản; Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải thực hiện thẩm quyền của người quyết định đầu tư, tổ chức lập, thẩm định, quyết định phê duyệt dự án đối với dự án thành phần do Bộ Giao thông vận tải làm cơ quan chủ quản. Ủy ban tư, tư tư, thẩm quyền thẩm định và quyết định đầu tư các dự án thành phần được thực hiện trong tự như đối với dự án nhóm A theo quy định pháp luật và đầu tư công. Việc lập, thẩm định, quyết định phê duyệt kết quả thẩm định bản vẽ đánh giá tác động môi trường được thực hiện theo ứng dự án thành phần.

2. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và người có thẩm quyền tổ chức thi công, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư áp dụng hình thức chi định vào trong 02 năm 2022 và 02/3 đối với các gói thầu tư vấn, xây lắp liên quan đến các dự án thành phần, gói thầu phục vụ di dời hạ tầng kỹ thuật, gói thầu thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư. Trình tự, thủ tục chi định được thực hiện theo quy định của pháp luật đầu tư, không gói thầu xây lắp các dự án thành phần (không bao gồm gói thầu xây lắp phục vụ di dời hạ tầng kỹ thuật, đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư), việc chi định thầu kèm theo yêu cầu tiết kiệm tối thiểu 5% giá trị dự toán gói thầu (không bao gồm chi phí dự phòng).

3. Cho phép Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa và Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk triển khai đồng thời một số công việc liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xác định các bồi đo chi trả răn xây dựng trong gói thầu chuẩn bị dự án, bao gồm:

a) Tổ chức lập, phê duyệt, bàn giao hồ sơ thiết kế căn cứ giải phóng mặt bằng của các dự án thành phần theo từng giai đoạn (tùy thuộc mức độ phức tạp và kỹ thuật của từng đoạn tuyến), cơ bản hoàn thành trước ngày 20 tháng 01 năm 2023 để các địa phương thực hiện công tác giải phóng mặt bằng. Hồ sơ thiết kế căn cứ giải phóng mặt bằng sẽ được cập nhật báo cáo phối hợp dự án đầu tư được duyệt.

b) Các địa phương tổ chức rà soát, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện báo cáo địa phương, căn cứ thực hiện công tác giải phóng mặt bằng thực hiện các công việc khác có liên quan tới công tác giải phóng mặt bằng.

c) Trên cơ sở hồ sơ thiết kế căn cứ giải phóng mặt bằng, các địa phương xác định sơ bộ nhu cầu tái định cư, rà soát quỹ đất, quỹ nhà tái định cư để xác định địa điểm, hình thức tái định cư; tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng các khu tái định cư triển khai thực hiện việc giải phóng mặt bằng khu tái định cư (nếu có).

d) Các địa phương chú trọng xác định vị trí, diện tích các hộ di chuyển tạm thời xây dựng đáp ứng nhu cầu của dự án thành phần, thực hiện các công việc liên quan như đánh giá tác động môi trường, giải phóng mặt bằng các bồi đo chi trả răn xây dựng (nếu có), báo cáo tiến độ thi công.

4. Tổ chức phép triển khai đồng thời các thủ tục để rút ngắn thời gian thực hiện các công việc: Thẩm định, quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; thẩm tra, quyết định khung chính sách bồi thường, bồi thường đối với cư dân; khảo sát, lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư khai thác, áp dụng thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán và lựa chọn nhà thầu các công việc khác có liên quan để bảo đảm tiến độ triển khai các dự án thành phần; các Thủ tục cần tuân thủ theo đúng các giai đoạn, bước thiết kế xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

5. Đối với việc khai thác các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường nằm trong Hồ sơ khảo sát vật liệu xây dựng phục vụ Dự án được áp dụng các cơ chế tại Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2021, Nghị quyết số 174/NQ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ.

Đối với các mỏ khoáng sản nằm trong Hồ sơ khảo sát vật liệu xây dựng phục vụ Dự án nhưng chưa cấp Giấy phép khai thác được áp dụng cơ chế đặc thù sau:

- Trước khi khai thác mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội, nhà thầu thi công phải lập hồ sơ đăng ký khai vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có mỏ khoáng sản; thực hiện đánh giá tác động môi trường và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật. Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; trình tự thực hiện thủ tục đăng ký theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP và theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Sau khi đã khai thác khoáng sản đủ khối lượng cung cấp cho Dự án, nhà thầu có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ bồi tạo, phục hồi môi trường, bồi tạo mỏ khoáng sản và đầu tư để địa phương quản lý theo quy định pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

6. Một số nhiệm vụ cụ thể của các bộ, cơ quan và địa phương

a) Bộ Công an và Bộ Văn hóa

- Là cơ quan đầu mối tổ chức thực hiện các nhiệm vụ công an

- Phối hợp với Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan địa phương liên quan xây dựng phương án thu hồi vốn đầu tư Dự án hoàn trả ngân sách tương ứng và nghĩa vụ địa phương chuyển lệ góp vốn đầu tư vào Dự án.

- Tổng hợp danh mục vật liệu xây dựng theo yêu cầu kỹ thuật của các dự án chính ngành (nếu có) làm cơ sở để địa phương cấp phép khai thác.

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh Khánh Hòa và Đắk Lắk tổ chức xây dựng, triển khai, giải pháp kỹ thuật, tổng mức đầu tư các dự án thành phần trong bảo đảm an ninh của kinh tế theo quy định của pháp luật, bảo đảm với hướng công nghệ, tiết kiệm, chống lãng phí;

- Chủ trì bảo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc điều chỉnh trong đầu tư Dự án trong trường hợp phát sinh các yếu tố dẫn đến phải điều chỉnh vốn trong đầu tư;

- Chủ trì xây dựng các Báo cáo, Tờ trình của Chính phủ gửi các cấp có thẩm quyền về tình hình triển khai Dự án theo quy định;

- Đối với dự án thành phần do Bộ Giao thông vận tải làm cơ quan chủ trì;

- Thực hiện thẩm quyền, trách nhiệm của người quyết định đầu tư theo các quy định hiện hành trong tổ chức thực hiện dự án thành phần bảo đảm chất lượng, nên dự án hoàn thành một số đoạn tuyến có lưu lượng giao thông lớn năm 2024, cơ bản hoàn thành toàn tuyến năm 2026 và hoàn thành đưa vào khai thác đồng bộ toàn Dự án năm 2027;

- Tổ chức lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án thành phần, hoàn thành trước ngày 12 tháng 11 năm 2022 để Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt;

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh Khánh Hòa và Đắk Lắk tổ chức lập khung chính sách hỗ trợ, hỗ trợ, tài chính và cho dự án thành phần và địa phương liên quan đến 02 tỉnh Khánh Hòa và Đắk Lắk, hoàn thành trước ngày 31 tháng 10 năm 2022 để Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm tra, bảo đảm trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày 25 tháng 11 năm 2022;

- Tổ chức lập, thẩm tra, thẩm định, quyết định phê duyệt dự án thành phần, hoàn thành trước ngày 20 tháng 01 năm 2023 và thực hiện các công việc tiếp theo bảo đảm khởi công trước ngày 30 tháng 6 năm 2023;

- Chủ trì, phối hợp với các địa phương có liên quan, tổ chức khảo sát, lập hồ sơ khảo sát vật liệu xây dựng phục vụ dự án thành phần;

- Đối với dự án thành phần phân cấp cho địa phương làm cơ quan chủ trì;

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa và Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk trong việc chuẩn bị đầu tư các dự án thành phần;

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện tuân thủ quy chuẩn và công nghệ, thiết bị ngành quốc gia liên quan đến các cấp, kế hoạch đầu tư, xây dựng công trình, dự án, kết nối đồng bộ với mạng lưới công trình giao thông đang xây dựng;

- Hướng dẫn quy trình triển khai dự án cho các địa phương, nhận báo cáo thực hiện đồng bộ, thông tin; hỗ trợ kỹ thuật, phối hợp theo dõi, kiểm tra, kiểm

nước làm quan đến các vấn đề kỹ thuật chuyên ngành (quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật...); kiểm tra, giám sát và dẫn dắt các địa phương được giao làm việc quan chủ chốt trong quá trình thực hiện bao đảm liên độ Dự án;

- Tiếp nhận công trình sau khi cơ quan chủ quản hoàn thành việc xây dựng và quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì theo quy định của pháp luật;

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính tham mưu việc bố trí vốn thực hiện Dự án đảm bảo tiến độ yêu cầu;

- Hướng dẫn, giải quyết theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tháo gỡ những khó khăn vướng mắc (nếu có) liên quan đến công tác lựa chọn nhà thầu thực hiện Dự án;

c) Bộ Tài chính hướng dẫn, giải quyết theo thẩm quyền các nội dung về thuế, phí, lệ phí liên quan đến Dự án, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải xây dựng phương án thu hồi vốn đầu tư Dự án hoàn trả ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo tỷ lệ vốn góp đầu tư Dự án;

d) Bộ Xây dựng hướng dẫn, giải quyết theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tháo gỡ những khó khăn vướng mắc liên quan đến quản lý dự án, quản lý chỉ phí, định mức xây dựng, vật liệu xây dựng, quản lý chất lượng thi công và hợp đồng xây dựng; hướng dẫn, kiểm tra các địa phương cũng hỗ trợ các hoạt động vật liệu xây dựng thông thường theo đúng quy định pháp luật;

đ) Bộ Tài nguyên và Môi trường:

- Khẩn trương thẩm định, quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường cho từng dự án thành phần, hoàn thành trước ngày 10 tháng 12 năm 2022; thẩm tra khung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, bao đảm trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày 25 tháng 11 năm 2022;

- Hướng dẫn, giải quyết theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tháo gỡ những vướng mắc trong việc thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và khai thác mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phục vụ Dự án;

g) Bộ Quốc phòng chủ đạo các đơn vị trực thuộc sớm tham mưu các nội dung và thực hiện công tác giải phóng mặt bằng các khu vực liên quan đến đất đai, phòng ngừa đảm bảo liên độ Dự án và khẩn trương thực hiện công tác rà soát, mua và tái bố trí đất đai để bàn giao và thi công cho nhà thầu thi công xây dựng;

h) Bộ Công an chỉ đạo các đơn vị trực thuộc sớm tham mưu, duyệt các nội dung liên quan các sở phòng cháy chữa cháy, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp với các địa phương trực tiếp công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ và cứu nạn và phối hợp, hỗ trợ Bộ Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân các tỉnh thành thực hiện thực hiện Dự án, thi công xây dựng công trình;

- Tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xác định các bãi đổ chất thải rắn xây dựng bảo đảm tiến độ Dự án; trong đó:

+ Giao nhiệm vụ cho tổ chức dịch vụ công về đất đai hoặc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng ngay sau khi Nghị quyết này được ban hành;

+ Tổ chức thực hiện đồng thời một số công việc liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xác định các bãi đổ chất thải rắn xây dựng theo quy định tại khoản 3 Điều này; phân đấu bản giao 70% diện tích mặt bằng của các gói thầu xây lắp khởi công trước ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cơ bản bản giao diện tích còn lại trước ngày 31 tháng 12 năm 2023;

+ Quản lý chặt chẽ việc ban hành giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất bảo đảm đúng quy định pháp luật, tuyệt đối không làm tăng chi phí đền bù giải phóng mặt bằng bất hợp lý; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị rà soát, thống nhất kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng theo khung chính sách được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và quy định pháp luật.

- Công bố giá các loại vật liệu xây dựng thông thường theo thẩm quyền và quy định pháp luật.

- Kiểm tra, kiểm soát, quản lý chặt chẽ giá vật liệu xây dựng; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc thường xuyên theo dõi, bám sát diễn biến của thị trường xây dựng để kịp thời cập nhật, công bố giá vật liệu xây dựng thông thường theo quy định pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, các bộ, cơ quan, địa phương có liên quan có trách nhiệm thực hiện thẩm quyền, nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết này và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phân cấp thực hiện các dự án, dự án thành phần các đoạn tuyến đường bộ cao tốc theo hình thức đầu tư công thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Trong quá trình triển khai, trường hợp phát sinh vướng mắc vượt thẩm quyền, các địa phương gửi Bộ Giao thông vận tải tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông, các cơ quan thông tấn, báo chí phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương và các bộ, cơ quan, địa phương tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi chủ trương thực hiện Dự án trong các ngành, các cấp và Nhân dân.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung của Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TIDT, các Vụ: TH, KTTH, PL, QHDP, NN, V.I;
- Lưu: VT, CN (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Lê Văn Thành

đoạn tuyến đường bộ cao tốc theo hình thức đầu tư công thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 4053/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Khánh Hoà về việc đổi tên Ban Quản lý dự án các công trình Trọng điểm tỉnh Khánh Hoà thành Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hoà và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức;

Căn cứ Thông báo số 306/TB-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2022 v/v Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa tại cuộc họp nghe báo cáo tình hình giải phóng mặt bằng và tái định cư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía đông giai đoạn 2021 – 2025 (đoạn Vân Phong – Nha Trang) và tiến độ chuẩn bị đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn I;

Theo đề nghị Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 1946/SGTVT-QLCL&ATGT ngày 02 tháng 8 năm 2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao nhiệm vụ cho Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các Công trình giao thông tỉnh làm chủ đầu tư Dự án thành phần I thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn I.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các Công trình giao thông tỉnh có trách nhiệm:

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ đầu tư theo đúng quy định của pháp luật.

- Tiếp nhận Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn I và các tài liệu liên quan để nghiên cứu, tổ chức triển khai thực hiện các bước, thủ tục tiếp theo theo quy định;

- Triển khai rà soát năng lực, kinh nghiệm, bộ máy tổ chức của mình và các điều kiện cần thiết khác theo quy định để đảm bảo khả năng thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án đối với Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn I hoặc báo cáo, tham mưu, đề xuất UBND tỉnh Khánh Hòa chỉ đạo các nội dung theo thẩm quyền đối với việc lựa chọn đơn vị phù hợp để thực hiện quản lý dự án theo quy định.

- Lựa chọn các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định để thực hiện thi công xây dựng công trình, giám sát thi công xây dựng công trình

(nếu có), thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình (nếu có) và các công việc tư vấn xây dựng khác.

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ tịch UBND tỉnh đối với nhiệm vụ được giao theo quy định pháp luật.

2. Giao các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi Trường, Công thương, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong, UBND thị xã Ninh Hòa và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm chủ động phối hợp, hướng dẫn và tạo điều kiện để Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các Công trình giao thông tỉnh triển khai thực hiện Dự án án theo đúng quy định và tiến độ yêu cầu.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Công thương, Thông tin và Truyền thông, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi Trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND thị xã Ninh Hòa; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong; Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các Công trình giao thông tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: GTVT, KH&ĐT; TN&MT;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh "báo cáo";
- Chủ tịch và các PTC UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các phòng: KT, TH-VP UBND tỉnh;
- Trung tâm công báo cáo Khánh Hòa;
- Lưu: VT, KN, SV, HN, CN, TV.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tấn Tuân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

HÀNG NHẬN
TÀI LỆ NHẬN
KẾ HOẠCH
TỔNG
Số: 1836 /UBND-XDND
Ngày: 02/03/2023
08:21:36
147.00

Số: 1836 /UBND-XDND

Khánh Hòa, ngày 02 tháng 3 năm 2023

V/v điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) Khu dân cư Hà Thanh, phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hòa để phục vụ tái định cư cho các trường hợp bị ảnh hưởng bởi Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột (giai đoạn 1)

Kính gửi: UBND thị xã Ninh Hòa

UBND tỉnh nhận được Văn bản số 427/SXD-KTQH ngày 17/02/2023 của Sở Xây dựng về việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) Khu dân cư Hà Thanh, phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hòa để phục vụ tái định cư cho các trường hợp bị ảnh hưởng bởi Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột (giai đoạn 1). Về việc này, UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao UBND thị xã Ninh Hòa nghiên cứu nội dung báo cáo, hướng dẫn của Sở Xây dựng tại văn bản nêu trên để tổ chức triển khai việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) Khu dân cư Hà Thanh, phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hòa theo đúng thẩm quyền, trình tự và quy định của pháp luật; đảm bảo tiến độ bố trí tái định cư cho các trường hợp bị ảnh hưởng bởi Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột (giai đoạn 1).

Lưu ý: UBND thị xã Ninh Hòa rà soát, chịu trách nhiệm về các điều kiện điều chỉnh cục bộ quy hoạch theo quy định của pháp luật hiện hành và cơ sở lập dự án đầu tư xây dựng (đối với dự án có quy mô từ 05ha trở lên) theo hướng dẫn của Sở Xây dựng tại văn bản nêu trên để triển khai thực hiện cho phù hợp./.

(Sao gửi kèm Văn bản số 427/SXD-KTQH ngày 17/02/2023 của Sở Xây dựng)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, TC, TNMT, XD, GTVT, CT, NN&PTNT;
- Ban QLDA;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN, TV, SV, MX.

Mình XDND

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**


Lê Hữu Hoàng

**UBND TỈNH KHÁNH HOÀ
SỞ XÂY DỰNG**

Số: 427 /SXD-KTQH

V/v điều chỉnh cục bộ Quy hoạch
phân khu (tỷ lệ 1/2000) Khu dân
cư Hà Thanh, phường Ninh Đa, thị
xã Ninh Hòa

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Khánh Hòa, ngày 17 tháng 02 năm 2023

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 1096/UBND-XĐNĐ ngày 10/02/2023 về việc xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư để phục vụ cho các trường hợp bị ảnh hưởng bởi Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột (giai đoạn 1); theo đó, giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở Giao thông vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh và các đơn vị có liên quan nghiên cứu nội dung đề xuất, kiến nghị của UBND thị xã Ninh Hòa tại Văn bản số 344/UBND ngày 07/02/2023, tham mưu UBND tỉnh việc thực hiện điều chỉnh Quy hoạch chi tiết khu dân cư Hà Thanh, phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hòa theo đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật, hoàn thành trước ngày 20/02/2023. Sau khi nghiên cứu và rà soát các nội dung liên quan, Sở Xây dựng kính báo cáo UBND tỉnh như sau:

Theo Văn bản số 344/UBND ngày 07/02/2023, UBND thị xã Ninh Hòa kiến nghị UBND tỉnh, Sở Xây dựng hướng dẫn UBND thị xã Ninh Hòa thực hiện các thủ tục điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết khu dân cư Hà Thanh, phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hòa để phù hợp quy định hiện hành và đảm bảo tiến độ bố trí tái định cư cho các trường hợp bị ảnh hưởng dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột.

Liên quan đến nội dung nêu trên, ngày 10/02/2023, UBND thị xã Ninh Hòa đã tổ chức cuộc họp, sau cuộc họp đã ban hành Thông báo số 23/TB-UBND; theo đó, thống nhất xây dựng quy mô Khu tái định cư tại Tổ dân phố Hà Thanh 2, phường Ninh Đa với quy mô 10 ha, 200 lô tái định cư.

Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/2000) Khu dân cư Hà Thanh, xã Ninh Đa đã được UBND thị xã Ninh Hòa phê duyệt tại Quyết định số 1420/QĐ-UBND ngày 29/12/2005 với quy mô 21,16 ha (nay được xem là Quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) Khu dân cư Hà Thanh, phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hòa).

Theo quy định tại Luật Quy hoạch đô thị năm 2009 (Điều 19, Điều 44 và khoản 3, Điều 41), thẩm quyền tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết thuộc UBND thị xã.

Ngoài ra, theo quy định về trình tự tiến hành điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị tại Điều 51 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009 (được sửa đổi bởi khoản 10 Điều 29 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018), không quy định việc điều chỉnh cục bộ các đồ án quy hoạch

đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND thị xã Ninh Hòa phải lấy ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan quản lý quy hoạch đô thị cấp tỉnh (Sở Xây dựng) trước khi phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị; việc lấy ý kiến trước khi phê duyệt chỉ thực hiện đối với các đồ án quy hoạch đô thị lập mới và các đồ án quy hoạch đô thị điều chỉnh tổng thể.

Việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị cần tuân thủ theo quy định tại Điều 49, Điều 51 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009 đã được sửa đổi bởi Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018.

Do vậy, Sở Xây dựng kính đề nghị UBND tỉnh giao UBND thị xã Ninh Hòa nghiên cứu các nội dung quy định nêu trên để thực hiện điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) Khu dân cư Hà Thanh, phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hòa theo đúng quy định của pháp luật.

Mặt khác, để có cơ sở lập dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư tại Tổ dân phố Hà Thanh 2, phường Ninh Đa với quy mô 10 ha, UBND thị xã Ninh Hòa cần phải lập Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) theo quy định tại khoản 4 Điều 30 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009. Trường hợp, dự án đầu tư xây dựng có quy mô nhỏ hơn 5 ha thì có thể lập dự án đầu tư xây dựng mà không phải lập quy hoạch chi tiết theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

Sở Xây dựng kính báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như trên;
- UBND thị xã Ninh Hòa;
- Lưu: VT, KTQH. Từ.



THÔNG BÁO

Kết luận của UBND thị xã tại cuộc họp nghe các cơ quan, đơn vị báo cáo điều chỉnh cục bộ quy hoạch (1/2000) Khu tái định cư Hà Thanh, phường Ninh Đa

Ngày 22 tháng 3 năm 2023, tại Phòng họp 1 - UBND thị xã, Phó Chủ tịch UBND thị xã Nguyễn Minh Thư chủ trì cuộc họp nghe Phòng Quản lý đô thị báo cáo, đề xuất điều chỉnh cục bộ quy hoạch (1/2000) Khu tái định cư Hà Thanh, phường Ninh Đa để lập dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Ninh Đa phục vụ dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột, giai đoạn 1. Tham dự cuộc họp có Trưởng các Phòng: Quản lý đô thị, Tài chính – Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã; Chủ tịch UBND phường Ninh Đa; đại diện đơn vị lập điều chỉnh quy hoạch - Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng Khánh Hòa và đại diện đơn vị tư vấn lập dự án Khu tái định cư - Công ty TNHH 2D.

Sau khi nghe Phòng Quản lý đô thị báo cáo, đề xuất việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch (1/2000) Khu tái định cư Hà Thanh, phường Ninh Đa; đại diện đơn vị tư vấn lập điều chỉnh quy hoạch trình bày về các quy định, hướng dẫn liên quan đến nội dung điều chỉnh; ý kiến của các thành phần tham dự; đồng thời, trên cơ sở tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND thị xã Nguyễn Vĩnh Thạnh, Phó Chủ tịch UBND thị xã Nguyễn Minh Thư có ý kiến kết luận và chỉ đạo như sau:

1. Cơ bản thống nhất với 04 nội dung chính theo báo cáo, đề xuất của Phòng Quản lý đô thị về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch (1/2000) Khu tái định cư Hà Thanh, phường Ninh Đa để lập dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Ninh Đa phục vụ dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột, giai đoạn 1 (*mạng lưới giao thông, vị trí các nhóm nhà ở, diện tích đất cây xanh phục vụ công cộng, điều chỉnh hình dáng ô đất văn hóa và ô đất giáo trên cơ sở giữ nguyên diện tích, quy mô các ô đất*). Tuy nhiên, đề nghị Phòng bổ sung, hoàn chỉnh Báo cáo trước khi trình UBND thị xã đối với một số nội dung cụ thể như sau:

1.1. Nêu rõ lý do và sự cần thiết lập điều chỉnh Quy hoạch; các căn cứ theo quy định của pháp luật; cơ quan có thẩm quyền lập, phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch; đồng thời, phân tích cụ thể về trình tự, thủ tục và tiến độ thực hiện.

1.2. *Vấn đề cần lưu ý:* trong bước lập quy hoạch chi tiết 1/500 và lập hồ sơ dự án, đề nghị nghiên cứu bố trí công trình công cộng phù hợp (*xây dựng điểm trường mẫu giáo quy mô 4 lớp, nhà sinh hoạt cộng đồng, công viên cây xanh*)

đảm bảo nhu cầu của Nhân dân; phân lô nhà ở tuân thủ hạn mức giao đất ở theo quy định hiện hành; mạng lưới đường giao thông phù hợp với tổng thể chung và kết nối với các đường hiện trạng trong khu vực; đồng thời, chú ý đảm bảo CSHT các hạng mục: điện, nước, viễn thông.

2. Một số nhiệm vụ cụ thể

2.1. Giao Phòng Quản lý đô thị chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch cục bộ 1/2000; tham mưu UBND thị xã thủ tục giao nhiệm vụ điều chỉnh cục bộ Quy hoạch theo quy định (*đảm bảo về căn cứ pháp lý, thể thức văn bản, nội dung trích yếu*).

Thời gian hoàn thành **trước ngày 30/3/2023**.

Trong đó, đề nghị Phòng Quản lý đô thị theo sát tiến độ thực hiện; hoàn thành và trình UBND thị xã phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch **trong tháng 4/2023**. Đồng thời, tiến hành song song với việc lập Quy hoạch chi tiết 1/500 để đẩy nhanh tiến độ thực hiện; cập nhật tình hình, kết quả thực hiện vào báo cáo định kỳ hàng tuần của dự án theo quy định.

2.2. Giao Phòng Tài chính – Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Phòng Quản lý đô thị tham mưu UBND thị xã báo cáo UBND tỉnh về nguồn vốn thực hiện.

Thời gian hoàn thành **trước ngày 30/3/2023**.

2.3. Giao Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Quản lý đô thị lập hồ sơ dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Ninh Đa với quy mô thực hiện 200 lô bố trí tái định cư phục vụ dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột, giai đoạn 1.

- Thống nhất ý kiến của Ban QLDA các CTXD và giao Ban QLDA nghiên cứu xây dựng công trình (tường chắn); trong đó, lưu ý đối với cao độ thực hiện trên cơ sở đảm bảo cảnh quan, vệ sinh môi trường, khả năng thoát nước của khu vực.

UBND thị xã Ninh Hòa thông báo đến các cơ quan, đơn vị biết và thực hiện./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Thường trực Thị ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND thị xã (Báo cáo);
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND thị xã;
- Thành phần họp;
- Lưu VT.

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Lê Minh Châu

Số: 465/QĐ-DAGT

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Phê duyệt nhiệm vụ khảo sát xây dựng
dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Hà Thanh
(Phục vụ lập Quy hoạch chi tiết 1/500 và lập Báo cáo nghiên cứu khả thi)**

GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH14 ngày 18/6/2014 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14;

Căn cứ Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột (giai đoạn I);

Căn cứ Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 25/7/2022 của Chính phủ về việc triển khai Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột (giai đoạn I);

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều khoản của Luật đất đai; số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 Hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; Số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây

dựng; Số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về việc ban hành định mức xây dựng; Số 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình; Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 3352/QĐ-UBND ngày 06/12/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho Dự án thành phần 1 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột (giai đoạn 1);

Căn cứ Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt dự án đầu tư Dự án thành phần 1 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột (giai đoạn 1); Quyết định số 756/QĐ-UBND ngày 03/4/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc Điều chỉnh Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 về việc Phê duyệt dự án đầu tư Dự án thành phần 1 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột (giai đoạn 1);

Căn cứ Quyết định số 1420/QĐ-UBND ngày 29/12/2005 của UBND thị xã Ninh Hòa về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng chi tiết, tỷ lệ 1/2000 và Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất thị xã Ninh Hòa;

Căn cứ Công văn số 1836/UBND-XDND ngày 02/3/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) Khu dân cư Hà Thanh, phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa để phục vụ tái định cư cho các trường hợp bị ảnh hưởng bởi Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột (giai đoạn 1);

Căn cứ Thông báo số 72/TB-UBND ngày 27/3/2023 của UBND thị xã Ninh Hòa về Kết luận của UBND thị xã tại cuộc họp nghe các cơ quan, đơn vị báo cáo điều chỉnh cục bộ quy hoạch (1/2000) Khu tái định cư Hà Thanh, phường Ninh Đa;

Căn cứ Quyết định số 562/QĐ-DAGT ngày 09/8/2022 của Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa về việc thành lập Ban điều hành Dự án thành phần 1 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột (giai đoạn 1);

Xét Báo cáo kết quả thẩm định số 464/DAGT-BĐH ngày 27/4/2023 của Tổ Kế hoạch - Thẩm định, hồ sơ Nhiệm vụ và dự toán chi phí khảo sát xây dựng (phục vụ lập quy hoạch và lập báo cáo nghiên cứu khả thi) công trình Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Hà Thanh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ khảo sát xây dựng (phục vụ lập Quy hoạch chi tiết 1/500 và lập Báo cáo nghiên cứu khả thi) của dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Hà Thanh phục vụ Dự án thành phần 1 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột (giai đoạn 1) với nội dung chính sau:

1. Mục đích khảo sát

Khảo sát xây dựng phục vụ lập Quy hoạch chi tiết 1/500 và lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Hà Thanh.

2. Phạm vi và diện tích khảo sát xây dựng

- Phạm vi khảo sát: Tổ dân phố Hà Thanh 2, phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa

- Diện tích: Dự kiến khoảng 15ha (bao gồm diện tích khu đất trong phạm vi thiết kế có tính đến diện tích đo chõm khoảng 20m ngoài ranh quy hoạch hoặc đo hết phạm vi mặt đường tiếp giáp ranh dự án) và khu vực xung quanh nhằm đấu nối với hạ tầng kỹ thuật hiện hữu.

3. Tiêu chuẩn khảo sát được áp dụng

- Quyết định số 3352/QĐ-UBND ngày 06/12/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho Dự án thành phần 1 thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột (giai đoạn 1);

- Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ từ 1:500 đến 1:5000 (Phần ngoài trời) ban hành kèm theo Quyết định số 248/KT của Cục trưởng Cục đo đạc và bản đồ Nhà nước ngày 9/8/1990 số 96 TCN 43- 90;

- Quy phạm thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ từ 1:500 đến 1:25000 (phần trong nhà) ban hành kèm theo Quyết định số 247/KT của Cục trưởng Cục đo đạc và Bản đồ Nhà nước ngày 9/8/1990 số 96 TCN 42- 90.

4. Nội dung công tác khảo sát xây dựng

- Điều tra, thu thập số liệu.

- Lập lưới khống chế mặt bằng và độ cao: Lập lưới khống chế mặt bằng; lưới đường chuyển cấp 2 và lưới độ cao kỹ thuật.

- Khảo sát địa hình: Khảo sát bình đồ, trắc dọc, trắc ngang tuyến.

- Khảo sát địa chất công trình.

- Điều tra số liệu cơ bản, thủy văn, đăng ký cống cũ, mô vật liệu xây dựng, bãi thải.

- Cắm mốc ranh dự án ra thực địa.

* Sơ bộ khối lượng khảo sát xây dựng: Theo hồ sơ Nhiệm vụ khảo sát.

5. Thời gian thực hiện khảo sát: Dự kiến 15 ngày.

6. Dự toán chi phí khảo sát xây dựng, giám sát khảo sát xây dựng và lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng (bao gồm 10% thuế VAT) là 427.129.000 đồng (*Bốn trăm hai mươi bảy triệu, một trăm hai mươi chín ngàn đồng*).

Trong đó:

- Chi phí khảo sát xây dựng: 398.917.000 đồng.
- Chi phí giám sát khảo sát xây dựng: 16.244.000 đồng.
- Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng: 11.968.000 đồng.

Điều 2. Giao Ban điều hành chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo quy định hiện hành.

Điều 3. Trưởng các phòng thuộc Ban và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban điều hành;
- Lưu: VT, NP.



QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500)
Khu tái định cư Hà Thanh, phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hòa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 21/3/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa-Buôn Ma Thuột giai đoạn I;

Căn cứ Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 25/7/2022 của Chính phủ về việc triển khai Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa-Buôn Ma Thuột giai đoạn I;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng về Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Chương trình hành động số 30-CTr/TU ngày 23/02/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 2265/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị;

Căn cứ Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Ninh Hòa đến năm 2020 và Quyết định số 1981/QĐ-UBND ngày 04/8/2014 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa giai đoạn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1420/QĐ-UBND ngày 29/12/2005 của UBND thị xã Ninh Hòa về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu dân cư Hà Thanh, xã Ninh Đa, huyện Ninh Hòa;

Căn cứ Công văn số 1836/UBND-XDND ngày 02/3/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) Khu dân cư Hà Thanh, phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hòa để phục vụ tái định cư cho các trường hợp bị ảnh hưởng bởi Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột (giai đoạn 1);

Căn cứ Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa về phê duyệt dự án đầu tư Dự án thành phần 1 thuộc Dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Quyết định số 756/QĐ-UBND ngày 03/4/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc Điều chỉnh Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa về phê duyệt dự án đầu tư Dự án thành phần 1 thuộc Dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Quyết định số 298/QĐ-TTg ngày 27/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 13231/QĐ-CT.UBND ngày 07/6/2023 của UBND thị xã Ninh Hòa về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) Khu dân cư Hà Thanh, phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hòa;

Căn cứ Công văn số 2033/UBND ngày 01/6/2023 của UBND thị xã về việc hoàn chỉnh hồ sơ Nhiệm vụ lập Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Khu tái định cư Hà Thanh, phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Công văn số 1968/SXD-KTQH ngày 22/6/2023 của Sở Xây dựng về việc ý kiến về Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Khu tái định cư Hà Thanh, phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa;

Xét Kết quả thẩm định số 918/TĐ-QLDT ngày 26/6/2023 của Phòng Quản lý đô thị Ninh Hòa về Nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Khu tái định cư Hà Thanh, phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa;

Xét đề nghị của Ban QLDA Đầu tư Xây dựng các công trình giao thông tại Tờ trình số 611/TTr-BĐH ngày 05/6/2023 và Phòng Quản lý đô thị tại Tờ trình số 923/TTr-QLDT ngày 27/6/2023;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Khu tái định cư Hà Thanh, phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hòa với những nội dung chính như sau:

A. Nội dung Nhiệm vụ lập quy hoạch chi tiết:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Khu tái định cư Hà Thanh, phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

2. Vị trí, giới hạn và quy mô khu vực lập quy hoạch:

Khu vực lập quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) thuộc đồ án Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/2000) Khu dân cư Hà Thanh (nay được xem là Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Hà Thanh, phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hòa), với quy mô diện tích là 10,33 ha; có ranh giới tứ cận như sau:

- Phía Đông: Giáp khu dân cư hiện hữu dọc Quốc lộ 1A;
- Phía Tây: Giáp khu dân cư hiện hữu dọc đường quy hoạch lộ giới 30m;
- Phía Nam: Giáp khu dân cư hiện hữu;
- Phía Bắc: Giáp đường quy hoạch lộ giới 44m;

3. Mục tiêu:

Thực hiện Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Khu tái định cư Hà Thanh, phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa là cơ sở pháp lý cho công tác quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng, đất đai và đẩy nhanh tiến độ thực hiện tái định cư đảm bảo quyền lợi, ổn định cuộc sống của người dân địa phương trong khu vực ảnh hưởng Dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa-Buôn Ma Thuật giai đoạn 1.

4. Nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch:

4.1. Tính chất khu vực lập quy hoạch:

Khu vực lập quy hoạch có tính chất là khu dân cư, tái định cư đảm bảo các khu chức năng cơ bản chủ yếu phục vụ nhu cầu ở.

4.2. Dự báo quy mô lao động, xác định chỉ tiêu sử dụng đất, các nhu cầu về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đối với khu vực lập quy hoạch:

a. Dự báo quy mô dân số:

Dự kiến sau khi hình thành, đồng bộ và hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng khu vực lập quy hoạch có dân số ước khoảng 1.300 người.

b. Xác định chỉ tiêu sử dụng đất:

Áp dụng theo QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu	Ghi chú
1	Chỉ tiêu đất cây xanh sử dụng công cộng	m ² /người	≥ 1	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
2	Mật độ xây dựng			
	- Đất nhà ở chính trang, liên kết, tái định cư	%	≤ 90	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam và đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy theo quy định
	- Đất công trình công cộng (trừ TMDV)	%	≤ 40	
	- Công viên cây xanh	%	≤ 5	
3	Tầng cao xây dựng			
	- Nhà ở chính trang, liên kết, tái định cư	tầng	≤ 6	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
	- Công trình công cộng (trừ TMDV)	tầng	≤ 3	
	- Công viên cây xanh	tầng	≤ 1	

c. Các chỉ tiêu cơ bản về hạ tầng xã hội:

Áp dụng theo QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu	Ghi chú
1	Trường mầm non	Cháu/1.000 người	≥ 50	Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
		m ² đất/cháu	≥ 12	
2	Nhà văn hóa	m ² /người	$\geq 0,5$	
		m ² /công trình	≥ 500	

d. Các chỉ tiêu cơ bản về hạ tầng kỹ thuật:

Áp dụng theo QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu	Ghi chú
1	Giao thông	% diện tích đất xây dựng đô thị	≥ 18	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
2	Chỉ tiêu cấp nước			

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu	Ghi chú
2.1	Sinh hoạt	lít/người-ng.đêm	120 - 150	Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
2.2	Công trình công cộng	% sinh hoạt	≥ 10	
3	Chỉ tiêu cấp điện			Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
3.1	Sinh hoạt	W/người	700	
3.2	Công trình công cộng (tính bằng % phụ tải điện sinh hoạt)	% sinh hoạt	40	
4	Chỉ tiêu thoát nước thải	% nước cấp	≥ 80	
5	Chỉ tiêu rác thải	kg/người/ngày.đêm	1,3	

5. Yêu cầu về nội dung chính của quy hoạch chi tiết đô thị:

5.1. Dự kiến các hạng mục công trình cần đầu tư xây dựng trong khu vực lập quy hoạch:

- Đảm bảo các khu chức năng cơ bản của 01 nhóm nhà ở bao gồm: nhóm nhà ở; các công trình công cộng (trường mầm non, nhà văn hóa), cây xanh sử dụng công cộng phục vụ cho nhu cầu thường xuyên, hàng ngày của cộng đồng dân cư; đường giao thông (đường từ cấp phân khu vực đến đường nhóm nhà ở),...

- Đối với các công trình công cộng (trường mầm non, nhà văn hóa) trong nhóm nhà ở cần đảm bảo bán kính phục vụ không quá 500 m với quy mô công trình đạt tối thiểu theo quy định.

- Đối với các công trình nhà ở liên kế phục vụ tái định cư cần tuân thủ theo các quy định về quản lý xây dựng kèm theo đồ án đảm bảo yêu cầu về tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan, sử dụng đất,...

5.2. Yêu cầu đối với việc nghiên cứu tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan, sử dụng đất:

a. Yêu cầu về tổ chức không gian:

- Xác định khoảng lùi trên cơ sở đánh giá hiện trạng cốt nền và kiến trúc cảnh quan, địa hình tự nhiên, tính chất và chức năng khu vực quy hoạch.

- Việc xác định khoảng lùi công trình phải phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.

- Xác định các rõ không gian cho các khu vực ở mới, khu vực công cộng, hạ tầng kỹ thuật, công viên xây xanh và các tiện ích khác,...

- Xác định nguyên tắc, yêu cầu tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan đối với từng khu chức năng, các trục đường chính, không gian mở,...

- Không gian đô thị phải khai thác được tối đa các lợi thế và hạn chế các bất lợi về điều kiện tự nhiên; Phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội và đặc thù về đất đai, hạ tầng của từng đô thị, từng vùng miền; Tạo được môi trường sống tốt, an toàn cho dân cư, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa đặc trưng.

b. Yêu cầu đối với kiến trúc cảnh quan, sử dụng đất:

- Cảnh quan dọc các trục đường chính:
- + Đề xuất nguyên tắc bố cục và hình khối kiến trúc trên cơ sở phù hợp với điều kiện tự nhiên, lịch sử - văn hóa và đặc thù khu vực.
- + Cây xanh cho các trục đường chính: Cần khai thác tối đa chủng loại cây xanh sẵn có tại địa phương.
- Các khu vực không gian mở:
- + Đề xuất về chức năng cho các không gian mở trong khu vực quy hoạch.
- + Xác định không gian kiến trúc cảnh quan mở về: hình khối kiến trúc, khoảng lùi, cây xanh.
- + Nghiên cứu không gian kiến trúc cảnh quan tại các nút giao thông lớn và trong từng khu vực.

- Các công trình điểm nhấn:

- + Cụ thể hóa thiết kế đô thị theo đồ án quy hoạch chung, nêu ý tưởng kiến trúc công trình điểm nhấn theo tính chất công trình, cảnh quan xung quanh.
- + Điểm nhấn ở các vị trí điểm cao cần khai thác địa thế và cảnh quan tự nhiên, hoặc đã có công trình kiến trúc, hoặc đề xuất xây dựng công trình mới, giải pháp giảm thiểu sự lấn át của các kiến trúc xung quanh.
- + Điểm nhấn ở các vị trí khác được cụ thể bằng việc đề xuất xây dựng công trình hoặc cụm công trình kiến trúc hoặc không gian kiến trúc cảnh quan.

- Khu vực các lô đất:

- + Xác định về mật độ, tầng cao xây dựng, ngôn ngữ và hình thức kiến trúc, thể loại công trình đối với từng khu vực.
- + Giải pháp tổ chức cảnh quan cây xanh, mặt nước, tiện ích trong khu quy hoạch.

6. Yêu cầu đối với kết nối hạ tầng kỹ thuật:

- Xác định cốt xây dựng đối với từng lô phố.
- Xác định mạng lưới giao thông (kể cả đường đi bộ nếu có), mặt cắt, chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng; xác định và cụ thể hoá quy hoạch chung về vị trí, quy mô bến, bãi đỗ xe (trên cao, trên mặt đất và ngầm).
- Xác định nhu cầu và nguồn cấp nước; vị trí, quy mô công trình nhà máy, trạm bơm nước; mạng lưới đường ống cấp nước và các thông số kỹ thuật chi tiết.
- Xác định nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp năng lượng; vị trí, quy mô các trạm điện phân phối; mạng lưới đường dây trung thế, hạ thế và chiếu sáng đô thị.
- Xác định nhu cầu và mạng lưới thông tin liên lạc.
- Xác định lượng nước thải, rác thải; mạng lưới thoát nước; vị trí, quy mô các công trình xử lý nước bẩn, chất thải.

7. Yêu cầu đối với đánh giá môi trường chiến lược:

- Đánh giá hiện trạng môi trường về điều kiện địa hình; các vấn đề xã hội, văn hóa, cảnh quan thiên nhiên.
- Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường; đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp quy hoạch không gian, kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật tối ưu cho khu vực quy hoạch.
- Đề ra các giải pháp cụ thể giảm thiểu, khắc phục tác động đến môi trường đô thị khi triển khai thực hiện quy hoạch.
- Lập kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường.

8. Số lượng hồ sơ bản vẽ gồm:

8.1. Danh mục bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ	Tỷ lệ
1	Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất.	1/2.000 - 1/5.000
2	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất; kiến trúc, cảnh quan và đánh giá đất xây dựng.	1/500
3	Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường.	1/500
4	Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất.	1/500
5	Sơ đồ tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan.	1/500
6	Bản đồ quy hoạch hệ thống công trình giao thông, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng; vị trí, quy mô bến, bãi đỗ xe (trên cao, trên mặt đất và ngầm) và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật đến cấp đường nội bộ.	1/500
7	Các bản đồ quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật theo từng chuyên ngành.	1/500
8	Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật.	1/500
9	Bản vẽ xác định các khu vực xây dựng công trình ngầm; Các công trình công cộng ngầm, các công trình cao tầng có xây dựng tầng hầm (nếu có).	Tỷ lệ thích hợp
10	Các bản vẽ thiết kế đô thị theo quy định của Bộ Xây dựng tại Thông tư số 06/2013/TT-BXD.	1/500 - 1/200

8.2. Thuyết minh và phụ lục kèm theo:

1	Thuyết minh đồ án quy hoạch chi tiết phải có bảng biểu thống kê, phụ lục tính toán, hình ảnh minh họa và hệ thống sơ đồ, bản vẽ khổ A3 với ký hiệu và ghi chú rõ ràng.
2	Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết đô thị: Nội dung theo quy định tại Khoản 3 Điều 35 Luật Quy hoạch đô thị và phải có các bản vẽ thu nhỏ kèm theo.
3	Dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch.
4	Phụ lục kèm theo thuyết minh (các giải trình, giải thích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh; bản vẽ minh họa; các số liệu tính toán). Phụ lục kèm văn bản pháp lý liên quan.

8.3. Số lượng, quy cách của sản phẩm hồ sơ đồ án:

- Hồ sơ đồ án Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Khu tái định cư Hà Thanh, phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hòa, bao gồm: Thuyết minh và phụ lục kèm theo, bản vẽ thu nhỏ kèm theo, quy định quản lý, 01 USB (hoặc đĩa CD) chép toàn bộ hồ sơ quy hoạch.

- Số lượng: 10 bộ.

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án.

- Dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Khu tái định cư Hà Thanh, phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hòa.

Quy cách của hồ sơ đồ án: Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng về Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

B. Giá trị dự toán chi phí lập đồ án quy hoạch:

Giá trị tổng dự toán chi phí lập đồ án: Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Khu tái định cư Hà Thanh, phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa được duyệt là: **1.048.008.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, không trăm bốn mươi tám triệu, không trăm lẻ tám nghìn đồng./.)**

Trong đó:

- Chi phí lập nhiệm vụ và dự toán khảo sát: (phục vụ lập quy hoạch và BCNCKT)	11.968.000 đồng
- Chi phí lập Khảo sát xây dựng: (phục vụ lập quy hoạch và BCNCKT)	398.917.000 đồng
- Chi phí lập quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) :	463.612.000 đồng
- Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch xây dựng:	53.227.000 đồng
- Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng:	43.752.000 đồng
- Chi phí thẩm định lập nhiệm vụ QHXD:	9.678.000 đồng
- Chi phí quản lý lập quy hoạch xây dựng:	38.577.000 đồng

- Chi phí công bố quy hoạch: 13.908.000 đồng
- Chi phí lấy ý kiến khu dân cư: 8.429.000 đồng
- Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán: 5.940.000 đồng

Điều 2. Giá trị dự toán nêu trên là để quản lý kế hoạch vốn, khi thanh toán các thành phần chi phí thuộc đồ án quy hoạch chi tiết nêu trên theo khối lượng nghiệm thu thực tế. Các chi phí khác là để thanh toán cho các cơ quan có liên quan theo chế độ tài chính và XDCB hiện hành tại tỉnh Khánh Hòa.

Điều 3: Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã; Trưởng các Phòng: Quản lý đô thị, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính-Kế hoạch, Kinh tế, Văn hóa và Thông tin; Chủ tịch UBND phường Ninh Đa; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Ninh Hòa và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: (VBĐT) Tg

- Như Điều 3;
- Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình giao thông;
- Ban QLKKT Văn Phong;
- Sở Xây dựng;
- Sở Giao thông vận tải;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực HĐND thị xã;
- Chủ tịch UBND thị xã;
- Các Phó chủ tịch UBND thị xã;
- Các Ban HĐND thị xã;
- Lưu: VT, QLDT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Vĩnh Thạnh



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA
Số: 611/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 17 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án đầu tư Dự án thành phần 1 thuộc
Dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột
giai đoạn 1

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công ngày 11/01/2022; Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017; Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chỉnh sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 25/7/2022 của Chính phủ về việc triển khai Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 về hợp đồng trong hoạt động xây dựng; số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; số 120/2018/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy

định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 17/2022/QĐ-TTg ngày 28/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân cấp thực hiện các dự án, dự án thành phần đầu tư các đoạn tuyến đường bộ cao tốc theo hình thức đầu tư công thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 3743/QĐ-BTNMT ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Quyết định số 2183/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Quyết định số 3352/QĐ-UBND ngày 06/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Văn bản số 11302/BGTVT-CQLXD ngày 28/10/2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc định hướng một số nguyên tắc, giải pháp thiết kế lập hồ sơ BCNCKT, thiết kế hình học và cấm cọc GPMB, MLG thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1; Căn cứ văn bản số 587/BGTVT-CQLXD ngày 18/01/2023 của Bộ Giao thông vận tải về việc hoàn thiện hồ sơ phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Báo cáo số 271/BC-MTTQ-BTT ngày 11/10/2022 của UBNDTTQ Việt Nam tỉnh Khánh Hòa tổng hợp ý kiến cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Văn bản số 738/VPCP-CN ngày 09/02/2023 của Văn phòng Chính phủ về việc hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi các Dự án thành phần thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Thông báo số 562-TB/TU ngày 16/01/2023 của Tỉnh ủy Khánh Hòa v/v kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn số 3821-CV/VPTU ngày 07/2/2023 của Văn phòng Tỉnh ủy

Khánh Hòa v/v kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về dự án đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột và đồ án Quy hoạch chung Đô thị Cam Lâm;

Căn cứ Thông báo số 18/TB-UBND ngày 09/01/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa v/v Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Tấn Tuấn tại cuộc họp nghe báo cáo về Thiết kế cơ sở Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Văn bản số 99/CQLXD-QLXD3 ngày 16/01/2023 của Cục Quản lý đầu tư xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ các Báo cáo thẩm tra số 227/VECC-BCTT-TP1 KHBMT ngày 29/12/2022, số 08/VECC-BCTT-TP1 KHBMT ngày 04/01/2023 và số 32/VECC-BCTT-TP1 KHBMT ngày 02/3/2023 của Công ty Cổ phần Tư vấn đường cao tốc Việt Nam về kết quả thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thành phần 1 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột, giai đoạn 1;

Căn cứ Văn bản số 474/CQLXD-QLXD3 ngày 08/3/2023 của Cục Quản lý đầu tư xây dựng v/v thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Tờ trình số 260/TTr-BĐH ngày 13/3/2023 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các Công trình giao thông tỉnh Khánh Hòa về việc trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Văn bản số 698/SGTVT-QLCL&ATGT ngày 16/3/2023 của Sở Giao thông vận tải về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số ~~701~~/TTr-SGTVT ngày 17 tháng 3 năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. **Tên dự án:** Dự án thành phần 1 thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1.
2. **Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.
3. **Tên chủ đầu tư:** Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Giao thông

tỉnh Khánh Hòa.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư và giải pháp thiết kế chủ yếu

4.1. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư dự án nhằm hình thành trục ngang kết nối vùng Tây Nguyên với duyên hải Nam Trung Bộ, kết nối với các trục dọc, phát huy hiệu quả các dự án đã và đang đầu tư, kết nối các trung tâm kinh tế, cảng biển, đáp ứng nhu cầu vận tải, tạo dư địa, động lực, không gian phát triển vùng Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại; góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, xóa đói giảm nghèo; nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, từng bước thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

4.2. Phạm vi dự án

- Điểm đầu: Km0+000 (Km1415+250 lý trình QL.1: Nút giao giữa QL.26B và QL.1) thuộc khu vực cảng Nam Phong, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa;
- Điểm cuối: Km32+000 thuộc địa phận xã Ninh Tây, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa và khớp nối điểm đầu Dự án thành phần 2;
- Tổng chiều dài tuyến khoảng 31,5km, tuyến đi qua các xã, phường thuộc thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

4.3. Quy mô đầu tư xây dựng

4.3.1. Đường cao tốc

a) Cấp đường: Đường cao tốc cấp 100, vận tốc thiết kế $V_{tk}=100\text{km/h}$ theo tiêu chuẩn TCVN 5729:2012 “Đường ô tô cao tốc - Yêu cầu thiết kế” tuân thủ theo Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội.

b) Mặt cắt ngang: Giai đoạn hoàn chỉnh quy mô 04 làn xe với bề rộng nền đường $B_{nền}=24,75\text{m}$. Giai đoạn phân kỳ quy mô 04 làn xe với bề rộng nền đường $B_{nền}=17,0\text{m}$; các đoạn nền đường đào sâu tùy theo địa hình, địa chất từng đoạn thiết kế mặt cắt ngang theo giai đoạn hoàn chỉnh.

c) Mặt đường

- Tuyến chính: Mặt đường cấp cao A1, mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 191\text{Mpa}$.

- Các nhánh nút giao liên thông: Mặt đường cấp cao A1, mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 160\text{Mpa}$.

d) Công trình cầu

- Công trình cầu thiết kế bằng bê tông cốt thép và bê tông cốt thép dự ứng lực theo tiêu chuẩn TCVN 11823:2017 “Thiết kế cầu đường bộ”.

- Khổ cầu phù hợp khổ nền đường.

- Tải trọng thiết kế HL93.

đ) Nút giao:

- Đầu tư xây dựng 03 nút giao liên thông và liên thông khác mức đảm bảo

các nhánh kết nối phù hợp với quy mô giai đoạn hoàn chỉnh gồm: (i) Nút giao đầu tuyến kết nối với QL1 tại Km0+000, hình dạng nút giao: vòng xuyên; (ii) Nút giao CT01 (kết nối cao tốc Vân Phong - Nha Trang) tại Km7+713,66, hình dạng nút giao: hoa thị hoàn chỉnh; (iii) Nút giao QL26 tại Km20+963,66, giai đoạn hoàn chỉnh dạng kim cương (cao tốc vượt QL26), giai đoạn 1 xây dựng cầu vượt trực thông; đảm bảo kết nối êm thuận, đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác, vận hành và đảm bảo yếu tố kinh tế - kỹ thuật; trong TMDT của dự án có dự phòng kinh phí đầu tư nút giao liên thông hoàn chỉnh dạng kim cương với Quốc lộ 26 ngay trong giai đoạn 1 (trước năm 2026) theo chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Thông báo số 562-TB/TU ngày 16/01/2023 và Công văn số 3821-CV/VPTU ngày 07/2/2023.

- Giao cắt trực thông với đường địa phương, đường dân sinh: Xây dựng 02 cầu vượt trực thông trên các đường ngang vượt qua đường cao tốc và 15 hầm chui trên tuyến.

e) Tần suất thiết kế: Thiết kế đảm bảo tần suất $P = 1\%$.

4.3.2. Đường gom, đường ngang, hoàn trả đường dân sinh

- Cấp đường, mặt cắt ngang: phù hợp với đường hiện hữu, đường giao thông nông thôn loại A, B theo tiêu chuẩn TCVN 13080:2014 “Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế”.

- Tần suất thiết kế: Tần suất thiết kế theo quy định của cấp đường hoặc phù hợp với hiện trạng.

- Mặt đường: Bê tông nhựa, láng nhựa hoặc bê tông xi măng phù hợp với kết cấu mặt đường hiện trạng.

4.4. Giải pháp thiết kế chủ yếu

4.4.1. Hướng tuyến, bình đồ

- Hướng tuyến: Cơ bản tuân thủ theo quy hoạch đã được phê duyệt và Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi được duyệt, hướng tuyến cụ thể: Từ điểm đầu tại vị trí giao giữa QL.1 (Km1415+250 lý trình QL.1) với QL26B thuộc phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hoà tỉnh Khánh Hoà; tuyến đi về phía Tây sau khu vực đèo Bánh Ít, tuyến lần lượt cắt đường sắt Bắc Nam tại Km2+840, sông Lốp tại Km2+950, cao tốc Vân Phong - Nha Trang tại Km7+713, đến Km10+108 tuyến đổi hướng Tây Nam cắt TL.6 tại Km10+416, tuyến cắt qua sông Cái tại Km17+350 cách sân bay Dục Mỹ về phía Bắc khoảng 1,5km, tuyến tiếp tục cắt QL26 tại Km21+088 cách phía Tây khu vực quân sự khoảng 650m, cắt TL.5 tại Km22+397. Từ đây tuyến men theo sườn núi, nâng dần cao độ để lên đến điểm cuối Km32+000 (lý trình thực tế Km31+500) trước cửa hầm Phụng Hoàng.

- Bình diện tuyến thiết kế đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật của cấp đường, phù hợp với các quy hoạch có liên quan, giảm thiểu tối đa khối lượng giải phóng mặt bằng.

4.4.2. Trắc dọc

Thiết kế đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật của đường ô tô cao tốc, có xét đến giải pháp đầu tư giai đoạn hoàn chỉnh, đảm bảo tần suất thiết kế, phù hợp với điều kiện địa hình khu vực tuyến, đáp ứng tình hình không yêu cầu tại các vị trí giao cắt với đường quốc lộ, đường địa phương, đáp ứng yêu cầu kinh tế - kỹ thuật.

4.4.3. Mặt cắt ngang

a) Đường cao tốc: Giai đoạn hoàn chỉnh quy mô 04 làn xe với bề rộng nền đường $B_{nền} = 24,75m$. Giai đoạn phân kỳ quy mô 04 làn xe với bề rộng nền đường $B_{nền} = 17,0m$; các đoạn nền đường đào sâu tùy theo địa hình, địa chất từng đoạn tuyến thiết kế mặt cắt ngang theo giai đoạn hoàn chỉnh.

b) Đường gom, đường ngang, hoàn trả đường dân sinh: Theo quy mô $B_{nền} = 5,0m$, $B_{mặt} = 3,5m$ đường giao thông nông thôn loại B hoặc $B_{nền} = 6,0m$, $B_{mặt} = 5,0m$ đường giao thông nông thôn loại A (khu vực miền núi); đoạn đi trùng đường hiện trạng, thực hiện hoàn trả theo quy mô đường hiện trạng.

4.4.4. Nền đường

a) Tuyến cao tốc

- Nền đường đắp

+ Đảm bảo yêu cầu về độ chặt và khả năng chịu tải của đất nền theo tiêu chuẩn áp dụng cho đường ô tô cao tốc. Trước khi đắp nền đường thực hiện đào bỏ lớp đất không thích hợp và đánh cấp (nếu có).

+ Độ dốc mái taluy bên phải (bên hoàn thiện) áp dụng là 1/2; độ dốc mái taluy bên trái (bên phân kỳ) áp dụng là 1/1,5; đối với các vị trí đắp cao trên 8,0m, nền đường được giạt cấp, giữa các cấp tạo một bậc thêm rộng $B = 2,0m$.

- Nền đường đào: Ta luy nền đường độ dốc từ 1/0,5 đến 1/1,5 tùy thuộc vào điều kiện địa chất. Khi chiều sâu đào > 8m được đào giạt cấp, chiều cao mỗi bậc từ 8 - 12m (theo địa chất), giữa các bậc bố trí rãnh bậc rộng 2m.

b) Đường gom, đường ngang, đường hoàn trả: Theo yêu cầu kỹ thuật của cấp đường tương ứng.

4.4.5. Mặt đường

a) Đường cao tốc: Mặt đường cấp cao A1 đảm bảo mô đun đàn hồi yêu cầu; lớp mặt trên cùng bằng hỗn hợp bê tông nhựa cải thiện, lớp mặt chịu lực bằng bê tông nhựa chặt; tầng móng trên bằng các lớp hỗn hợp nhựa bán rỗng, hỗn hợp cấp phối đá dăm gia cố xi măng; tầng móng dưới bằng cấp phối đá dăm.

b) Các nhánh nút giao: Mặt đường cấp cao A1 đảm bảo mô đun đàn hồi yêu cầu; lớp mặt trên cùng bằng hỗn hợp bê tông nhựa cải thiện, lớp mặt chịu lực bằng bê tông nhựa chặt; tầng móng trên bằng các lớp hỗn hợp nhựa bán rỗng; tầng móng dưới bằng cấp phối đá dăm.

c) Đường ngang, đường gom, đường hoàn trả: Bê tông nhựa, láng nhựa hoặc bê tông xi măng phù hợp với kết cấu mặt đường hiện trạng.

4.4.6. Thiết kế giao cắt

a) Giao cắt liên thông

Đầu tư xây dựng 03 nút giao liên thông khác mức đảm bảo các nhánh kết nối phù hợp với quy mô giai đoạn hoàn chỉnh.

- Nút giao đầu tuyến với QL1 và QL26B - Km0+00 giao bằng dạng vòng xuyên.

- Nút giao với cao tốc Vân Phong - Nha Trang (CT.01) - Km7+713,66 giao khác mức liên thông dạng hoa thị hoàn chỉnh.

- Nút giao QL26 - Km21+88,63 giai đoạn hoàn chỉnh dạng kim cương (cao tốc vượt QL26), giai đoạn 1 xây dựng cầu vượt trực thông và dự phòng kinh phí đầu tư nút giao liên thông hoàn chỉnh dạng kim cương với Quốc lộ 26 ngay trong giai đoạn 1 (trước năm 2026).

b) Giao cắt trực thông

- Cầu vượt trực thông: Xây dựng 02 cầu trên các đường ngang vượt qua đường cao tốc; cầu vượt thiết kế đảm bảo phù hợp với giai đoạn mở rộng đường cao tốc theo quy mô quy hoạch.

- Hầm chui dân sinh: Đầu tư xây dựng 15 hầm chui trên tuyến; kết cấu bằng bê tông cốt thép đổ tại chỗ, móng trên nền thiên nhiên hoặc trên hệ cọc bê tông cốt thép. Số lượng, vị trí hầm chui dân sinh sẽ được tiếp tục nghiên cứu trong bước thiết kế tiếp theo.

4.4.7. Công trình cầu:

Đầu tư xây dựng 21 cầu trong đó: 18 cầu trên tuyến chính và 03 cầu trên đường ngang, đường gom, cụ thể như sau:

- Giai đoạn phân kỳ: xây dựng đơn nguyên cầu quy mô $B_{\text{cầu}}=17,5\text{m}$; gồm 4 làn xe $4 \times 3,5\text{m}=14,0\text{m}$; dải phân cách giữa và dải an toàn $3 \times 0,5\text{m}+2 \times 0,5\text{m}=2,5\text{m}$; lan can $2 \times 0,5\text{m}=1,0\text{m}$; Giai đoạn hoàn chỉnh: xây dựng mở rộng cầu (mở rộng $7,5\text{m}$) để đảm bảo quy mô $B=25,0\text{m}$. Đối với các cầu trong đoạn Km0+000 - Km8+500: $B_{\text{cầu}}=24,75\text{m}$, gồm 4 làn xe $4 \times 3,75\text{m}=15,0\text{m}$; dải phân cách giữa và dải an toàn $3 \times 0,75\text{m}+2 \times 3,0\text{m}+2 \times 0,25\text{m}=8,75\text{m}$; lan can $2 \times 0,5\text{m}=1,0\text{m}$. Đối với cầu Cửa Đông kết nối với hầm Phước Hoàng (dự án thành phần 2) đầu tư hoàn chỉnh 2 đơn nguyên, bề rộng mỗi đơn nguyên $B_{\text{cầu}}=12,5\text{m}$.

- Dốc ngang hai mái đảm bảo 4 làn xe cơ giới, tim cầu phân kỳ trùng với tim tuyến giai đoạn phân kỳ.

- Các cầu nằm trong đường cong được mở rộng đảm bảo tầm nhìn theo quy định của tiêu chuẩn thiết kế đường cao tốc TCVN 5729-2012.

- Cầu trong nút giao liên thông CT01: Bề rộng cầu $B_{\text{cầu}}=29,25\text{m}$ phù hợp với quy mô nền đường trong nút giao.

- Cầu trên đường ngang, đường gom: Bề rộng cầu phù hợp với quy mô đường hiện hữu, có xem xét để phù hợp với quy hoạch (nếu có).

- Kết cấu phần trên sử dụng dầm BTCT dự ứng lực (dầm bản, dầm I, dầm

Super-T).

- Kết cấu phần dưới: Mổ, trụ bằng bê tông cốt thép đặt trên nền thiên nhiên hoặc đặt trên hệ móng cọc bê tông cốt thép. Cao độ đáy móng, chiều dài cọc, số lượng cọc là dự kiến, trong bước tiếp theo căn cứ vào số liệu khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, kết quả tính toán kết cấu để xác định cho phù hợp, đảm bảo kinh tế - kỹ thuật, ổn định công trình lâu dài.

- Thống kê công trình cầu theo hồ sơ trình:

TT	Tên cầu	Lý trình	Sơ đồ nhịp	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Loại dầm	Ghi chú
I. Cầu trên cao tốc							
1	Cầu Sông Lốp	Km2+900	39,1 + 8x40 + 39,1	412,4	24,75	Dầm Super T	
2	Cầu An Đông Trung	Km4+68,95	1x18	30,1	24,75	Dầm bản	
3	Cầu Mông Phú	Km5+200	1x33	45,1	24,75	Dầm I	
4	Cầu Thân Trung Thượng	Km6+517	1x18	30,1	24,75	Dầm bản	
5	Cầu Tân Lâm 1	Km6+979,77	3x33	111,24	24,75	Dầm I	
6	Cầu vượt nút giao CT01	Km7+713,66	41,6 + 45 + 41,6	144,4	29,25	Dầm Super T	
7	Cầu suối Sim	Km16+200	3x33	122,64	17,5	Dầm I	
8	Cầu Sông Cái	Km17+350	39,1 + 40 + 39,1	128,4	17,5	Dầm Super T	
9	Cầu Tân Lập	Km17+743	1x38,2	48,3	17,5	Dầm Super T	
10	Cầu vượt QL26	Km20+963,8	39,1 + 3x40 + 39,1	212,4	17,5	Dầm Super T	
11	Cầu vượt DT5	Km22+377,06	39,1 + 4x40 + 39,1	254,9	17,5	Dầm Super T	
12	Cầu Bùng	Km23+887,27	39,1 + 40 + 39,1	132,4	17,5	Dầm Super T	
13	Cầu Km26	Km26+056,77	39,1 + 3x40 + 39,1	231,8	17,5	Dầm Super T	
14	Cầu Hồn Lai	Km27+142,24	39,1 + 13x40 + 39,1	613,4	17,5	Dầm Super T	
15	Cầu Km28	Km28+341,9	39,1 + 3x40 + 39,1	211,9	17,5	Dầm Super T	

16	Cầu Km29	Km29+457,72	39,1 + 5x40 +39,1	303,1	17,5	Dầm Super T	
17	Cầu Km30	Km30+518,31	39,1 + 11x40 +39,1	537,9	18,3	Dầm Super T	
18	Cầu cửa Đông						
18.1	Cầu cửa Đông – Đơn nguyên trái	Km31+018,31	39,1 + 6x40 + 39,1	336,4	12,5	Dầm Super T	
18.2	Cầu cửa Đông – Đơn nguyên phải	Km31+018,31	39,1 + 7x40 + 39,1	374,4	12,5	Dầm Super T	
II. Cầu vượt ngang							
1	Cầu vượt DT6	Km10+368	40,35+42,5+ 41,25 +39,1	181,4	12	Dầm Super T	
2	Cầu vượt Ea Krông Rou	Km15+224,06	1x38,2	52,31	9	Dầm Super T	
III. Cầu trên đường ngang							
1	Cầu Đò Ninh Sim	Km 17+235	3x33	111,34	7,5	Dầm I	

Ghi chú: Đối với vị trí cầu Đò Ninh Sim tương ứng lý trình Km17+235 tuyến chính, vượt Sông Cái kết nối đường gom với đường liên xã thôn Tân Lập: Chưa tính chi phí đầu tư xây dựng vào Tổng mức đầu tư, tuy nhiên vẫn giữ nguyên vị trí và khẩu độ theo hồ sơ thiết kế cơ bản đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa chấp thuận tại Công văn số 10073/UBND-XDND ngày 17/10/2022 và sẽ xem xét đầu tư sau trong quá trình triển khai thực hiện dự án theo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Công văn số 3821-CV/VPTU ngày 07/2/2023.

4.4.8. Hệ thống thoát nước

- Hệ thống thoát nước ngang: Xây dựng hệ thống thoát nước ngang bảo đảm thoát nước và phục vụ thủy lợi.

- Hệ thống thoát nước dọc: Xây dựng mới hệ thống rãnh dọc, rãnh biên... bảo đảm thoát nước nền, mặt đường.

- Hoàn trả kênh, mương đối với các đoạn tuyến đi trùng hệ thống kênh, mương hiện hữu.

4.4.9. Đường gom, đường ngang, hoàn trả đường dân sinh:

Đầu tư xây dựng hệ thống đường gom, đường ngang, hoàn trả đường dân sinh dọc hai bên tuyến (không liên tục) với quy mô tối thiểu theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn cấp B; kết cấu mặt đường bê tông nhựa, láng nhựa hoặc bê tông xi măng phù hợp với kết cấu mặt đường hiện trạng. Chiều dài, phạm vi, kết cấu mặt đường sẽ được tiếp tục xác định chính xác trong bước thiết kế tiếp theo.

4.4.10. Công trình phục vụ khai thác

Hệ thống giao thông thông minh (ITS): Đầu tư xây dựng một số hạng mục hạ tầng của hệ thống giao thông thông minh (bể cấp, ống bảo vệ cáp, bể móng cột).

4.4.11. Các công trình khác

- Hệ thống an toàn giao thông: Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống an toàn giao thông phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT; dải phân cách giữa bằng bê tông cốt thép có thiết kế chống chói.

- Hàng rào: Bố trí hàng rào bảo vệ dọc theo hai bên tuyến.

- Công trình phòng hộ: Gia cố mái taluy bằng trồng cỏ, tấm ốp bê tông, khung bê tông kết hợp đinh neo, đá học xây... đảm bảo ổn định công trình.

- Tường chắn: Bố trí tường chắn bê tông xi măng, bê tông cốt thép, tường chắn có cốt, ... tại các vị trí hạn chế mặt bằng hoặc địa hình khó khăn.

- Điện chiếu sáng: Bố trí tại nút giao liên thông trên tuyến và các công trình hầm.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Liên danh Công ty Cổ phần Tư vấn Trường Sơn và Công ty Cổ phần T27.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng

- Địa điểm: thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Diện tích đất sử dụng: Dự kiến diện tích sử dụng đất khoảng 229,26ha.

7. Nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng công trình chính theo thiết kế

- Nhóm dự án: Dự án quan trọng quốc gia.

- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông đường bộ, cấp I.

- Thời hạn sử dụng công trình chính theo thiết kế: Theo tiêu chuẩn thiết kế được áp dụng.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- Thiết kế 03 bước: Thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công.

- Danh mục tiêu chuẩn: Theo Quyết định số 3352/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho Dự án thành phần 1 thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1.

9. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí trong TMBT

Tổng mức đầu tư: **5.333,307 tỷ đồng** (Bằng chữ: Năm ngàn, ba trăm ba mươi ba tỷ, ba trăm lẻ bảy triệu đồng). Trong đó:

Đơn vị: tỷ đồng

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ GPMB (gồm dự phòng):	606,699
- Chi phí xây dựng, thiết bị:	3.994,840
- Chi phí quản lý dự án, tư vấn và chi phí khác:	251,900

- Chi phí dự phòng:

479,868

10. Tiến độ thực hiện dự án: Chuẩn bị đầu tư, thực hiện Dự án từ năm 2022, cơ bản hoàn thành một số đoạn tuyến có lưu lượng giao thông lớn năm 2025, cơ bản hoàn thành toàn tuyến năm 2026 và hoàn thành đưa vào khai thác đồng bộ toàn Dự án năm 2027.

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

- Nguồn vốn cho Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1: Nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 là 15.096 tỷ đồng (trong đó: ngân sách trung ương: 13.831 tỷ đồng; ngân sách địa phương 1.265 tỷ đồng); Nguồn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026-2030 là 6.839 tỷ đồng.

- Dự kiến phân bổ nguồn vốn Dự án thành phần 1 theo tiến độ Dự án và Nghị quyết số 58/2022/QH15 của Quốc hội: Năm 2023: 902,5 tỷ đồng; Năm 2024: 1488,0 tỷ đồng; Năm 2025: 1487,0 tỷ đồng; Năm 2026: 1455,807 tỷ đồng.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các Công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa tổ chức thực hiện quản lý dự án..

13. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

- Giải phóng mặt bằng cho quy mô 04 làn xe theo Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa-Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

- Phạm vi được xác định theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 và Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 ngày 9 ngày 2013 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Tổng diện tích thu hồi đất khoảng 229,26ha.

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ GPMB (gồm dự phòng): 606,699 tỷ đồng.

- Tổ chức thực hiện: Tách công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành tiểu dự án riêng, do Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa tổ chức thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban QLDA Đầu tư xây dựng các Công trình Giao thông tỉnh:

- Chịu trách nhiệm triển khai thực hiện dự án theo đúng Điều 1 của Quyết định này, tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước về Quản lý đầu tư và xây dựng, các quy định pháp luật có liên quan, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa trong phạm vi các quyền và nghĩa vụ theo quy định

- Trên cơ sở hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi được duyệt, Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa khẩn trương tổ chức rà soát, cập nhật hồ sơ thiết kế cắm cọc giải phóng mặt bằng theo quy định tại điểm a khoản

3 Điều 1 Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 25/7/2022 của Chính phủ và hoàn thiện các thủ tục liên quan, bàn giao cho các Chủ đầu tư tiêu dự án thành phần giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện Dự án đảm bảo tiến độ yêu cầu.

- Về việc đầu tư hoàn chỉnh nút giao với Quốc lộ 26: Trong quá trình triển khai dự án, chủ trì phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các đơn vị liên quan đề xuất, tham mưu UBND tỉnh hoàn thiện các thủ tục pháp lý để đầu tư nút giao QL.26 liên thông hoàn chỉnh trước năm 2026.

- Về việc đầu tư Cầu Đò - Ninh Sim trên đường gom tương ứng với lý trình Km17+235 trên tuyến chính: Nghiên cứu, rà soát các giải pháp thiết kế, dự toán trong các bước thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và các thủ tục pháp lý liên quan để triển khai thực hiện đầu tư xây dựng cầu Đò Ninh Sim làm cơ sở xây dựng hoàn thiện tuyến đường gom liên xã thôn Tân Lập, đảm bảo kết nối giao thông phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân trong khu vực theo kết luận số 3821-CV/VPTU ngày 07/02/2023 của Ban Thường vụ tỉnh Khánh Hòa.

- Ban QLDA Đầu tư xây dựng các Công trình Giao thông tỉnh và các đơn vị tư vấn hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về pháp lý, tính chính xác của số liệu khảo sát, tính toán thiết kế trong hồ sơ BCNCKT dự án và các nội dung trình thẩm định, phê duyệt dự án.

- Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo Quyết định số 3743/QĐ-BTNMT ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa

- Buôn Ma Thuật giai đoạn 1.

- Chủ động phối hợp với các chủ đầu tư dự án có liên quan (Ban QLDA 7, Ban QLDA 6) để thống nhất về giải pháp thiết kế đồng bộ, đảm bảo tiến độ chung, tính tổng thể và thống nhất của toàn dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuật.

- Chủ động phối hợp Ban QLDA 6 để hoàn thiện các thủ tục liên quan đến việc thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án đảm bảo tuân thủ quy định.

- Kiện toàn tổ chức và nhân sự, đảm bảo đủ năng lực điều hành, quản lý dự án, chịu trách nhiệm thực hiện dự án đáp ứng yêu cầu tiến độ, chất lượng theo yêu cầu Nghị quyết số 58/2022/QH15 của Quốc Hội, Nghị quyết số 89/NQ-CP của Chính Phủ và chỉ đạo của UBND tỉnh tại Quyết định kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức số 499/QĐ-UBND ngày 07/3/2023.

- Trong bước lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, yêu cầu Ban QLDA ĐTXD các Công trình Giao thông tỉnh lưu ý:

- + Tổ chức thực hiện khảo sát xây dựng (địa chất, địa hình, thủy văn,...) theo đúng quy định để phục vụ triển khai thiết kế chi tiết, đảm bảo giải pháp thiết kế hợp lý nhất, tiết kiệm, tránh lãng phí và đảm bảo hiệu quả đầu tư và tiến độ yêu cầu.

Trong đó, lưu ý tổ chức đào thăm dò, khảo sát chi tiết hiện trạng các công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu vực dự án, từ đó có giải pháp đảm bảo an toàn cho các công trình hạ tầng kỹ thuật trong giai đoạn thi công và trong giai đoạn khai thác, sử dụng; đảm bảo thi công đồng bộ với các hạng mục của Dự án.

+ Tiếp tục rà soát, chuẩn xác các tính toán, làm cơ sở lựa chọn phương án thiết kế kết cấu an toàn về mặt kỹ thuật, tiết kiệm, hiệu quả về mặt kinh tế; kết nối đồng bộ với các công trình, dự án có liên quan; xây dựng các phương án tổ chức thi công, đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động, bảo vệ môi trường; tư vấn thẩm tra cần có bảng tính kiểm toán độc lập, làm cơ sở đánh giá tính chính xác của các kết quả thiết kế. Kết cấu các hạng mục công trình, các giải pháp kỹ thuật được phép thay đổi ở các bước thiết kế sau theo hướng nâng cao chất lượng công trình và hiệu quả của dự án và phải thực hiện đầy đủ các thủ tục theo đúng quy định.

+ Tiếp tục phối hợp, làm việc với UBND thị xã Ninh Hòa để rà soát, thỏa thuận bổ sung các vị trí hầm chui, đường gom (nếu có) để đảm bảo việc kết nối đảm bảo điều kiện lưu thông thuận lợi của người dân khu vực.

+ Tiếp tục rà soát, cập nhật các tiêu chuẩn kỹ thuật trình duyệt điều chỉnh, bổ sung đảm bảo phù hợp với giải pháp thiết kế, công nghệ thi công và nghiệm thu đảm bảo sự hài hòa, đồng bộ trong toàn bộ các tiêu chuẩn được áp dụng cho dự án.

+ Về tổ chức giao thông khu vực dự án: tiếp tục nghiên cứu, đánh giá toàn diện, trong đó cập nhật tiến độ thực hiện các dự án liên quan trong khu vực để có phương án tổ chức giao thông phù hợp cho từng giai đoạn, đảm bảo thuận lợi, an toàn; trong đó, lưu ý nghiên cứu chi tiết giải pháp tổ chức giao thông tại khu vực nút giao đầu tuyến với Quốc lộ, nút giao với cao tốc Bắc – Nam và nút giao với Quốc lộ 26.

+ Tổ chức thẩm tra an toàn giao thông theo quy định.

+ Lập kế hoạch, tiến độ tổng thể, chi tiết để triển khai dự án, đảm bảo tuân thủ khởi công dự án trước ngày 30/6/2023 và phù hợp với tiến độ triển khai hoàn thành toàn Dự án theo Nghị quyết số 58/2022/QH15 của Quốc Hội, Nghị quyết số 89/NQ-CP của Chính Phủ.

- Trong quá trình triển khai dự án, yêu cầu Ban QLDA ĐTXD các Công trình Giao thông tỉnh:

+ Có trách nhiệm thực hiện đầy đủ, chặt chẽ và đúng quy định các công tác giám sát, đánh giá đầu tư; thực hiện Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng; quản lý đầu tư xây dựng, quản lý đấu thầu, quản lý chất lượng công trình, tiến độ, chi phí đầu tư, không để thất thoát lãng phí. Nghiên cứu áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành dự án (trong đó, có mô hình quản lý thông tin công trình (BIM)).

+ Ngày 02/4/2021, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 348/QĐ-BXD công bố “Hướng dẫn chung áp dụng Mô hình thông tin công trình (BIM)”. Bộ Xây dựng cũng đã dự thảo “Lộ trình áp dụng Mô hình thông tin công trình (BIM) trong hoạt động xây dựng” để trình Thủ tướng Chính phủ ban hành, trong đó dự

kiến xác định "... từ năm 2023 áp dụng BIM bắt buộc đối với các công trình cấp I, cấp đặc biệt của dự án sử dụng vốn đầu tư công... bắt đầu thực hiện các công việc chuẩn bị dự án và tổ chức triển khai thực hiện dự án." và giao trách nhiệm tổ chức thực hiện đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Chủ đầu tư và các đơn vị trực thuộc có liên quan chuẩn bị các nguồn lực cần thiết. Do đó yêu cầu Ban QLDA ĐTXD các Công trình Giao thông tỉnh bổ sung ngay kế hoạch và chuẩn bị các nguồn lực cần thiết để kịp thời tổ chức thực hiện, không để bị động.

+ Các chi phí tính toán sơ bộ và chi phí khảo sát công trình, Ban QLDA ĐTXD các Công trình Giao thông tỉnh tiếp tục rà soát, tính toán để tính đúng, tính đủ đảm bảo hiệu quả tiết kiệm chi phí đầu tư.

2. Sở Giao thông vận tải:

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước liên quan đến dự án; kịp thời tham mưu, đề xuất giải quyết các khó khăn vướng mắc phát sinh vượt thẩm quyền đề UBND tỉnh xem xét, quyết định theo đúng quy định.

- Phối hợp với Ban QLDA ĐTXD các Công trình Giao thông tỉnh và các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh hoàn thiện các thủ tục pháp lý để đầu tư nút giao QL.26 liên thông hoàn chỉnh trước năm 2026 theo chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Thông báo số 562-TB/TU ngày 16/01/2023 và Công văn số 3821-CV/VPTU ngày 07/2/2023.

- Cơ quan đầu mối, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Giao thông vận tải, các Sở, ngành, địa phương liên quan theo dõi, cập nhật tiến độ của dự án thành phần 1, bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ của toàn Dự án, kịp thời tham mưu, báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết hoặc báo cáo Bộ Giao thông vận tải, Thủ tướng Chính phủ các khó khăn, vướng mắc (nếu có).

3. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với Ban QLDA ĐTXD các Công trình Giao thông tỉnh, tư vấn và các sở ngành, đơn vị liên quan tiếp tục rà soát, đánh giá trữ lượng, chất lượng, tính khả thi, khả năng đáp ứng nguồn vật liệu xây dựng thông thường cung cấp cho Dự án thành phần 1. Trong trường hợp nguồn vật liệu thực tế không đảm bảo nhu cầu cung cấp theo tiến độ thực hiện dự án, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp, đảm bảo cung cấp nguồn vật liệu xây dựng cho dự án.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường của chủ đầu tư theo Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

- Chịu trách nhiệm đối với các vấn đề liên quan đến chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành đối với dự án.

4. Sở Xây dựng:

- Kiểm tra, kiểm soát, quản lý chặt chẽ giá vật liệu xây dựng; thường xuyên theo dõi, bám sát diễn biến của thị trường xây dựng để kịp thời cập nhật, điều chỉnh,

công bố giá vật liệu xây dựng thông thường theo quy định của pháp luật.

- Chủ trì hướng dẫn Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan thực hiện công tác đầu tư xây dựng các khu tái định cư, di dời hạ tầng kỹ thuật và các vấn đề liên quan đến quản lý chất lượng công trình.

- Hướng dẫn, giải quyết theo thẩm quyền hoặc tham mưu kịp thời cho UBND tỉnh tháo gỡ những khó khăn vướng mắc liên quan đến quản lý dự án, quản lý chi phí, định mức xây dựng, vật liệu xây dựng, quản lý chất lượng thi công và hợp đồng xây dựng.

- Chịu trách nhiệm đối với các vấn đề liên quan đến chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành đối với dự án.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh đối với các nội dung liên quan đến việc thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án đảm bảo tuân thủ quy định.

- Chủ trì, hướng dẫn Ban QLDA ĐTXD các Công trình Giao thông tỉnh hoàn thiện phương án thiết kế đầu nối hạ tầng của dự án với các công trình thủy lợi, kênh, mương có chức năng tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp thuộc chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành.

- Chịu trách nhiệm đối với các vấn đề liên quan đến chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành đối với dự án.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Ban QLDA ĐTXD các Công trình Giao thông tỉnh và các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí, giải pháp huy động nguồn vốn cho dự án.

- Chủ trì thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đảm bảo yêu cầu về tiến độ theo kế hoạch đề ra.

- Tham mưu UBND tỉnh Quyết định giao nhiệm vụ cho UBND thị xã Ninh Hòa thực hiện công tác giải phóng mặt bằng phục vụ dự án thành phần 1 thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 tuân thủ quy định.

- Chịu trách nhiệm đối với các vấn đề liên quan đến chức năng quản lý nhà nước đối với dự án.

7. Sở Tài chính:

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, đề xuất UBND tỉnh các thủ tục liên quan đến bố trí vốn cho dự án; đảm bảo tiến độ thực hiện dự án;

- Hướng dẫn, giải quyết theo thẩm quyền các nội dung về thuế, phí, lệ phí liên quan đến dự án; chủ trì tham mưu UBND tỉnh phương án thu hồi vốn đầu tư dự án, hoàn trả vào ngân sách trung ương và địa phương; tham mưu UBND tỉnh các thủ tục phát hành trái phiếu chính quyền địa phương (nếu có);

- Hướng dẫn Chủ đầu tư các thủ tục liên quan đến công tác thanh, quyết toán dự án hoàn thành theo quy định;

- Chịu trách nhiệm đối với các vấn đề liên quan đến chức năng quản lý nhà nước liên quan đến dự án.

8. Kho bạc Nhà nước tỉnh:

Hướng dẫn Chủ đầu tư các thủ tục liên quan đến công tác tạm ứng và giải ngân vốn đầu tư công theo quy định.

9. Công an tỉnh:

- Chủ trì, hướng dẫn Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan về công tác đảm bảo an toàn phòng cháy và chữa cháy, đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn giao thông trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

- Tổ chức theo dõi quá trình triển khai thực hiện dự án, kịp thời dự báo, phát hiện, tham mưu, đề xuất cấp thẩm quyền chấn chỉnh từ xa, từ sớm những vấn đề có nguy cơ thiếu sót, sai phạm (nếu có) để khắc phục và xử lý các sai phạm theo chức năng, thẩm quyền.

10. Ủy ban nhân dân thị xã Ninh Hòa:

- Tiếp tục tăng cường tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ dự án tuân thủ quy định và đảm bảo tiến độ yêu cầu.

- Chủ động rà soát các Đồ án quy hoạch có liên quan đến dự án trên địa bàn, cập nhật, điều chỉnh quy hoạch, nhằm bảo đảm đầy đủ cơ sở pháp lý và tiến độ thực hiện dự án.

- Chủ động phối hợp với Ban QLDA ĐTXD các Công trình Giao thông tỉnh và các cơ quan liên quan giải quyết các khó khăn vướng mắc khi triển khai dự án.

11. Các Sở ngành, đơn vị có liên quan:

- Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị để hướng dẫn, kiểm tra, giám sát đảm bảo việc thực hiện dự án theo đúng các nội dung tại Quyết định phê duyệt dự án và quy định của pháp luật hiện hành;

- Các Sở quản lý chuyên ngành hướng dẫn chủ đầu tư, đơn vị quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật bị ảnh hưởng bởi dự án các thủ tục liên quan đến công tác bồi thường, di dời hạ tầng kỹ thuật; tổ chức thẩm định, phê duyệt dự toán bồi thường, hỗ trợ di dời và kiểm tra, giám sát việc thực hiện di dời các công trình hạ tầng kỹ thuật bị ảnh hưởng bởi dự án theo đúng quy định.

- Các đơn vị quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật bị ảnh hưởng bởi dự án khẩn trương phối hợp với chủ đầu tư hoàn thành các thủ tục liên quan đến công tác bồi thường, di dời công trình hạ tầng kỹ thuật theo đúng quy định, đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Công Thương, Khoa học nhà nước tỉnh Khánh Hòa; Chủ tịch UBND thị xã Ninh Hòa, Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong; Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Bộ: GTVT, KH&ĐT, TN&MT;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh "báo cáo";
- Chủ tịch và các PTC UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các phòng: KT, TH-VP UBND tỉnh;
- Trung tâm công báo Khánh Hòa;
- Lưu: VT, KN, SV, HN, CN, TV.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tấn Tuân

TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

ĐU' AN THANH PHAN I DOAN KM0+00 -> KM32+00
THUOC DU' AN XAY DUNG DUONG BO CAO TỐC KHANH HOA - BU'ON MA THU'OT, GIAI DOAN I

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	NG (%)	HỆ SỐ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
I Chi phí GPMB, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư									
1	Chi phí GPMB, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư			bằng tiền	606.699.200.000		606.699.200.000	G _{GPMB}	
2	Chi chuyển đổi đất nông nghiệp				806.699.200.000		806.699.200.000		
II Chi phí xây dựng									
1	Thuyết và công trình kiến trúc			Dự toán chi trả	3.031.493.028.000	383.140.303.000	3.994.642.329.000	G _{KT}	
2	Chi triển khai			Dự toán chi trả	1.021.614.893.837	192.161.489.384	2.113.776.383.220		
3	Điền địa sản			Dự toán chi trả	1.612.334.574.872	161.233.457.467	1.773.568.032.339		
4	Chi phí mua đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư			Dự toán chi trả	15.297.117.275	1.529.711.727	16.826.829.000		
5	Hệ thống ITS			Dự toán chi trả	13.983.069.630	1.398.306.963	15.381.376.593		
6	Chi phí kinh phí tư vấn QLĐT (theo ý kiến của CV QĐ DTXD tại tháng báo tham danh 4/2023 QLĐT-QĐND3 ngày 08/3/2023)			ngon tính	68.263.370.909	6.826.337.091	75.089.708.000		Chưa tính các khoản mục chi phí tư vấn, QLĐT, chi phí khác, chi phí dự phòng, tăng thêm tỷ lệ chi phí tập trung đối với hàng mục này
III Chi phí thiết bị									
1	Thiết bị điện chiếu sáng			bằng giá	178.962.000	17.896.200	196.858.000	G _{SB}	
2	Thiết bị hệ thống ITS			Tổng tính	178.962.000	17.896.200	196.858.000		
IV Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng									
1	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	0,774%		N ⁰ *(G _{KT} +G _{SB} +G _{ITS})	37.576.662.000	11.231.244.000	27.576.662.000	G _{TV}	Bảng 1.1, PL.8-TT 12/2021/TT-BXD
V Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư									
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư				363.530.239	29.084.741	392.614.980		
2	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư				25.999.478.704	2.079.093.296	28.078.572.000		
3	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư				829.664.815	66.273.185	895.938.000		
4	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư				826.225.926	66.098.074	892.324.000		
5	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư				457.687.027	36.614.962	494.302.000		
6	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư				36.263.000	3.626.300	39.889.300		
7	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư				2.000.000	200.000	2.200.000		
8	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư				2.000.000	200.000	2.200.000		
VI Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư									
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư			Dự kiến	19.344.523.354	1.934.452.339	21.278.975.693		Phụ thuộc tổng bằng phẳng 500m Km, địa hình khu vực 1/1000 1/500 Km
2	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	3,231%		N ⁰ *(G _{KT} +G _{SB})	528.533.364	37.837.216	566.370.580		Bảng 2.22, PL.8-TT 12/2021/TT-BXD
3	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	0,307%		N ⁰ *(G _{KT} +G _{SB} +G _{ITS})	18.616.130.631	1.861.615.063	20.477.745.694		Bảng 2.3, PL.8-TT 12/2021/TT-BXD
4	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư			N ⁰ *(G _{KT} +G _{SB} +G _{ITS})	16.089.689.907	1.608.968.997	17.698.658.904		
5	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	0,307%	1,3	N ⁰ *(G _{KT} +G _{SB} +G _{ITS})	1.646.460.664	164.646.066	1.811.106.730		
6	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	0,029%		N ⁰ *(G _{KT} +G _{SB} +G _{ITS})	1.042.820.870	104.282.087	1.147.102.957		
7	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	0,027%		N ⁰ *(G _{KT} +G _{SB} +G _{ITS})	979.348.168	97.934.817	1.077.283.000		
8	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	3,342%		N ⁰ *(G _{KT} +G _{SB} +G _{ITS})	239.221.023	23.922.102	263.143.125		

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Nt (%)	HỆ SỐ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ THUỐC THIẾT	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KỶ HIỆU	GHI CHÚ
8	Chi phí thẩm tra TK/HVTC	0,00%		Nt*GT.05.044	417.164.272	-41.716.927	458.885.099		
9	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công công trình xây dựng	55%		Dự kiến	10.538.892.847	1.023.888.285	11.562.771.131		
10	Chi phí thẩm tra an toàn giao thông trước TKKT			Dự kiến					
11	Chi phí thẩm định giá xây dựng công trình	0,00%		Nt*GT.05	31.065.565.344	2.106.836.534	33.171.901.878		Điểm 3, NĐ 10/2017/NĐ-CP
12	Chi phí giám sát thi công xây dựng công trình	0,67%		Nt*GT.05	1.211.573	121.157	1.332.730		Điểm 2, 24, 19, 6, 7, 12/2017/TT-BXD
13	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	0,67%		Nt*GT.05					Điểm 2, 18, 19/2017/TT-BXD
14	Chi phí lắp HVSC, đánh giá HSDX các gói thầu tư vấn								
14.1	Tư vấn khảo sát, lập TKKT, dự toán xây dựng công trình	0,20%		Nt*GT.05	85.515.481		85.515.481		Điểm 4 Nghị định 63/2014/NĐ-CP
14.2	Tư vấn Giám sát thi công xây dựng công trình	0,20%		Nt*GT.05	2.000.000		2.000.000		Điểm 4 Nghị định 63/2014/NĐ-CP
14.3	Tư vấn thẩm định giá TKKT	0,20%		Nt*GT.05	2.000.000		2.000.000		Điểm 4 Nghị định 63/2014/NĐ-CP
14.4	Tư vấn thẩm tra bộ sơ đồ BTTC	0,20%		Nt*GT.05	2.000.000		2.000.000		Điểm 4 Nghị định 63/2014/NĐ-CP
14.5	Tư vấn khảo sát, lập phương án BT (thiết kế) công và dự toán công tác tư vấn giám sát thi công	0,20%		Nt*GT.05	2.000.000		2.000.000		Điểm 4 Nghị định 63/2014/NĐ-CP
14.6	Tư vấn giám sát thi công	0,20%		Nt*GT.05	2.000.000		2.000.000		Điểm 4 Nghị định 63/2014/NĐ-CP
14.7	Tư vấn quản lý thi công	0,20%		Nt*GT.05	6.000.000		6.000.000		Điểm 4 Nghị định 63/2014/NĐ-CP
14.8	Tư vấn thẩm tra TKKT - dự toán	0,20%		Nt*GT.05	4.428.747		4.428.747		Điểm 4 Nghị định 63/2014/NĐ-CP
14.9	Giai thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng	0,20%		Nt*GT.05	46.343.804		46.343.804		Điểm 4 Nghị định 63/2014/NĐ-CP
14.10	Giai thầu thi công	0,20%		Nt*GT.05	11.105.967		11.105.967		Điểm 4 Nghị định 63/2014/NĐ-CP
14.11	Giai thầu giám định thiết bị công trình	0,20%		Nt*GT.05	6.000.000		6.000.000		Điểm 4 Nghị định 63/2014/NĐ-CP
14.12	Giai thầu tư vấn giám sát	0,20%		Nt*GT.05	4.000.000		4.000.000		Điểm 4 Nghị định 63/2014/NĐ-CP
14.13	Giai thầu BTTC	0,20%		Nt*GT.05	2.000.000		2.000.000		Điểm 4 Nghị định 63/2014/NĐ-CP
15	Chi phí lắp HVSC, đánh giá HSDX các gói thầu thi công								
15.1	Giai thầu thi công xây dựng	0,20%		Nt*GT.05	100.000.000		100.000.000		Điểm 4 Nghị định 63/2014/NĐ-CP
15.2	Giai thầu mua sắm vật tư, thiết bị	0,20%		Nt*GT.05	2.000.000		2.000.000		Điểm 4 Nghị định 63/2014/NĐ-CP
15.3	Giai thầu mua sắm vật tư, thiết bị	0,20%		Nt*GT.05	38.450.000		38.450.000		Điểm 4 Nghị định 63/2014/NĐ-CP
15.4	Giai thầu thi công cơ sở hạ tầng	0,20%		Nt*GT.05	31.901.766		31.901.766		Điểm 4 Nghị định 63/2014/NĐ-CP
15.5	Giai thầu thi công cơ sở hạ tầng	0,20%		Nt*GT.05	3.000.000.000		3.000.000.000		Điểm 4 Nghị định 63/2014/NĐ-CP
16	Chi phí tư vấn quản lý và giám sát môi trường								
17	Chi phí quy đổi vốn đầu tư xây dựng								
18	Chi phí tư vấn thẩm tra ATCT								
19	Chi phí tư vấn kiểm định chất lượng công trình								
20	Chi phí xây dựng phòng làm việc của TVGS								
21	Chi phí xây dựng phòng làm việc								
22	Chi phí tư vấn khác								
V1	Chi phí khác								
1	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi			333.590/17.5Kp *31,5	89.126.691.000	4.453.485.000	93.580.176.000	C _{th}	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi
2	Chi phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi			Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi	126.532.000		126.532.000		Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi
3	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình	0,00%		ĐMTC*TMĐT	103.110.889		103.110.889		Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình
4	Phí thẩm định thiết kế	0,01%		ĐMTC*TMĐT	655.442.456		655.442.456		Thẩm định thiết kế
5	Phí thẩm định dự toán xây dựng	0,01%		ĐMTC*TMĐT	401.241.266		401.241.266		Phí thẩm định dự toán xây dựng
6	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM)								
7	Chi phí tư vấn giám sát thi công								
7.1	Chi phí tư vấn giám sát thi công	2,00%		Dự kiến	15.950.880.000		15.950.880.000		Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi
7.2	Chi phí khảo sát địa chất	2,00%		Dự kiến	398.772.000		398.772.000		Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi
7.3	Chi phí giám sát thi công	0,20%		ĐMTC*TMĐT	463.161.035		463.161.035		Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi
7.4	Chi phí thẩm định	0,20%		ĐMTC*TMĐT	31.901.766		31.901.766		Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi
8	Chi phí bồi bổ môi trường								
8.1	Công trình kiến trúc	0,00%		ĐMTC*TMĐT	13.477.987.770		13.477.987.770		Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi
8.2	Công trình kiến trúc	0,00%		ĐMTC*TMĐT	5.803.580.322		5.803.580.322		Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi
8.3	Công trình kiến trúc	0,00%		ĐMTC*TMĐT	6.674.007.448		6.674.007.448		Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	NI (%)	HỆ SỐ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
9	Chi phí kiểm toán				5.048.683,31	904.816,370	5.953.499,68		
9.1	Chi phí kiểm toán độc lập lập công tác GPMB	0,181%	50%	DMTL*HS*GPMB	904.816,370	54.890,107	959.706,477		Nghị định 61/2014/NĐ-CP ngày 11/11/2014
9.2	Chi phí kiểm toán độc lập cho dự án không bao gồm chi phí GPMB	0,108%		DMTL*HS*TMH giảm trừ	4.298.361,262	349.436,124	4.647.797,386		
10	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán				1.948.910,452		1.948.910,452		
10.1	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán GPMB	0,125%	50%	DMTL*HS*GPMB	389.791,516		389.791,516		
10.2	Chi phí thẩm tra phê duyệt cho dự án không bao gồm chi phí GPMB	0,075%	50%	DMTL*HS*TMH giảm trừ	1.559.118,936		1.559.118,936		
11	Chi phí thẩm định HSVC (tư vấn) (tr. đồng, từ dự án đến công)				14.039.719		14.039.719		Đã có Nghị định 61/2014/NĐ-CP
11.1	Gói thầu Tư vấn thiết kế lập báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế	0,05%		DMTL*GT*HS	1.000.000		1.000.000		
11.2	Gói thầu GPMB, M&G hoặc B&N&CT	0,05%		DMTL*GT*HS	1.000.000		1.000.000		
11.3	Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐGTM)	0,05%		DMTL*GT*HS	1.000.000		1.000.000		
11.4	Gói thầu Tư vấn giám sát xây dựng công trình	0,05%		DMTL*GT*HS	1.000.000		1.000.000		
11.5	Gói thầu Tư vấn khảo sát, lập TKKT, dự toán xây dựng công trình	0,05%		DMTL*GT*HS	1.000.000		1.000.000		
11.6	Gói thầu Giám sát khảo sát xây dựng (thước TKKT)	0,05%		DMTL*GT*HS	1.000.000		1.000.000		
11.7	Gói thầu Thẩm định giá XDCT	0,05%		DMTL*GT*HS	1.000.000		1.000.000		
11.8	Gói thầu Tư vấn thẩm tra TKKT - dự toán	0,05%		DMTL*GT*HS	1.000.000		1.000.000		
11.9	Gói thầu Tư vấn thẩm tra báo cáo ĐGTM	0,05%		DMTL*GT*HS	1.000.000		1.000.000		
11.10	Gói thầu Tư vấn quản lý và giám sát môi trường trong quá trình thi công	0,05%		DMTL*GT*HS	1.000.000		1.000.000		
11.11	Gói thầu Chi phí tư vấn giám sát, vật tư	0,05%		DMTL*GT*HS	1.000.000		1.000.000		
11.12	Gói thầu Tư vấn giám sát thi công xây dựng	0,05%		DMTL*GT*HS	1.000.000		1.000.000		
11.13	Gói thầu Thi công xây dựng	0,05%		DMTL*GT*HS	1.000.000		1.000.000		
11.14	Gói thầu Mua sắm vật tư, thiết bị	0,05%		DMTL*GT*HS	1.000.000		1.000.000		
11.15	Gói thầu Mua sắm công trình	0,05%		DMTL*GT*HS	1.000.000		1.000.000		
11.16	Gói thầu Kiểm toán	0,05%		DMTL*GT*HS	1.000.000		1.000.000		
11.17	Gói thầu Kiểm định chất lượng công trình	0,05%		DMTL*GT*HS	1.000.000		1.000.000		
11.18	Gói thầu Kiểm định chất lượng công trình	0,05%		DMTL*GT*HS	1.000.000		1.000.000		
11.19	Gói thầu Kiểm định chất lượng công trình	0,05%		DMTL*GT*HS	1.000.000		1.000.000		
12	Chi phí thẩm định kết quả tư vấn thẩm tra đầu tư (tr. đồng, từ dự án đến công)				14.039.719		14.039.719		
12.1	Gói thầu Tư vấn thẩm tra đầu tư (tr. đồng, từ dự án đến công)	0,050%		DMTL*GT*HS	1.000.000		1.000.000		
12.2	Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐGTM)	0,050%		DMTL*GT*HS	1.000.000		1.000.000		
12.3	Gói thầu Thẩm định giá XDCT	0,050%		DMTL*GT*HS	1.000.000		1.000.000		
12.4	Gói thầu Tư vấn thẩm tra TKKT - dự toán	0,050%		DMTL*GT*HS	1.000.000		1.000.000		
12.5	Gói thầu Tư vấn quản lý và giám sát môi trường trong quá trình thi công	0,050%		DMTL*GT*HS	1.000.000		1.000.000		
12.6	Gói thầu Giám sát khảo sát xây dựng (thước TKKT)	0,050%		DMTL*GT*HS	1.000.000		1.000.000		
12.7	Gói thầu Thẩm định giá XDCT	0,050%		DMTL*GT*HS	1.000.000		1.000.000		
12.8	Gói thầu Tư vấn thẩm tra TKKT - dự toán	0,050%		DMTL*GT*HS	1.000.000		1.000.000		
12.9	Gói thầu Tư vấn thẩm tra báo cáo ĐGTM	0,050%		DMTL*GT*HS	1.000.000		1.000.000		
12.10	Gói thầu Tư vấn quản lý và giám sát môi trường trong quá trình thi công	0,050%		DMTL*GT*HS	1.000.000		1.000.000		
12.11	Gói thầu Chi phí tư vấn giám sát, vật tư	0,050%		DMTL*GT*HS	1.000.000		1.000.000		
12.12	Gói thầu Tư vấn giám sát thi công xây dựng	0,050%		DMTL*GT*HS	1.000.000		1.000.000		
12.13	Gói thầu Thi công xây dựng	0,050%		DMTL*GT*HS	1.000.000		1.000.000		
12.14	Gói thầu Mua sắm vật tư, thiết bị	0,050%		DMTL*GT*HS	1.000.000		1.000.000		
12.15	Gói thầu Mua sắm công trình	0,050%		DMTL*GT*HS	1.000.000		1.000.000		
12.16	Gói thầu Kiểm toán	0,050%		DMTL*GT*HS	1.000.000		1.000.000		
12.17	Gói thầu Kiểm định chất lượng công trình	0,050%		DMTL*GT*HS	1.000.000		1.000.000		
12.18	Gói thầu Kiểm định chất lượng công trình	0,050%		DMTL*GT*HS	1.000.000		1.000.000		

Số: 698 /SGTVT-QLCL&ATGT

Khánh Hòa, ngày 16 tháng 3 năm 2023

V/v thông báo kết quả thẩm định
Bảo cáo nghiên cứu khả thi đầu
tư xây dựng Dự án thành phần 1
thuộc Dự án đầu tư xây dựng
đường bộ cao tốc Khánh Hòa -
Buôn Ma Thuột giai đoạn 1

Kính gửi: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các Công trình
giao thông tỉnh Khánh Hòa.

Sở Giao thông vận tải nhận được Tờ trình số 260/TTr-BĐH ngày 13/3/2023 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các Công trình giao thông tỉnh Khánh Hòa về việc trình thẩm định Bảo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 (sau đây gọi tắt là Dự án).

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công ngày 11/01/2022; Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017; Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 25/7/2022 của Chính phủ về việc triển khai Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 37/2015/NĐ-CP

ngày 22/4/2015 về hợp đồng trong hoạt động xây dựng; số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; số 120/2018/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 17/2022/QĐ-TTg ngày 28/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân cấp thực hiện các dự án, dự án thành phần đầu tư các đoạn tuyến đường bộ cao tốc theo hình thức đầu tư công thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quy chế phối hợp số 01/QC-BGTVT-UBND KH-UBND DL ngày 18/8/2022 về việc phối hợp triển khai thực hiện Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Quyết định số 3743/QĐ-BTNMT ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc sắp xếp cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 1107/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 08/2021/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc Ban hành quy định về phân cấp một số nội dung quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 2183/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Quyết định số 3352/QĐ-UBND ngày 06/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho

Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Văn bản số 738/VPCP-CN ngày 09/02/2023 của Văn phòng Chính phủ về việc hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi các Dự án thành phần thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Văn bản số 8523/BGTVT-CQLXD ngày 18/8/2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc triển khai Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 25/7/2022 của Chính phủ về Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Văn bản số 11302/BGTVT-CQLXD ngày 28/10/2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc định hướng một số nguyên tắc, giải pháp thiết kế lập hồ sơ BCNCKT, thiết kế hình học và cấm cọc GPMB, MLG thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1; Căn cứ văn bản số 587/BGTVT-CQLXD ngày 18/01/2023 của Bộ Giao thông vận tải về việc hoàn thiện hồ sơ phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ các Quyết định của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các Công trình giao thông tỉnh Khánh Hòa: số 590/QĐ-DAGT ngày 18/8/2022 về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí khảo sát xây dựng Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1; số 659/QĐ-DAGT ngày 04/9/2022 phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 02: Tư vấn khảo sát, lập BCNCKT, thiết kế, cấm cọc GPMB và MLG của Dự án; Hợp đồng số 07/2022/HĐTV ngày 05/9/2022 giữa Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình Giao thông và Liên danh Công ty cổ phần Tư vấn Trường Sơn - Công ty cổ phần Tư vấn T27 về Gói thầu 02: Tư vấn khảo sát, lập hồ sơ BCNCKT, thiết kế cấm cọc GPMB và Mốc lộ giới Dự án thành phần 1 (đoạn qua địa phận tỉnh Khánh Hòa) thuộc Dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột (giai đoạn 1);

Căn cứ các Quyết định của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Khánh Hòa: số 593/QĐ-DAGT ngày 19/8/2022 về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí chuẩn bị dự án của Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1; số 660/QĐ-DAGT ngày 04/9/2022 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 04: Tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thành phần 1 thuộc Dự án thành phần 1 thuộc Dự án; Hợp đồng số 09/2022/HĐTVTTR ngày 05/9/2022 giữa Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh Khánh Hòa và Công ty Cổ phần Tư vấn đường cao tốc Việt Nam về việc thực hiện gói thầu số 04: Tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thành phần đoạn 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Văn bản số 957a/DAGT-BĐH ngày 04/11/2022 của Ban QLDA ĐTXD các Công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa về việc thông báo chấp thuận nghiệm thu và phê duyệt Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thành phần 1 thuộc Dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Báo cáo số 271/BC-MTTQ-BTT ngày 11/10/2022 của UBMTTQ Việt Nam tỉnh Khánh Hòa tổng hợp ý kiến cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Thông báo thẩm định số 99/CQLXD-QLXD3 ngày 16/01/2023 của Cục Quản lý đầu tư xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Văn bản số 685/UBND-XDND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc kiến nghị một số nội dung thẩm định của Cục Quản lý đầu tư xây dựng tại Văn bản số 99/CQLXD-QLXD3 ngày 16/01/2023 về việc thông báo kết quả thẩm định BCNCKT Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Thông báo số 562-TB/TU ngày 16/01/2023 của Tỉnh ủy Khánh Hòa v/v kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn số 3821-CV/VPTU ngày 07/2/2023 của Văn phòng Tỉnh ủy Khánh Hòa v/v kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về dự án đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột và đồ án Quy hoạch chung Đô thị Cam Lâm;

Căn cứ Thông báo số 18/TB-UBND ngày 09/01/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa v/v Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Tấn Tuân tại cuộc họp nghe báo cáo về Thiết kế cơ sở Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ các Báo cáo thẩm tra số 227/VECC-BCTT-TP1 KHBMT ngày 29/12/2022, số 08/VECC-BCTT-TP1 KHBMT ngày 04/01/2023 và số 32/VECC-BCTT-TP1 KHBMT ngày 02/3/2023 của Công ty Cổ phần Tư vấn đường cao tốc Việt Nam về kết quả thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thành phần 1 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột, giai đoạn 1;

Căn cứ Thông báo thẩm định số 474/CQLXD-QLXD3 ngày 08/3/2023 của Cục Quản lý đầu tư xây dựng v/v thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ các văn bản, tài liệu khác có liên quan;

Sau khi xem xét, Sở Giao thông vận tải thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 của cơ quan chuyên môn của người quyết định đầu tư (*Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa*) như sau:

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án: Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1.

2. Nhóm dự án, loại, cấp công trình chính thuộc dự án:

- Nhóm dự án: Dự án quan trọng quốc gia (*trình tự, thủ tục, thẩm quyền thẩm định và quyết định đầu tư các dự án thành phần được thực hiện tương tự như đối với dự án nhóm A theo quy định của pháp luật về đầu tư công theo cơ chế chính sách đặc biệt được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 và được Chính phủ quy định tại Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 25/7/2022*).

- Loại công trình: Công trình giao thông đường bộ.

- Cấp công trình: Cấp I.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

4. Tên chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các Công trình giao thông tỉnh Khánh Hòa.

- Địa chỉ: Tầng 7, Khu liên cơ 16 Nguyễn Thiện Thuật, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

- Số Fax: 0258.3528027, DT: 0258.3528026.

5. Địa điểm xây dựng: Thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

6. Giá trị tổng mức đầu tư: 5.333,307 tỷ đồng (*Bằng chữ: Năm ngàn, ba trăm ba mươi ba tỷ, ba trăm lẻ bảy triệu đồng*)

7. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước theo Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội (*Ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 (gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) và ngân sách Trung ương giai đoạn 2026-2030*).

8. Thời gian thực hiện: Chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án từ năm 2022, cơ bản hoàn thành một số đoạn tuyến có lưu lượng giao thông lớn năm 2025, cơ bản hoàn thành toàn tuyến năm 2026 và hoàn thành đưa vào khai thác đồng bộ toàn Dự án năm 2027.

9. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu được áp dụng: Theo Quyết định số 3352/QĐ-UBND ngày 06/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1.

10. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Liên danh Công ty Cổ phần Tư vấn Trường Sơn và Công ty Cổ phần Tư vấn T27.

11. Nhà thầu thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty Cổ phần Tư vấn Đường cao tốc Việt Nam.

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH:

1. Văn bản pháp lý:

- Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn I;

- Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 25/7/2022 của Chính phủ về việc triển khai Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn I;

- Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Các Văn bản số 10073/UBND-XDND ngày 17/10/2022, số 03/UBND-XDND ngày 03/01/2023 và số 2333/UBND-XDND ngày 15/3/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc chấp thuận hồ sơ thiết kế cơ bản của Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn I;

- Quyết định số 3743/QĐ-BTNMT ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn I;

- Báo cáo số 271/BC-MTTQ-BTT ngày 11/10/2022 của UBMTTQ Việt Nam tỉnh Khánh Hòa tổng hợp ý kiến cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn I;

- Thông báo thẩm định số 474/CQLXD-QLXD3 ngày 08/3/2023 của Cục Quản lý đầu tư xây dựng v/v thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn.

- Về thỏa thuận hướng tuyến, công trình trên tuyến, mô vật liệu, bãi đổ thải;

+ Biên bản làm việc ngày 26/11/2021 của Quận khu 5 với Ban QLDA 6/ Bộ GTVT về phương án, hướng tuyến dự án đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột;

+ Biên bản làm việc số 162-BB/QK-TU,UBND ngày 14/01/2022 v/v làm việc giữa BTL Quân khu 5 với Tỉnh ủy, UBND tỉnh Đắk Lắk và Ban Quản lý dự án 6/Bộ GTVT về hướng tuyến Dự án đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột.

+ Văn bản số 4598/BQP-TM ngày 29/12/2022 v/v thống nhất hướng tuyến thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

+ Văn bản số 2301/CDSVN-QLXD&KCHT ngày 27/10/2022 của Cục Đường sắt Việt Nam về vị trí, quy mô phương án xây dựng cầu Sông Lốp vượt đường sắt tại Km1276+178, tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh;

+ Biên bản thỏa khớp nối với Dự án thành phần 2 (biên bản ngày 12/12/2022);

+ Về thỏa thuận về mô vật liệu, bãi đổ thải:

- Đối với mô vật liệu: Sở TN&MT đã thống nhất các mô khoáng sản lập hồ sơ khảo sát VLXD phục vụ Dự án tại văn bản số 492/STNMT-KSNKTTVBĐKH ngày 16/02/2023;

- Đối với bãi đổ thải: UBND tỉnh Khánh Hòa đã thống nhất tại Văn bản số 2124/UBND-KT ngày 09/3/2023.

+ Các Biên bản thỏa thuận hướng tuyến, các vị trí giao cắt, đường gom dân sinh, đường hoàn trả, cống thoát nước, vị trí cải kênh, mương ngày 15/9/2022 và ngày 13/11/2022 giữa các bên: Ban QLDA ĐTXD các Công trình giao thông, UBND thị xã Ninh Hòa và đơn vị Tư vấn.

+ Biên bản làm việc ngày 13/10/2022 giữa Ban QLDA ĐTXD các Công trình giao thông tỉnh, Chi cục thủy lợi tỉnh Khánh Hòa về việc cung cấp tài liệu các dự án thủy lợi liên quan đến Dự án thành phần 1 thuộc Dự án.

+ Biên bản cuộc họp ngày 25/10/2022 giữa Ban QLDA ĐTXD các Công trình giao thông tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông vận tải và đơn vị tư vấn về việc rà soát hướng tuyến và quy mô công trình trên tuyến của Dự án thành phần 1 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 theo ý kiến của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Văn bản số 3775/SNN-KHĐT ngày 07/10/2022.

+ Biên bản khớp nối (lần 2) ngày 12/12/2022 giữa Ban QLDA ĐTXD các Công trình giao thông tỉnh, đơn vị TVTK Dự án thành phần 1, Ban QLDA 6 (Chủ đầu tư Dự án thành phần 2) và đơn vị TVTK của Dự án thành phần 2 để thống nhất điểm khớp nối của hai dự án thành phần tại vị trí xã Ninh Tây, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tại lý trình Km32+000.

- Các Văn bản pháp lý khác có liên quan.

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, thẩm tra:

- Hồ sơ khảo sát địa hình và thủy văn;

- Hồ sơ khảo sát địa chất;
- Hồ sơ khảo sát mỏ vật liệu, bãi đổ thải;
- Thuyết minh chung;
- Hồ sơ thiết kế cơ sở;
- Hồ sơ tổng mức đầu tư;
- Báo cáo kết quả thẩm tra.

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

3.1. Mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, lập thiết kế cơ sở

- Công ty Cổ phần Tư vấn Trường Sơn: Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00008659, hạng I, do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 23/4/2018, có thời hạn đến ngày 22/02/2033.

- Công ty Cổ phần Tư vấn T27: Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD- 00001036, hạng I, do Cục quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 08/9/2022, có thời hạn đến ngày 08/9/2032.

3.2. Mã số chứng chỉ năng lực của Nhà thầu thẩm tra:

Công ty Cổ phần Tư vấn đường cao tốc Việt Nam: Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00000378, hạng I, do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 22/3/2022, có thời hạn đến ngày 22/3/2032.

3.3. Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ chốt

a) Tư vấn lập BCNCKT

- Chủ nhiệm lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Ông Nguyễn Hồng Trung, chứng chỉ hành nghề số: BXD-00054813 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 28/3/2019, có thời hạn đến ngày 28/3/2024;

- Chủ trì thiết kế đường:

+ Ông Lê Anh Tuấn (phân đoạn Km0+000 - Km22+000) - Kỹ sư xây dựng cầu đường; có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00074921 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 16/10/2019, lĩnh vực hành nghề: Thiết kế xây dựng công trình giao thông: Hạng I, có thời hạn đến ngày 16/10/2024;

+ Ông Trương Quang Thắng (phân đoạn Km22+000 - 32+000) - Kỹ sư xây dựng cầu đường; có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00020417 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 16/3/2018, lĩnh vực hành nghề: Thiết kế xây dựng công trình giao thông: Hạng I, có thời hạn đến ngày 16/3/2023.

- Chủ trì thiết kế cầu:

+ Ông Nguyễn Tiến Long (phân đoạn Km0+00 - Km22+00) - Kỹ sư xây dựng cầu đường; có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số: BXD-

00066160 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 29/7/2019, lĩnh vực hành nghề: Thiết kế xây dựng công trình giao thông: Hạng I, có thời hạn đến ngày 29/7/2024;

+ Ông Đỗ Văn Phong (phân đoạn Km22+00 - Km32+00) - Thạc sỹ kỹ thuật công trình giao thông; có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số: BXD-00020412 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 16/3/2018, lĩnh vực hành nghề: Thiết kế xây dựng công trình giao thông: Hạng I, có thời hạn đến ngày 16/3/2023.

- Chủ nhiệm khảo sát địa hình:

+ Ông Đỗ Như Tùng (phân đoạn Km0+00 - Km22+00) - Kỹ sư trắc địa; có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số: BXD-00013915 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 28/10/2022, lĩnh vực hành nghề: Khảo sát địa hình: Hạng I, có thời hạn đến ngày 28/10/2027;

+ Ông Huỳnh Hùng (phân đoạn Km22+00 - Km32+00) - Kỹ sư xây dựng công trình; có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số: BXD-00020413 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 16/3/2018, lĩnh vực hành nghề: Khảo sát địa hình: Hạng I, có thời hạn đến ngày 16/3/2023.

- Chủ nhiệm khảo sát địa chất:

+ Ông Dương Đình Minh (phân đoạn Km0+00 - Km22+00) - Kỹ sư địa chất thủy văn; có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số: BXD-00066159 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 29/7/2019, lĩnh vực hành nghề: Khảo sát địa chất công trình: Hạng I, có thời hạn đến ngày 29/7/2024;

+ Ông Tô Chiêu Minh Tú (phân đoạn Km22+00 - Km32+00) - Kỹ sư kỹ thuật địa chất; có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số: BXD-00053916 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 28/3/2019, lĩnh vực hành nghề: Khảo sát địa chất công trình: Hạng I, có thời hạn đến ngày 28/3/2024

- Chủ trì lập tổng mức đầu tư:

+ Bà Bùi Thị Thanh Huyền (phân đoạn Km0+000 - Km22+000) - Kỹ sư kinh tế xây dựng; có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số: BXD-00054866 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 28/3/2019, lĩnh vực hành nghề: Định giá xây dựng: Hạng I, có thời hạn đến ngày 28/3/2024;

+ Bà Nguyễn Thị Phúc (phân đoạn Km22+000 - Km32+000) - Kỹ sư cầu đường; có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số: BXD-00020415 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 16/3/2018, lĩnh vực hành nghề: Định giá xây dựng: Hạng I, có thời hạn đến ngày 16/3/2023.

b) Tư vấn thẩm tra

- Chủ nhiệm thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi: Ông Nguyễn Văn Việt
 - Kỹ sư xây dựng cầu đường; có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00000572 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 25/4/2022, lĩnh vực hành nghề: Thiết kế xây dựng công trình giao thông (đường bộ): Hạng I, có thời hạn đến ngày 25/4/2027;

- Chủ trì thẩm tra phần đường: Ông Đào Trung Dũng - Kỹ sư xây dựng cầu đường; có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00000573 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 25/4/2022, lĩnh vực hành nghề: Thiết kế xây dựng công trình giao thông (đường bộ): Hạng I, có thời hạn đến ngày 25/4/2027;

- Chủ trì thẩm tra phần cầu: Ông Ngô Văn Cung - Kỹ sư xây dựng cầu hầm; có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00001944 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 25/4/2022, lĩnh vực hành nghề: Thiết kế xây dựng công trình giao thông (cầu-hầm): Hạng I, có thời hạn đến ngày 25/4/2027;

- Chủ trì thẩm tra khảo sát địa chất công trình: Ông Đỗ Xuân Trường - Kỹ sư địa chất công trình-địa kỹ thuật; có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số: BXD- 00000575 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 25/4/2022, lĩnh vực hành nghề: Khảo sát địa chất công trình: Hạng I, có thời hạn đến ngày 25/4/2027;

- Chủ trì thẩm tra khảo sát địa hình: Ông Vũ Đức Long - Kỹ sư địa chính; có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số: BXD-00009188 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 28/10/2022, lĩnh vực hành nghề: Khảo sát địa hình: Hạng I, có thời hạn đến ngày 28/10/2027;

- Chủ trì thẩm tra Tổng mức đầu tư: Ông Quách Việt Dương - Kỹ sư vận tải - kinh tế sắt; có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số: BXD-00074842 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 16/10/2019, lĩnh vực hành nghề: Định giá xây dựng: Hạng I, có thời hạn đến ngày 16/10/2024.

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH:

Tóm tắt về nội dung cơ bản của thiết kế cơ sở của Dự án thành phần 1 trình thẩm định được gửi kèm theo Tờ trình số 260/TTr-BĐH ngày 13/3/2023 của Ban QLDA ĐTXD các Công trình giao thông tỉnh, cụ thể như sau:

1. Phạm vi và quy mô đầu tư xây dựng:

1.1. Phạm vi đầu tư:

- Điểm đầu: Km0+000 (Km1415+250 lý trình QL.1: Nút giao giữa QL.26B và QL.1) thuộc khu vực cảng Nam Phong, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa;

- Điểm cuối: Km32+000 thuộc địa phận xã Ninh Tây, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa và khớp nối điểm đầu Dự án thành phần 2;

- Tổng chiều dài tuyến khoảng 31,5km, tuyến đi qua các xã, phường thuộc thị xã

Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

1.2. Quy mô đầu tư xây dựng:

a) Đường cao tốc

- Cấp đường, tiêu chuẩn kỹ thuật: Đường được thiết kế với quy mô giai đoạn hoàn chỉnh 4 làn xe, $B_{\text{nền}}=24,75\text{m}$, $V_{\text{tk}}=100\text{km/h}$ phù hợp với quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021. Giai đoạn phân kỳ thiết kế 04 làn xe, $B_{\text{nền}}=17,0\text{m}$; các yếu tố bình diện, trắc dọc thiết kế cho giai đoạn hoàn chỉnh $V_{\text{tk}}=100\text{km/h}$.

- Mặt cắt ngang: Giai đoạn phân kỳ quy mô 04 làn xe, bề rộng nền đường $B_{\text{nền}}=17,0\text{m}$; các đoạn nền đường đào sâu, đắp cao tùy theo địa hình, địa chất từng đoạn thiết kế mặt cắt ngang theo giai đoạn hoàn chỉnh (quy mô 4 làn xe hoàn chỉnh), bề rộng nền đường $B_{\text{nền}}=24,75\text{m}$. Riêng đối với đoạn Km0+00 - Km8+500 thiết kế giai đoạn hoàn chỉnh $B_{\text{nền}}=24,75\text{m}$.

- Mặt đường:

+ Mặt đường cấp cao A1, mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{\text{yc}} \geq 191\text{Mpa}$.

+ Các nhánh nút giao liên thông: Mặt đường cấp cao A1, mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{\text{yc}} \geq 160\text{Mpa}$.

- Tần suất thiết kế: $P=1\%$.

b) Đường gom

- Cấp đường: Thiết kế theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại B, phù hợp tiêu chuẩn TCVN10380:2014; mặt cắt ngang: Theo quy mô $B_{\text{nền}}=5,0\text{m}$, $B_{\text{mặt}}=3,5\text{m}$; một số đoạn tuyến thiết kế phù hợp với cấp đường hiện hữu và quy hoạch của địa phương.

- Tần suất thiết kế: Thiết kế đảm bảo tần suất $P=10\%$ (đối với đường GTNT loại B) hoặc phù hợp với cao độ hiện trạng hệ thống đường dân sinh.

c) Đường ngang:

- Thiết kế phù hợp với cấp đường hiện trạng và quy hoạch (nếu có).

- Tần suất thiết kế được lựa chọn phù hợp với cấp đường.

d) Công trình cầu

- Thiết kế theo các tiêu chuẩn hiện hành với chiều rộng cầu phù hợp chiều rộng nền đường; giai đoạn phân kỳ bề rộng cầu $B_{\text{cầu}}=17,5\text{m}$. Đối với các cầu thuộc đoạn Km0+00 - Km8+500 bề rộng cầu $B_{\text{cầu}}=24,75\text{m}$; đối với cầu vượt nút giao CT.01 bề rộng cầu $B_{\text{cầu}}=29,25\text{m}$; đối với cầu Cửa Đông kết nối với hầm Phụng Hoàng (Dự án thành phần 2) đầu tư hoàn chỉnh 2 đơn nguyên, bề rộng mỗi đơn nguyên $B_{\text{cầu}}=12,5\text{m}$.

- Tải trọng thiết kế: HL93; các tải trọng khác tuân thủ TCVN 11823-2017.

- Tần suất mực nước thiết kế cầu: Thiết kế vĩnh cửu với tần suất lũ $P=1\%$.

- Cấp động đất: Hệ số gia tốc nền theo TCVN 9386:2012 và QCVN02:2009/BXD.

e) Chỗ giao nhau trên đường cao tốc: Xây dựng các nút giao liên thông và trực thông (cầu đường cao tốc vượt hoặc cầu đường ngang vượt, hầm chui dân sinh) bảo đảm khai thác an toàn, kết nối, đi lại thuận lợi.

f) Hệ thống quản lý vận hành khai thác và thu phí đường cao tốc: Đầu tư xây dựng một số hạng mục hệ thống hạ tầng giao thông thông minh, sử dụng chung hệ thống thu phí (bể cấp, ống bảo vệ cáp,...), bảo đảm kết nối liên thông toàn bộ hệ thống cao tốc Bắc - Nam và các trung tâm điều hành khu vực; bảo đảm an toàn giao thông, thuận lợi trong công tác quản lý, thu phí.

2. Giải pháp thiết kế:

2.1 Hướng tuyến, bình đồ:

- Hướng tuyến: Cơ bản tuân thủ theo quy hoạch đã được phê duyệt và Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi được duyệt, hướng tuyến cụ thể: Từ điểm đầu tại vị trí giao giữa QL.1 (Km1415+250 lý trình QL.1) với QL26B thuộc phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hoà tỉnh Khánh Hoà; tuyến đi về phía Tây sau khu vực đèo Bánh Ít, tuyến lần lượt cắt đường sắt Bắc Nam tại Km2+840, sông Lộp tại Km2+950, cao tốc Vân Phong - Nha Trang tại Km7+713, đến Km10+108 tuyến đổi hướng Tây Nam cắt TL.6 tại Km10+416, tuyến cắt qua sông Cái tại Km17+350 cách sân bay Dục Mỹ về phía Bắc khoảng 1,5km, tuyến tiếp tục cắt QL26 tại Km21+088 cách phía Tây khu vực quân sự khoảng 650m, cắt TL5 tại Km22+397. Từ đây tuyến men theo sườn núi, nâng dần cao độ để lên đến điểm cuối Km32+000 (lý trình thực tế Km31+500) trước cửa hầm Phụng Hoàng.

- Bình diện tuyến thiết kế đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật của cấp đường, phù hợp với các quy hoạch có liên quan, giảm thiểu tối đa khối lượng giải phóng mặt bằng. Kết quả thiết kế như sau:

TT	Bán kính cong nằm (m)	Đơn vị	Số lượng (cái)	Tỷ lệ (%)
1	$650 < R \leq 1000$	Đỉnh	2	14%
2	$1000 < R \leq 3000$	Đỉnh	6	43%
3	$3000 < R \leq 5000$	Đỉnh	2	14%
4	$R > 5000$	Đỉnh	4	29%
	Tổng	Đỉnh	14	100%

2.2. Trắc dọc

Đường cao tốc: Trắc dọc thiết kế trên nguyên tắc ưu tiên cao tốc đi thấp đảm bảo tần suất thiết kế H1% có xem xét hài hòa các yếu tố cảnh quan, kết hợp giữa các yếu tố đường cong bằng và các yếu tố đường cong đứng, độ dốc dọc tối đa $i=5\%$; đảm bảo tính không các công trình không chệ trên tuyến (cầu, hầm chui dân sinh), phù hợp điều kiện địa hình, quy hoạch khu vực tuyến đi qua, đảm bảo êm thuận trong quá trình vận hành khai thác giảm thiểu khối lượng đào đắp và các

công trình trên tuyến.

- Kết quả thiết kế như sau

TT	Chỉ tiêu (%)	Đơn vị	Chiều dài	Tỷ lệ (%)
1	$i \leq 0,5\%$	m	9.610,70	30,51%
2	$0,5\% < i \leq 3\%$	m	16.643,66	52,84%
3	$3\% < i \leq 5\%$	m	5.245,64	16,65%
Tổng cộng			31.500,00	100%

- Đường gom, đường ngang: Thiết kế đảm bảo tiêu chuẩn của cấp đường, phù hợp với cao độ hệ thống đường hiện trạng, quy hoạch các khu dân cư lân cận (nếu có), đảm bảo việc kết nối thuận lợi giữa các khu dân cư.

2.3. Mặt cắt ngang:

a) Đường cao tốc

- Mặt cắt ngang giai đoạn hoàn chỉnh đầu tư với bề rộng $B_{\text{hàn}}=24,75\text{m}$, bao gồm: Bề rộng mặt đường xe chạy $B_{\text{mặt}}=4 \times 3,75\text{m}=15,0\text{m}$, dải phân cách giữa $B_{\text{pc}}=0,75\text{m}$, dải an toàn trong $B_{\text{an}}=2 \times 0,75\text{m}=1,5\text{m}$, dải an toàn ngoài $B_{\text{an}}=2 \times 3,0\text{m}=6,0\text{m}$, lề đất $B_{\text{le}}=2 \times 0,75\text{m}=1,5\text{m}$.

- Mặt cắt ngang giai đoạn 1 (phân kỳ) đầu tư với bề rộng $B_{\text{hàn}}=17,0\text{m}$, bố trí lệch về phía bên trái mặt cắt ngang giai đoạn hoàn chỉnh; đảm bảo thuận lợi, tiết kiệm khi mở rộng theo quy mô hoàn chỉnh, cụ thể: Bề rộng mặt đường xe chạy $B_{\text{mặt}}=4 \times 3,5\text{m}=14,0\text{m}$; dải phân cách giữa $B_{\text{pc}}=0,5\text{m}$; dải an toàn trong $B_{\text{an}}=2 \times 0,5\text{m}=1,0\text{m}$; dải an toàn ngoài $B_{\text{an}}=2 \times 0,25\text{m}=0,5\text{m}$; lề đất $B_{\text{le}}=2 \times 0,5\text{m}=1,0\text{m}$. Riêng đối với đoạn Km0+000 - Km8+500 thiết kế giai đoạn hoàn chỉnh $B_{\text{hàn}}=24,75\text{m}$.

- Đoạn dừng xe khẩn cấp (đối với đoạn Km8+500 - Km32+000): Bố trí với khoảng cách 4,0-5,0km/vị trí trên mỗi chiều xe chạy (hai bên bố trí so le nhau với khoảng cách từ 2 ÷ 2,5km/vị trí), bề rộng $B_{\text{ax}}=3,75\text{m}$ (chiều rộng mặt đường mở rộng thêm 3,0m và lề đất 0,75m), chiều dài đoạn dừng xe khẩn cấp $L=170\text{m}$, bố trí đoạn chuyển làn hình nêm ở hai đầu (kết hợp tăng/giảm tốc) với chiều dài mỗi đầu $L=50\text{m}$. Tổng chiều dài bố trí một vị trí là $170 + 2 \times 50=270\text{ (m)}$. Trên tuyến bố trí 10 đoạn dừng xe khẩn cấp so le hai bên tuyến (5 đoạn bên phải tuyến và 5 đoạn bên trái tuyến), kết cấu như kết cấu mặt đường tuyến chính. Tại các vị trí đoạn dừng xe khẩn cấp bố trí đoạn ngắt quãng dải phân cách theo Điều 6.5.4 TCVN 5729:2012.

b) Đường gom: Đường giao thông nông thôn loại B, $B_{\text{gom}}/B_{\text{mặt}}=5,0\text{m}/3,5\text{m}$.

c) Đường ngang: Quy mô phù hợp với cấp đường hiện hữu và quy hoạch của địa phương.

d) Đường nhánh trong nút giao: Quy mô mặt cắt ngang đường nhánh theo kết quả tính toán, dự báo lưu lượng, nhu cầu vận tải; cấu tạo đường nhánh tuân thủ Mục 6.14 của tiêu chuẩn TCVN 5729-2012, cụ thể như sau:

Đường nhánh 01 chiều xe chạy, bề rộng nền đường $B_n = 8,0\text{m} + \text{phần mở rộng}$, cụ thể như sau:

+ Phần mặt đường: $B_m = 1 \times 4,0 = 4,0\text{m} + \text{phần mở rộng đường cong (nếu có)}$.

+ Dải an toàn: $B_{at} = 1 \times 2,0 = 2,0\text{m}$.

+ Lề đường: $B_{ld} = 2 \times 1,0 = 2,0\text{m}$.

e) Độ dốc ngang mặt đường:

- Đối với tuyến chính:

+ Các đoạn tuyến thẳng, đoạn tuyến trong đường cong lớn (không siêu cao):
đốc ngang 02 mái, $i_m = 2\%$.

+ Các đoạn tuyến trong đường cong siêu cao: Đốc ngang 01 mái, $i_m = i_{sc}$;

+ Công trình cầu: Độ dốc ngang mặt cầu phụ thuộc vào độ dốc ngang đoạn tuyến liền kề.

+ Độ dốc ngang làn dừng đỗ khẩn cấp: Kết cấu mặt đường làn dừng đỗ là bê tông nhựa, độ dốc ngang bằng mặt đường tuyến chính; riêng đối với đoạn Km0+000 - Km8+500: Độ dốc ngang làn dừng đỗ khẩn cấp $i = 4\%$.

- Đối với đường ngang, đường gom: Tùy thuộc kết cấu mặt, cụ thể:

+ Mặt đường bê tông nhựa, BTXM: $i_m = 2\%$.

+ Mặt đường láng nhựa, cấp phối: $i_m = 3\%$.

+ Lề đất: $i_{lề đất} = 5\%$.

f) Cao độ thiết kế trên mặt cắt ngang chi tiết: Thể hiện 02 loại cao độ là cao độ giai đoạn hoàn chỉnh theo quy hoạch (CDHC) và cao độ phân kỳ đầu tư giai đoạn 1 (CDPK). Trong đó CDPK được tham chiếu từ CDHC (tìm CDPK cách tìm CDQH 3,875m về trái tuyến), đồng thời phải đảm bảo cắt ngang nửa bên trái giai đoạn phân kỳ trùng với giai đoạn hoàn chỉnh.

2.4. Nền đường:

a) Nền đường đắp:

- Đảm bảo yêu cầu về độ chặt và khả năng chịu tải của đất nền theo tiêu chuẩn áp dụng cho đường ô tô cao tốc. Trước khi đắp nền đường thực hiện đào bỏ lớp đất không thích hợp và đánh cấp (nếu có).

- Độ dốc mái taluy bên trái (bên hoàn chỉnh) áp dụng là 1/2; độ dốc mái taluy bên phải (bên phân kỳ) áp dụng là 1/1,5; đối với các vị trí đắp cao trên 8,0m, nền đường được giạt cấp, chiều cao mỗi cấp là 6,0m, giữa các cấp tạo một bậc thềm rộng $B = 2,0\text{m}$.

b) Xử lý nền đất yếu: Theo kết quả khảo sát địa chất, dự án thành phần 1 chưa phát hiện có đất yếu. Trong bước tiếp theo khi có đầy đủ số liệu khảo sát, nếu phát hiện có đất yếu thì có thể xem xét thiết kế giải pháp, biện pháp xử lý nền đất yếu cho phù hợp, đảm bảo yếu tố kinh tế - kỹ thuật.

c) Nền đường đào: Taluy nền đường độ dốc từ 1/0,5 đến 1/1,5 tùy thuộc vào

- Tường chống ồn: Theo phê duyệt kết quả thẩm định DTM tại Quyết định số 3743/QĐ-BTNMT ngày 28/12/2022, dự án bố trí hệ thống chống ồn một số đoạn đông dân cư: từ Km0+000 đến Km1+200 (khu dân cư đoạn đầu tuyến thuộc phường Ninh Đa) và Km3+800 đến Km4+000 (khu dân cư thuộc xã Ninh Đông).

- Đường công vụ: Các đoạn có đường gom sẽ đi trùng đường gom; các đoạn không có đường gom sẽ xây dựng đường công vụ dọc tuyến; xây dựng đường công vụ ngoại tuyến (nếu cần).

- Công trình công kỹ thuật ngang đường: đoạn Km0+000 - Km25+000 là khu vực dân cư và sản xuất nông nghiệp khi xây dựng đường cao tốc có sự chia cắt trong sản xuất. Vì vậy, hồ sơ thiết kế dự kiến bố trí một số công kỹ thuật ngang đường để phục vụ nhu cầu tưới tiêu, luồn các đường dây điện và đường ống nước phục vụ nhu cầu sản xuất của nhân dân (TMDT dự án đã dự trù khoản kinh phí để đầu tư hệ thống công kỹ thuật trong quá trình thực hiện - khoảng 05 vị trí).

2.12. Các công trình khác, công trình vận hành, khai thác

- Hệ thống ITS: Trong giai đoạn này chỉ đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật (phần móng cột, bể cáp và ống bảo vệ cáp,...) để triển khai thực hiện đảm bảo đồng bộ với công tác xây lắp phần đường. Riêng đối với hệ thống thiết bị ITS, thiết bị thu phí sẽ được xem xét đầu tư theo dự án riêng khi được cấp có thẩm quyền cho phép, đảm bảo đồng bộ giữa các dự án thành phần.

- Trạm dừng nghỉ: Trong phạm vi Dự án thành phần 1 không bố trí trạm dừng nghỉ; Trạm dừng nghỉ dự kiến bố trí tại Dự án thành phần 3.

3. Các nội dung khác

- Diện tích sử dụng đất: Dự kiến diện tích sử dụng đất của Dự án khoảng 229,26 ha thuộc địa bàn thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Phương án GPMB và tái định cư:

+ Giải phóng mặt bằng cho quy mô giai đoạn hoàn chỉnh 04 làn xe theo Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

+ Phạm vi được xác định theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 và Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ về quản lý vào bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

+ Tổ chức thực hiện: Tách công tác GPMB, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành tiểu dự án riêng, giao UBND thị xã Ninh Hòa tổ chức thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

4. Tổng mức đầu tư:

- Giá trị tổng mức đầu tư: **5.333,307 tỷ đồng** (Bằng chữ: Năm ngàn ba trăm ba mươi ba tỷ, ba trăm linh bảy triệu đồng). Trong đó, cụ thể như sau:

+ Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ GPMB (bao gồm cả dự phòng)	: 606,699 tỷ đồng
+ Chi phí xây dựng, thiết bị	: 3.919,749 tỷ đồng
+ Chi phí quản lý dự án, tư vấn và chi phí khác	: 251,901 tỷ đồng
+ Chi phí dự phòng	: 554,958 tỷ đồng

- Nguồn vốn đầu tư: Đầu tư công, nguồn vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương.

(Chi tiết theo Tờ trình số 260/TTr-BDH ngày 13/3/2023 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Khánh Hòa và Hồ sơ Báo cáo NCKT Dự án kèm theo)

IV. TỔNG HỢP Ý KIẾN CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

Ban QLDA ĐTXD các Công trình Giao thông tỉnh đã có Tờ trình số 23/TTr- BDH ngày 09/01/2023 trình Sở Giao thông vận tải thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án; Sở Giao thông vận tải đã có Văn bản số 52/SGTVT-QLCL&ATGT ngày 09/01/2023 đề nghị các cơ quan, đơn vị nghiên cứu, tham gia góp ý Hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án theo lĩnh vực quản lý. Đến nay đã nhận được các văn bản thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và các văn bản góp ý của các Sở, ngành liên quan như sau:

- Công văn số 474/CQLXD-QLXD3 ngày 08/3/2023 của Cục Quản lý Đầu tư Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án thành phần I thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn I;

- Trong quá trình thẩm định, các cơ quan của Bộ Giao thông vận tải đã có ý kiến góp ý BCNCKT Dự án tại các văn bản, cụ thể: Vụ Kế hoạch - Đầu tư (văn bản số 37/KHĐT ngày 11/01/2023); Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường (văn bản số 38/KHCN&MT ngày 16/01/2023); Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông (văn bản số 16/KCHT ngày 06/01/2023); Cục Đường bộ Việt Nam (văn bản số 251/CĐBVN-KHĐT ngày 12/01/2023); Cục Đường cao tốc Việt Nam (văn bản số 37/CĐCTVN-KHTC ngày 11/01/2023).

- Các Sở ngành và đơn vị có liên quan:

+ Sở Giao thông vận tải: Văn bản 186/SGTVT-QLCL&ATGT ngày 19/01/2023.

+ Sở Kế hoạch và Đầu tư: Văn bản số 189/SKHĐT-TH ngày 16/01/2023.

+ Sở Tài chính: Văn bản số 206/STC-TCĐT ngày 13/01/2023.

+ Sở Xây dựng: Văn bản số 139/SXD-QLCL ngày 13/01/2023.

+ Sở Tài nguyên và Môi trường: Văn bản 164/STNMT-CCQLDD ngày 16/01/2023.

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Văn bản 172/SNN-KL ngày 16/01/2023.

+ Sở Công Thương: Văn bản số 80/SCT-QLNL ngày 13/01/2023.

+ Sở Thông tin và Truyền thông: Văn bản số 120/STTTT-CNTTBCVT ngày 13/01/2023.

+ Sở Văn hóa và Thể thao: Văn bản số 115/SVHTT-QLVHGD ngày 12/01/2023.

+ Công an tỉnh: Văn bản số 163/CAT-ANKT ngày 12/01/2023.

+ Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: Văn bản số 109/BCH-TM ngày 17/01/2023.

+ Ban Quản lý KKT Vân Phong : Văn bản số 76/KKT-QLQHXD ngày 13/01/2023.

+ UBND thị xã Ninh Hòa: Văn bản số 103/UBND ngày 11/01/2023.

+ Ban QLDA 6 (Chủ đầu tư Dự án thành phần 2): Văn bản số 115/BQLDA6-BĐH KH-BMT ngày 14/01/2023.

Các nội dung này ngoài thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng rừng cơ bản không ảnh hưởng đến trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt Dự án; đồng thời, đã được Chủ đầu tư yêu cầu Tư vấn đã nghiên cứu, tiếp thu, giải trình chi tiết và cập nhật hoàn thiện trong hồ sơ Báo cáo NCKT (Văn bản số 19/TVTS-TKI ngày 01/3/2023 của Liên danh Công ty Tư vấn Trường Sơn – Công ty CP Tư vấn T27 v/v giải trình góp ý của Sở, ban ngành về hồ sơ BCNCKT Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình đường cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1).

(Kèm Văn bản ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan và văn bản giải trình của đơn vị tư vấn)

V. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

V.1. Nội dung thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại khoản 2 Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14:

Đã được Cục Quản lý đầu tư xây dựng - Bộ Giao thông vận tải thông báo kết quả thẩm định tại Công văn số 474/CQLXD-QLXD3 ngày 08/3/2023.

Sở Giao thông vận tải đã có Văn bản số 598/SGTVT-QLCL&ATGT ngày 09/3/2023 đề nghị Ban QLDA ĐTXD các Công trình Giao thông hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của Cục Quản lý đầu tư xây dựng – Bộ Giao thông vận tải thông báo kết quả thẩm định tại Công văn số 474/CQLXD-QLXD3 ngày 08/3/2023, Ban QLDA ĐTXD các Công trình giao thông tỉnh đã rà soát kết quả hoàn thiện, hồ sơ phù hợp với ý kiến thẩm định của Cục Quản lý đầu tư xây dựng và trình Sở Giao thông vận tải thẩm định tại Tờ trình số 260/TTr- BĐH ngày 13/3/2023.

Theo đó, kết quả thẩm định của Cục Quản lý đầu tư xây dựng tại Công văn số 474/CQLXD-QLXD3 ngày 08/3/2023 có một số nội dung cơ bản như sau:

I. Sự tuân thủ quy định pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng

- Sự tuân thủ quy định pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở:

+ Về cơ bản Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 được lập đảm bảo tuân thủ quy định. Chủ đầu tư có trách nhiệm rà soát các trình tự, thủ tục; bổ sung ý kiến của các đơn vị/cơ quan có liên quan về đánh giá tác động đối với dự án, các văn bản thỏa thuận, xác nhận về đầu nối về hạ tầng kỹ thuật của dự án; tổ chức trình cơ quan chuyên môn của người quyết định đầu tư thẩm định dự án theo quy định, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

+ Về đất Quốc phòng: Phương án hướng tuyến Dự án đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột đã được Quân khu V thỏa thuận, thống nhất về hướng tuyến tại các văn bản số 2139/QK-TM ngày 08/11/2021, số 2304/QK-TM ngày 03/12/2021; Bộ Quốc phòng thống nhất tại văn bản số 4598/BQP-TM ngày 29/12/2022 là phù hợp quy định.

+ Về chuyển mục đích sử dụng đất rừng, đất lúa: Dự án đã được Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 58/2022/NQ-CP. Theo quy định tại Điều 58, Luật Đất đai quy định: “Đối với dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác mà không thuộc trường hợp được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ được quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất khi có một trong các văn bản sau đây”. Như vậy, đối với Dự án Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột là trường hợp đã được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư nên không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trước khi thực hiện.

+ Về chuyển mục đích sử dụng rừng: Dự án đã được Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 58/2022/NQ-CP. Theo quy định tại Khoản 4 Điều 41 Nghị định số 83/2020/NĐ-CP: “... chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng là một nội dung trong chấp thuận chủ trương đầu tư dự án”. Theo quy định tại Khoản 5 Điều 41 Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định: “Đối với dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, nhưng trong nội dung quyết định chưa xác định diện tích rừng được chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thì thực hiện như sau: ...”. Đối với Dự án Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột đã được Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư, trong đó đã nêu chi tiết về diện tích rừng nên không phải thực hiện các quy định

về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng. Tại Báo cáo thẩm tra số 954/BC-UBKT ngày 05/6/2022 của UBTVQH nêu: “*đề nghị Thủ tướng Chính phủ sớm xem xét, quyết định việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng*”. Như vậy, UBTVQH chỉ yêu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng mà không cần phải thực hiện quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng. Theo quy định tại Điều 23 Luật Lâm nghiệp, về thẩm quyền giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh. Như vậy, Dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng, việc chuyển mục đích sử dụng rừng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh nơi có dự án đi qua. Như vậy, đã đủ điều kiện để phê duyệt dự án đầu tư.

Về vấn đề này, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có Văn bản số 991/SNN-KL ngày 16/3/2023 báo cáo UBND tỉnh về chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột.

- Điều kiện, năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng:

+ Về năng lực của Chủ đầu tư: UBND tỉnh Khánh Hòa đã có Quyết định số 2183/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 giao nhiệm vụ cho Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông tỉnh Khánh Hòa làm chủ đầu tư Dự án thành phần 1 thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1, UBND tỉnh Khánh Hòa chịu trách nhiệm về việc đánh giá năng lực, lựa chọn chủ đầu tư thực hiện dự án theo đúng quy định.

+ Chủ đầu tư chịu trách nhiệm rà soát năng lực hành nghề của các tổ chức, cá nhân tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm tra tham gia lập, thẩm tra dự án đảm bảo đủ năng lực và tuân thủ theo quy định. Chủ đầu tư, Tư vấn chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ năng lực hoạt động xây dựng kèm theo.

+ Kết quả thẩm tra của Tư vấn thẩm tra: Tại báo cáo thẩm tra số các Báo cáo thẩm tra số 227/VECC-BCTT-TP1 KHBMT ngày 29/12/2022, số 08/VECC-BCTT-TP1 KHBMT ngày 04/01/2023 và số 32/VECC-BCTT-TP1 KHBMT ngày 02/3/2023 của Công ty Cổ phần Tư vấn đường cao tốc Việt Nam đánh giá hồ sơ BCNCKT Dự án sau khi hoàn thiện theo ý kiến thẩm tra tuân thủ quy định hiện hành, chất lượng hồ sơ khảo sát, thiết kế đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của dự án và đủ điều kiện trình thẩm định. Đề nghị Chủ đầu tư chỉ đạo Tư vấn thiết kế và các đơn vị có liên quan tiếp tục kiểm tra, rà soát, nghiên cứu chỉnh sửa, giải trình, hoàn chỉnh hồ sơ BCNCKT đối với các ý kiến của các đơn vị Cục Đường bộ Việt Nam, Cục Đường cao tốc Việt Nam, các Vụ, ý kiến của địa phương có liên quan và theo các nội dung Tư vấn thẩm tra nêu trong các báo cáo thẩm tra, đảm bảo hồ sơ sau khi thẩm tra đủ điều kiện để các cơ quan chủ trì thẩm định của Người quyết định đầu tư tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền

phê duyệt tuân thủ quy định hiện hành. Chủ đầu tư, Tư vấn thẩm tra, tư vấn thiết kế chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả thực hiện của mình trước Người quyết định đầu tư và pháp luật về các nội dung thực hiện.

2. Về sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận:

- Dự án phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch mạng lưới giao thông đường bộ, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn mới;

- Phương án tuyến trình duyệt cơ bản phù hợp với tổng thể hướng tuyến bước Báo cáo NCTKT và đã được UBND tỉnh Khánh Hòa chấp thuận tại văn bản số 10073/UBND-XDND ngày 17/10/2022 và số 03/UBND-XDND ngày 03/01/2023; phù hợp với điều kiện địa hình khu vực, đảm bảo quy mô, cấp hạng thiết kế của tuyến cao tốc đã được Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư; phù hợp với phương án tuyến đã được Bộ GTVT chấp thuận trong quá trình nghiên cứu, lập hồ sơ BCNCKT.

- Phương án, hướng tuyến Dự án đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột đã được Quân khu V thoả thuận, thống nhất về hướng tuyến tại các văn bản số 2139/QK-TM ngày 08/11/2021, số 2304/QK-TM ngày 03/12/2021; Bộ Quốc phòng thống nhất tại văn bản số 4598/BQP-TM ngày 29/12/2022 là phù hợp quy định.

3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định:

Dự án được Chủ đầu tư tổ chức lập, trình Cục QLĐT XD thẩm định BCNCKT với quy mô đường cao tốc có tốc độ thiết kế $V_{tk}=100\text{km/h}$, phân kỳ đầu tư 04 làn xe với $B_{nền}=17,0\text{m}$ là phù hợp với chủ trương đầu tư được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022. Riêng nội dung hoàn thiện nút giao QL26 tại Km20+963, theo yêu cầu của địa phương, trong TMĐT của dự án có dự trù khoản kinh phí để đầu tư hoàn thiện trong giai đoạn 1 nếu đảm bảo các luận chứng về yêu cầu kinh tế - kỹ thuật và phù hợp quy định.

4. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực; khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật:

Dự án thành phần 1 là một trong ba dự án thành phần thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1, tuyến đường hoàn thành đảm bảo khả năng kết nối trực ngang giữa vùng Tây Nguyên với duyên hải Nam Trung Bộ, đồng thời kết nối với các trục dọc, phát huy hiệu quả các dự án đã và đang đầu tư, kết nối các trung tâm kinh tế, cảng biển, đáp ứng nhu cầu vận tải; tạo dư địa, động lực, không gian phát triển vùng Tây Nguyên.

bản số 10073/UBND-XDND ngày 17/10/2022, số 03/UBND-XDND ngày 03/01/2023 và số 2333/UBND-XDND ngày 15/3/2023; phù hợp với phương án tuyển đã được Bộ GTVT chấp thuận trong quá trình nghiên cứu, lập hồ sơ BCNCKT và đã được Cục Quản lý đầu tư xây dựng thẩm định tại Văn bản số 474/CQLXD-QLXD3 ngày 08/3/2023.

- Đối với đất Quốc phòng: Phương án, hướng tuyến Dự án đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột đã được Quân khu V thỏa thuận, thống nhất về hướng tuyến tại các văn bản số 2139/QK-TM ngày 08/11/2021, số 2304/QK-TM ngày 03/12/2021; Bộ Quốc phòng thống nhất tại văn bản số 4598/BQP-TM ngày 29/12/2022 là phù hợp quy định.

1.3. Sự phù hợp với mục tiêu, quy mô đầu tư và các yêu cầu khác được xác định trong quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng:

Dự án được Chủ đầu tư tổ chức lập được Cục QLĐT XD thẩm định và trình Sở Giao thông vận tải thẩm định Báo cáo NCKT với quy mô đường cao tốc có tốc độ thiết kế $V_{tk}=100\text{km/h}$, phân kỳ đầu tư 04 làn xe với $B_{nền}=17,0\text{m}$ là phù hợp với chủ trương đầu tư được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022.

Riêng nội dung đầu tư hoàn thiện nút giao với QL.26 tại Km20+963, trong TMDT của dự án có dự trù khoản kinh phí để đầu tư hoàn thiện nút giao liên thông hoàn chỉnh dạng kim cương với Quốc lộ 26 ngay trong giai đoạn I (trước năm 2026) theo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Thông báo số 562-TB/TU ngày 16/01/2023 và Công văn số 3821-CV/VPTU ngày 07/2/2023 để đảm bảo đồng bộ và kết nối giao thông tại khu vực, tạo động lực và không gian phát triển theo Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 21/3/2022 của Chính phủ.

2. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở với nhiệm vụ thiết kế; danh mục tiêu chuẩn áp dụng:

2.1. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở với nhiệm vụ thiết kế:

Nội dung giải pháp thiết kế cơ bản phù hợp với nhiệm vụ thiết kế đã được Ban QLDA ĐTXD các Công trình Giao thông tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 593/QĐ-QLDA ngày 19/8/2022, cơ bản phù hợp theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 về các nội dung mục tiêu, địa điểm, quy hoạch, cảnh quan và kiến trúc của công trình, thời hạn sử dụng công trình, công năng sử dụng và các yêu cầu kỹ thuật khác đối với công trình.

2.2. Danh mục tiêu chuẩn áp dụng:

Theo Quyết định số 3352/QĐ-UBND ngày 06/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho Dự án thành phần I thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn I

3. Giải pháp tổ chức thực hiện dự án, kinh nghiệm và năng lực quản lý dự án của chủ đầu tư, phương án giải phóng mặt bằng, hình thức thực hiện dự án:

3.1. Giải pháp tổ chức thực hiện dự án:

- Đơn vị tổ chức và thực hiện dự án: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các Công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa

+ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa được UBND tỉnh thành lập tại Quyết định số 2271/QĐ-UBND ngày 09/7/2002; Quyết định đổi tên và kiện toàn số 4053/QĐ-UBND ngày 27/12/2016; Quyết định kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức số 499/QĐ-UBND ngày 07/3/2023, theo đó Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh là Ban chuyên ngành làm chủ đầu tư các dự án, công trình thuộc lĩnh vực giao thông trực thuộc UBND tỉnh.

+ Theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 83 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa thuộc trường hợp không yêu cầu phải có chứng chỉ năng lực của tổ chức.

+ Triển khai Nghị quyết của Chính phủ, UBND tỉnh đã có Quyết định số 2183/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1.

- Thời gian thực hiện dự án: Chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án từ năm 2022, cơ bản hoàn thành một số đoạn tuyến có lưu lượng giao thông lớn năm 2025, cơ bản hoàn thành toàn tuyến năm 2026 và hoàn thành đưa vào khai thác đồng bộ toàn Dự án năm 2027.

- Số bước thiết kế: thiết kế 03 bước (thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công).

- Công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Tách công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành tiểu dự án riêng, giao UBND thị xã Ninh Hòa tổ chức thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

- Đối với các công tác lựa chọn nhà thầu và triển khai thi công: thực hiện theo Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội, Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 25/7/2022 của Chính phủ, Luật Xây dựng, Luật Đầu thầu và các quy định liên quan khác.

+ Đối với các gói thầu Tư vấn: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa và người có thẩm quyền tổ chức thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được áp dụng hình thức chỉ định thầu trong 02 năm 2022 và 2023 đối với các gói thầu tư vấn, gói thầu phục vụ di dời hạ tầng kỹ thuật, các gói thầu thực hiện bồi

thường, hỗ trợ, tái định cư; Trình tự, thủ tục thực hiện chi định thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu theo Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 25/7/2022. Đối với gói thầu tư vấn bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi được UBND tỉnh cho phép Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hoà được áp dụng hình thức chi định thầu tại Văn bản số 8025/UBND-XDND ngày 24/8/2022.

- Về quản lý khai thác sử dụng: Nghị quyết số 58/2022/QH15 được Quốc hội thông qua đã xác định: Chính phủ chỉ đạo Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, các Bộ, ngành, các địa phương liên quan xây dựng phương án thu hồi vốn đầu tư Dự án hoàn trả vào ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương theo tỷ lệ vốn góp đầu tư Dự án.

Về cơ bản giải pháp tổ chức thực hiện dự án là phù hợp với quy mô, tính chất kỹ thuật của dự án.

3.2. Kinh nghiệm và năng lực quản lý dự án của chủ đầu tư:

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hoà được UBND tỉnh thành lập tại Quyết định số 2271/QĐ-UBND ngày 09/7/2002; Quyết định đổi tên và kiện toàn số 4053/QĐ-UBND ngày 27/12/2016; Quyết định kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức số 499/QĐ-UBND ngày 07/3/2023, theo đó Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh là Ban chuyên ngành làm chủ đầu tư các dự án, công trình thuộc lĩnh vực giao thông trực thuộc UBND tỉnh.

- Năng lực hoạt động xây dựng của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh: Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông hạng I, số BXD-00026431.

- Kinh nghiệm thực hiện các dự án lớn trong thời gian gần đây: Đường cắt hạ cảnh số 2 – Cảng Hàng không quốc tế Cam Ranh (Công trình giao thông cấp đặc biệt); Đường nối Diên Khánh – Khánh Vĩnh (Công trình giao thông cấp I). Với kinh nghiệm trong công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình cấp đặc biệt, cấp I, Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa đủ năng lực để thực hiện Dự án thành phần 1 cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột đoạn qua địa bàn tỉnh Khánh Hòa (công trình giao thông cấp I).

- Ngày 07/3/2023, UBND tỉnh đã có Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 07/3/2022 Kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa; trong đó, UBND tỉnh giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa triển khai sắp xếp tổ chức bộ máy, bổ trí nhân sự; chỉ đạo kiểm tra việc xây dựng kế hoạch, phân bổ số lượng người làm việc; rà soát, ban hành vị trí việc làm của Ban...

Do đó, trong các bước tiếp theo, Ban QLDA ĐTXD các Công trình Giao thông tỉnh cần phải khẩn trương kiện toàn bộ máy nhân sự, mô hình quản lý,

ứng dụng khoa học công nghệ,... nâng cao hơn nữa năng lực tổ chức điều hành, quản lý dự án, đáp ứng yêu cầu tiến độ, chất lượng và hiệu quả Dự án thành phần 1 theo Nghị quyết số 58/2022/QH15 của Quốc hội, Nghị quyết số 89/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định phê duyệt dự án đầu tư.

3.3. Phương án giải phóng mặt bằng:

Phương án giải phóng mặt bằng phục vụ thi công Dự án thành phần 1: Tách công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành tiểu dự án riêng, giao UBND thị xã Ninh Hòa tổ chức thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

3.4. Hình thức thực hiện dự án: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các Công trình giao thông tỉnh tổ chức thực hiện quản lý dự án.

4. Yếu tố bảo đảm tính hiệu quả của dự án bao gồm xác định tổng mức đầu tư xây dựng; nguồn vốn, khả năng huy động vốn theo tiến độ; phân tích rủi ro, hiệu quả tài chính, hiệu quả kinh tế - xã hội:

4.1. Xác định tổng mức đầu tư xây dựng: Tổng mức đầu tư xây dựng được Tư vấn lập, được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định và được Chủ đầu tư trình thẩm định là 5.333,307 tỷ đồng không vượt sơ bộ TMDT (5.632 tỷ đồng) đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 58/2022/QH15, phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 18 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2022.

4.2. Xác định nguồn vốn, khả năng huy động vốn theo tiến độ:

- Nguồn vốn cho Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1: Theo khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư công, việc thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn là một nội dung trong thẩm định chủ trương đầu tư. Nguồn vốn của Dự án đã được xác định trong Nghị quyết số 58/2022/QH15 của Quốc hội, trong đó: Nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 là 15.096 tỷ đồng (trong đó: ngân sách trung ương: 13.831 tỷ đồng; ngân sách địa phương 1.265 tỷ đồng); Nguồn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026-2030 là 6.839 tỷ đồng.

- Nguồn vốn cho Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 đã được xác định như sau:

Căn cứ tiến độ dự án được thống nhất theo Nghị quyết số 58/2022/QH15 của Quốc hội và Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 25/7/2022 của Chính phủ: Chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án từ năm 2022, cơ bản hoàn thành một số đoạn tuyến có lưu lượng giao thông lớn năm 2025 (*Công tác GPMB hoàn thành trước 31/12/2023*), cơ bản hoàn thành toàn tuyến năm 2026 và hoàn thành đưa vào khai thác đồng bộ toàn Dự án năm 2027.

Căn cứ Văn bản số 10129/BGTVT-KHĐT ngày 30/9/2022 của Bộ Giao thông Vận tải, kế hoạch vốn bố trí cho Dự án thành phần 1 giai đoạn 2022-2025 là 3.877,5 tỷ đồng.

Căn cứ Nghị quyết số 131/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 HĐND tỉnh Khánh Hòa về kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025.

Dự án thành phần 1 dự kiến phân bổ vốn theo tiến độ như sau:

+ Năm 2023 (nguồn vốn NSTW và NSDP): 902,5 tỷ đồng (vốn NSTW là 596 tỷ đồng; vốn NSDP là 306,5 tỷ đồng).

+ Năm 2024 (nguồn vốn NSTW): 1488 tỷ đồng.

+ Năm 2025 (nguồn vốn NSTW): 1487 tỷ đồng.

+ Năm 2026 (nguồn vốn NSTW): 1455,807 tỷ đồng.

4.3. Phân tích rủi ro, hiệu quả tài chính, hiệu quả kinh tế - xã hội:

a. Phân tích rủi ro:

- Về nguồn cung ứng vật liệu xây dựng:

Thực tiễn triển khai các dự án thành phần đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2017 – 2020 và giai đoạn 2021 - 2025 đã gặp nhiều khó khăn, vướng mắc về nguồn cung ứng vật liệu xây dựng như đất, cát, đá... Trong đó, nguyên nhân chủ yếu do việc triển khai đồng loạt nhiều dự án trong cùng khu vực, nhu cầu vật liệu tăng đột biến, dẫn đến tình trạng khan hiếm nguồn cung, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai dự án. Trong khi đó, thủ tục thành lập mỏ mới, gia hạn và nâng công suất các mỏ đang khai thác rất phức tạp, cần nhiều thời gian. Để giải quyết khó khăn, vướng mắc, Chính phủ đã ban hành các Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2021 và số 133/NQ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2021 cho phép áp dụng một số cơ chế đặc thù trong việc cấp phép khai thác, gia hạn và nâng công suất các mỏ đang khai thác đối với vật liệu xây dựng thông thường để cung cấp cho các dự án thành phần đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông. Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột đã được áp dụng các cơ chế đặc thù trên.

Xác định vai trò quan trọng của nguồn vật liệu và khả năng cung cấp vật liệu xây dựng thông thường phục vụ cho Dự án (đặc biệt vật liệu đắp), ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ, chất lượng và giá thành Dự án, quá trình lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, UBND tỉnh Khánh Hòa đã chỉ đạo Chủ đầu tư, các Sở, ngành liên quan khảo sát, đánh giá sơ bộ và xác định các mỏ vật liệu xây dựng phục vụ Dự án cao tốc trong khu vực.

Trong quá trình lập BCNCKT Dự án, Ban QLDA ĐTXD các Công trình Giao thông đã lấy ý kiến Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Văn bản số 492/STNMT-TNNKS ngày 16/02/2023 thống nhất các mỏ khoáng sản lập Hồ sơ khảo sát vật liệu xây dựng phục vụ Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Tuy nhiên, hiện nay trên địa bàn tỉnh đang triển khai nhiều dự án giao thông trọng điểm quốc gia, nhưng theo báo cáo về nguồn vật liệu chưa có đánh

giả tính khả thi và phương án điều phối nguồn vật liệu xây dựng thông thường đảm bảo cung cấp cho dự án. Do đó, Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm về nội dung này và cần tiếp tục chủ trì tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp đảm bảo cung cấp nguồn vật liệu xây dựng cho Dự án trong bước tiếp theo; Ban QLDA ĐTXD các Công trình Giao thông chịu trách nhiệm về hồ sơ khảo sát vật liệu xây dựng, đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình; đồng thời Ban chỉ đạo đơn vị tư vấn nghiên cứu, rà soát thêm giải pháp thiết kế để điều chỉnh, thay thế giải pháp công trình, vật liệu xây dựng đảm bảo khả năng xây dựng, chi phí xây dựng, đảm bảo tiến độ công trình.

- Các rủi ro khác chưa lường trước được ở bước BCNCKT như: Tổ chức thi công, tiến độ thi công bị ảnh hưởng bởi các yếu tố như thời tiết, thiên tai, dịch bệnh; khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng, di dời hạ tầng kỹ thuật; chính sách tiền tệ, lạm phát; nguồn cung ứng vật liệu; sự cố công trình trong quá trình thi công,... Trong quá trình triển khai các bước tiếp theo cần kiểm soát chặt chẽ từ khâu khảo sát, thiết kế đến thi công các hạng mục công trình,... để có các giải pháp thích ứng, kịp thời với các điều kiện bất lợi, rủi ro nêu trên; hạn chế thấp nhất tác động tiêu cực đến dự án.

b. Về hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án:

Dự án mang lại nhiều hiệu quả cho sự phát triển kinh tế - xã hội như: giảm khoảng cách, tiết kiệm thời gian và chi phí vận chuyển hành khách và hàng hóa từ tỉnh Đắk Lắk nói riêng và vùng Tây Nguyên nói chung đến cảng Nam Vân Phong, thúc đẩy phát triển, khai thác các tiềm năng của cảng Nam Vân Phong và của khu vực; các ngành nghề, xí nghiệp do tiết kiệm thời gian hành trình, giảm lượng dự trữ trong các kho; tăng cường đảm bảo an toàn vận tải, giảm thiệt hại về người và tài sản do tai nạn giao thông gây nên, thúc đẩy sự phát triển kinh tế của các địa phương, làm tăng thu nhập quốc dân.

4.4. Khả năng thu hồi vốn: Theo Nghị quyết số 58/2022/QH15 của Quốc hội, dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột sẽ thực hiện thu phí để thu hồi vốn đầu tư. Trong bước tiếp theo, Chính phủ chỉ đạo Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, các Bộ, ngành, các địa phương liên quan xây dựng phương án thu hồi vốn đầu tư Dự án hoàn trả vào ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo tỷ lệ vốn góp đầu tư vào dự án.

5. Sự phù hợp của phương án công nghệ (nếu có):

Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột là dự án xây dựng công trình giao thông có các hạng mục chủ yếu như nền đường, mặt đường phù hợp với công nghệ thi công hiện có và vật liệu xây dựng trong khu vực; công trình cầu, hầm chui: áp dụng kết cấu bê tông cốt thép, bê tông cốt thép dự ứng lực là các kết cấu đã được

trả hạ tầng kỹ thuật và các công trình khác bị ảnh hưởng bởi dự án cao tốc, đảm bảo tuân thủ quy định và không ảnh hưởng đến tiến độ của Dự án.

- Trên cơ sở Báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt, Ban QLDA ĐTXD các Công trình Giao thông tỉnh, đơn vị tư vấn rà soát, cập nhật, xác định lại khối lượng, phạm vi GPMB của dự án (nếu có thay đổi) để điều chỉnh cục giải phóng mặt bằng – mốc lộ giới cho phù hợp bản giao cho địa phương thực hiện công tác GPMB, làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo.

VI. KẾT LUẬN:

1. Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột đủ điều kiện để trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

2. Các nội dung kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo:

2.1. Đối với Ban QLDA Đầu tư xây dựng các Công trình Giao thông tỉnh:

- Về việc đầu tư hoàn chỉnh nút giao với Quốc lộ 26:

Trên cơ sở kiến nghị của UBND tỉnh Khánh Hòa đối với nút giao Quốc lộ 26, Bộ GTVT thống nhất về hình thái nút giao liên thông dạng kim cương và đã có ý kiến *“giai đoạn 1 chỉ đầu tư xây dựng nút giao trực thông cao tốc vượt Quốc lộ 26 bằng cầu vượt để không gây ảnh hưởng đến dự án BOT Quốc lộ 26. Trong quá trình triển khai thực hiện Bộ Giao thông vận tải sẽ phối hợp với tỉnh tiếp tục nghiên cứu đánh giá để làm cơ sở xem xét thực hiện vào thời điểm thích hợp”* (Văn bản số 13048/BGTVT-CQLXD ngày 06/12/2022 và Văn bản số 144/BGTVT-CQLXD ngày 06/01/2023). Ngoài ra, theo kết quả thẩm định của Cục Quản lý đầu tư xây dựng tại Văn bản số 474/CQLĐTXD-QLXD3 ngày 08/3/2023: Tổng mức đầu tư Dự án thành phần 1 sau khi thẩm định đã bố trí kinh phí cho hạng mục này vào chi phí dự trù của Dự án để đầu tư hoàn thiện trong giai đoạn 1 nếu đảm bảo các luận chứng về yêu cầu kinh tế - kỹ thuật và phù hợp quy định.

Vì vậy, để đảm bảo đầy đủ cơ sở báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét đầu tư nút giao Quốc lộ 26 liên thông hoàn chỉnh theo hình thái đã được thống nhất trong giai đoạn 1 (trước năm 2026) theo chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Thông báo số 562-TB/TU ngày 16/01/2023 và Công văn số 3821-CV/VPTU ngày 07/2/2023, Sở Giao thông vận tải kiến nghị UBND tỉnh Khánh Hòa chỉ đạo Ban QLDA ĐTXD các Công trình Giao thông tỉnh trong quá trình triển khai dự án, chủ trì phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các đơn vị liên quan đề xuất, tham mưu UBND tỉnh hoàn thiện các thủ tục pháp lý để đầu tư nút giao QL.26 liên thông hoàn chỉnh trước năm 2026.

- Về việc đầu tư Cầu Đỗ - Ninh Sim trên đường gom tương ứng với lý trình Km17+235 trên tuyến chính:

Theo kết quả thẩm định của Cục Quản lý đầu tư xây dựng tại Văn bản số 474/CQLĐTXD-QLXD3 ngày 08/3/2023: “*Cầu Đò Ninh Sim tương ứng với lý trình Km17+235 tuyến chính, vượt sông Cái nằm trên tuyến đường ngang liên xã thôn Tân Lập là không phù hợp với mục tiêu đầu tư nên chưa tính chi phí đầu tư xây dựng vào Tổng mức đầu tư, tuy nhiên vẫn giữ nguyên vị trí và khẩu độ theo hồ sơ thiết kế cơ bản đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa chấp thuận tại Công văn số 10073/UBND-XDND ngày 17/10/2022*”.

Sở Giao thông vận tải kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo Ban QLDA ĐTXD các Công trình giao thông tỉnh nghiên cứu, rà soát các giải pháp thiết kế, dự toán trong các bước thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và các thủ tục pháp lý liên quan để triển khai thực hiện đầu tư xây dựng cầu Đò Ninh Sim làm cơ sở xây dựng hoàn thiện tuyến đường gom liên xã thôn Tân Lập, đảm bảo kết nối giao thông phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân trong khu vực theo kết luận số 3821-CV/VPTU ngày 07/02/2023 của Ban Thường vụ tỉnh Khánh Hòa.

- Ban QLDA Đầu tư xây dựng các Công trình Giao thông tỉnh và các đơn vị tư vấn hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về pháp lý, tính chính xác của số liệu khảo sát, tính toán thiết kế trong hồ sơ BCNCKT dự án và các nội dung trình thẩm định, phê duyệt dự án.

- Ban QLDA Đầu tư xây dựng các Công trình Giao thông tỉnh và các đơn vị có liên quan thực hiện thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo Quyết định số 3743/QĐ-BTNMT ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1.

- Chủ động phối hợp với các chủ đầu tư dự án có liên quan (Ban QLDA 7, Ban QLDA 6) để thống nhất về giải pháp thiết kế đồng bộ, đảm bảo tiến độ chung, tính tổng thể và thống nhất của toàn dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột.

- Chủ động phối hợp Ban QLDA 6 để hoàn thiện các thủ tục liên quan đến việc thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án đảm bảo tuân thủ quy định.

- Kiện toàn tổ chức và nhân sự, đảm bảo đủ năng lực điều hành, quản lý dự án, chịu trách nhiệm thực hiện dự án đáp ứng yêu cầu tiến độ, chất lượng theo yêu cầu Nghị quyết số 58/2022/QH15 của Quốc Hội, Nghị quyết số 89/NQ-CP của Chính Phủ và chỉ đạo của UBND tỉnh tại Quyết định kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức số 499/QĐ-UBND ngày 07/3/2023.

- Trong bước lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, Ban QLDA ĐTXD các Công trình Giao thông tỉnh cần lưu ý:

+ Tổ chức thực hiện khảo sát xây dựng (địa chất, địa hình, thủy văn,...) theo đúng quy định để phục vụ triển khai thiết kế chi tiết, đảm bảo giải pháp thiết kế hợp lý nhất, tiết kiệm, tránh lãng phí và đảm bảo hiệu quả đầu tư và tiến độ yêu cầu. Trong đó, lưu ý tổ chức đào thăm dò, khảo sát chi tiết hiện trạng các công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu vực dự án, từ đó có giải pháp đảm bảo an toàn cho các công trình hạ tầng kỹ thuật trong giai đoạn thi công và trong giai đoạn khai thác, sử dụng; đảm bảo thi công đồng bộ với các hạng mục của Dự án.

+ Tiếp tục rà soát, chuẩn xác các tính toán, làm cơ sở lựa chọn phương án thiết kế kết cấu an toàn về mặt kỹ thuật, tiết kiệm, hiệu quả về mặt kinh tế; kết nối đồng bộ với các công trình, dự án có liên quan; xây dựng các phương án tổ chức thi công, đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động, bảo vệ môi trường; tư vấn thẩm tra cần có bảng tính kiểm toán độc lập, làm cơ sở đánh giá tính chính xác của các kết quả thiết kế. Kết cấu các hạng mục công trình, các giải pháp kỹ thuật được phép thay đổi ở các bước thiết kế sau theo hướng nâng cao chất lượng công trình và hiệu quả của dự án và phải thực hiện đầy đủ các thủ tục theo đúng quy định.

+ Tiếp tục phối hợp, làm việc với UBND thị xã Ninh Hòa để rà soát, thỏa thuận bổ sung các vị trí hầm chui, đường gom (nếu có) để đảm bảo việc kết nối đảm bảo điều kiện lưu thông thuận lợi của người dân khu vực.

+ Tiếp tục rà soát, cập nhật các tiêu chuẩn kỹ thuật trình duyệt điều chỉnh, bổ sung đảm bảo phù hợp với giải pháp thiết kế, công nghệ thi công và nghiệm thu đảm bảo sự hài hòa, đồng bộ trong toàn bộ các tiêu chuẩn được áp dụng cho dự án.

+ Về tổ chức giao thông khu vực dự án: tiếp tục nghiên cứu, đánh giá toàn diện, trong đó cập nhật tiến độ thực hiện các dự án liên quan trong khu vực để có phương án tổ chức giao thông phù hợp cho từng giai đoạn, đảm bảo thuận lợi, an toàn; trong đó, lưu ý nghiên cứu chi tiết giải pháp tổ chức giao thông tại khu vực nút giao đầu tuyến với Quốc lộ, nút giao với cao tốc Bắc – Nam và nút giao với Quốc lộ 26.

+ Tổ chức thẩm tra an toàn giao thông theo quy định.

+ Lập kế hoạch, tiến độ tổng thể, chi tiết để triển khai dự án, đảm bảo tuân thủ khởi công dự án trước ngày 30/6/2023 và phù hợp với tiến độ triển khai hoàn thành toàn Dự án theo Nghị quyết số 58/2022/QH15 của Quốc Hội, Nghị quyết số 89/NQ-CP của Chính Phủ.

- Trong quá trình triển khai dự án:

+ Ban QLDA ĐTXD các Công trình Giao thông tỉnh có trách nhiệm thực hiện đầy đủ, chặt chẽ và đúng quy định các công tác giám sát, đánh giá đầu tư; thực hiện Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng; quản lý đầu tư xây dựng, quản lý đấu thầu, quản lý chất lượng công trình, tiến độ, chi phí đầu tư, không

để thất thoát lãng phí. Nghiên cứu áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành dự án (trong đó, có mô hình quản lý thông tin công trình (BIM)).

+ Ngày 02/4/2021, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 348/QĐ-BXD công bố “Hướng dẫn chung áp dụng Mô hình thông tin công trình (BIM)”. Bộ Xây dựng cũng đã dự thảo “Lộ trình áp dụng Mô hình thông tin công trình (BIM) trong hoạt động xây dựng” để trình Thủ tướng Chính phủ ban hành, trong đó dự kiến xác định “... từ năm 2023 áp dụng BIM bắt buộc đối với các công trình cấp I, cấp đặc biệt của dự án sử dụng vốn đầu tư công... bắt đầu thực hiện các công việc chuẩn bị dự án và tổ chức triển khai thực hiện dự án.” và giao trách nhiệm tổ chức thực hiện đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Chủ đầu tư và các đơn vị trực thuộc có liên quan chuẩn bị các nguồn lực cần thiết. Do đó yêu cầu Ban QLDA ĐTXD các Công trình Giao thông tỉnh bổ sung ngay kế hoạch và chuẩn bị các nguồn lực cần thiết để kịp thời tổ chức thực hiện, không để bị động.

+ Các chi phí tính toán sơ bộ và chi phí khảo sát công trình, chủ đầu tư tiếp tục tính toán để tính đúng, tính đủ đảm bảo hiệu quả tiết kiệm chi phí đầu tư.

2.2. Đối với Sở Giao thông vận tải:

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước liên quan đến dự án; kịp thời tham mưu, đề xuất giải quyết các khó khăn vướng mắc phát sinh vượt thẩm quyền để UBND tỉnh xem xét, quyết định theo đúng quy định.

- Phối hợp với Ban QLDA ĐTXD các Công trình Giao thông tỉnh và các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh hoàn thiện các thủ tục pháp lý để đầu tư nút giao QL.26 liên thông hoàn chỉnh trước năm 2026 theo chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Thông báo số 562-TB/TU ngày 16/01/2023 và Công văn số 3821-CV/VPTU ngày 07/2/2023.

- Sở Giao thông vận tải là cơ quan đầu mối, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Giao thông vận tải, các Sở, ngành, địa phương liên quan theo dõi, cập nhật tiến độ của dự án thành phần 1, bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ của toàn Dự án, kịp thời tham mưu, báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết hoặc báo cáo Bộ Giao thông vận tải, Thủ tướng Chính phủ các khó khăn, vướng mắc (nếu có).

2.3. Đối với Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với Ban QLDA ĐTXD các Công trình Giao thông tỉnh, tư vấn và các sở ngành, đơn vị liên quan tiếp tục rà soát, đánh giá trữ lượng, chất lượng, tính khả thi, khả năng đáp ứng nguồn vật liệu xây dựng thông thường cung cấp cho Dự án thành phần 1. Trong trường hợp nguồn vật liệu thực tế không đảm bảo nhu cầu cung cấp theo tiến độ thực hiện dự án, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp, đảm bảo cung cấp nguồn vật liệu xây dựng cho dự án.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường của chủ đầu tư theo Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

- Chịu trách nhiệm đối với các vấn đề liên quan đến chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành đối với dự án.

2.4. Đối với Sở Xây dựng:

- Kiểm tra, kiểm soát, quản lý chặt chẽ giá vật liệu xây dựng; thường xuyên theo dõi, bám sát diễn biến của thị trường xây dựng để kịp thời cập nhật, điều chỉnh, công bố giá vật liệu xây dựng thông thường theo quy định của pháp luật.

- Chủ trì hướng dẫn Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan thực hiện công tác đầu tư xây dựng các khu tái định cư, di dời hạ tầng kỹ thuật và các vấn đề liên quan đến quản lý chất lượng công trình.

- Hướng dẫn, giải quyết theo thẩm quyền hoặc tham mưu kịp thời cho UBND tỉnh tháo gỡ những khó khăn vướng mắc liên quan đến quản lý dự án, quản lý chi phí, định mức xây dựng, vật liệu xây dựng, quản lý chất lượng thi công và hợp đồng xây dựng.

- Chịu trách nhiệm đối với các vấn đề liên quan đến chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành đối với dự án.

2.5. Đối với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh đối với các nội dung liên quan đến việc thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án đảm bảo tuân thủ quy định.

- Chủ trì, hướng dẫn Ban QLDA ĐTXD các Công trình Giao thông tỉnh hoàn thiện phương án thiết kế đấu nối hạ tầng của dự án với các công trình thủy lợi, kênh, mương có chức năng tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp thuộc chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành.

- Chịu trách nhiệm đối với các vấn đề liên quan đến chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành đối với dự án.

2.6. Đối với Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Ban QLDA ĐTXD các Công trình Giao thông tỉnh và các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí, giải pháp huy động nguồn vốn cho dự án.

- Chủ trì thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đảm bảo yêu cầu về tiến độ theo kế hoạch đề ra.

- Tham mưu UBND tỉnh Quyết định giao nhiệm vụ cho UBND thị xã Ninh Hòa thực hiện công tác giải phóng mặt bằng phục vụ dự án thành phần 1 thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 tuân thủ quy định.

- Chịu trách nhiệm đối với các vấn đề liên quan đến chức năng quản lý nhà nước đối với dự án.

2.7. Đối với Sở Tài chính:

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, đề xuất UBND tỉnh các thủ tục liên quan đến bố trí vốn cho dự án; đảm bảo tiến độ thực hiện dự án;

- Hướng dẫn, giải quyết theo thẩm quyền các nội dung về thuế, phí, lệ phí liên quan đến dự án; chủ trì tham mưu UBND tỉnh phương án thu hồi vốn đầu tư dự án, hoàn trả vào ngân sách trung ương và địa phương; tham mưu UBND tỉnh các thủ tục phát hành trái phiếu chính quyền địa phương (nếu có);

- Hướng dẫn Chủ đầu tư các thủ tục liên quan đến công tác thanh, quyết toán dự án hoàn thành theo quy định;

- Chịu trách nhiệm đối với các vấn đề liên quan đến chức năng quản lý nhà nước liên quan đến dự án.

2.8. Đối với Kho bạc Nhà nước tỉnh:

Hướng dẫn Chủ đầu tư các thủ tục liên quan đến công tác tạm ứng và giải ngân vốn đầu tư công theo quy định.

2.9. Đối với Công an tỉnh:

- Chủ trì, hướng dẫn Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan về công tác đảm bảo an toàn phòng cháy và chữa cháy, đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn giao thông trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

- Tổ chức theo dõi quá trình triển khai thực hiện dự án, kịp thời dự báo, phát hiện, tham mưu, đề xuất cấp thẩm quyền chấn chỉnh từ xa, từ sớm những vấn đề có nguy cơ thiếu sót, sai phạm (nếu có) để khắc phục và xử lý các sai phạm theo chức năng, thẩm quyền.

2.10. Ủy ban nhân dân thị xã Ninh Hòa:

- Tiếp tục tăng cường tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ dự án tuân thủ quy định và đảm bảo tiến độ yêu cầu.

- Chủ động rà soát các Đồ án quy hoạch có liên quan đến dự án trên địa bàn, cập nhật, điều chỉnh quy hoạch, nhằm bảo đảm đầy đủ cơ sở pháp lý và tiến độ thực hiện dự án.

- Chủ động phối hợp với Ban QLDA ĐTXD các Công trình Giao thông tỉnh và các cơ quan liên quan giải quyết các khó khăn vướng mắc khi triển khai dự án.

2.11. Đối với các Sở ngành, đơn vị có liên quan:

- Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị để hướng dẫn, kiểm tra, giám sát đảm bảo việc thực hiện dự án theo đúng các nội dung tại Quyết định phê duyệt dự án và quy định của pháp luật hiện hành;

- Các Sở quản lý chuyên ngành hướng dẫn chủ đầu tư, đơn vị quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật bị ảnh hưởng bởi dự án các thủ tục liên quan đến công tác bồi thường, di dời hạ tầng kỹ thuật; tổ chức thẩm định, phê duyệt dự toán bồi thường, hỗ trợ di dời và kiểm tra, giám sát việc thực hiện di dời các công trình hạ tầng kỹ thuật bị ảnh hưởng bởi dự án theo đúng quy định.

- Các đơn vị quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật bị ảnh hưởng bởi dự án khẩn trương phối hợp với chủ đầu tư hoàn thành các thủ tục liên quan đến công tác bồi thường, di dời công trình hạ tầng kỹ thuật theo đúng quy định, đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Trên đây là thông báo của Sở Giao thông vận tải về kết quả thẩm định Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1. *l. j. j.*

Nơi nhận:

- Như trên;
- BTV Tỉnh ủy (b/cáo);
- UBND tỉnh (b/cáo);
- CT và các PCT UBND tỉnh (b/cáo);
- Giám đốc Sở (b/cáo);
- Ban Chỉ đạo theo Quyết định số 3262/QĐ-UBND ngày 28/11/2022;
- Các Sở: KHĐT, TC, TN&MT, XD, NN&PTNT, TT&TT, CT;
- Kho bạc nhà nước;
- BQL KKT Văn Phong;
- CA tỉnh, BCH QS Tỉnh;
- UBND thị xã Ninh Hòa;
- Lưu: VT, QLCL&ATGT (H/10b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thanh Hiến

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**

Số: 474 /CQLXD-QLXD3

V/v thông báo kết quả thẩm định Báo cáo
nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án
thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng
đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma
Thuột giai đoạn 1.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2023

**Kính gửi: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các
công trình giao thông tỉnh Khánh Hòa**

Cục Quản lý đầu tư xây dựng (Cục QLĐT XD) nhận được Tờ trình số 223/TTr-BĐH ngày 02/3/2023 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Khánh Hòa (Chủ đầu tư) về việc trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 (sau đây gọi tắt là Dự án).

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công ngày 11/01/2022; Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017; Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 25/7/2022 của Chính phủ về việc triển khai Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 về hợp đồng trong hoạt động xây dựng; số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; số 120/2018/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số

điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 17/2022/QĐ-TTg ngày 28/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân cấp thực hiện các dự án, dự án thành phần đầu tư các đoạn tuyến đường bộ cao tốc theo hình thức đầu tư công thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1223/QĐ-BGTVT ngày 23/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Cục Quản lý đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1292/QĐ-BGTVT ngày 30/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ, Văn phòng thuộc Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quy chế phối hợp số 01/QC-BGTVT-UBND KH-UBND DL ngày 18/8/2022 về việc phối hợp triển khai thực hiện Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn I;

Căn cứ Quyết định số 3743/QĐ-BTNMT ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn I;

Căn cứ Quyết định số 2183/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn I;

Căn cứ Quyết định số 3352/QĐ-UBND ngày 06/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn I;

Căn cứ văn bản số 738/VPCP-CN ngày 09/02/2023 của Văn phòng Chính phủ về việc hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi các Dự án thành phần thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn I;

Căn cứ văn bản số 8523/BGTVT-CQLXD ngày 18/8/2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc triển khai Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 25/7/2022 của Chính phủ về Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn I; các văn bản số 13555/BGTVT-CQLXD ngày 21/12/2022 và số 13667/BGTVT-CQLXD ngày 22/12/2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc cập nhật nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ GTVT thực hiện Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn I;

Căn cứ văn bản số 11302/BGTVT-CQLXD ngày 28/10/2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc định hướng một số nguyên tắc, giải pháp thiết kế lập hồ sơ BCNCKT, thiết kế hình học và cấm cọc GPMB, MLG thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn I;



Căn cứ văn bản số 587/BGTVT-CQLXD ngày 18/01/2023 của Bộ Giao thông vận tải về việc hoàn thiện hồ sơ phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ văn bản số 685/UBND-XDND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc kiến nghị một số nội dung thẩm định của Cục Quản lý đầu tư xây dựng tại Văn bản số 99/CQLXD-QLXD3 ngày 16/01/2023 về việc thông báo kết quả thẩm định BCNCKT Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ các Quyết định của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Khánh Hòa: số 590/QĐ-DAGT ngày 18/8/2022 về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí khảo sát xây dựng Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1; số 659/QĐ-DAGT ngày 04/9/2022 phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 02: Tư vấn khảo sát, lập BCNCKT, thiết kế, cắm cọc GPMB và MLG của Dự án; Hợp đồng số 07/2022/HĐTV ngày 05/9/2022 giữa Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình Giao thông và Liên danh Công ty cổ phần Tư vấn Trường Sơn - Công ty cổ phần Tư vấn T27 về Gói thầu 02: Tư vấn khảo sát, lập hồ sơ BCNCKT, thiết kế cắm cọc GPMB và Mốc lộ giới Dự án thành phần 1 (đoạn qua địa phận tỉnh Khánh Hòa) thuộc Dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột (giai đoạn 1);

Căn cứ các Quyết định của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Khánh Hòa: số 593/QĐ-DAGT ngày 19/8/2022 về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí chuẩn bị dự án của Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1; số 660/QĐ-DAGT ngày 04/9/2022 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 04: Tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thành phần 1 thuộc Dự án thành phần 1 thuộc Dự án; Hợp đồng số 09/2022/HĐTVTTR ngày 05/9/2022 giữa Ban QLDA DTXD các CTGT tỉnh Khánh Hòa và Công ty Cổ phần Tư vấn đường cao tốc Việt Nam về việc thực hiện gói thầu số 04: Tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thành phần đoạn 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ văn bản số 957a/DAGT-BĐH ngày 04/11/2022 của Ban QLDA DTXD các CTGT tỉnh Khánh Hòa về việc thông báo chấp thuận nghiệm thu và phê duyệt Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thành phần 1 thuộc Dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Báo cáo số 271/BC-MTTQ-BTT ngày 11/10/2022 của UBMTTQ Việt Nam tỉnh Khánh Hòa tổng hợp ý kiến cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Thông báo thẩm định số 99/CQLXD-QLXD3 ngày 16/01/2023 của Cục Quản lý đầu tư xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ các Báo cáo thẩm tra số 227/VECC-BCTT-TP1 KHBMT ngày 29/12/2022, số 08/VECC-BCTT-TP1 KHBMT ngày 04/01/2023 và số 32/VECC-BCTT-TP1 KHBMT ngày 02/3/2023 của Công ty Cổ phần Tư vấn đường cao tốc Việt Nam về kết quả thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thành phần 1 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột, giai đoạn 1;

Cần cit các văn bản, tài liệu khác có liên quan;

Sau khi xem xét, Cục QLĐTĐ thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 (sau đây gọi tắt là Dự án) như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án: Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1.
2. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Dự án quan trọng Quốc gia được thực hiện tương tự như đối với dự án nhóm A¹; công trình giao thông đường bộ, cấp 1.
3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.
4. Chủ đầu tư bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Khánh Hòa. Địa chỉ: Tầng 7, Khu liên cơ 16 Nguyễn Thiện Thuật, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (Số Fax: 0258.3528027, ĐT: 0258.3528026).
5. Địa điểm xây dựng: Thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.
6. Sơ bộ tổng mức đầu tư (giai đoạn 1): 5.333,307 tỷ đồng.
7. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 (gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) và ngân sách Trung ương giai đoạn 2026-2030.
8. Thời gian thực hiện dự án: Chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án từ năm 2022, cơ bản hoàn thành một số đoạn tuyến có lưu lượng giao thông lớn năm 2025, cơ bản hoàn thành toàn tuyến năm 2026 và hoàn thành đưa vào khai thác đồng bộ toàn Dự án năm 2027.
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: Theo Quyết định số 3352/QĐ-UBND ngày 06/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1.
10. Nhà thầu khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Liên danh Công ty Cổ phần Tư vấn Trường Sơn và Công ty Cổ phần Tư vấn T27.
11. Nhà thầu thẩm tra: Công ty Cổ phần Tư vấn đường cao tốc Việt Nam.

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Các văn bản pháp lý:
 - Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;
 - Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 25/7/2022 của Chính phủ về việc triển khai Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;
 - Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
 - Phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Hiện Sở GTVT Khánh Hòa

¹ Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 25/7/2022 của Chính phủ.



đang hoàn thiện hồ sơ để trình UBND tỉnh Khánh Hòa xem xét, có ý kiến;

- Các văn bản số 10073/UBND-XDND ngày 17/10/2022 và số 03/UBND-XDND ngày 03/01/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc chấp thuận hồ sơ thiết kế cơ bản của Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

- Quyết định số 3743/QĐ-BTNMT ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

- Báo cáo số 271/BC-MTTQ-BTT ngày 11/10/2022 của UBMTTQ Việt Nam tỉnh Khánh Hòa tổng hợp ý kiến cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

- Về thỏa thuận hướng tuyến, công trình trên tuyến, mô vật liệu, bãi đổ thải:

+ Văn bản số 2301/CĐSVN-QLXD&KCHT ngày 27/10/2022 của Cục Đường sắt Việt Nam về vị trí, quy mô phương án xây dựng cầu Sông Lốp vượt đường sắt tại Km1276+178, tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh;

+ Biên bản thỏa khớp nối với Dự án thành phần 2 (biên bản ngày 12/12/2022);

+ Về thỏa thuận về mô vật liệu, bãi đổ thải: Đối với mô vật liệu: Sở TNMT tỉnh Khánh Hòa đã thống nhất tại văn bản số 492/STNMT-KSNKTTVBĐKH ngày 16/02/2023; Đối với bãi đổ thải: UBND tỉnh Khánh Hòa đã thống nhất tại Thông báo số 10/TB-UBND ngày 06/01/2023.

- Các Biên bản thỏa thuận hướng tuyến, các vị trí giao cắt, đường gom dân sinh, đường hoàn trả, cống thoát nước, vị trí cái kênh, mương ngày 15/9/2022 và ngày 13/11/2022 giữa các bên: Chủ đầu tư, UBND thị xã Ninh Hòa và đơn vị Tư vấn.

- Biên bản làm việc ngày 13/10/2022 ngày giữa Chủ đầu tư, Chi cục thủy lợi tỉnh Khánh Hòa về việc cung cấp tài liệu các dự án thủy lợi liên quan đến Dự án thành phần 1 thuộc Dự án.

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế, thẩm tra

- Hồ sơ khảo sát địa hình và thủy văn;
- Hồ sơ khảo sát địa chất;
- Hồ sơ khảo sát mô vật liệu, bãi đổ thải;
- Thuyết minh chung;
- Hồ sơ thiết kế cơ sở;
- Hồ sơ tổng mức đầu tư;
- Báo cáo kết quả thẩm tra.

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu

3.1. Mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, lập thiết kế cơ sở

- Công ty Cổ phần Tư vấn Trường Sơn: Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00008659, hạng I, do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 23/4/2018, có thời hạn đến ngày 22/02/2033.



- Công ty Cổ phần Tư vấn T27: Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00001036, hạng I, do Cục quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 08/9/2022, có thời hạn đến ngày 08/9/2032.

3.2. Mã số chứng chỉ năng lực của Nhà thầu thẩm tra:

Công ty Cổ phần Tư vấn đường cao tốc Việt Nam: Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00000378, hạng I, do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 22/3/2022, có thời hạn đến ngày 22/3/2032.

3.3. Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ chốt

a) Tư vấn lập BCNCKT

- Chủ nhiệm lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Ông Nguyễn Hồng Trung, chứng chỉ hành nghề số: BXD-00054813 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 28/3/2019, có thời hạn đến ngày 28/3/2024;

- Chủ trì thiết kế đường:

+ Ông Lê Anh Tuấn (phân đoạn Km0+00 - Km22+00) - Kỹ sư xây dựng cầu đường; có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00074921 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 16/10/2019, lĩnh vực hành nghề: Thiết kế xây dựng công trình giao thông: Hạng I, có thời hạn đến ngày 16/10/2024;

+ Ông Trương Quang Thắng (phân đoạn Km22+00 - 32+00) - Kỹ sư xây dựng cầu đường; có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00020417 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 16/3/2018, lĩnh vực hành nghề: Thiết kế xây dựng công trình giao thông: Hạng I, có thời hạn đến ngày 16/3/2023.

- Chủ trì thiết kế cầu:

+ Ông Nguyễn Tiến Long (phân đoạn Km0+00 - Km22+00) - Kỹ sư xây dựng cầu đường; có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số: BXD-00066160 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 29/7/2019, lĩnh vực hành nghề: Thiết kế xây dựng công trình giao thông: Hạng I, có thời hạn đến ngày 29/7/2024;

+ Ông Đỗ Văn Phong (phân đoạn Km22+00 - Km32+00) - Thạc sỹ kỹ thuật công trình giao thông; có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số: BXD-00020412 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 16/3/2018, lĩnh vực hành nghề: Thiết kế xây dựng công trình giao thông: Hạng I, có thời hạn đến ngày 16/3/2023.

- Chủ nhiệm khảo sát địa hình:

+ Ông Đỗ Như Tùng (phân đoạn Km0+00 - Km22+00) - Kỹ sư trắc địa; có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số: BXD-00013915 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 28/10/2022, lĩnh vực hành nghề: Khảo sát địa hình: Hạng I, có thời hạn đến ngày 28/10/2027;

+ Ông Huỳnh Hùng (phân đoạn Km22+00 - Km32+00) - Kỹ sư xây dựng công trình; có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số: BXD-00020413 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 16/3/2018, lĩnh vực hành nghề: Khảo sát địa hình: Hạng I, có thời hạn đến ngày 16/3/2023.

- Chủ nhiệm khảo sát địa chất:

+ Ông Dương Đình Minh (phân đoạn Km0+00 - Km22+00) - Kỹ sư địa chất thủy văn; có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số: BXD-00066159 do Cục Quản lý

hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 29/7/2019, lĩnh vực hành nghề: Khảo sát địa chất công trình: Hạng I, có thời hạn đến ngày 29/7/2024;

+ Ông Tô Chiêu Minh Tú (phân đoạn Km22+00 - Km32+00) - Kỹ sư kỹ thuật địa chất; có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số: BXD-00053916 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 28/3/2019, lĩnh vực hành nghề: Khảo sát địa chất công trình: Hạng I, có thời hạn đến ngày 28/3/2024.

- Chủ trì lập tổng mức đầu tư:

+ Bà Bùi Thị Thanh Huyền (phân đoạn Km0+00 - Km22+00) - Kỹ sư kinh tế xây dựng; có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số: BXD-00054866 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 28/3/2019, lĩnh vực hành nghề: Định giá xây dựng: Hạng I, có thời hạn đến ngày 28/3/2024;

- Bà Nguyễn Thị Phúc (phân đoạn Km22+00 - Km32+00) - Kỹ sư cầu đường; có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số: BXD-00020415 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 16/3/2018, lĩnh vực hành nghề: Định giá xây dựng: Hạng I, có thời hạn đến ngày 16/3/2023.

b) Tư vấn thẩm tra

- Chủ nhiệm thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi: Ông Nguyễn Văn Việt - Kỹ sư xây dựng cầu đường; có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00000572 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 25/4/2022, lĩnh vực hành nghề: Thiết kế xây dựng công trình giao thông (đường bộ): Hạng I, có thời hạn đến ngày 25/4/2027;

- Chủ trì thẩm tra phần đường: Ông Đào Trung Dũng - Kỹ sư xây dựng cầu đường; có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00000573 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 25/4/2022, lĩnh vực hành nghề: Thiết kế xây dựng công trình giao thông (đường bộ): Hạng I, có thời hạn đến ngày 25/4/2027;

- Chủ trì thẩm tra phần cầu: Ông Ngô Văn Cung - Kỹ sư xây dựng cầu hầm; có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00001944 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 25/4/2022, lĩnh vực hành nghề: Thiết kế xây dựng công trình giao thông (cầu-hầm): Hạng I, có thời hạn đến ngày 25/4/2027;

- Chủ trì thẩm tra khảo sát địa chất công trình: Ông Đỗ Xuân Trường - Kỹ sư địa chất công trình-địa kỹ thuật; có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số: BXD-00000575 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 25/4/2022, lĩnh vực hành nghề: Khảo sát địa chất công trình: Hạng I, có thời hạn đến ngày 25/4/2027;

- Chủ trì thẩm tra khảo sát địa hình: Ông Vũ Đức Long - Kỹ sư địa chính; có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số: BXD-00009188 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 28/10/2022, lĩnh vực hành nghề: Khảo sát địa hình: Hạng I, có thời hạn đến ngày 28/10/2027;

- Chủ trì thẩm tra Tổng mức đầu tư: Ông Quách Việt Dương - Kỹ sư vận tải-kinh tế sắt; có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số: BXD-00074842 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 16/10/2019, lĩnh vực hành nghề: Định giá xây dựng: Hạng I, có thời hạn đến ngày 16/10/2024.

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Phạm vi và quy mô đầu tư xây dựng

1.1. Phạm vi đầu tư

- Điểm đầu: Km0+000 (Km1415+250 lý trình QL1: Nút giao giữa QL26B và QL1) thuộc khu vực cảng Nam Phong, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa;
- Điểm cuối: Km32+000 thuộc địa phận xã Ninh Tây, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa và khớp nối điểm đầu dự án thành phần 2;
- Tổng chiều dài tuyến khoảng 31,5km, tuyến đi qua thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

1.2. Quy mô đầu tư xây dựng

a) Đường cao tốc

- Cấp đường, tiêu chuẩn kỹ thuật: Đường được thiết kế với quy mô giai đoạn hoàn chỉnh 4 làn xe, $B_{nền}=24,75m$, $V_{tk}=100km/h$ phù hợp với quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021. Giai đoạn phân kỳ thiết kế 04 làn xe, $B_{nền}=17,0m$; các yếu tố bình diện, trắc dọc thiết kế cho giai đoạn hoàn chỉnh $V_{tk}=100km/h$.

- Mặt cắt ngang: Giai đoạn phân kỳ quy mô 04 làn xe, bề rộng nền đường $B_{nền}=17,0m$; các đoạn nền đường đào sâu, đắp cao tùy theo địa hình, địa chất từng đoạn thiết kế mặt cắt ngang theo giai đoạn hoàn chỉnh (quy mô 4 làn xe hoàn chỉnh), bề rộng nền đường $B_{nền}=24,75m$. Riêng đối với đoạn Km0+00 - Km8+500 thiết kế giai đoạn hoàn chỉnh $B_{nền}=24,75m$.

- Mặt đường:

+ Mặt đường cấp cao A1, mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 191Mpa$.

+ Các nhánh nút giao liên thông: Mặt đường cấp cao A1, mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 160Mpa$.

- Tần suất thiết kế: $P=1\%$.

b) Đường gom

- Cấp đường: Thiết kế theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại B, phù hợp tiêu chuẩn TCVN10380:2014; mặt cắt ngang: Theo quy mô $B_{nền}=5,0m$, $B_{mặt}=3,5m$; một số đoạn tuyến thiết kế phù hợp với cấp đường hiện hữu và quy hoạch của địa phương.

- Tần suất thiết kế: Thiết kế đảm bảo tần suất $P=10\%$ (đối với đường GTNT loại B) hoặc phù hợp với cao độ hiện trạng hệ thống đường dân sinh.

c) Đường ngang

- Thiết kế phù hợp với cấp đường hiện trạng và quy hoạch (nếu có).

- Tần suất thiết kế được lựa chọn phù hợp với cấp đường.

d) Công trình cầu

- Thiết kế theo các tiêu chuẩn hiện hành với chiều rộng cầu phù hợp chiều rộng nền đường; giai đoạn phân kỳ bề rộng cầu $B_{cầu}=17,5m$. Đối với các cầu thuộc đoạn Km0+00 - Km8+500 bề rộng cầu $B_{cầu}=24,75m$; đối với cầu vượt nút giao CT.01 bề rộng cầu $B_{cầu}=29,25m$; đối với cầu Cửa Đông kết nối với hầm Phước Hoàng (dự án TP2) đầu tư hoàn chỉnh 2 đơn nguyên, bề rộng mỗi đơn nguyên $B_{cầu}=12,5m$.

- Tải trọng thiết kế: HL93; các tải trọng khác tuân thủ TCVN 11823-2017.

- Tần suất mực nước thiết kế cầu: Thiết kế vĩnh cửu với tần suất lũ $P=1\%$.

- Cấp động đất: Hệ số gia tốc nền theo TCVN 9386:2012 và QCVN02: 2009/BXD.

c) Chỗ giao nhau trên đường cao tốc: Xây dựng các nút giao liên thông và trực thông (cầu đường cao tốc vượt hoặc cầu đường ngang vượt, hầm chui dân sinh) bảo đảm khai thác an toàn, kết nối, đi lại thuận lợi.

f) Hệ thống quản lý vận hành khai thác và thu phí đường cao tốc: Đầu tư xây dựng một số hạng mục hệ thống hạ tầng giao thông thông minh, sử dụng chung hệ thống thu phí (bể cấp, ống bảo vệ cáp,...), bảo đảm kết nối liên thông toàn bộ hệ thống cao tốc Bắc - Nam và các trung tâm điều hành khu vực; bảo đảm an toàn giao thông, thuận lợi trong công tác quản lý, thu phí.

2. Giải pháp thiết kế

2.1. Hướng tuyến, bình đồ:

- Hướng tuyến: Cơ bản tuân thủ theo quy hoạch đã được phê duyệt² và Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi được duyệt³, hướng tuyến cụ thể: Từ điểm đầu tại vị trí giao giữa QL1 (Km1415+250 lý trình QL1) với QL26B thuộc phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hoà tỉnh Khánh Hoà; tuyến đi về phía Tây sau khu vực đèo Bánh Ít, tuyến lần lượt cắt đường sắt Bắc Nam tại Km2+840, sông Lộp tại Km2+950, cao tốc Vân Phong - Nha Trang tại Km7+713, đến Km10+108 tuyến đổi hướng Tây Nam cắt TL.6 tại Km10+416, tuyến cắt qua sông Cái tại Km17+350 cách sân bay Dục Mỹ về phía Bắc khoảng 1,5km, tuyến tiếp tục cắt QL26 tại Km21+88 cách phía Tây khu vực quân sự khoảng 650m, cắt TL5 tại Km22+397. Từ đây tuyến men theo sườn núi, nâng dần cao độ để lên đến điểm cuối Km32+00 (lý trình thực tế Km31+500) trước cửa hầm Phụng Hoàng.

- Bình diện tuyến thiết kế đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật của cấp đường, phù hợp với các quy hoạch có liên quan, giảm thiểu tối đa khối lượng giải phóng mặt bằng.

Kết quả thiết kế như sau:

TT	Bán kính cong nằm (m)	Đơn vị	Số lượng (cái)	Tỷ lệ (%)
1	$650 < R \leq 1000$	Đỉnh	2	14%
2	$1000 < R \leq 3000$	Đỉnh	6	43%
3	$3000 < R \leq 5000$	Đỉnh	2	14%
4	$R > 5000$	Đỉnh	4	29%
	Tổng	Đỉnh	14	100%

2.2. Trắc dọc

- Đường cao tốc: Trắc dọc thiết kế trên nguyên tắc ưu tiên cao tốc đi thấp đảm bảo tần suất thiết kế H1% có xem xét hài hòa các yếu tố cảnh quan, kết hợp giữa các yếu tố đường cong bằng và các yếu tố đường cong đứng, độ dốc dọc tối đa $i=5\%$; đảm bảo tình không các công trình khống chế trên tuyến (cầu, hầm chui dân sinh), phù hợp điều kiện địa hình, quy hoạch khu vực tuyến đi qua, đảm bảo êm thuận trong quá trình vận hành khai thác giảm thiểu khối lượng đào đắp và các công trình trên tuyến.

² Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

³ Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội.

- Kết quả thiết kế như sau

TT	Chỉ tiêu (%)	Đơn vị	Chiều dài	Tỷ lệ (%)
1	$i \leq 0,5\%$	m	9.610,70	30,51%
2	$0,5\% < i \leq 3\%$	m	16.643,66	52,84%
3	$3\% < i \leq 5\%$	m	5.245,64	16,65%
Tổng cộng			31.500,00	100%

- Đường gom, đường ngang: Thiết kế đảm bảo tiêu chuẩn của cấp đường, phù hợp với cao độ hệ thống đường hiện trạng, quy hoạch các khu dân cư lân cận (nếu có), đảm bảo việc kết nối thuận lợi giữa các khu dân cư.

2.3. Mặt cắt ngang

a) Đường cao tốc

- Mặt cắt ngang giai đoạn hoàn chỉnh đầu tư với bề rộng $B_{nền}=24,75m$, bao gồm: Bề rộng mặt đường xe chạy $B_{mặt}=4 \times 3,75m=15,0m$, dải phân cách giữa $B_{pc}=0,75m$, dải an toàn trong $B_{at}=2 \times 0,75m=1,5m$, dải an toàn ngoài $B_{am}=2 \times 3,0m=6,0m$, lề đất $B_{lđ}=2 \times 0,75m=1,5m$.

- Mặt cắt ngang giai đoạn 1 (phân kỳ) đầu tư với bề rộng $B_{nền}=17,0m$, bố trí lệch về phía bên trái mặt cắt ngang giai đoạn hoàn chỉnh; đảm bảo thuận lợi, tiết kiệm khi mở rộng theo quy mô hoàn chỉnh, cụ thể: Bề rộng mặt đường xe chạy $B_{mặt}=4 \times 3,5m=14,0m$; dải phân cách giữa $B_{pc}=0,5m$; dải an toàn trong $B_{at}=2 \times 0,5m=1,0m$; dải an toàn ngoài $B_{am}=2 \times 0,25m=0,5m$; lề đất $B_{lđ}=2 \times 0,5m=1,0m$. Riêng đối với đoạn Km0+00 - Km8+500 thiết kế giai đoạn hoàn chỉnh $B_{nền}=24,75m$.

- Đoạn dừng xe khẩn cấp (đối với đoạn Km8+500 - Km32+00): Bố trí với khoảng cách 4,0-5,0km/vị trí trên mỗi chiều xe chạy (hai bên bố trí so le nhau với khoảng cách từ 2 ÷ 2,5km/vị trí), bề rộng $B_{dx}=3,75m$ (chiều rộng mặt đường mở rộng thêm 3,0m và lề đất 0,75m), chiều dài đoạn dừng xe khẩn cấp $L=170m$, bố trí đoạn chuyển làn hình nêm ở hai đầu (kết hợp tăng/giảm tốc) với chiều dài mỗi đầu $L=50m$. Tổng chiều dài bố trí một vị trí là $170 + 2 \times 50=270 (m)$. Trên tuyến bố trí 10 đoạn dừng xe khẩn cấp so le hai bên tuyến (5 đoạn bên phải tuyến và 5 đoạn bên trái tuyến), kết cấu như kết cấu mặt đường tuyến chính. Tại các vị trí đoạn dừng xe khẩn cấp bố trí đoạn ngắt quãng dải phân cách theo Điều 6.5.4 TCVN 5729:2012.

b) Đường gom: Đường giao thông nông thôn loại B, $B_{nền}/B_{mặt}=5,0m/3,5m$.

c) Đường ngang: Quy mô phù hợp với cấp đường hiện hữu và quy hoạch của địa phương.

d) Đường nhánh trong nút giao:

Quy mô mặt cắt ngang đường nhánh theo kết quả tính toán, dự báo lưu lượng, nhu cầu vận tải; cấu tạo đường nhánh tuân thủ Mục 6.14 của tiêu chuẩn TCVN 5729-2012, cụ thể như sau:

Đường nhánh 01 chiều xe chạy, bề rộng nền đường $B_n = 8,0m +$ phần mở rộng, cụ thể như sau:

+ Phần mặt đường: $B_m=1 \times 4,0=4,0m +$ phần mở rộng đường cong (nếu có).

+ Dải an toàn: $B_{at}=1 \times 2,0=2,0m$.

+ Lề đường: $B_{ld} = 2 \times 1,0 = 2,0m$.

c) Độ dốc ngang mặt đường:

- Đối với tuyến chính:

+ Các đoạn tuyến thẳng, đoạn tuyến trong đường cong lớn (không siêu cao): dốc ngang 02 mái, $i_m = 2\%$.

+ Các đoạn tuyến trong đường cong siêu cao: Dốc ngang 01 mái, $i_m = i_{sc}$;

+ Công trình cầu: Độ dốc ngang mặt cầu phụ thuộc vào độ dốc ngang đoạn tuyến liền kề.

+ Độ dốc ngang làn dừng đỗ khẩn cấp: Kết cấu mặt đường làn dừng đỗ là bê tông nhựa, độ dốc ngang bằng mặt đường tuyến chính; riêng đối với đoạn Km0+00 - Km8+500: Độ dốc ngang làn dừng đỗ khẩn cấp $i = 4\%$.

- Đối với đường ngang, đường gom: Tùy thuộc kết cấu mặt, cụ thể:

+ Mặt đường bê tông nhựa, BTXM: $i_m = 2\%$.

+ Mặt đường láng nhựa, cấp phối: $i_m = 3\%$.

+ Lề đất: $i_{lề đất} = 5\%$.

f) Cao độ thiết kế trên mặt cắt ngang chi tiết:

Thể hiện 02 loại cao độ là cao độ giai đoạn hoàn chỉnh theo quy hoạch (CDHC) và cao độ phân kỳ đầu tư giai đoạn 1 (CDPK). Trong đó CDPK được tham chiếu từ CDHC (tìm CDPK cách tìm CDQH 3,875m về trái tuyến), đồng thời phải đảm bảo cắt ngang nửa bên trái giai đoạn phân kỳ trùng với giai đoạn hoàn chỉnh.

2.4. Nền đường:

a) Nền đường đắp

- Đảm bảo yêu cầu về độ chặt và khả năng chịu tải của đất nền theo tiêu chuẩn áp dụng cho đường ô tô cao tốc. Trước khi đắp nền đường thực hiện đào bỏ lớp đất không thích hợp và đánh cấp (nếu có).

- Độ dốc mái taluy bên trái (bên hoàn chỉnh) áp dụng là 1/2; độ dốc mái taluy bên phải (bên phân kỳ) áp dụng là 1/1,5; đối với các vị trí đắp cao trên 8,0m, nền đường được giạt cấp, chiều cao mỗi cấp là 6,0m, giữa các cấp tạo một bậc thềm rộng $B = 2,0m$.

b) Xử lý nền đất yếu: Theo kết quả khảo sát địa chất, dự án thành phần 1 chưa phát hiện có đất yếu. Trong bước tiếp theo khi có đầy đủ số liệu khảo sát, nếu phát hiện có đất yếu thì có thể xem xét thiết kế giải pháp, biện pháp xử lý nền đất yếu cho phù hợp, đảm bảo yếu tố kinh tế - kỹ thuật.

c) Nền đường đào: Taluy nền đường độ dốc từ 1/0,5 đến 1/1,5 tùy thuộc vào điều kiện địa chất; khi chiều sâu đào lớn hơn 8,0m được đào giạt cấp, chiều cao mỗi cấp từ 8 - 12m (tùy theo địa chất), giữa các cấp tạo một bậc thềm rộng $B = 2,0m$.

2.5. Mặt đường

a) Đối với đường cao tốc: Mặt đường cấp cao A1, đảm bảo mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 191Mpa$, bao gồm các lớp như sau: 6cm BTNC16 (lớp BTN cải thiện, có thể sử dụng các loại vật liệu tăng khả năng ổn định nhiệt và kháng hàn lún); 6cm BTNC19; 10cm lớp trên hỗn hợp nhựa bán rộng (HHBR25); lớp mỏng dưới 16cm CPDD gia cố XM (CTB); 30cm CPDD loại 1.

b) Đối với các nhánh trong nút giao: Mặt đường cấp cao A1, đảm bảo mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yt} \geq 160 \text{ Mpa}$, bao gồm các lớp như sau: 6cm BTNC16 (lớp BTN cải thiện, có thể sử dụng các loại vật liệu tăng khả năng ổn định nhiệt và kháng hằn lún); 6cm BTNC19; 10cm hỗn hợp nhựa bán rộng (HHBR25); 15cm CPDD loại I; 30cm CPDD loại II.

c) Đường gom, đường ngang: Mặt đường bằng bê tông nhựa, láng nhựa hoặc bê tông xi măng phù hợp với kết cấu mặt đường hiện trạng.

2.6. Nút giao:

a) Giao cắt liên thông: Đầu tư xây dựng 03 nút giao liên thông khác mức đảm bảo các nhánh kết nối phù hợp với quy mô giai đoạn hoàn chỉnh gồm: (i) Nút giao đầu tuyến kết nối với QL1A tại Km0+000, hình dạng nút giao: vòng xuyến; (ii) Nút giao CT01 (kết nối cao tốc Vân Phong - Nha Trang) tại Km7+713,66, hình dạng nút giao: hoa thị hoàn chỉnh; (iii) Nút giao QL26 tại Km20+963,66, giai đoạn hoàn chỉnh dạng kim cương (cao tốc vượt QL26), giai đoạn I xây dựng cầu vượt trục thông; đảm bảo kết nối êm thuận, đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác, vận hành và đảm bảo yếu tố kinh tế - kỹ thuật; theo yêu cầu của địa phương, trong TMDT của dự án có dự trù khoản kinh phí để đầu tư hoàn thiện trong giai đoạn I nếu đảm bảo các luận chứng về yếu tố kinh tế - kỹ thuật và phù hợp quy định.

b) Giao cắt trục thông với đường địa phương, đường dân sinh: Xây dựng 02 cầu vượt trục thông trên các đường ngang vượt qua đường cao tốc và 15 hầm chui trên tuyến.

2.7. Công trình cầu: Đầu tư xây dựng 21 cầu trong đó: 18 cầu trên tuyến chính và 03 cầu trên đường ngang, đường gom, cụ thể như sau:

- Giai đoạn phân kỳ: xây dựng đơn nguyên cầu quy mô $B_{\text{cầu}} = 17,5 \text{ m}$; gồm 4 làn xe $4 \times 3,5 \text{ m} = 14,0 \text{ m}$; dải phân cách giữa và dải an toàn $3 \times 0,5 \text{ m} + 2 \times 0,5 \text{ m} = 2,5 \text{ m}$; lan can $2 \times 0,5 \text{ m} = 1,0 \text{ m}$; Giai đoạn hoàn chỉnh: xây dựng mở rộng cầu (mở rộng 7,5m) để đảm bảo quy mô $B = 25,0 \text{ m}$. Đối với các cầu trong đoạn Km0+000 - Km8+500: $B_{\text{cầu}} = 24,75 \text{ m}$, gồm 4 làn xe $4 \times 3,75 \text{ m} = 15,0 \text{ m}$; dải phân cách giữa và dải an toàn $3 \times 0,75 \text{ m} + 2 \times 3,0 \text{ m} + 2 \times 0,25 \text{ m} = 8,75 \text{ m}$; lan can $2 \times 0,5 \text{ m} = 1,0 \text{ m}$. Đối với cầu Cửa Đông kết nối với hầm Phước Hoàng (dự án thành phần 2) đầu tư hoàn chỉnh 2 đơn nguyên, bề rộng mỗi đơn nguyên $B_{\text{cầu}} = 12,5 \text{ m}$.

- Dốc ngang hai mái đảm bảo 4 làn xe cơ giới, tìm cầu phân kỳ trùng với tìm tuyến giai đoạn phân kỳ.

- Các cầu nằm trong đường cong được mở rộng đảm bảo tầm nhìn theo quy định của tiêu chuẩn thiết kế đường cao tốc TCVN 5729-2012.

- Cầu trong nút giao liên thông CT01: Bề rộng cầu $B_{\text{cầu}} = 29,25 \text{ m}$ phù hợp với quy mô nền đường trong nút giao.

- Cầu trên đường ngang, đường gom: Bề rộng cầu phù hợp với quy mô đường hiện hữu, có xem xét để phù hợp với quy hoạch (nếu có).

- Kết cấu phần trên sử dụng đầm BTCT dự ứng lực (đầm bản, đầm I, đầm Super-T).

- Kết cấu phần dưới: Mố, trụ bằng bê tông cốt thép đặt trên nền thiên nhiên hoặc đặt trên hệ móng cọc bê tông cốt thép. Cao độ đáy móng, chiều dài cọc, số lượng cọc là dự kiến, trong bước tiếp theo căn cứ vào số liệu khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, kết quả tính toán kết cấu để xác định cho phù hợp, đảm bảo kinh tế - kỹ thuật, ổn định công trình lâu dài.

- Thống kê công trình cầu theo hồ sơ trình:

TT	Tên cầu	Lý trình	Sơ đồ nhịp	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Loại dầm	Ghi chú
I. Cầu trên cao tốc							
1	Cầu Sông Lốp	Km2+900	39,1 + 8x40 + 39,1	412,4	24,75	Dầm Super T	
2	Cầu An Đông Trung	Km4+68,95	1x18	30,1	24,75	Dầm bản	
3	Cầu Mông Phú	Km5+200	1x33	45,1	24,75	Dầm I	
4	Cầu Thân Trung Thượng	Km6+517	1x18	30,1	24,75	Dầm bản	
5	Cầu Tân Lâm 1	Km6+979,77	3x33	111,24	24,75	Dầm I	
6	Cầu vượt nút giao CT01	Km7+713,66	41,6 + 45 + 41,6	144,4	29,25	Dầm Super T	
7	Cầu suối Sim	Km16+200	3x33	122,64	17,5	Dầm I	
8	Cầu Sông Cái	Km17+350	39,1 + 40 + 39,1	128,4	17,5	Dầm Super T	
9	Cầu Tân Lập	Km17+743	1x38,2	48,3	17,5	Dầm Super T	
10	Cầu vượt QL26	Km20+963,8	39,1 + 3x40 + 39,1	212,4	17,5	Dầm Super T	
11	Cầu vượt ĐT5	Km22+377,06	39,1 + 4x40 + 39,1	254,9	17,5	Dầm Super T	
12	Cầu Bung	Km23+887,27	39,1 + 40 + 39,1	132,4	17,5	Dầm Super T	
13	Cầu Km26	Km26+056,77	39,1 + 3x40 + 39,1	231,8	17,5	Dầm Super T	
14	Cầu Hòn Lai	Km27+142,24	39,1 + 13x40 + 39,1	613,4	17,5	Dầm Super T	
15	Cầu Km28	Km28+341,9	39,1 + 3x40 + 39,1	211,9	17,5	Dầm Super T	
16	Cầu Km29	Km29+457,72	39,1 + 5x40 + 39,1	303,1	17,5	Dầm Super T	
17	Cầu Km30	Km30+518,31	39,1 + 11x40 + 39,1	537,9	18,3	Dầm Super T	
18	Cầu cửa Đông						
18.1	Cầu cửa Đông – Đơn nguyên trái	Km31+018,31	39,1 + 6x40 + 39,1	336,4	12,5	Dầm Super T	
18.2	Cầu cửa Đông – Đơn nguyên phải	Km31+018,31	39,1 + 7x40 + 39,1	374,4	12,5	Dầm Super T	
II. Cầu vượt ngang							
1	Cầu vượt ĐT6	Km10+368	40,35+42,5+41,25 + 39,1	181,4	12	Dầm Super T	
2	Cầu vượt Ea Krông Rou	Km15+224,06	1x38,2	52,31	9	Dầm Super T	
III. Cầu trên đường ngang							
1	Cầu Đò Ninh Sim	Km 17+235	3x33	111,34	7,5	Dầm I	

Ghi chú: Đối với cầu Đò Ninh Sim tương ứng lý trình Km17+235 tuyến chính, vượt Sông Cái, nằm trên tuyến đường ngang liên xã thôn Tân Lập là không phù hợp với

mục tiêu đầu tư nên chưa tính chi phí đầu tư xây dựng vào Tổng mức đầu tư, tuy nhiên vẫn giữ nguyên vị trí và khẩu độ theo hồ sơ thiết kế cơ bản đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa chấp thuận tại Công văn số 10073/UBND-XDND ngày 17/10/2022.

2.8. Hệ thống thoát nước:

- Xây dựng hệ thống thoát nước ngang bảo đảm thoát nước lưu vực và phù hợp với các công trình phục vụ thủy lợi của địa phương... dự kiến bố trí 100 cống (59 cống tròn và 41 cống hộp);

- Hệ thống thoát nước dọc: Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống rãnh dọc, rãnh đỉnh, rãnh cơ và bậc nước đảm bảo thoát nước nền, mặt đường.

- Hệ thống cải mương được hoàn trả phù hợp với quy mô mương hiện trạng, quy hoạch thủy lợi của địa phương.

2.9. Hàm chui dân sinh: Số lượng, vị trí và khẩu độ hàm chui dân sinh trên cơ sở tiêu chuẩn thiết kế cấp đường tại vị trí thiết kế hàm chui dân sinh, phù hợp với nhu cầu và hiện trạng kết nối hệ thống giao thông trong khu vực; đã được địa phương thỏa thuận thống nhất. Dự kiến bố trí 15 hàm chui bê tông cốt thép trên chính tuyến đảm bảo phục vụ nhu cầu đi lại, sinh hoạt và phục vụ sản xuất của nhân dân hai bên tuyến.

2.10. Đường gom, đường ngang: Xây dựng hệ thống đường gom dọc hai bên tuyến (không liên tục) với tổng chiều dài khoảng 18km (tính dọc lập trái và phải tuyến); phạm vi, chiều dài đường gom sẽ xác định chính xác trong bước tiếp theo. Hoàn trả hệ thống đường ngang kết nối theo quy mô đường hiện hữu và phù hợp với quy hoạch.

2.11. Các công trình khác

- Hệ thống an toàn giao thông, chiếu sáng: Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống an toàn giao thông phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bảo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT; dải phân cách giữa bằng bê tông cốt thép; thiết kế chống chọi trên toàn tuyến,... thiết kế phù hợp với TCCS20:2018/TCDBVN. Bố trí chiếu sáng tại các nút giao liên thông.

- Công trình gia cố, phòng hộ mái ta luy: Đối với đoạn nền đường đào, đắp thông thường, gia cố bằng trồng cỏ hoặc lấp ổp bê tông (đối với đoạn ngập nước,...); đối với đoạn nền đào sâu, đắp cao, mái ta luy được thiết kế gia cố bằng các giải pháp phù hợp như: khung bê tông cốt thép, đá học xây vữa M100... đảm bảo ổn định công trình.

- Hàng rào: Thiết kế phù hợp với TCCS 20:2018/TCDBVN, các đoạn không có đường gom, hàng rào bố trí tại ranh giới GPMB đường cao tốc giai đoạn hoàn chỉnh; các đoạn có đường gom, hàng rào bố trí tại ranh giới giữa đường gom với đường cao tốc giai đoạn hoàn chỉnh. Kết cấu rào chắn dạng hàng rào lưới thép hoặc hàng rào dây thép gai; ưu tiên bố trí hàng rào lưới thép tại các khu vực qua khu dân cư; hàng rào dây thép gai tại các khu vực còn lại.

- Tường chống ồn: Theo phê duyệt kết quả thẩm định ĐTM tại Quyết định số 3743/QĐ-BTNMT ngày 28/12/2022, dự án bố trí hệ thống chống ồn một số đoạn đông dân cư: từ Km0 +00 đến Km1+200 (khu dân cư đoạn đầu tuyến thuộc phường Ninh Đa) và Km3+800 đến Km4+00 (khu dân cư thuộc xã Ninh Đông).

- Đường công vụ: Các đoạn có đường gom sẽ di trùng đường gom; các đoạn không có đường gom sẽ xây dựng đường công vụ dọc tuyến; xây dựng đường công vụ ngoại tuyến (nếu cần).

- Công trình công kỹ thuật ngang đường: đoạn Km0+00 - Km25+00 là khu vực dân cư và sản xuất nông nghiệp khi xây dựng đường cao tốc có sự chia cắt trong sản xuất. Vì vậy, hồ sơ thiết kế dự kiến bố trí một số công kỹ thuật ngang đường để phục vụ nhu cầu tưới tiêu, luồn các đường dây điện và đường ống nước phục vụ nhu cầu sản xuất của nhân dân. Tuy nhiên, để thực hiện việc bố trí công kỹ thuật này, đề nghị Chủ đầu tư bổ sung đầy đủ các hồ sơ luận chứng theo quy định để thiết kế khẩu độ, vị trí công cho phù hợp.

2.12. Các công trình khác, công trình vận hành, khai thác

a) Hệ thống ITS: Trong giai đoạn này chỉ đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật (phần móng cột, bể cấp và ống bảo vệ cáp,...) để triển khai thực hiện đảm bảo đồng bộ với công tác xây lắp phần đường. Riêng đối với hệ thống thiết bị ITS, thiết bị thu phí sẽ được xem xét đầu tư theo dự án riêng khi được cấp có thẩm quyền cho phép, đảm bảo đồng bộ giữa các dự án thành phần.

- Trạm dừng nghỉ: Trong phạm vi dự án thành phần 1 không bố trí trạm dừng nghỉ. Trạm dừng nghỉ dự kiến bố trí tại dự án thành phần 3.

3. Các nội dung khác

3.1. Diện tích sử dụng đất: Dự kiến diện tích sử dụng đất của Dự án khoảng 229,26 ha thuộc địa bàn thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

3.2. Phương án GPMB và tái định cư

Công tác GPMB, TDC được tách thành các tiểu dự án thành phần do UBND tỉnh Khánh Hòa tổ chức thực hiện.

4. Tổng mức đầu tư

Giá trị tổng mức đầu tư: **5.333,307** tỷ đồng (*Bảng chữ: Năm nghìn, ba trăm ba mươi ba tỷ, ba trăm linh bảy triệu đồng*). Cụ thể như sau:

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ GPMB (bao gồm cả dự phòng)	:	606,699	tỷ đồng
- Chi phí xây dựng, thiết bị	:	3.919,749	tỷ đồng
- Chi phí quản lý dự án, tư vấn và chi phí khác	:	251,901	tỷ đồng
- Chi phí dự phòng	:	554,958	tỷ đồng

Nguồn vốn đầu tư: Đầu tư công, nguồn vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương.

(Chi tiết theo Tờ trình số 223/TTr-BĐH ngày 02/3/2023 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Khánh Hòa và Hồ sơ Báo cáo NCKT Dự án kèm theo)

IV. Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN, TƯ VẤN THẨM TRA

Trong quá trình thẩm định, các cơ quan liên quan đã có ý kiến góp ý BCNCKT Dự án tại các văn bản, cụ thể: Vụ Kế hoạch - Đầu tư (văn bản số 37/KHĐT ngày 11/01/2023); Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường (văn bản số 38/KHCN&MT ngày 16/01/2023); Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông (văn bản số 16/KCHT ngày

06/01/2023); Cục Đường bộ Việt Nam (văn bản số 251/CĐBVN-KHĐT ngày 12/01/2023); Cục Đường cao tốc Việt Nam (văn bản số 37/CDCTVN-KHTC ngày 11/01/2023).

Về cơ bản, các ý kiến tham gia đều thống nhất: Sự cần thiết phải đầu tư; sự phù hợp với quy hoạch mạng lưới đường bộ; sự phù hợp với chủ trương đầu tư; phạm vi đầu tư; tổng thể hướng tuyến, các công trình chính trên tuyến như nút giao, cầu vượt, hầm chui,...

Tuy nhiên, còn một số vấn đề cần làm rõ hơn, cụ thể như: Cập nhật các quy hoạch có liên quan; cập nhật, bổ sung căn cứ pháp lý; phân tích, so sánh giải pháp thiết kế một số đoạn tuyến; các dự án có liên quan... Các nội dung này ngoài thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng rừng cơ bản không ảnh hưởng đến trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt Dự án; đồng thời, đã được Chủ đầu tư, Tư vấn đã nghiên cứu, tiếp thu, giải trình chi tiết và cập nhật hoàn thiện trong hồ sơ Báo cáo NCKT.

(Chi tiết có các văn bản kèm theo)

V. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 được Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022. Dự án thành phần 1 trong chủ trương đầu tư đang dự kiến khoảng 5.632 tỷ đồng sử dụng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, là dự án thuộc dự án quan trọng quốc gia. Tại Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022, Quốc hội cho phép: "*Trình tự, thủ tục, thẩm quyền thẩm định và quyết định đầu tư các dự án thành phần được thực hiện tương tự như đối với dự án nhóm A*". Do đó việc Chủ đầu tư trình Cục Quản lý đầu tư xây dựng - Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ GTVT thực hiện thẩm định dự án là phù hợp theo quy định.

Cục QLĐT XD đã thực hiện thẩm định (lần 1) và ban hành thông báo kết quả thẩm định⁴ hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1. Tuy nhiên, UBND tỉnh Khánh Hòa đã có ý kiến⁵ về một số nội dung vướng mắc trong công tác thẩm định, phê duyệt BCNCKT của Dự án. Đồng thời, Văn phòng Chính phủ có văn bản⁶ chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính Phủ. Từ ngày 15/02/2023 đến ngày 23/02/2023, Cục QLĐT XD đã tổ chức làm việc với các Chủ đầu tư, các đơn vị tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm tra rà soát hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi và Tổng mức đầu tư (TMDT) các dự án thành phần đảm bảo sự phù hợp, tính thống nhất, không làm vượt sơ bộ TMDT của Dự án đã được Quốc hội phê duyệt và thống nhất về TMDT các dự án thành phần. Trên cơ sở kết quả làm việc giữa Bộ trưởng Bộ GTVT và Bí thư Tỉnh ủy các tỉnh Khánh Hòa, Đắk Lắk tại cuộc họp ngày 27/02/2023; căn cứ nội dung làm việc từ ngày 15/02/2023 đến ngày 23/02/2023 (Biên bản làm việc cuối cùng ngày 23/02/2023), Chủ đầu tư đã chỉ đạo tư vấn rà soát, cập nhật một số nội dung trong hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án và trình Cục QLĐT XD xem xét, thẩm định. Trên cơ sở nội dung hồ sơ trình, Cục QLĐT XD thực hiện thẩm định theo quy định.

⁴ Văn bản số 99/QLXD-QLXD3 ngày 16/01/2023 của Cục QLĐT XD.

⁵ Văn bản số 685/UBND-NDND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

⁶ Văn bản số 738/VPCP-CN ngày 09/02/2023 của Văn phòng Chính phủ.

1. Sự tuân thủ quy định pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng.

1.1. Sự tuân thủ quy định pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, TKCS

- Dự án đã được Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 và giao Chính phủ tổ chức thực hiện.

- Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 25/7/2022 triển khai Nghị quyết số 58/2022/QH15 của Quốc hội; trình tự, thủ tục, thẩm quyền thẩm định và quyết định đầu tư các dự án thành phần được thực hiện tương tự như đối với dự án nhóm A theo quy định pháp luật về đầu tư công.

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 17/2022/QĐ-TTg ngày 28/7/2022 về phân cấp thực hiện các dự án, dự án thành phần đầu tư các đoạn tuyến đường bộ cao tốc theo hình thức đầu tư công thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội, theo đó phân cấp cho UBND tỉnh Khánh Hòa làm cơ quan chủ quản Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1.

- Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa có Quyết định số 2183/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Khánh Hòa làm chủ đầu tư bước lập Báo cáo NCKT Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1.

- Trên cơ sở kết quả khảo sát, lập, thẩm tra Báo cáo NCKT của Tư vấn, Chủ đầu tư trình Báo cáo NCKT Dự án để thẩm định là tuân thủ quy định. Báo cáo NCKT Dự án được lập cơ bản tuân thủ quy định tại Điều 40 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019, Điều 52 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và Khoản 10 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

- Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh Khánh Hòa có Báo cáo số 271/BC-MTTQ-BTT ngày 11/10/2022 tổng hợp ý kiến cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1.

- UBND tỉnh Khánh Hòa có Quyết định số 3352/QĐ-UBND ngày 06/12/2022 về việc phê duyệt danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1.

- Các Chủ đầu tư dự án thành phần 1 và 2 đã thống nhất vị trí khốp nối các Dự án thành phần tại Biên bản làm việc ngày 12/12/2022.

- UBND tỉnh Khánh Hòa có các văn bản số 10073/UBND-XDND ngày 17/10/2022 và số 03/UBND-XDND ngày 03/01/2023 về việc chấp thuận hồ sơ thiết kế cơ bản của Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định số 3743/QĐ-BTNMT ngày 28/12/2022 về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án thành phần 1 thuộc Dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1.

- Ý kiến của NDT dự án BOT có liên quan: số 188/CV-Cty501 ngày 15/11/2022 của Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng 501 kiến nghị phương án hỗ trợ dự án BOT

Quốc lộ 26 khi triển khai nghiên cứu và đầu tư dự án đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột. Tuy nhiên, theo báo cáo của Tư vấn thiết kế: Khi đường cao tốc đưa vào khai thác sẽ có cả tác động tích cực lẫn tiêu cực đối với dự án BOT (i) tích cực, sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực nói chung và đặc biệt dọc theo các quốc lộ hiện hữu, dẫn đến gia tăng nhu cầu vận tải nội vùng trên tuyến quốc lộ, sẽ tăng doanh thu các dự án; (ii) tiêu cực, một số phương tiện có nhu cầu đi đường dài sẽ sử dụng đường cao tốc dẫn đến giảm doanh thu dự án BOT. Tuy nhiên, tác động là không lớn do đường cao tốc thu phí cao hơn so với Quốc lộ 26, các phương tiện di chuyển chặng ngắn sẽ vẫn sử dụng quốc lộ. Mặt khác, việc định lượng mức độ ảnh hưởng đến Dự án BOT Quốc lộ 26 chỉ có thể xác định khi đường cao tốc đưa vào khai thác. Vì vậy, tác động đến giảm doanh thu Dự án BOT Quốc lộ 26 sẽ không nhiều; sau khi dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột hoàn thành (dự kiến vào năm 2027), Chủ đầu tư, tư vấn thiết kế và các cơ quan có liên quan thu thập số liệu doanh thu của nhà đầu tư Dự án BOT Quốc lộ 26, trường hợp doanh thu sụt giảm chưa phù hợp theo phương án tài chính, Chủ đầu tư nghiên cứu, xem xét đề tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh phương án tài chính (nếu có) theo quy định của Hợp đồng BOT, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nhà nước và nhà đầu tư.

- Các Biên bản thỏa thuận hướng tuyến, các vị trí giao cắt, đường gom dân sinh, đường hoàn trả, cống thoát nước, vị trí cải kênh, được ngày 15/9/2022 và ngày 13/11/2022 giữa các bên: Chủ đầu tư, UBND thị xã Ninh Hòa và đơn vị Tư vấn.

- Tại các vị trí giao cắt với đường sắt: Đối với vị trí giao với đường sắt Bắc - Nam, đã được Cục Đường sắt Việt Nam có ý kiến tại Văn bản số 2301/CĐSVN-QLXD&KCHT ngày 27/10/2022; đối với đoạn tuyến cao tốc cắt qua vị trí quy hoạch tuyến đường sắt cao tốc, do tuyến đường sắt cao tốc đến nay vẫn chưa thực sự hình thành, chưa thể xác định chính xác về tìm tuyến nên quá trình lập BCNCKTKT đối với tuyến đường sắt cao tốc, cơ quan chủ trì thực hiện lập BCNCKTKT tuyến đường sắt cao tốc sẽ xem xét, điều chỉnh, lựa chọn vị trí tuyến cho phù hợp.

- Đất quốc phòng: Về phương án, hướng tuyến Dự án đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột đã được Quân khu V thỏa thuận, thống nhất về hướng tuyến tại các văn bản số 2139/QK-TM ngày 08/11/2021, số 2304/QK-TM ngày 03/12/2021; Bộ Quốc phòng thống nhất tại văn bản số 4598/BQP-TM ngày 29/12/2022 là phù hợp quy định.

- Về chuyển mục đích sử dụng đất rừng, đất lúa: Dự án đã được Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 58/2022/NQ-CP. Theo quy định tại Điều 58, Luật Đất đai quy định: *"Đối với dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác mà không thuộc trường hợp được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ được quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất khi có một trong các văn bản sau đây"*. Như vậy, đối với Dự án Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột là trường hợp đã được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư nên không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trước thực hiện.

- Về chuyển mục đích sử dụng rừng: Dự án đã được Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 58/2022/NQ-CP. Theo quy định tại Khoản 4 Điều 41 Nghị định số 83/2020/NĐ-CP: *"... chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng là một nội dung trong chấp thuận chủ trương đầu tư dự án"*. Theo quy định tại Khoản 5 Điều 41 Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định: *"Đối với dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, nhưng trong nội dung quyết định chưa xác định*

diện tích rừng được chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thì thực hiện như sau: ...". Đối với Dự án Khánh Hoà - Buôn Ma Thuột đã được Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư, trong đó đã nêu chi tiết về diện tích rừng nên không phải thực hiện các quy định về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng. Tại Báo cáo thẩm tra số 954/BC-UBKT ngày 05/6/2022 của UBTVQH nêu: "để nghị Thủ tướng Chính phủ sớm xem xét, quyết định việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng". Như vậy, UBTVQH chỉ yêu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng mà không cần phải thực hiện quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng. Theo quy định tại Điều 23 Luật Lâm nghiệp, về thẩm quyền giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh. Như vậy, Dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng, việc chuyển mục đích sử dụng rừng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh nơi có dự án đi qua. Như vậy, đã đủ điều kiện để phê duyệt dự án đầu tư.

- Thực hiện nhiệm vụ của chủ đầu tư quy định tại khoản 10 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Khánh Hòa đã lựa chọn Tư vấn lập Báo cáo NCKT, tổ chức khảo sát, lập, thẩm tra BCNCKT trình cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.

Như vậy, về cơ bản Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 được lập đảm bảo tuân thủ quy định. Chủ đầu tư có trách nhiệm rà soát các trình tự, thủ tục; bổ sung ý kiến của các đơn vị/cơ quan có liên quan về đánh giá tác động đối với dự án, các văn bản thỏa thuận, xác nhận về đầu nối về hạ tầng kỹ thuật của dự án; tổ chức trình cơ quan chuyên môn của người quyết định đầu tư thẩm định dự án theo quy định, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

1.2. Điều kiện, năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng

- Về năng lực của Chủ đầu tư: UBND tỉnh Khánh Hòa đã có Quyết định số 2183/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 giao nhiệm vụ cho Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông tỉnh Khánh Hòa làm chủ đầu tư Dự án thành phần 1 thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1, UBND tỉnh Khánh Hòa chịu trách nhiệm về việc đánh giá năng lực, lựa chọn chủ đầu tư thực hiện dự án theo đúng quy định.

- Theo hồ sơ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân tham gia công tác khảo sát, thiết kế lập Báo cáo NCKT, thẩm tra Báo cáo NCKT đã được chủ đầu tư lựa chọn, ký hợp đồng, đây là các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm rà soát năng lực hành nghề của các tổ chức, cá nhân tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm tra tham gia lập, thẩm tra dự án đảm bảo đủ năng lực và tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ. Chủ đầu tư, Tư vấn chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ năng lực hoạt động xây dựng kèm theo.

1.3. Kết quả thẩm tra của Tư vấn thẩm tra

Tại báo cáo thẩm tra số các Báo cáo thẩm tra số 227/VECC-BCTT-TP1 KHBMT ngày 29/12/2022, số 08/VECC-BCTT-TP1 KHBMT ngày 04/01/2023 và số 32/VECC-BCTT-TP1 KHBMT ngày 02/3/2023 của Công ty Cổ phần Tư vấn đường cao tốc Việt Nam đánh giá hồ sơ BCNCKT Dự án sau khi hoàn thiện theo ý kiến thẩm tra tuân thủ quy định hiện hành, chất lượng hồ sơ khảo sát, thiết kế đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của dự án và đủ điều kiện trình thẩm định. Đề nghị Chủ đầu tư chỉ đạo Tư vấn thiết kế và các



đơn vị có liên quan tiếp tục kiểm tra, rà soát, nghiên cứu chỉnh sửa, giải trình, hoàn chỉnh hồ sơ BCNCKT đối với các ý kiến của các đơn vị Cục Đường bộ Việt Nam, Cục Đường cao tốc Việt Nam, các Vụ, ý kiến của địa phương có liên quan và theo các nội dung Tư vấn thẩm tra nêu trong các báo cáo thẩm tra, đảm bảo hồ sơ sau khi thẩm tra đủ điều kiện để các cơ quan chủ trì thẩm định của Người quyết định đầu tư tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt tuân thủ quy định hiện hành. Chủ đầu tư, Tư vấn thẩm tra, tư vấn thiết kế chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả thực hiện của mình trước Người quyết định đầu tư và pháp luật về các nội dung thực hiện.

2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận

2.1. Thiết kế cơ sở của dự án được lập đảm bảo phù hợp với các quy hoạch:

Dự án phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch mạng lưới giao thông đường bộ, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, cụ thể:

- Về quy hoạch vùng, quy hoạch chuyên ngành: Phù hợp với Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021. Đồng thời, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 17/5/2022 về Kế hoạch thực hiện Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó đường cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột có chiều dài khoảng 117,5km, dự kiến đầu tư trong giai đoạn 2021-2025. Riêng đối với đoạn tuyến cao tốc cắt qua vị trí quy hoạch tuyến đường sắt cao tốc, do tuyến đường sắt cao tốc đến nay vẫn chưa thực sự hình thành, chưa thể xác định chính xác về tìm tuyến nên quá trình lập BCNCKT đối với tuyến đường sắt cao tốc, cơ quan chủ trì thực hiện lập BCNCKT tuyến đường sắt cao tốc sẽ xem xét, điều chỉnh, lựa chọn vị trí tuyến cho phù hợp.

- Về quy hoạch địa phương: Tại Quyết định phê duyệt quy hoạch chuyên ngành nêu trên, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương rà soát, điều chỉnh, xây dựng các quy hoạch, các dự án trên địa bàn địa phương thống nhất, đồng bộ với quy hoạch được duyệt. Như vậy, các quy hoạch có liên quan của địa phương sau khi cập nhật, điều chỉnh, trong đó có Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 sẽ đảm bảo phù hợp với quy hoạch chuyên ngành được duyệt. Hiện nay, địa phương đang triển khai lập Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đề nghị Chủ đầu tư rà soát, cập nhật quy hoạch của tuyến cao tốc và các quy hoạch khác có liên quan cho phù hợp.

2.2. Phương án tuyến công trình, vị trí công trình: Phương án tuyến trình duyệt cơ bản phù hợp với tổng thể hướng tuyến bước Báo cáo NCKT và đã được UBND tỉnh Khánh Hòa chấp thuận tại văn bản số 10073/UBND-XDND ngày 17/10/2022 và số 03/UBND-XDND ngày 03/01/2023; phù hợp với điều kiện địa hình khu vực, đảm bảo quy mô, cấp hạng thiết kế của tuyến cao tốc đã được Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư; phù hợp với phương án tuyến đã được Bộ GTVT chấp thuận trong quá trình nghiên cứu, lập hồ sơ BCNCKT.

3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định:



Dự án được Chủ đầu tư tổ chức lập, trình Cục QLĐTXD thẩm định BCNCKT với quy mô đường cao tốc có tốc độ thiết kế $V_{ik}=100\text{km/h}$, phân kỳ đầu tư 04 làn xe với $B_{\text{màn}}=17,0\text{m}$ là phù hợp với chủ trương đầu tư được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022. Riêng nội dung hoàn thiện nút giao QL26 tại Km20+963, theo yêu cầu của địa phương, trong TMDT của dự án có dự trù khoản kinh phí để đầu tư hoàn thiện trong giai đoạn 1 nếu đảm bảo các luận chứng về yêu cầu kinh tế - kỹ thuật và phù hợp quy định.

4. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực; khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật

Dự án thành phần 1 là một trong ba dự án thành phần thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1, tuyến đường hoàn thành đảm bảo khả năng kết nối trực ngang giữa vùng Tây Nguyên với duyên hải Nam Trung Bộ, đồng thời kết nối với các trục dọc, phát huy hiệu quả các dự án đã và đang đầu tư, kết nối các trung tâm kinh tế, cảng biển, đáp ứng nhu cầu vận tải; tạo dư địa, động lực, không gian phát triển vùng Tây Nguyên.

Dự án thành phần 1 có điểm cuối (tại Km32+00) kết nối với điểm đầu của Dự án thành phần 2. Trong phạm vi dự án bố trí 03 nút giao liên thông kết nối với Dự án cao tốc đoạn Vân Phong - Nha Trang, QL1, QL26 và QL26B. Các vị trí nút giao liên thông có vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, đảm bảo kết nối các trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của khu vực, thuận lợi trong kết nối liên thông với các loại hình phương tiện vận tải khác như cảng hàng không, cảng biển nước sâu, kết nối liên vùng Nam Trung Bộ với Tây Nguyên, kết nối liên vận quốc tế với các nước bạn Lào, Campuchia,... Ngoài ra, trên cơ sở các tuyến đường hiện trạng, dự án đã bố trí hệ thống đường gom dân sinh, đường hoàn trả, đường ngang, cầu vượt ngang, hầm chui dân sinh dọc tuyến,... đảm bảo thuận tiện cho việc đi lại, tham gia lưu thông dọc hai bên tuyến, phù hợp với quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật cấp đường và đã được các địa phương thống nhất. Vì vậy, về cơ bản, dự án sau khi đầu tư sẽ đảm bảo kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực, phát huy hiệu quả đầu tư. Trong các bước tiếp theo, đề nghị Chủ đầu tư, TVTK tiếp tục kiểm tra, rà soát bổ sung các thỏa thuận, thống nhất về giải pháp thiết kế với cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật như: điện, nước, thủy lợi, thông tin liên lạc,... làm cơ sở lựa chọn giải pháp thiết kế phù hợp, đảm bảo tính đồng bộ, có xét đến các quy hoạch liên quan của địa phương, đảm bảo yếu tố kinh tế - kỹ thuật, ổn định công trình lâu dài.

5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về đảm bảo an toàn xây dựng; việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường

5.1. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về đảm bảo an toàn xây dựng: Giải pháp thiết kế cơ sở chủ yếu là các giải pháp thông dụng, phổ biến, đã được áp dụng tại nhiều dự án xây dựng công trình giao thông. Dự án không có công nghệ mới, phức tạp. Tuy nhiên, để đảm bảo an toàn xây dựng, trong bước thiết kế tiếp theo cần quy định cụ thể các biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình khảo sát thiết kế, thi công phù hợp với thiết kế các hạng mục công trình của dự án; thực hiện quản lý máy móc, thiết bị, con người, vật liệu... đáp ứng các quy định về an toàn.

5.1.1. Hồ sơ khảo sát

5.1.1.1. Khảo sát địa hình: Đề nghị Tư vấn thiết kế kiểm tra, rà soát, thể hiện đầy đủ các mốc GPS, đường chuyển cấp II, tọa độ cọc tim cầu, ... trên bình đồ, đảm bảo tuân thủ quy định làm cơ sở khống chế khu vực đo đạc, kiểm tra số liệu khảo sát.... Trong bước tiếp theo, đề nghị căn cứ số liệu khảo sát thực tế bước TKKT để cập nhật.

bổ sung, chuẩn xác về địa hình làm cơ sở chuẩn xác hồ sơ thiết kế, khối lượng thực hiện và bố trí các công trình trên tuyến cho phù hợp.

5.1.1.2. Khảo sát địa chất: Hồ sơ BCNCKT đã cơ bản thực hiện đầy đủ số liệu theo quy định của giai đoạn này về phạm vi, khối lượng, số liệu khảo sát địa chất,... Tuy nhiên, khối lượng theo quy định của giai đoạn này vẫn còn nhiều hạn chế, do đó các phương án thiết kế, phạm vi xử lý nền đất yếu; phương án thiết kế móng mố, trụ cầu, công trình trên tuyến; phương án thiết kế, gia cố mái taluy,... chỉ là dự kiến làm cơ sở xác định TMDT. Trong bước tiếp theo, đề nghị rà soát, bổ sung khảo sát đầy đủ số liệu địa hình, địa chất, thủy văn tại các vị trí công trình, khoanh vùng các vị trí xử lý nền đường đặc biệt, khảo sát nền đường đắp trên đất yếu,... tuân thủ theo quy trình khảo sát đảm bảo đầy đủ số liệu để tính toán, đề xuất các giải pháp thiết kế, so sánh ưu, nhược điểm của các phương án để lựa chọn giải pháp thiết kế (xử lý nền đất yếu, loại kết cấu móng, số lượng cọc, chiều dài cọc, đường kính cọc của mố, trụ cầu, công,...) cho phù hợp, đảm bảo an toàn khai thác, đảm bảo yếu tố kinh tế - kỹ thuật, ổn định công trình lâu dài, làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo.

5.1.1.3. Hồ sơ khảo sát mô vật liệu, bãi đổ thải:

- Tư vấn đã điều tra khảo sát 05 mố đất đắp; 03 mố cát/bãi tập kết; 09 mố đá; 11 vị trí đổ thải, chất lượng, trữ lượng, công suất cơ bản đáp ứng nhu cầu của dự án; các mô vật liệu, bãi đổ thải đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa đã rà soát, báo cáo UBND tỉnh⁷ xem xét, thống nhất các mô vật liệu phục vụ dự án. UBND tỉnh Khánh Hòa có ý kiến về các vị trí bãi đổ thải phục vụ dự án tại Thông báo số 10/TB-UBND ngày 06/01/2023. Sở TNMT tỉnh Khánh Hòa có ý kiến về các vị trí mô vật liệu phục vụ dự án tại Văn bản số 492/STNMT- KSNKTTVBĐKH ngày 16/02/2023.

- Ngoài ra, tiến độ dự án là rất gấp và ngoài cung cấp cho dự án còn cung cấp cho các dự án khác (Dự án thành phần 2 thuộc Dự án; dự án cao tốc đoạn Vân Phong - Nha Trang,...), trong bước tiếp theo, đề nghị Chủ đầu tư chỉ đạo TVTK tiếp tục rà soát, bổ sung các mô vật liệu khác (nếu có), phối hợp với các cơ quan chức năng của địa phương gia hạn, nâng công suất các mô đang khai thác (nếu cần), đảm bảo khả năng cung ứng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và nhu cầu của dự án, công suất khai thác các mô, đảm bảo yếu tố kinh tế - kỹ thuật và đáp ứng tiến độ yêu cầu.

5.1.1.4. Hồ sơ khảo sát, tính toán thủy văn đã được tư vấn thực hiện tuân thủ quy trình hiện hành cơ bản đầy đủ số liệu phục vụ thiết kế. Trong bước tiếp theo, đề nghị chủ đầu tư chỉ đạo TVTK tiếp tục khảo sát bổ sung, đặc biệt là việc xác định mực nước ngập thường xuyên (nếu có), kiểm tra, rà soát số liệu đầu vào phục vụ tính toán thủy văn; cập nhật các điều kiện thủy văn trong khu vực, tính toán mực nước thiết kế làm cơ sở điều chỉnh cao độ đường đê, vị trí, khâu độ công trình cầu, công cho phù hợp, đảm bảo kinh tế - kỹ thuật, ổn định công trình lâu dài, không ảnh hưởng đến đời sống dân sinh và khả năng thoát lũ khu vực.

5.1.1.5. Công tác dự báo giao thông là một nội dung quan trọng, là căn cứ quyết định nhiều nội dung của dự án như quy mô mặt cắt ngang đường, kết cấu áo đường,... Do vậy, đề nghị chủ đầu tư chỉ đạo Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm tra rà soát, làm rõ về quy hoạch, mạng lưới giao thông và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương tại các kỳ dự báo tương lai; trên cơ sở đó cập nhật mô hình mạng, phân bổ lại giao thông, cập nhật bảng tính dự báo lưu lượng xe, tính toán số làn xe, mô-đun đàn hồi

yêu cầu của kết cấu áo đường... cho phù hợp (nếu cần) để bảo đảm đáp ứng nhu cầu vận tải trong thời gian tính toán dự báo và dự kiến thời gian mãn tải, thời điểm cần phải đầu tư mở rộng theo quy hoạch; làm cơ sở báo cáo cấp có thẩm quyền hoạch định tiến trình đầu tư phù hợp.

Hồ sơ khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn cơ bản đầy đủ và đã được Chủ đầu tư chấp thuận nghiệm thu tại văn bản số 957A/DAGT-BDH ngày 04/11/2022. Tuy nhiên, phạm vi, khối lượng công tác khảo sát của bước BCNCKT, đặc biệt là khảo sát địa chất theo quy định của bước này chưa đủ điều kiện xác định chính xác về địa chất tại tất cả các vị trí, do đó phương án móng mố, trụ cầu, công trình... cần được tính toán, so sánh ưu điểm, nhược điểm để lựa chọn giải pháp thiết kế đảm bảo kinh tế - kỹ thuật khi có đầy đủ số liệu khảo sát ở bước thiết kế tiếp theo. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về hồ sơ khảo sát đã được nghiệm thu theo quy định.

5.1.2. Hồ sơ thiết kế cơ sở

a) Bình đồ tuyến

- Hướng tuyến của Dự án theo hồ sơ trình cơ bản bám theo hướng tuyến trong bước BCNCKT đã được Quốc hội phê duyệt tại Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022. Tuy nhiên, trong quá trình lập BCNCKT, Chủ đầu tư, TVTK nghiên cứu, đề xuất vì chính cục bộ một số vị trí nhằm đảm bảo tối ưu về kinh tế - kỹ thuật và đã được UBND tỉnh Khánh Hòa thống nhất tại các văn bản số 10073/UBND-XDND ngày 17/10/2022 và số 03/UBND-XDND ngày 03/01/2023. Cơ quan thẩm định cơ bản thống nhất với đề xuất điều chỉnh của Chủ đầu tư.

- Các yếu tố hình học (bán kính đường cong nằm, chiều dài cánh tuyến,...) được thiết kế tuân thủ quy trình, đáp ứng vận tốc thiết kế 100km/h, phù hợp với Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo việc mở rộng theo quy mô hoàn chỉnh.

- Trong bước khảo sát, thiết kế tiếp theo, trên cơ sở số liệu khảo sát chi tiết, đề nghị chủ đầu tư, Tư vấn tiếp tục rà soát, vì chính cục bộ các đoạn tuyến (nếu cần) để hạn chế việc di dời công trình hạ tầng kỹ thuật, GPMB, đảm bảo tầm nhìn,... kịp thời cập nhật để điều chỉnh phạm vi GPMB cho phù hợp.

b) Trắc dọc tuyến: Thiết kế trắc dọc về cơ bản phù hợp với địa hình, tần suất thủy văn thiết kế, các điểm khống chế (hầm chui, cầu vượt...); độ dốc dọc, chiều dài đồi dốc, cao độ thiết kế, bán kính đường cong đứng,... tuân thủ quy trình hiện hành, đảm bảo hạn chế đào sâu, đắp cao, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của đường cao tốc trong giai đoạn hoàn chỉnh. Tuy nhiên, trong bước thiết kế tiếp theo khi thu thập đầy đủ các quy hoạch của địa phương có liên quan, có đủ số liệu khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn chi tiết hơn đề nghị Tư vấn tiếp tục nghiên cứu vì chính cục bộ cao độ thiết kế (nếu cần) cho phù hợp, đảm bảo kinh tế - kỹ thuật.

c) Thiết kế trắc ngang: Hồ sơ BCNCKT trình thiết kế mặt cắt ngang đường cao tốc, vị trí dừng xe khẩn cấp, mặt cắt ngang đường hoàn trả, đường gom cơ bản tuân thủ tiêu chuẩn hiện hành (TCVN5729:2012; TCCS42:2022/TCĐBVN; TCVN4054:2005; TCVN10380-2014) và hồ sơ định hướng được Bộ GTVT ban hành kèm theo Văn bản số 11302/BGTVT-CQLXD ngày 28/10/2022, cụ thể:

- Thiết kế các thành phần trên mặt cắt ngang đường cao tốc như hồ sơ trình (độ dốc ngang, bề rộng làn xe, dải phân cách, lề đất...) tuân thủ tiêu chuẩn hiện hành, đảm bảo quy mô $B_{\text{min}}=17,0\text{m}$ trong giai đoạn 1 và thuận lợi khi mở rộng theo quy mô hoàn

chính; riêng đối với đoạn Km0+00 - Km8+500 được đầu tư theo quy mô mặt cắt ngang giai đoạn hoàn chỉnh $B_{\text{nền}}=24,75\text{m}$ phù hợp với phương án đầu tư nút giao CT.01 và hồ sơ BCNCKT được phê duyệt.

- Thiết kế mặt cắt ngang đường gom đảm bảo yêu cầu của đường GTNT loại B, phù hợp với đường hiện hữu.

d) Nền đường

- Nền đường đắp:

+ Cơ bản thống nhất với hồ sơ trình về vật liệu đắp nền đường, có tận dụng tối đa vật liệu đào nền đường với độ đầm chặt, sức chịu tải tuân thủ tiêu chuẩn thiết kế. Trong bước tiếp theo đề nghị tiến hành khảo sát, đánh giá cụ thể khả năng tận dụng các loại vật liệu nền đào để tận dụng tối đa nhằm đảm bảo kinh tế - kỹ thuật, hạn chế ảnh hưởng về môi trường, vật liệu sẵn có khu vực lân cận của địa phương để đắp nền đường.

+ Độ chặt, sức chịu tải lớp đáy áo đường, độ dốc mái taluy... nền đắp như hồ sơ trình (phía hoàn chỉnh 1:2, phía phân kỳ 1:1,5) có thiết kế gia cố mái taluy đảm bảo ổn định mái dốc tại các vị trí cần thiết là đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cấp đường, phù hợp với hồ sơ định hướng thiết kế chung cho toàn tuyến.

+ Đối với nền đường đắp cao (chiều cao đắp > 8m), cứ khoảng 6m cao thiết kế một bậc thêm rộng 2m (giật cấp) là phù hợp quy định.

+ Nền đường đắp trên đất yếu: Theo kết quả khảo sát của bước BCNCKT, địa chất của dự án không có đất yếu. Tuy nhiên trong bước tiếp theo đề nghị Chủ đầu tư chỉ đạo Tư vấn tiếp tục rà soát kỹ, xác định các vị trí tiềm ẩn nguy cơ có đất yếu hoặc bất thường về địa chất (như các đoạn nền đắp qua khe núi, ven sông, ruộng trũng...) để bổ sung khảo sát nhằm khẳng định sự phù hợp của thiết kế, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, an toàn kết cấu công trình lâu dài.

- Nền đường đào:

+ Theo hồ sơ trình, Tư vấn thiết kế độ dốc mái taluy nền đường đào với độ dốc 1:1,0 đến 1:1,5 đối với đất; độ dốc 1:0,5 đến 1:1,0 đối với đá (C4, C3, C2); đồng thời, có thiết kế gia cố mái taluy đảm bảo ổn định mái dốc ở những đoạn cần thiết. Do số liệu khảo sát địa chất bước lập Báo cáo NCKT chưa đầy đủ, kiến nghị cơ bản thống nhất với hồ sơ trình. Trong bước tiếp theo, đề nghị căn cứ hồ sơ khảo sát địa chất chi tiết và điều kiện thực tế trong quá trình thực hiện, tính toán, thiết kế độ dốc mái taluy đào và lựa chọn giải pháp gia cố mái taluy phù hợp, đảm bảo kinh tế - kỹ thuật.

+ Đối với đoạn nền đường đào sâu, hồ sơ trình thiết kế với bề rộng $B_{\text{nền}} = 24,75\text{m}$ để tận dụng vật liệu để đắp nền, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi khi mở rộng giai đoạn 2. Cục QLDTXD thống nhất với nội dung trình của Chủ đầu tư.

- Chủ đầu tư, Tư vấn chịu trách nhiệm rà soát, tính toán chuẩn xác số liệu về khối lượng đắp nền đường, khối lượng tận dụng, điều phối vật liệu đào, đắp, lưu ý giảm trừ khối lượng phần cầu, cống,... chiếm chỗ trong thân nền đường để tránh tính trùng khối lượng.

e) Mặt đường

- Đường cao tốc

+ Kết cấu mặt đường: Trên cơ sở kết quả thí nghiệm vật liệu đã thực hiện trong bước lập BCNCKT, kết cấu áo đường gồm các lớp bê tông nhựa, hỗn hợp nhựa bán rời, lớp cấp phối đá dăm gia cố xi măng trên lớp cấp phối đá dăm như hồ sơ trình là

đảm bảo Eyc theo tính toán, phù hợp với kết cấu áo đường của mặt đường cấp cao A1. Trong bước tiếp theo, đề nghị tiếp tục rà soát, nghiên cứu, xem xét lựa chọn các vật liệu kết cấu áo đường, nền đường làm cơ sở tính toán, chuẩn xác chiều dày các lớp kết cấu cho phù hợp, đảm bảo kinh tế - kỹ thuật, tiết kiệm chi phí.

+ Trong bước tiếp theo, đề nghị kiểm tra, rà soát kết quả điều tra, khảo sát lưu lượng, tải trọng và dự báo giao thông theo quy định để chuẩn xác lại mô đun đàn hồi yêu cầu Eyc cho phù hợp.

- Các nhánh nút giao: Đề nghị rà soát số liệu tính toán cường độ mặt đường Eyc của các nhánh nút giao để thiết kế kết cấu áo đường các nhánh cho phù hợp.

- Đường ngang, đường gom: Mặt đường bằng bê tông nhựa, láng nhựa phù hợp với kết cấu mặt đường hiện trạng.

f) Nút giao liên thông: Giải pháp thiết kế nút giao, yếu tố hình học, bề rộng các nhánh... đã được tư vấn tính toán, thiết kế trên cơ sở dự báo lưu lượng giao thông, tuân thủ quy trình hiện hành và cơ bản phù hợp với chủ trương đầu tư đã được Quốc hội thông qua và đã được Bộ GTVT thống nhất với UBND tỉnh Khánh Hoà tại văn bản số 13048/BGTVT-CQLXD ngày 06/12/2022. Cục QLDTXD thống nhất giải pháp thiết kế các nút giao trên tuyến như hồ sơ trình, cụ thể: (i) Nút giao đầu tuyến kết nối với QL1A tại Km0+000, hình dạng nút giao: vòng xuyên; (ii) Nút giao CT01 (kết nối cao tốc Vân Phong - Nha Trang) tại Km7+713,66, hình dạng nút giao: hoa thị hoàn chỉnh; (iii) Nút giao QL26 tại Km20+963,66, giai đoạn hoàn chỉnh dạng kim cương (cao tốc vượt QL26), giai đoạn 1 xây dựng cầu vượt trực thông.

g) Hệ thống thoát nước

- Cơ bản thống nhất với hồ sơ trình về số lượng, vị trí, khẩu độ hệ thống thoát nước; xây dựng hệ thống rãnh dọc, rãnh đỉnh, bậc nước... (các đoạn nền đào) và tiến hành cải mương tại các vị trí tuyến đi trùng hệ thống mương hiện trạng nhằm mục đích thoát nước cho nền, mặt đường và duy trì hệ thống thủy lợi, đảm bảo đời sống sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp của người dân. Trong bước thiết kế tiếp theo, trên cơ sở kết quả khảo sát, tính toán thủy văn, đề nghị Tư vấn thiết kế tiếp tục rà soát, tính toán khẩu độ các cống thoát nước lưu vực, thoát lũ...; làm việc cụ thể với các địa phương về hoàn trả hệ thống cống, mương thủy lợi; điều chỉnh thiết kế hệ thống thoát nước cho phù hợp với điều kiện địa hình thực tế.

- Đối với hệ thống thoát nước dọc đoạn Km0+00 - Km0+650: Đề nghị Chủ đầu tư chỉ đạo TVTK kiểm tra, rà soát quy hoạch của khu dân cư hai bên tuyến, xác định rõ vị trí đặt hệ thống thoát nước, cao độ san nền,... làm cơ sở cập nhật, tính toán thủy văn, thủy lực hệ thống thoát nước cho phù hợp.

h) Hàm chui dân sinh: Số lượng, vị trí và khẩu độ hàm chui dân sinh được thiết kế, bố trí cơ bản đầy đủ, đảm bảo kết nối dân sinh hai bên tuyến và đã được các địa phương thống nhất trong quá trình lập dự án. Thiết kế kết cấu hầm bằng bê tông cốt thép đổ tại chỗ, móng trên nền thiên nhiên là phù hợp với kết quả khảo sát bước lập Báo cáo NCKT. Trong bước tiếp theo, đề nghị Tư vấn tiếp tục rà soát hiện trường, làm việc với các địa phương để điều chỉnh, bổ sung hàm chui dân sinh (nếu cần) cho phù hợp, đảm bảo kết nối dân sinh hai bên tuyến. Trên cơ sở số liệu khảo sát chi tiết, tiếp tục nghiên cứu, tính toán kết cấu móng hầm chui cho phù hợp, đảm bảo ổn định công trình và đáp ứng hiệu quả kinh tế - kỹ thuật.

i) Đường gom, đường ngang

- Xây dựng hệ thống đường gom dọc hai bên tuyến (không liên tục) trình với tổng chiều dài khoảng 18km (tính độc lập trái và phải tuyến); mặt cắt ngang đường gom theo quy mô đường giao thông nông thôn loại B, bề rộng nền đường $B_{nền}=5m$, bề rộng mặt đường $B_{mặt}=3,5m$; đường hoàn trả theo quy mô đường hiện hữu phù hợp với hiện trạng.

- Về cơ bản Cục QLDTXD thống nhất với nội dung trình. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai tiếp theo, ngoài các đoạn đường gom như hồ sơ trình, đề nghị Tư vấn làm việc với các địa phương để hoạch định bổ sung phạm vi, vị trí đường gom (đã được địa phương đề xuất trong quá trình lập dự án) để các địa phương đầu tư khi có nhu cầu. Chiều dài các đoạn đường gom sẽ được chuẩn xác trong bước thiết kế tiếp theo trên cơ sở kết quả khảo sát chi tiết và nhu cầu thực tế.

j) Công trình cầu

Hồ sơ trình đầu tư xây dựng 20 công trình cầu, trong đó: 18 cầu trên đường cao tốc, 02 cầu vượt ngang. Về cơ bản các cầu được bố trí phù hợp với kết quả khảo sát địa hình, kết quả khảo sát và tính toán thủy văn, đủ khẩu độ thoát nước theo tính toán và đảm bảo tần suất thiết kế. Trong bước tiếp theo, đề nghị căn cứ vào số liệu khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, rà soát hồ sơ thiết kế, đối chiếu thực tế hiện trường để nghiên cứu, đề xuất giải pháp thiết kế, kết cấu công trình (nếu cần) cho phù hợp, đảm bảo yếu tố kinh tế - kỹ thuật, đảm bảo khẩu độ thoát nước, đảm bảo kết cấu công trình và ổn định công trình lâu dài.

- Bề rộng cầu:

+ Cầu trên đường cao tốc: Bề rộng cầu phù hợp với khổ nền đường.

+ Cầu trên đường ngang vượt cao tốc: Bề rộng cầu phù hợp với quy mô đường hiện tại, có xem xét để phù hợp với quy hoạch (nếu có).

- Cầu trong nút giao liên thông, cầu trên nhánh giao: Đề nghị rà soát đảm bảo bề rộng cầu phù hợp với quy mô nền đường trong nút giao và quy mô các nhánh kết nối.

- Tình không khống chế dưới cầu: Theo hồ sơ trình, các cầu vượt đường địa phương đảm bảo tình không vượt qua đường. Trong bước tiếp theo, đề nghị chủ đầu tư tiếp tục làm việc với các cơ quan có thẩm quyền của địa phương để rà soát quy hoạch, kế hoạch cải tạo, nâng cấp các tuyến đường địa phương để xác định tình không đáp ứng yêu cầu.

- Sơ đồ cầu được bố trí cơ bản phù hợp với kết quả khảo sát địa hình, kết quả khảo sát và tính toán thủy văn, đủ khẩu độ thoát nước theo tính toán, đảm bảo tần suất thiết kế theo số liệu khảo sát bước BCNCKT.

- Kết cấu phần trên: Sử dụng đầm bê tông cốt thép dự ứng lực (đầm bản, đầm I, đầm Super-T) là cơ bản phù hợp. Trong bước thiết kế tiếp theo cần căn cứ điều kiện cụ thể từng vị trí để lựa chọn loại hình kết cấu đầm cho phù hợp, đảm bảo kinh tế - kỹ thuật.

- Kết cấu phần dưới: Kết cấu móng mố, trụ cầu bằng bê tông cốt thép trên hệ móng cọc bê tông cốt thép đã được tư vấn tính toán, đề xuất cơ bản phù hợp với kết quả khảo sát địa chất bước lập BCNCKT. Tuy nhiên, số liệu đã khảo sát ở bước thiết kế này chưa thực sự đầy đủ nên các vị trí mố, trụ cầu, chiều sâu đáy móng, chiều dài cọc, số lượng cọc, phương án móng,... là dự kiến, trong bước tiếp theo đề nghị căn cứ kết quả khảo sát địa chất, thủy văn để tiếp tục nghiên cứu, tính toán, so sánh để xuất các giải pháp thiết kế cụ thể, đảm bảo yêu cầu kinh tế - kỹ thuật theo quy định.

- Biện pháp thi công: Để đảm bảo đầy đủ trong tổng mức đầu tư làm cơ sở triển

khai các bước tiếp theo, Chủ đầu tư, TVTK đã căn cứ vào địa hình dự kiến của từng cầu để lập dự trù khoản kinh phí thực hiện biện pháp thi công cầu là có thể chấp nhận được. Trong bước tiếp theo, đề nghị căn cứ vào địa hình thực tế để xem xét, lập dự toán chi tiết, đề xuất biện pháp thi công cho phù hợp, đảm bảo yêu cầu kinh tế - kỹ thuật.

k) Các công trình vận hành, khai thác

Hệ thống ITS và hệ thống thu phí:

- Chủ đầu tư trình đề xuất trong giai đoạn 1 chủ đầu tư phân hạ tầng kỹ thuật ITS đảm bảo hoàn thành đồng bộ với gói thầu xây lắp, phần thiết bị ITS, thiết bị thu phí sẽ xem xét đầu tư sau với hình thức phù hợp. Về nội dung này, Bộ GTVT đã có ý kiến tại văn bản số 587/BGTVT-CQLXD ngày 18/01/2023 và tương đồng với các Dự án cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025. Đồng thời, việc triển khai thực hiện quản lý vận hành hệ thống ITS hiện nay còn một số tồn tại, vướng mắc: (i) chưa có hành lang pháp lý để triển khai thu phí trên đường cao tốc đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước; (ii) chưa ban hành đầy đủ các tiêu chuẩn, định mức về công tác quản lý khai thác và bảo trì hệ thống ITS và hệ thống thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ (như tiêu chuẩn và định mức về bảo dưỡng thường xuyên hệ thống ITS và hệ thống thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ,...); (iii) hệ thống ITS trên các tuyến cao tốc đang khai thác hiện chưa được đầu tư đồng bộ, trung tâm quản lý điều hành cấp quốc gia chưa được đầu tư, dự án mới được đầu tư, khai thác với quy mô 04 làn xe hạn chế; trong khi hệ thống ITS sẽ phát huy hiệu quả đầu tư khi kết nối đồng bộ, đảm bảo các yêu cầu về miễn dịch vụ, mô hình tổ chức quản lý đối với các dự án đầu tư công (xác định tại đề án ITS). Theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 19/2020/QĐ-TTg ngày 17/6/2020, *"đối với các trạm thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ thuộc các dự án đầu tư xây dựng mới, chỉ triển khai thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ khi thực hiện thu phí điện tử không dừng theo quy định của Quyết định này"*. Hiện nay, Đề án *"Đầu tư, quản lý, vận hành khai thác và bảo trì hệ thống ITS và hệ thống thu phí ETC trên đường cao tốc"* do Cục Đường bộ Việt Nam xây dựng vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện và chưa chính thức ban hành nên trong giai đoạn trước mắt, hệ thống ITS chỉ đầu tư một số hạng mục hạ tầng (bể cấp, ống bảo vệ cáp, bề móng cột...), hạng mục trạm thu phí chỉ đầu tư giá long môn. Hệ thống thiết bị sẽ được đầu tư đồng bộ, tương thích về công nghệ khi đầu tư hệ thống ITS, hệ thống thu phí trên các tuyến cao tốc vào thời điểm thích hợp. Việc triển khai nói trên thống nhất với các dự án thành phần thuộc Dự án cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 đã được Bộ GTVT thẩm định, phê duyệt. Như vậy, nội dung trình của Chủ đầu tư là có cơ sở.

- Theo hồ sơ trình, Dự án chưa đầu tư phần thiết bị hệ thống giao thông thông minh (ITS), chỉ đầu tư phần hạ tầng (ống, bể cấp...). Cục QLĐTXD thống nhất với nội dung trình, trước mắt đề nghị Chủ đầu tư báo cáo cơ quan chuyên môn thuộc cấp quyết định đầu tư xem xét thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trước các hạng mục hạ tầng, trong bước triển khai tiếp theo tiếp tục rà soát điều chỉnh bổ sung, để đảm bảo tính đồng bộ cho toàn tuyến (nếu cần); việc đầu tư tổng thể hệ thống ITS và hệ thống thu phí không dừng (ETC) xem xét việc đầu tư vào thời điểm thích hợp.

l) Các công trình khác

- Hệ thống an toàn giao thông: Hồ sơ trình xây dựng hoàn chỉnh hệ thống an toàn giao thông phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT là phù hợp quy định. Tuy nhiên, đề nghị Chủ đầu tư chỉ đạo TVTK tiếp tục rà soát, trường hợp phát hiện sai sót cần kịp thời điều chỉnh cho phù hợp trước

khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hàng rào: Hồ sơ thiết kế cơ bản phù hợp với TCCS 20:2018/TCĐBVN, các đoạn không có đường gom, hàng rào bố trí tại ranh giới GPMB đường cao tốc giai đoạn hoàn chỉnh; các đoạn có đường gom, hàng rào bố trí tại ranh giới giữa đường gom với đường cao tốc giai đoạn hoàn chỉnh. Kết cấu rào chắn dạng hàng rào lưới thép hoặc hàng rào dây thép gai; đề nghị tiếp tục rà soát theo hướng ưu tiên bố trí hàng rào lưới thép tại các khu vực qua khu dân cư; hàng rào dây thép gai tại các khu vực còn lại đảm bảo kinh tế - kỹ thuật.

- Bố trí hệ thống điện chiếu sáng tại các nút giao liên thông như hồ sơ trình cơ bản là phù hợp, đề nghị Chủ đầu tư, tư vấn tiếp tục rà soát, tính toán bổ sung vị trí bố trí hệ thống điện chiếu sáng và kịp thời điều chỉnh cho phù hợp (nếu cần).

- Gia cố mái taluy: Hồ sơ trình đã thiết kế điển hình các loại gia cố mái taluy và nguyên tắc, phạm vi áp dụng cơ bản phù hợp với kết quả khảo sát bước lập Báo cáo NCKT và bước BCNCKT chi dự trù khoản kinh phí để triển khai thực hiện. Trong bước tiếp theo, đề nghị căn cứ TCVN13346:2021, kết quả khảo sát địa hình, địa chất chi tiết và thực tế địa chất phát lộ, đề tiếp tục rà soát, nghiên cứu, tính toán, lựa chọn giải pháp, vị trí, phạm vi gia cố cho phù hợp, đảm bảo ổn định kết cấu công trình, đảm bảo yếu tố kinh tế - kỹ thuật, tiết giảm chi phí đầu tư xây dựng, đảm bảo an toàn giao thông, an toàn khai thác, sử dụng.

- Đường công vụ: Trong bước lập Báo cáo NCKT, Tư vấn chưa nghiên cứu thiết kế hệ thống đường công vụ và chỉ dự kiến phạm vi theo nguyên tắc: Các đoạn có đường gom sẽ đi trùng đường gom; các đoạn không có đường gom sẽ xây dựng đường công vụ dọc tuyến (tận dụng phạm vi GPMB giai đoạn hoàn chỉnh); xây dựng đường công vụ ngoại tuyến (nếu cần); kinh phí đường công vụ được dự kiến. Theo nguyên tắc này, hệ thống đường công vụ nội tuyến kết hợp hệ thống đường gom và đường hiện hữu cơ bản đáp ứng nhu cầu vận chuyển vật liệu dọc tuyến. Trong bước tiếp theo, cần khảo sát, thiết kế chi tiết đường công vụ phục vụ thi công, về chiều rộng nền, mặt đường công vụ cần đảm bảo yêu cầu kinh tế - kỹ thuật, nghiên cứu bố trí các điểm tránh xe, đảm bảo cho hai làn xe tránh nhau.

- Tường chống ồn: Hồ sơ trình bố trí hệ thống tường chống ồn trên các đoạn tuyến qua khu vực đông dân cư, trường học theo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định ĐTM dự án số 3743/QĐ-BTNMT ngày 28/12/2022. Tuy nhiên khối lượng là dự kiến, trong bước tiếp theo, đề nghị chủ đầu tư, tư vấn tính toán cụ thể để bố trí tại các vị trí cần thiết, đảm bảo phát huy hiệu quả đầu tư, hạn chế tối đa ảnh hưởng ô nhiễm tiếng ồn đến người dân hai bên tuyến.

- Công kỹ thuật: Trong quá trình triển khai tiếp theo, đề nghị Chủ đầu tư rà soát, bổ sung các luận chứng cụ thể, làm rõ các căn cứ, cơ sở pháp lý (nhu cầu kết nối, quy hoạch có liên quan,...) làm cơ sở đầu tư hệ thống công kỹ thuật đảm bảo tuân thủ quy định.

5.1.3. Một số nội dung khác

- Các dự án thành phần sẽ được triển khai, khai thác đồng bộ, vì vậy đề nghị chủ đầu tư dự án thành phần 1 phối hợp với các chủ đầu tư dự án thành phần 2 và thành phần 3 chỉ đạo các đơn vị tư vấn phối hợp thiết kế hệ thống an toàn giao thông toàn tuyến; hệ thống chiếu sáng; hệ thống hàng rào; kết cấu móng trụ, dầm cầu; cường độ bê tông... đảm bảo đồng bộ, thống nhất.

- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi: Cơ bản đầy đủ nội dung theo quy định,

tuy nhiên, đề nghị chủ đầu tư, Tư vấn rà soát, bổ sung và sắp xếp lại bố cục để làm rõ các nội dung chính của BCNCKT theo quy định tại Điều 54 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 như: Sự cần thiết đầu tư; diện tích sử dụng đất; hình thức đầu tư xây dựng; khả năng bảo đảm các yếu tố để thực hiện dự án; giải pháp tổ chức quản lý thực hiện dự án; phân tích ưu nhược điểm của các phương án thiết kế nút giao, đoạn làm cầu cạn...

- Tuổi thọ công trình: Hồ sơ trình không nêu cụ thể về tuổi thọ công trình là chưa phù hợp quy định. Tuy nhiên, đối với công trình đường cao tốc được hình thành bởi rất nhiều hạng mục công trình (nền đường; kết cấu móng, mặt đường; các công trình cầu, cống; công trình an toàn giao thông; hệ thống chiếu sáng; hệ thống ITS...); trong đó, mỗi hạng mục công trình có tính chất, đặc điểm và đặc biệt là thời hạn sử dụng khác nhau. Vì vậy, việc xác định tuổi thọ công trình cho toàn bộ dự án đường cao tốc là không đủ cơ sở và không phản ánh được chính xác để quy định cụ thể. Trong bước thiết kế tiếp theo đề nghị Chủ đầu tư lưu ý quy định cụ thể thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình trong nhiệm vụ thiết kế theo quy định.

- Trong bước tiếp theo đề nghị:

+ Khảo sát, nghiên cứu, tính toán cụ thể giải pháp thiết kế các hạng mục công trình, bảo đảm thể hiện đầy đủ các thông số kỹ thuật, vật liệu sử dụng phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng, bảo đảm an toàn chịu lực công trình và có kết cấu hợp lý để thực hiện triển khai thi công xây dựng công trình. Trên cơ sở tính toán của tư vấn, chủ đầu tư xem xét quyết định lựa chọn phương án kết cấu hợp lý, an toàn, đồng bộ, tiết kiệm chi phí xây dựng.

+ Một số vị trí phải triển khai thi công trong điều kiện đang khai thác (các vị trí giao cắt với đường đang khai thác), do vậy phải có biện pháp tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ theo quy định.

+ Trên cơ sở kết quả khảo sát, tiếp tục cập nhật số liệu, tính toán khả năng thoát lũ tổng thể trên toàn tuyến, kiểm tra, rà soát tính toán khẩu độ công trình, cho phù hợp.

5.2. Bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ

- Về các yêu cầu về phòng chống cháy nổ: Dự án không thuộc danh mục công trình phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, đề nghị Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan thực hiện các biện pháp phòng chống cháy nổ theo quy định để đảm bảo an toàn.

- Về bảo vệ môi trường: Dự án đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 3743/QĐ-BTNMT ngày 28/12/2022. Trong quá trình triển khai, đề nghị Chủ đầu tư chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

Các công trình, hạng mục công trình đã được thiết kế phù hợp với danh mục Khung tiêu chuẩn của Dự án đã được UBND tỉnh Khánh Hoà phê duyệt tại Quyết định số 3352/QĐ-UBND ngày 06/12/2022. Chủ đầu tư và các bên liên quan có trách nhiệm tiếp

tục rà soát, cập nhật tiêu chuẩn, quy chuẩn để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp, đảm bảo phù hợp với giải pháp thiết kế, công nghệ thi công và nghiệm thu áp dụng cho Dự án.

7. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định tổng mức đầu tư xây dựng

7.1. Sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định TMDT xây dựng; các căn cứ pháp lý để xác định tổng mức đầu tư xây dựng

- Sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định TMDT: TMDT dự án lập cơ bản rõ ràng, đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

- Các căn cứ pháp lý để xác định TMDT: Hồ sơ TMDT được lập trên cơ sở khối lượng, chi phí GPMB và khối lượng các hạng mục công trình trong hồ sơ TKCS; các quy định, hệ thống định mức, đơn giá... được cơ quan có thẩm quyền ban hành cùng như các Quyết định công bố giá vật liệu, nhân công, ca máy,... của địa phương tại thời điểm lập là cơ bản đảm bảo về thủ tục và căn cứ pháp lý, đủ cơ sở để xác định TMDT.

- Kiểm tra kết quả thẩm tra TMDT xây dựng của Tư vấn thẩm tra: Hồ sơ TMDT sau khi chỉnh sửa theo ý kiến thẩm tra đã đảm bảo phù hợp quy định hiện hành, đầy đủ về khối lượng chi phí, đảm bảo kinh phí để thực hiện Dự án. Sau khi cập nhật, rà soát bổ sung, Tư vấn thẩm tra kết luận đủ điều kiện để triển khai các bước tiếp theo.

Như vậy, hồ sơ TMDT trình thẩm định cơ bản đáp ứng yêu cầu, có đầy đủ căn cứ pháp lý, đủ cơ sở để xác định TMDT xây dựng và đã được Tư vấn thẩm tra thực hiện công tác thẩm tra, đánh giá đạt yêu cầu

7.2. Sự phù hợp của tổng mức đầu tư xây dựng với sơ bộ tổng mức đầu tư xây dựng đã được phê duyệt; phương pháp xác định tổng mức đầu tư xây dựng

- Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hoà - Buôn Ma Thuột giai đoạn I đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 với sơ bộ TMDT là 21.935 tỷ đồng và được chia thành 03 dự án thành phần. Trong đó, mỗi dự án thành phần được xác định sơ bộ TMDT và *giao Chính phủ chịu trách nhiệm tính toán phạm vi và TMDT của từng dự án thành phần sẽ được xác định chính xác trong bước BCNCKT.*

- Tại Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 25/7/2022, Chính phủ giao Bộ GTVT chủ trì, phối hợp với UBND các tỉnh Khánh Hoà, Đắk Lắk rà soát quy chuẩn, tiêu chuẩn, giải pháp thiết kế, TMDT các dự án thành phần trong bước BCNCKT.

- Tại điểm b, khoản 2.4 mục 2, Điều 4 của Quy chế phối hợp số 01 ngày 18/8/2022 giữa Bộ GTVT với UBND các tỉnh Khánh Hoà, Đắk Lắk có nêu: *"UBND các tỉnh Khánh Hoà, Đắk Lắk chỉ đạo Chủ đầu tư lập TMDT các dự án thành phần gửi Bộ GTVT tổng hợp, rà soát, đảm bảo thống nhất, tổng thể phù hợp với sơ bộ TMDT Dự án đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 58/2022/QH15".*

- Tại văn bản số 219/BGTVT-CQLXD ngày 09/01/2023 của Bộ GTVT đã *giao Cục QLĐT XD chủ trì và phối hợp với các Chủ đầu tư rà soát TMDT các dự án thành phần để cân đối TMDT giữa các Dự án thành phần, đảm bảo TMDT chung của cả 03 dự án thành phần không vượt sơ bộ TMDT đã được phê duyệt trong chủ trương đầu tư dự án. Trên cơ sở cân đối, điều hoà TMDT các dự án thành phần đã được Cục QLĐT XD thẩm định, yêu cầu các Chủ đầu tư trình Người quyết định đầu tư phê duyệt dự án đầu tư các Dự án thành phần đáp ứng tiến độ.*

Như vậy, trên cơ sở các quy định nêu trên, Bộ GTVT được Chính phủ giao rà soát TMDT các dự án thành phần đảm bảo không làm vượt sơ bộ TMDT chung của Dự



án cao tốc Khánh Hoà - Buôn Ma Thuột đã được Quốc hội phê duyệt là tuân thủ quy định tại khoản 6 Điều 18 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ. Theo hồ sơ trình của Chủ đầu tư, TMDT của Dự án thành phần 1 trình thẩm định là 5.333,307 tỷ đồng (trong đó chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự kiến là 606,699 tỷ đồng), không vượt giá trị sơ bộ TMDT của Dự án thành phần 1 được Quốc hội phê duyệt tại Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 là 5.632 tỷ đồng (trong đó sơ bộ chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là 467 tỷ đồng). Theo hồ sơ trình thẩm định của Chủ đầu tư, chi phí GPMB tăng so với bước chủ trương khoảng 139,699 tỷ đồng, theo quy định tại khoản 4 Điều 3 của Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022, UBND tỉnh Khánh Hòa có trách nhiệm cân đối nguồn vốn từ ngân sách địa phương để bổ sung nguồn vốn cho phần tăng GPMB theo tỷ lệ vốn góp chi phí GPMB cho Dự án thành phần 1 theo đúng chỉ đạo của Quốc hội làm cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo, tuân thủ quy định.

- Phương pháp xác định TMDT: Phương pháp xác định TMDT như hồ sơ lập là phương pháp xác định từ khối lượng xây dựng tính theo thiết kế cơ sở và các yêu cầu cần thiết khác của dự án, phù hợp với đặc điểm dự án và hướng dẫn hiện hành về lập TMDT tại Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

7.3. Sự phù hợp của nội dung tổng mức đầu tư xây dựng với các nội dung và yêu cầu của dự án

Các khoản mục chi phí trong TMDT trình gồm: Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; chi phí khác và chi phí dự phòng. Như vậy nội dung TMDT của dự án lập cơ bản phù hợp, đầy đủ nội dung quy định tại Điều 5 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ và tại Phụ lục 1 Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng, phù hợp với nội dung và yêu cầu của dự án.

7.4. Sự tuân thủ các quy định của pháp luật về áp dụng, tham khảo hệ thống định mức xây dựng, giá xây dựng công trình để xác định tổng mức đầu tư

Theo hồ sơ trình các khoản mục chi phí của TMDT (GPMB, xây dựng, quản lý dự án, tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác, dự phòng) được lập cơ bản tuân thủ các quy định của pháp luật trong việc áp dụng, tham khảo hệ thống định mức xây dựng, giá xây dựng công trình. Tuy nhiên đề nghị Chủ đầu tư, Tư vấn lưu ý rà soát bổ sung, điều chỉnh một số nội dung cho phù hợp, cụ thể:

7.4.1. Chi phí GPMB: Trên cơ sở hồ sơ phương án giải phóng mặt bằng, ý kiến thẩm định của Cục QLĐTXD và các đơn vị liên quan, Chủ đầu tư, Tư vấn cập nhật, xác định chính xác khối lượng, phạm vi GPMB của dự án đảm bảo tuân thủ quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010 và Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Đồng thời, đề nghị Chủ đầu tư khẩn trương lấy ý kiến của UBND tỉnh Khánh Hòa đối với hồ sơ Phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Dự án làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo.

7.4.2. Chi phí xây dựng, thiết bị

- Về khối lượng: Trên cơ sở hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án và các ý kiến thẩm định của Cục QLĐTXD nêu trên, đề nghị Chủ đầu tư, Tư vấn cập nhật, hoàn thiện hồ sơ

thiết kế, xác định chính xác khối lượng và chịu trách nhiệm về tính chính xác của khối lượng đưa vào hồ sơ TMDT.

- Tận dụng vật liệu đào để đắp: Thống nhất sơ bộ khối lượng tận dụng như hồ sơ trình trên cơ sở kết quả khảo sát bước BCNCKT. Trong bước thiết kế tiếp theo, khi có đủ cơ sở, số liệu khảo sát, khối lượng tận dụng sẽ được chuẩn xác lại, đảm bảo tận dụng tối đa khối lượng đào, hạn chế vận chuyển đổ thải để giảm chi phí xây dựng. Đồng thời, căn cứ kết quả khảo sát địa chất, chất lượng vật liệu đào nền đường, phân tích yếu tố kinh tế - kỹ thuật để xem xét tận dụng làm các loại vật liệu thông thường như: đá học xây, cấp phối đá dăm các loại,... phục vụ thi công dự án nhằm hạn chế chi phí xây dựng.

- Cự ly vận chuyển nguyên, vật liệu và đổ thải vật liệu thừa được xác định trên cơ sở hồ sơ mô vật liệu xây dựng và bãi đổ thải; phương án điều phối cho các đoạn tuyến, phạm vi tuyến qua các huyện là có cơ sở. Trong bước tiếp theo, Chủ đầu tư, Tư vấn tiếp tục rà soát, bổ sung các mô vật liệu, bãi đổ thải lân cận (nếu có) để nghiên cứu, tính toán chi tiết cự ly vận chuyển các nguyên, vật liệu và đổ thải vật liệu thừa cho phù hợp, đảm bảo yếu tố kinh tế - kỹ thuật.

- Định mức xây dựng: Áp dụng định mức tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức xây dựng. Trong quá trình lập dự toán xây dựng bước thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở, Chủ đầu tư có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị tư vấn rà soát định mức áp dụng cho dự án, lập danh mục các định mức dự toán mới, định mức dự toán cần điều chỉnh (nếu có) và tổ chức xác định hao phí định mức để làm cơ sở thẩm định, quyết định việc sử dụng định mức và xác định giá xây dựng công trình theo quy định tại Điều 21 Nghị định 10/2021/NĐ-CP.

- Giá vật liệu: TMDT theo hồ sơ trình đang được lập trên cơ sở tham khảo công bố giá của địa phương do Liên sở Xây dựng - Tài chính ban hành là phù hợp với quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng. Đối với các vật liệu không có trong công bố giá của địa phương, được xác định trên cơ sở báo giá của các nhà sản xuất, cung ứng vật liệu xây dựng. Đề nghị chủ đầu tư rà soát để lựa chọn mức giá phù hợp, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, khả năng cung ứng theo tiến độ dự án. Các dự án thành phần thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 sẽ triển khai đồng loạt, trong bước thiết kế tiếp theo, đề nghị chủ đầu tư phối hợp với chủ đầu tư các dự án thành phần khác tổ chức rà soát tổng thể toàn bộ các dự án để xác định, lựa chọn giá vật liệu phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật của dự án.

- Đối với vật liệu xây dựng thông thường, trong quá trình triển khai lập dự án, Chủ đầu tư, TVTK đã tiến hành khảo sát, lập hồ sơ khảo sát mô vật liệu, phối hợp làm việc với địa phương và các doanh nghiệp mỏ, điều tra, cập nhật danh sách các mỏ vật liệu, các bãi chứa vật liệu không thích hợp phục vụ cho Dự án, đã được địa phương xem xét chấp thuận. Cục QLĐTĐD thống nhất với phương án điều phối, tính toán chi phí vật liệu để lập dự toán chi phí như hồ sơ trình. Trong bước tiếp theo, đề nghị Chủ đầu tư chỉ đạo Tư vấn tiếp tục rà soát, cập nhật bổ sung các mô vật liệu, bãi đổ thải khu vực lân cận (nếu có) làm cơ sở tính toán, xác định lại cự ly vận chuyển vật liệu, cự ly điều phối cho phù hợp, đảm bảo yếu tố kinh tế - kỹ thuật của dự án, tiết giảm chi phí đầu tư.

- Giá nhân công, giá ca máy và thiết bị thi công: Thống nhất phương pháp xác định như hồ sơ trình.

- Chi phí thiết bị: Hiện nay Dự án "Đầu tư, quản lý, vận hành khai thác và bảo trì hệ thống ITS và hệ thống thu phí ETC trên đường cao tốc" do Cục Đường bộ Việt Nam

xây dựng vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện và chưa chính thức ban hành nên trong giai đoạn trước mắt, thống nhất theo hồ sơ trình của Chủ đầu tư chỉ nghiên cứu đầu tư một số hạng mục hạ tầng của hệ thống ITS (bể cấp, ống bảo vệ cáp, bộ móng cột) tương tự như một số dự án cao tốc giai đoạn 2021-2025 đang triển khai, phân thiết bị sẽ đầu tư vào thời điểm thích hợp.

- Định mức chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công; định mức chi phí chung; định mức chi phí một số công việc không xác định được khối lượng thiết kế; định mức thu nhập chịu thuế tính trước xác định theo hướng dẫn tại Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng là phù hợp.

7.4.3. Chi phí quản lý dự án: Được xác định theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và các quy định khác có liên quan như hồ sơ trình là phù hợp.

7.4.4. Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: Được xác định theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng và các quy định khác có liên quan. Tuy nhiên, một số công việc đang tạm tính hoặc tham khảo các dự án tương tự, trong bước triển khai tiếp theo, đề nghị Chủ đầu tư, ~~Tư vấn lập dự toán chi tiết theo quy định hiện hành để xác định chính xác các chi phí.~~ Đồng thời, đối với chi phí khảo sát bước TKKT đang là tạm tính, đề nghị Chủ đầu tư trong bước tiếp theo lập đề cương, dự toán chi tiết, trên cơ sở tận dụng tối đa kết quả khảo sát của bước trước, đảm bảo đầy đủ số liệu phục vụ thiết kế đáp ứng chất lượng.

7.4.5. Chi phí khác: Chi phí bảo hiểm công trình, thẩm định BCNCKT, thẩm định thiết kế BVTC, thẩm định dự toán BVTC, thẩm tra, phê duyệt quyết toán, kiểm toán độc lập, thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả đấu thầu,... xác định theo quy định của Bộ Tài chính, của Luật đấu thầu và các văn bản pháp lý khác có liên quan.

7.4.6. Đối với thuế giá trị gia tăng: Chính sách giảm thuế đã được Quốc hội phê duyệt tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022. Triển khai Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022, được sửa đổi tại Nghị định số 41/2022/NĐ-CP ngày 20/6/2022, theo đó giảm 2% thuế suất thuế GTGT từ ngày 01/02/2022 đến hết ngày 31/12/2022 đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 10% (còn 8%) trừ một số hàng hóa, dịch vụ. Tuy nhiên, do Dự án sẽ triển khai thi công sau năm 2022 nên Chủ đầu tư, tư vấn xác định mức thuế 10% trong giá vật liệu, dịch vụ là phù hợp. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, chủ đầu tư và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm xác định chính xác khối lượng theo thời điểm thực hiện để giảm thuế giá trị gia tăng theo quy định.

7.4.7. Chi phí dự phòng:

- Đối với dự phòng khối lượng: Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, công tác rà soát thiết kế một số yếu tố cơ bản đã được triển khai thực hiện; đồng thời, hướng tuyến, hệ thống công trình trên tuyến đã được kiểm tra, rà soát chặt chẽ, giải pháp thiết kế công trình đã được rà soát kỹ và đã được các địa phương thống nhất nên các hạng mục công việc dự kiến phát sinh về cơ bản đã được kiểm soát. Vì vậy, việc chủ đầu tư trình dự kiến chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng công việc phát sinh với tỷ lệ 5% chi phí xây dựng, thiết bị, tư vấn, QLDA và chi phí khác là phù hợp theo quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ($\leq 10\%$). Tuy nhiên, chi phí dự phòng khối lượng theo hồ sơ trình có cộng thêm khoản dự trù kinh phí để thực hiện đầu tư hoàn thiện nút giao QL26 khoảng 75,1 tỷ đồng (tỷ lệ dự phòng khối lượng tương ứng là 6,8%) là không có cơ sở. Để đảm bảo thống nhất chung

giữa 03 dự án thành phần, đề nghị Chủ đầu tư chuyển phần kinh phí dự trữ đầu tư hoàn thiện nút giao QL26 lên mục chi phí xây dựng cho phù hợp về cơ cấu TMDT (chưa xác định các khoản mục chi phí tư vấn, QLDA, chi phí khác,... tăng theo tỷ lệ chi phí xây dựng đối với hạng mục này). Đồng thời, cần ghi chú rõ chi phí đầu tư hoàn thiện nút giao QL26 chỉ là khoản dự trữ kinh phí và sẽ xem xét, đầu tư khi đủ các điều kiện về cơ sở pháp lý theo quy định.

- Đối với dự phòng trượt giá: : Hồ sơ trình tính toán chi phí dự phòng do yếu tố trượt giá theo phương pháp xác định theo Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

7.4.8. Về cân đối TMDT của các dự án thành phần:

- Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 58/2022/QH15 với sơ bộ TMDT là 21.935 tỷ đồng và được chia thành 03 dự án thành phần. Trong đó, mỗi dự án thành phần được xác định sơ bộ TMDT; phạm vi, TMDT của từng Dự án thành phần sẽ được xác định chính xác trong bước BCNCKT. Tại Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 25/7/2022 của Chính phủ và Quy chế phối hợp số 01/QC-BGTVT-UBND KH-UBND DL ngày 18/8/2022 giữa Bộ GTVT, UBND các tỉnh Khánh Hòa, Đắk Lắk, Bộ GTVT có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh Khánh Hòa và Đắk Lắk rà soát tổng mức đầu tư các dự án thành phần trong bước báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định của pháp luật, bảo đảm chất lượng công trình, tiết kiệm, chống lãng phí.

- Trên cơ sở số liệu khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, khối lượng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, các chủ đầu tư đã chỉ đạo đơn vị tư vấn lập, trình Cục QLĐT XD thẩm định BCNCKT các dự án thành phần. Cục QLĐT XD đã chủ trì, phối hợp với các Chủ đầu tư và tư vấn thực hiện rà soát đồng thời 03 hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi các dự án thành phần về quy mô, giải pháp thiết kế, bố trí các hạng mục, phương pháp lập TMDT, cách xác định các khoản mục chi phí, giá vật liệu đến công trình, định mức dự toán, đơn giá nhân công, đơn giá ca máy và thiết bị thi công,... tuân thủ nội dung Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đã được Quốc hội phê duyệt, theo đúng hướng dẫn tại các Nghị định, Thông tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác, đảm bảo tính thống nhất và tính khả thi của cả 03 dự án thành phần.

- Đối với Dự án thành phần 1, sau khi rà soát, điều chỉnh các nội dung đảm bảo tính thống nhất chung giữa các dự án thành phần, Chủ đầu tư trình với giá trị TMDT là 5.333,307 tỷ đồng và không vượt sơ bộ TMDT của dự án thành phần đã được Quốc hội phê duyệt. Đồng thời, các Chủ đầu tư dự án thành phần 2 và thành phần 3 đã trình với giá trị TMDT của cả 03 dự án thành phần đảm bảo cân đối, điều hoà, điều chỉnh TMDT chung không vượt sơ bộ TMDT đã được phê duyệt; phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 18 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 và cơ cấu về nguồn vốn trong chủ trương đầu tư đã được Quốc hội phê duyệt. Trường hợp, Cơ quan chuyên môn thuộc Người quyết định đầu tư thẩm định TMDT của dự án thành phần vượt giá trị TMDT do Chủ đầu tư trình nêu trên, đề nghị Chủ đầu tư báo cáo Bộ GTVT để xem xét, thống nhất với UBND các tỉnh Khánh Hòa, Đắk Lắk đảm bảo TMDT của Dự án không vượt sơ bộ TMDT đã được Quốc hội phê duyệt theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

VI. KẾT LUẬN

Trên cơ sở hồ sơ BCNCKT kèm theo Tờ trình số 223/TTr-BĐH ngày 02/3/2023, Chủ đầu tư căn cứ theo các báo cáo thẩm tra của Tư vấn thẩm tra, kết quả thẩm định của



Cơ quan chuyên môn về xây dựng để hoàn thiện hồ sơ, thủ tục liên quan theo quy định; tổ chức thẩm định theo các nội dung thẩm định của Người quyết định đầu tư quy định tại Điều 12 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. Trong bước tiếp theo, căn cứ kết quả khảo sát chi tiết, chỉ đạo tư vấn chuẩn xác các số liệu tính toán và lựa chọn giải pháp thiết kế tối ưu: tính toán thủy văn, khả năng thoát lũ; giải pháp xử lý nền đường; chiều dày các lớp kết cấu áo đường; giải pháp móng; mô trụ cầu, tường chắn, hầm chui; giải pháp kết cấu, sơ đồ nhịp... đảm bảo kinh tế - kỹ thuật, ổn định và bền vững công trình.

Trên cơ sở hồ sơ Báo cáo NCKT được duyệt, chủ đầu tư chỉ đạo rà soát, cập nhật, điều chỉnh phạm vi GPMB (nếu có) cho phù hợp và thông báo ngay cho các Chủ đầu tư tiểu dự án thành phần GPMB về các nội dung điều chỉnh để triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 89/NQ-CP.

Nội dung thẩm định nêu trên không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của các chủ thể tham gia trong công tác lập và quản lý chất lượng hồ sơ khảo sát, thiết kế cơ sở của dự án, đảm bảo giải pháp thiết kế phù hợp với điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn khu vực dự án đi qua và tính kinh tế - kỹ thuật, ổn định lâu dài công trình; đáp ứng đầy đủ mục tiêu của dự án, tiến trình xây dựng, phát huy hiệu quả đầu tư. Tổ chức và cá nhân tham gia công tác tư vấn lập, tư vấn thẩm tra Báo cáo NCKT dự án chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm thiết kế đã thực hiện theo quy định tại Điều 70 và khoản 6 Điều 71 (được sửa đổi tại khoản 21 Điều 1) Luật Xây dựng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, các Hợp đồng đã được ký kết và các quy định của pháp luật có liên quan.

Để đảm bảo tính khả thi của cả 03 dự án thành phần, đảm bảo TMĐT chung của cả 03 dự án không vượt sơ bộ TMĐT đã được phê duyệt; phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 18 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 và cơ cấu về nguồn vốn trong chủ trương đầu tư đã được Quốc hội phê duyệt, trong quá trình triển khai thực hiện các bước tiếp theo, trường hợp Cơ quan chuyên môn của Người quyết định đầu tư thẩm định với giá trị lớn hơn giá trị Chủ đầu tư trình tại Tờ trình số 223/TTr-BĐH ngày 02/3/2023, yêu cầu Chủ đầu tư báo cáo Bộ GTVT để xem xét, thống nhất với UBND các tỉnh Khánh Hòa, Đắk Lắk đảm bảo TMĐT của Dự án không vượt sơ bộ TMĐT đã được Quốc hội phê duyệt theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Trên đây là kết quả thẩm định Báo cáo NCKT Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 của Cục QLĐTXD. Đề nghị Chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định./.

(Thông báo thẩm định này thay thế Thông báo thẩm định số 99/CQLXD-QLXD3 ngày 16/01/2023 của Cục QLĐTXD).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Lê Anh Tuấn (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Danh Huy (để b/c);
- UBND tỉnh Khánh Hòa;
- Q. Cục trưởng (để b/c);
- Các đơn vị liên quan (Chủ đầu tư sao gửi);
- Lưu: VP, QLXD3, TT Kiosk.



Phùng Tiến Vinh

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa v/v Phê duyệt dự án đầu tư Dự án thành phần 1 thuộc Dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/05/2021; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công ngày 11/01/2022; Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017; Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 25/7/2022 của Chính phủ về việc triển khai Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 về hợp đồng trong hoạt động xây dựng; số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; số 120/2018/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số

điều của Luật Đầu tư công; số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 17/2022/QĐ-TTg ngày 28/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân cấp thực hiện các dự án, dự án thành phần đầu tư các đoạn tuyến đường bộ cao tốc theo hình thức đầu tư công thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 3743/QĐ-BTNMT ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Quyết định số 2183/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Quyết định số 3352/QĐ-UBND ngày 06/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Thông báo số 562-TB/TU ngày 16/01/2023 của Tỉnh ủy Khánh Hòa v/v kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn số 3821-CV/VPTU ngày 07/2/2023 của Văn phòng Tỉnh ủy Khánh Hòa v/v kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về dự án đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột và đồ án Quy hoạch chung Đô thị Cam Lâm;

Căn cứ Thông báo số 18/TB-UBND ngày 09/01/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa v/v Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Tấn Tuấn tại cuộc họp nghe báo cáo về Thiết kế cơ sở Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Văn bản số 474/CQLXD-QLXD3 ngày 08/3/2023 của Cục Quản lý đầu tư xây dựng v/v thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Văn bản số 698/SGTVT-QLCL&ATGT ngày 16/3/2023 của Sở Giao thông vận tải về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc Phê duyệt dự án đầu tư Dự án thành phần 1 thuộc Dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Thông báo số 122/TB-UBND ngày 24/3/2023 về Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Tấn Tuấn tại cuộc họp nghe báo cáo việc xem xét một số nội dung trong Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của UBND tỉnh;

Căn cứ Văn bản số 865/SGTVT-QLCL&ATGT ngày 30/3/2023 của Sở Giao thông vận tải về việc thông báo điều chỉnh kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 872/TTr-SGTVT ngày 30 tháng 3 năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Điều chỉnh một số khoản của Điều 1 và một số khoản của Điều 2 Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa

1. Điều chỉnh một số khoản của Điều 1

a) Điều chỉnh khoản 11 như sau:

“11. Nguồn vốn đầu tư:

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương: 5.029,957 tỷ đồng.

- Nguồn vốn ngân sách địa phương: 303,350 tỷ đồng (đảm bảo đạt 50% chi phí bồi thường, hỗ trợ GPMB).”

b) Điều chỉnh khoản 13 như sau:

“13. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

- Giải phóng mặt bằng cho quy mô 04 làn xe theo Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa-Buôn Ma Thuột giai đoạn 1.

- Phạm vi được xác định theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 và Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 ngày 9 ngày 2013 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Tổng diện tích thu hồi đất khoảng 229,26ha.

- Chi phí giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (gồm dự phòng): 606,699 tỷ đồng.

- Tổ chức thực hiện: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tuân thủ theo các quy định hiện hành.”

2. Điều chỉnh một số khoản của Điều 2

a) Điều chỉnh khoản 1 như sau:

"1. Ban QLDA Đầu tư xây dựng các Công trình Giao thông:

- Chịu trách nhiệm triển khai thực hiện dự án theo đúng Điều 1 của Quyết định này, tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước về Quản lý đầu tư và xây dựng, các quy định pháp luật có liên quan, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa trọng phạm vi các quyền và nghĩa vụ theo quy định

- Tổ chức ký hợp đồng với Trung tâm Phát triển Quỹ đất thị xã Ninh Hòa để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư. Tổ chức lập và thực hiện dự án các khu tái định đảm bảo đủ quỹ đất tái định cư cho các trường hợp phải tái định cư của dự án thành phần 1 thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1.

- Trên cơ sở hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi được duyệt, Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa khẩn trương tổ chức rà soát, cập nhật hồ sơ thiết kế cấp cơ sở giải phóng mặt bằng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 25/7/2022 của Chính phủ và hoàn thiện các thủ tục liên quan, bàn giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Ninh Hòa và các địa phương để triển khai thực hiện Dự án đảm bảo tiến độ yêu cầu.

- Về việc đầu tư hoàn chỉnh nút giao với Quốc lộ 26: Trong quá trình triển khai dự án, chủ trì phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các đơn vị liên quan đề xuất, tham mưu UBND tỉnh hoàn thiện các thủ tục pháp lý để đầu tư nút giao QL.26 liên thông hoàn chỉnh trước năm 2026.

- Về việc đầu tư Cầu Đỏ - Ninh Sim trên đường gom tương ứng với lý trình Km17+235 trên tuyến chính: Nghiên cứu, rà soát các giải pháp thiết kế, dự toán trong các bước thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và các thủ tục pháp lý liên quan để triển khai thực hiện đầu tư xây dựng cầu Đỏ Ninh Sim làm cơ sở xây dựng hoàn thiện tuyến đường gom liên xã thôn Tân Lập, đảm bảo kết nối giao thông phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân trong khu vực theo kết luận số 3821-CV/VPTU ngày 07/02/2023 của Ban Thường vụ tỉnh Khánh Hòa.

- Ban QLDA Đầu tư xây dựng các Công trình Giao thông tỉnh và các đơn vị tư vấn hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về pháp lý, tính chính xác của số liệu khảo sát, tính toán thiết kế trong hồ sơ BCNCKT dự án và các nội dung trình thẩm định, phê duyệt dự án.

- Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo Quyết định số 3743/QĐ-BTNMT ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1.

- Chủ động phối hợp với các chủ đầu tư dự án có liên quan (Ban QLDA 7, Ban QLDA 6) để thống nhất về giải pháp thiết kế đồng bộ, đảm bảo tiến độ chung, tính tổng thể và thống nhất của toàn dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột.

- Chủ động phối hợp Ban QLDA 6 để hoàn thiện các thủ tục liên quan đến việc thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án đảm bảo tuân thủ quy định.

- Kiện toàn tổ chức và nhân sự, đảm bảo đủ năng lực điều hành, quản lý dự án, chịu trách nhiệm thực hiện dự án đáp ứng yêu cầu tiến độ, chất lượng theo yêu cầu Nghị quyết số 58/2022/QH15 của Quốc Hội, Nghị quyết số 89/NQ-CP của Chính Phủ và chỉ đạo của UBND tỉnh tại Quyết định kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức số 499/QĐ-UBND ngày 07/3/2023.

- Trong bước lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, yêu cầu Ban QLDA ĐTXD các Công trình Giao thông tỉnh lưu ý:

+ Tổ chức thực hiện khảo sát xây dựng (địa chất, địa hình, thủy văn,...) theo đúng quy định để phục vụ triển khai thiết kế chi tiết, đảm bảo giải pháp thiết kế hợp lý nhất, tiết kiệm, tránh lãng phí và đảm bảo hiệu quả đầu tư và tiến độ yêu cầu. Trong đó, lưu ý tổ chức đào thăm dò, khảo sát chi tiết hiện trạng các công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu vực dự án, từ đó có giải pháp đảm bảo an toàn cho các công trình hạ tầng kỹ thuật trong giai đoạn thi công và trong giai đoạn khai thác, sử dụng; đảm bảo thi công đồng bộ với các hạng mục của Dự án.

+ Tiếp tục rà soát, chuẩn xác các tính toán, làm cơ sở lựa chọn phương án thiết kế kết cấu an toàn về mặt kỹ thuật, tiết kiệm, hiệu quả về mặt kinh tế; kết nối đồng bộ với các công trình, dự án có liên quan; xây dựng các phương án tổ chức thi công, đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động, bảo vệ môi trường; tư vấn thẩm tra cần có bảng tính kiểm toán độc lập, làm cơ sở đánh giá tính chính xác của các kết quả thiết kế. Kết cấu các hạng mục công trình, các giải pháp kỹ thuật được phép thay đổi ở các bước thiết kế sau theo hướng nâng cao chất lượng công trình và hiệu quả của dự án và phải thực hiện đầy đủ các thủ tục theo đúng quy định.

+ Tiếp tục phối hợp, làm việc với UBND thị xã Ninh Hòa để rà soát, thỏa thuận bổ sung các vị trí hầm chui, đường gom (nếu có) để đảm bảo việc kết nối đảm bảo điều kiện lưu thông thuận lợi của người dân khu vực.

+ Tiếp tục rà soát, cập nhật các tiêu chuẩn kỹ thuật trình duyệt điều chỉnh, bổ sung đảm bảo phù hợp với giải pháp thiết kế, công nghệ thi công và nghiệm thu đảm bảo sự hài hòa, đồng bộ trong toàn bộ các tiêu chuẩn được áp dụng cho dự án.

+ Về tổ chức giao thông khu vực dự án: tiếp tục nghiên cứu, đánh giá toàn diện, trong đó cập nhật tiến độ thực hiện các dự án liên quan trong khu vực để có phương án tổ chức giao thông phù hợp cho từng giai đoạn, đảm bảo thuận lợi, an toàn; trong đó, lưu ý nghiên cứu chi tiết giải pháp tổ chức giao thông tại khu vực nút giao đầu tuyến với Quốc lộ, nút giao với cao tốc Bắc – Nam và nút giao với Quốc lộ 26.

+ Tổ chức thẩm tra an toàn giao thông theo quy định.

+ Lập kế hoạch, tiến độ tổng thể, chi tiết để triển khai dự án, đảm bảo tuân

thủ khởi công dự án trước ngày 30/6/2023 và phù hợp với tiến độ triển khai hoàn thành toàn Dự án theo Nghị quyết số 58/2022/QH15 của Quốc Hội, Nghị quyết số 89/NQ-CP của Chính Phủ.

- Trong quá trình triển khai dự án, yêu cầu Ban QLDA ĐTXD các Công trình Giao thông tỉnh:

+ Có trách nhiệm thực hiện đầy đủ, chặt chẽ và đúng quy định các công tác giám sát, đánh giá đầu tư; thực hiện Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng; quản lý đầu tư xây dựng, quản lý đấu thầu, quản lý chất lượng công trình, tiến độ, chi phí đầu tư, không để thất thoát lãng phí. Nghiên cứu áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành dự án (trong đó, có mô hình quản lý thông tin công trình (BIM)).

+ Ngày 02/4/2021, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 348/QĐ-BXD công bố "Hướng dẫn chung áp dụng Mô hình thông tin công trình (BIM)". Bộ Xây dựng cũng đã dự thảo "Lộ trình áp dụng Mô hình thông tin công trình (BIM) trong hoạt động xây dựng" để trình Thủ tướng Chính phủ ban hành, trong đó dự kiến xác định "... từ năm 2023 áp dụng BIM bắt buộc đối với các công trình cấp I, cấp đặc biệt của dự án sử dụng vốn đầu tư công... bắt đầu thực hiện các công việc chuẩn bị dự án và tổ chức triển khai thực hiện dự án." và giao trách nhiệm tổ chức thực hiện đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Chủ đầu tư và các đơn vị trực thuộc có liên quan chuẩn bị các nguồn lực cần thiết. Do đó yêu cầu Ban QLDA ĐTXD các Công trình Giao thông tỉnh bổ sung ngay kế hoạch và chuẩn bị các nguồn lực cần thiết để kịp thời tổ chức thực hiện, không để bị động.

+ Các chi phí tính toán sơ bộ và chi phí khảo sát công trình, Ban QLDA ĐTXD các Công trình Giao thông tỉnh tiếp tục rà soát, tính toán để tính đúng, tính đủ đảm bảo hiệu quả tiết kiệm chi phí đầu tư."

b) Điều chỉnh khoản 6 như sau:

"6. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Ban QLDA ĐTXD các Công trình Giao thông tỉnh và các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí, giải pháp huy động nguồn vốn cho dự án.

- Chủ trì thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đảm bảo yêu cầu về tiến độ theo kế hoạch đề ra.

- Chịu trách nhiệm đối với các vấn đề liên quan đến chức năng quản lý nhà nước đối với dự án."

c) Điều chỉnh khoản 10 như sau:

"10. Ủy ban nhân dân thị xã Ninh Hòa:

- Tiếp tục tăng cường tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ dự án tuân thủ quy định và đảm bảo tiến độ yêu cầu.

- Chủ động rà soát các Đồ án quy hoạch có liên quan đến dự án trên địa bàn, cập nhật, điều chỉnh quy hoạch, nhằm bảo đảm đầy đủ cơ sở pháp lý và tiến độ thực

hiện dự án.

- *Chủ động phối hợp Ban QLDA ĐTXD các Công trình giao thông tỉnh và các đơn vị thực hiện công tác giải phóng mặt bằng phục vụ dự án thành phần 1 thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 tuân thủ quy định.*

Điều 2. Các nội dung còn lại của Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa vẫn còn hiệu lực thi hành.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Công Thương, Kho bạc nhà nước tỉnh Khánh Hòa; Chủ tịch UBND thị xã Ninh Hòa, Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong; Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Bộ: GTVT, KH&ĐT; TN&MT;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh “báo cáo”;
- Chủ tịch và các PTC UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các phòng: KT, TH-VP UBND tỉnh;
- Trung tâm công báo Khánh Hòa;
- Lưu: VT, KN, SV, HN, CN, TV.



Nguyễn Tấn Tuấn



QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho
Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc
Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014, Luật 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ v/v triển khai Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Căn cứ Quyết định số 17/2022/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ v/v phân cấp thực hiện các dự án, dự án thành phần đầu tư các đoạn tuyến đường bộ cao tốc theo hình thức đầu tư công thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 2183/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa v/v giao nhiệm vụ chủ đầu tư Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Xét đề nghị của Ban QLDA ĐTXD các Công trình Giao thông tỉnh tại Văn bản số 1045/DAGT-BĐH ngày 23 tháng 11 năm 2022 v/v danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho Dự án thành phần 1 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1;

Theo đề nghị Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 3274/SGTVT-QLCL&ATGT ngày 01 tháng 12 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1.1. Phê duyệt danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho Dự án thành phần 1 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 (có danh mục tiêu chuẩn kèm theo).

1.2. Khi áp dụng các tiêu chuẩn phải đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, không pha trộn tiêu chuẩn có cùng phạm vi áp dụng nhưng khác biệt về phương pháp và triết lý thiết kế cho cùng một công trình hoặc bộ phận kết cấu công trình. Trong quá trình áp dụng các tiêu chuẩn này, các cơ quan, đơn vị áp dụng xét thấy có điều khoản nào chưa phù hợp, có sự chồng chéo giữa các tiêu chuẩn thì đề nghị bằng văn bản qua Ban QLDA ĐTXD các Công trình Giao thông tỉnh và Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét giải quyết.

1.3. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu cần điều chỉnh, bổ sung danh mục các tiêu chuẩn áp dụng cho dự án, Ban QLDA ĐTXD các Công trình Giao thông tỉnh phối hợp Sở Giao thông vận tải tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 2. Ban QLDA ĐTXD các Công trình Giao thông tỉnh căn cứ vào danh mục tiêu chuẩn đã được phê duyệt trong quyết định này và các quy định có liên quan để yêu cầu các đơn vị áp dụng trong quá trình thực hiện dự án và yêu cầu đơn vị Tư vấn lập Chi dẫn kỹ thuật của dự án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở cho Chủ đầu tư, Các đơn vị Tư vấn, Nhà thầu thi công triển khai áp dụng trong quá trình thi công và nghiệm thu công trình.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi Trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND thị xã Ninh Hòa; Trưởng Ban

Quản lý Khu kinh tế Vân Phong; Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các Công trình giao thông tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GTVT;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh "báo cáo";
- Chủ tịch và các PTC UBND tỉnh;
- Ban QLDA 6;
- Lưu: VT, KN, SV, HN, CN, TV, MX

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Tuấn

Danh mục tiêu chuẩn áp dụng cho
Dự án thành phần 1 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc
Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1

(Kèm theo Quyết định số 3352/QĐ-UBND ngày 06/11/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

TT	Tên tiêu chuẩn, quy chuẩn	Mã tiêu chuẩn, quy chuẩn
I.	Tiêu chuẩn áp dụng cho công tác khảo sát	
1.	Khảo sát cho xây dựng - Nguyên tắc cơ bản	TCVN 4419:1987
2.	Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát	TCCS 31:2020/TCDBVN
3.	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung	TCVN 9398:2012
4.	Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình	TCVN 9401:2012
5.	Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần khối lượng khảo sát địa hình trong giai đoạn lập dự án và thiết kế	TCVN 8478 :2018
6.	Áo đường mềm - Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
7.	Áo đường mềm - Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo vòng Benkelman	TCVN 8867:2011
8.	Chỉ dẫn kỹ thuật công tác khảo sát địa chất công trình cho xây dựng vùng các-tơ	TCVN 9402:2012
9.	Công trình phòng chống đất sụt trên đường ô tô - Yêu cầu khảo sát và thiết kế	TCVN 13346:2021
10.	Quy trình khoan thăm dò địa chất công trình	TCVN 9437:2012
11.	Công trình đê điều - Khảo sát địa chất công trình	TCVN 10404 :2015
12.	Quy trình thí nghiệm xuyên tĩnh có đo áp lực nước lỗ rỗng (CPTu)	TCVN 9846:2013
13.	Quy trình đo áp lực nước lỗ rỗng trong đất	TCVN 8869:2011
14.	Đất xây dựng - Phân loại	TCVN 5747:1993
15.	Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm hiện trường thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012
16.	Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm xuyên tĩnh	TCVN 9352:2012
17.	Đất xây dựng - Phương pháp xác định mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nền phẳng	TCVN 9354:2012

18.	Đất xây dựng - Thí nghiệm cắt cánh hiện trường cho đất dính	TCVN 10184:2021
19.	Đất xây dựng - Lấy mẫu, bao gói, vận chuyển và bảo quản mẫu	TCVN 2683:2012
20.	Đất xây dựng - Phương pháp xác định các chỉ tiêu cơ lý	TCVN 4195:2012; TCVN 4197:2012; TCVN 4198:2014; TCVN 4199:1995; TCVN 4200:2012- TCVN 4202:2012
21.	Công trình thủy lợi - Phương pháp chính lý kết quả thí nghiệm mẫu đất	TCVN 9153:2012
22.	Đất, chất thải sinh học đã xử lý và bùn - Xác định pH	TCVN 5979:2021
23.	Thí nghiệm xác định sức kháng cắt không cố kết - Không thoát nước và cố kết - Thoát nước của đất dính trên thiết bị nén ba trục	TCVN 8868:2011
24.	Công trình xây dựng- Phân cấp đá trong thi công	TCVN 11676:2016
25.	Quy trình thí nghiệm xác định cường độ nén nở hông của đất dính	ASTM D2166
26.	Đá xây dựng - Phương pháp xác định độ bền nén trong phòng thí nghiệm	TCVN 10324:2014
27.	Đá vôi - Phương pháp phân tích hóa học	TCVN 9191:2012
28.	Các tiêu chuẩn thí nghiệm phân tích thành phần hóa học mẫu nước	TCVN 6656:2000 TCVN 6492:2011 TCVN 6179:1996 TCVN 6224:1996
29.	Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa chất trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế	TCVN 8477:2018
30.	Công trình đê điều - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình	TCVN 8481:2010
31.	Đất xây dựng công trình thủy lợi - Phương pháp xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời trong phòng thí nghiệm	TCVN 8724:2012
32.	Công trình thủy lợi - Yêu cầu kỹ thuật trong khảo sát địa chất	TCVN 9155:2021
33.	Công trình thủy lợi - Thí nghiệm mô hình vật lý sông	TCVN 12196:2018
34.	Công trình thủy lợi - Yêu cầu thiết kế đê sông	TCVN 9902:2016
35.	Công trình thủy lợi - Tải trọng và lực tác dụng lên công trình do sóng và tàu;	TCVN 8421:2010

II. Tiêu chuẩn áp dụng cho công tác thiết kế		
1.	Đường ô tô cao tốc - Yêu cầu thiết kế	TCVN 5729:2012
2.	Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế	TCVN 4054:2005
3.	Tiêu chuẩn khảo sát thiết kế nền đường ô tô đắp trên đất yếu	TCCS 41:2022/TCDBVN
4.	Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 39:2022/TCDBVN
5.	Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS 38:2022/TCDBVN
6.	Áo đường mềm - Yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế theo chỉ số kết cấu (SN)	TCCS 37:2022/TCDBVN
7.	Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế	TCVN 10380:2014
8.	Đường ô tô cao tốc- thiết kế và tổ chức giao thông trong giai đoạn phân kỳ đầu tư xây dựng	TCCS 42:2022/TCDBVN
9.	Phân cấp kỹ thuật đường thủy nội địa	TCVN 5664:2009
10.	Móng cọc - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 10304:2014
11.	Tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ	TCVN 9845:2013
12.	Thoát nước - mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 7957:2008
13.	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Yêu cầu chung về thiết kế độ bền lâu và tuổi thọ trong môi trường xâm thực	TCVN 12041:2017
14.	Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép	TCVN 5574:2018
15.	Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ	TCVN 11823:2017
16.	Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 2737:1995
17.	Thiết kế công trình chịu động đất	TCVN 9386:2012
III. Tiêu chuẩn áp dụng cho công tác thi công và nghiệm thu		
1.	Quy trình lập thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế tổ chức thi công	TCVN 4252:2012
2.	Thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 40:2022/TCDBVN
3.	Tổ chức thi công	TCVN 4055:2012
4.	Phân loại đất và hỗn hợp cấp phối đất cho mục đích xây dựng đường ô tô	AASHTO-M145
5.	Tường chắn rọ đá trọng lực - Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu	TCCS 13:2016/T CDBVN

6.	Rọ đá, thảm đá và các sản phẩm mắt lưới lọc giức xoắn phục vụ xây dựng công trình giao thông đường thủy - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 10335:2014
7.	Hỗn hợp cấp phối đá chặt gia cố nhựa nóng sử dụng trong kết cấu áo đường - Yêu cầu thi công và nghiệm thu	TCCS 26:2019/TCĐBVN
8.	Nhựa đường Polime - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 11193:2021
9.	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép. Yêu cầu bảo vệ chống ăn mòn trong môi trường biển	TCVN 9346:2012
10.	Cọc bê tông ly tâm ứng lực trước	TCVN 7888:2014
11.	Cọc khoan nhồi - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9395:2012
12.	Đóng và ép cọc - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9394:2012
13.	Cọc - Phương pháp thử nghiệm tại hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
14.	Cọc khoan nhồi. Xác định độ đồng nhất của bê tông. Phương pháp xung siêu âm.	TCVN 9396:2012
15.	Cọc - Thử nghiệm kiểm tra khuyết tật bằng phương pháp động biến dạng nhỏ	TCVN 9397:2012
16.	Cọc - Phương pháp thử động biến dạng lớn	TCVN 11321:2016
17.	Thi công và nghiệm thu neo đất dùng trong công trình giao thông vận tải	TCVN 8870:2011
18.	Khe co giãn chèn Asphalt - Yêu cầu kỹ thuật và thi công	TCCS 25:2019/TCĐBVN
19.	Khe co giãn răng lược - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử.	TCVN 13067:2020
20.	Gối cầu cao su cốt bản thép không có tấm trượt trong cầu đường bộ - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 10308:2014
21.	Gối cầu kiểu chậu - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 10268:2014
22.	Gối cầu kiểu chậu - Phương pháp thử	TCVN 10269:2014
23.	Thi công cầu đường bộ	TCVN 12885:2020
24.	Bê tông cường độ cao - Thiết kế thành phần mẫu hình trụ	TCVN 10306:2014
25.	Sản phẩm bê tông cốt thép ứng lực trước - Yêu cầu kỹ thuật và kiểm tra chấp nhận	TCVN 9114:2019
26.	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9115:2019
27.	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4453:1995
28.	Kết cấu BT&BTCT - Hướng dẫn kỹ thuật phòng chống nứt dưới tác động của khí hậu nóng ẩm	TCVN 9345:2012

29.	Kết cấu BT&BTCT. Hướng dẫn công tác bảo trì	TCVN 9343:2012
30.	Bê tông, yêu cầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên	TCVN 8828:2011
31.	Vật liệu kim loại - Thử kéo - phần 1: phương pháp thử ở nhiệt độ phòng	TCVN 197-1:2014
32.	Thép cốt bê tông	TCVN 1651-1-2:2018
33.	Nước cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4506:2012
34.	Bê tông khối lớn - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9341:2012
35.	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép. Điều kiện kỹ thuật tối thiểu để thi công và nghiệm thu	TCVN 5724:1993
36.	An toàn thi công cầu	TCVN 8774:2012
37.	Kết cấu bê tông cốt thép - Đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu chịu uốn trên công trình bằng phương pháp thí nghiệm chất tải tĩnh	TCVN 9344:2012
38.	Cấu kiện bê tông và bê tông cốt thép đúc sẵn - Phương pháp thí nghiệm gia tải để đánh giá độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt	TCVN 9347:2012
39.	Bộ neo cáp cường độ cao - Neo tròn T13, T15 và neo dẹt D13, D15	TCVN 10568:2017
40.	Cao su lưu hóa hoặc nhiệt dẻo - Xác định độ cứng ấn lồi - Phần 1; Phương pháp sử dụng thiết kế đo độ cứng (độ cứng Shore)	TCVN 1595-1:2013
41.	Xi măng - Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 4031:1985
42.	Công tác hoàn thiện trong xây dựng - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9377:2012
43.	Xi măng - Phương pháp phân tích hoá học	TCVN 141:2008
44.	Xi măng - Phương pháp xác định thời gian đông kết và độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
45.	Xi măng Poocăng	TCVN 2682:2020
46.	Xi măng Poocăng hỗn hợp	TCVN 6260:2020
47.	Xi măng - Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 4787:2009
48.	Xi măng - Phương pháp xác định độ mịn	TCVN 4030:2003
49.	Xi măng - Phương pháp xác định nhiệt thủy hoá	TCVN 6070:2005
50.	Xi măng - Yêu cầu chung về phương pháp thử cơ lý	TCVN 4029:1985
51.	Xi măng - Phương pháp xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 4032:1985

52.	Xi măng - Phương pháp thử - Xác định cường độ	TCVN 6016:2011
53.	Cát tiêu chuẩn ISO để xác định cường độ của xi măng	TCVN 6227:1996
54.	Xi măng pooc lăng hỗn hợp - Phương pháp xác định hàm lượng phụ gia khoáng	TCVN 9203:2012
55.	Xi măng xây trát	TCVN 9202:2012
56.	Xi măng pooc lăng bền sun phat	TCVN 6067:2018
57.	Bê tông nặng - Các phương pháp xác định chỉ tiêu cơ lý	TCVN 3105:1993 - TCVN 3120:1993
58.	Bê tông nặng - Phương pháp xác định cường độ lăng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:1993
59.	Bê tông nặng - Phương pháp xác định cường độ nén bằng súng bột nảy	TCVN 9334:2012
60.	Bê tông nặng - Phương pháp thử không phá hủy - đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm	TCVN 9335:2012
61.	Bê tông nặng - Phương pháp xác định hàm lượng sun phat	TCVN 9336:2012
62.	Bê tông nặng. Xác định độ thấm ion clo bằng phương pháp đo điện lượng	TCVN 9337:2012
63.	Hỗn hợp bê tông nặng - Phương pháp xác định thời gian đông kết	TCVN 9338:2012
64.	Bê tông và vữa xây dựng - Phương pháp xác định pH bằng máy đo pH	TCVN 9339:2012
65.	Hỗn hợp bê tông trộn sẵn - Yêu cầu cơ bản đánh giá chất lượng, nghiệm thu	TCVN 9340:2012
66.	Bê tông cốt thép. Kiểm tra khả năng cốt thép bị ăn mòn. Phương pháp điện thế	TCVN 9348:2012
67.	Chỉ dẫn kỹ thuật chọn thành phần bê tông sử dụng cát nghiền	TCVN 9382:2012
68.	Phụ gia hoá học cho bê tông	TCVN 8826:2011
69.	Phụ gia cuốn khí cho bê tông	TCVN 12300:2018
70.	Phụ gia hóa học cho bê tông chảy	TCVN 12301:2018
71.	Vữa xây dựng - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4314:2003
72.	Vữa xây dựng - Phương pháp thử	TCVN 3121:2003
73.	Cát nghiền cho bê tông và vữa	TCVN 9205:2012
74.	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử	TCVN 7572-1-20:2006
75.	Gia cố đất nền yếu - Phương pháp trụ đất xi măng	TCVN 9403:2012

76.	Xử lý nền đất yếu bằng phương pháp cố kết hút chân không có màng kín khí trong xây dựng các công trình giao thông. Thi công và nghiệm thu	TCVN 9842:2013
77.	Công trình thủy lợi - Cọc xi măng đất thi công theo phương pháp Jet grouting - Yêu cầu thiết kế thi công, nghiệm thu cho xử lý nền đất yếu	TCVN 9906:2013
78.	Gia cố nền đất yếu bằng giếng cát - Thi công và nghiệm thu	TCVN 11713:2017
79.	Gia cố nền đất yếu bằng bác thấm - Thiết kế, thi công và nghiệm thu	TCVN 9355:2013
80.	Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu vải địa kỹ thuật trong xây dựng nền đắp trên đất yếu	TCVN 9844:2013
81.	Vải địa kỹ thuật - Phương pháp thử	TCVN 8871-1-6:2011
82.	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu -phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường	TCVN 13567-1:2022
83.	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu -phần 2: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường polyme	TCVN 13567-2:2022
84.	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu -phần 2: Hỗn hợp nhựa bán lỏng	TCVN 13567-3:2022
85.	Tiêu chuẩn thí nghiệm xác định cho độ ổn định và độ dẻo Marshall của hỗn hợp bê tông nhựa	ASTM D6927-15
86.	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng-Thiết kế theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011
87.	Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011
88.	Mặt đường láng nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu	TCVN 8863:2011
89.	Mặt đường ô tô - Xác định bằng phẳng bằng thước dài 3,0 mét	TCVN 8864:2011
90.	Mặt đường ô tô - Phương pháp đo và đánh giá xác định bằng phẳng theo chỉ số độ gồ ghề quốc tế IRI	TCVN 8865:2011
91.	Mặt đường ô tô - Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát - Thử nghiệm	TCVN 8866:2011
92.	Lớp mặt đường bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường có thêm phụ gia SBS theo phương pháp trộn khô tại trạm trộn - Thi công nghiệm thu	TCCS 43:2022/TCDBVN
93.	Mặt đường đá dăm thấm nhập nhựa nóng thi công và nghiệm thu	TCVN 8809:2011
94.	Nhũ tương nhựa đường polime gốc axit	TCVN 8816:2011
95.	Nhũ tương nhựa đường axit - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 8817-1-15 :2011
96.	Mặt đường láng nhũ tương nhựa đường axit. Thi công và nghiệm thu.	TCVN 9505:2012

97.	Bột khoáng dùng cho hỗn hợp đá trộn nhựa - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 12884-1-2:2020
98.	Bê tông nhựa - Phương pháp thử	TCVN 8860-1-12:2011
99.	Bitum - yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thí nghiệm	TCVN 7493:2005 - TCVN 7504:2005
100.	Nhựa đường lỏng - Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử (phần 1-5)	TCVN 8818-1:2011 - TCVN 8818-5:2011
101.	phương pháp thử độ sâu hằn bánh xe của bê tông nhựa xác định bằng thiết bị Hamburg Wheel-Track	AASHTO T324
102.	Tiêu chuẩn về tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ khi thi công trên đường bộ đang khai thác	TCCS 14:2016/T CDBVN
103.	Tiêu chuẩn thiết kế điều khiển giao thông đường bộ bằng đèn tín hiệu	TCCS 24:2018/TCDBVN
104.	Lưới thép xoắn kép có hoặc không gia cường cáp thép dùng để gia cố ổn định bề mặt mái dốc, chống đá đổ, đá rơi - Yêu cầu kỹ thuật, thi công và nghiệm thu	TCCS 35:2021/TCDBVN
105.	Lớp phủ kèm nhúng nóng trên bề mặt sản phẩm gang và thép. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 5408:2007
106.	Gờ giảm tốc, gờ giảm tốc trên đường bộ - Yêu cầu thiết kế	TCCS 34:2020/TCDBVN
107.	Vật liệu kẻ đường phản quang - Màu sắc - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 10832:2015
108.	Sơn tín hiệu giao thông - Phương pháp đo hệ số phát sáng dưới ánh sáng khuếch tán bằng phản xạ kế cầm tay	TCVN 9274:2012
109.	Âm học-Mô tả, đo và đánh giá tiếng ồn môi trường-Phần 2: Xác định mức tiếng ồn môi trường.	TCVN 7878-2:2018
110.	Sơn tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo - Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu	TCVN 8791:2011
111.	Sơn tín hiệu giao thông - Sơn vạch đường hệ nước - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 8786:2011
112.	Sơn tín hiệu giao thông - Sơn vạch đường hệ dung môi - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 8787:2011
113.	Sơn tín hiệu giao thông - Sơn vạch đường hệ dung môi và hệ nước - Quy trình thi công và nghiệm thu	TCVN 8788:2011
114.	Màn phản quang dùng cho biển báo hiệu đường bộ	TCVN 7887:2018
115.	Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Đinh phản quang - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 12584:2019
116.	Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Thiết bị dẫn hướng và tấm phản quang - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 12585:2019
117.	Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Tấm chống chói - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 12586:2019

118.	Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Dải phân cách và lan can phòng hộ - Kích thước và hình dạng	TCVN 12681:2019
119.	Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Đèn cảnh báo an toàn	TCVN 12680:2019
120.	Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Trụ dèo phân làn - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 12587:2019
121.	Hạng mục công trình an toàn phòng hộ trên đường cao tốc - Yêu cầu thiết kế và thi công	TCCS 20:2018/TCDBVN
122.	Tường chống ồn đường ô tô - Yêu cầu thiết kế	TCCS 45:2022/TCDBVN
123.	Cống hộp bê tông cốt thép	TCVN 9116:2012
124.	Ổng bê tông cốt thép thoát nước	TCVN 9113:2012
125.	Nền đường đắp đá - Thiết kế, thi công và nghiệm thu	TCCS 29:2020/TCDBVN
126.	Đất, đá dăm dùng trong công trình giao thông - Đám nén Proctor	TCVN 12790:2020
127.	Vật liệu nền, móng mặt đường - Phương pháp xác định tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020
128.	Xác định độ chặt của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao dai	TCVN 12791:2020
129.	Lớp kết cấu áo đường ô tô bằng cấp phối thiên nhiên - Vật liệu, thi công và nghiệm thu	TCVN 8857:2011
130.	Công tác đất - Thi công và nghiệm thu	TCVN 4447:2012
131.	Thí nghiệm xác định độ chặt nền, móng đường bằng phễu rót cát	AASHTO T191
132.	Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9436:2012
133.	Quy trình thí nghiệm xác định cường độ kéo khi ép chế của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính.	TCVN 8862:2011
134.	Móng cấp phối đá dăm và cấp phối thiên nhiên gia cố xi măng trong kết cấu áo đường ô tô - Thi công và nghiệm thu	TCVN 8858:2011
135.	Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu	TCVN 8859:2011
136.	Xác định mô đun đàn hồi của vật liệu đá gia cố chất kết dính vô cơ trong phòng thí nghiệm	TCVN 9843:2013
137.	Thép tấm móng cán nóng chất lượng kết cấu	TCVN 6522:2018
138.	Kết cấu cầu thép - Yêu cầu kỹ thuật chung về chế tạo, lắp ráp và nghiệm thu	TCVN 10307:2014
139.	Thép các bon cán nóng dùng làm kết cấu trong xây dựng - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 5709:2009
140.	Thép tấm kết cấu cán nóng có giới hạn chảy cao	TCVN 6523:2006
141.	Vật liệu kim loại - Thử uốn	TCVN 198:2008

142.	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại - Thử uốn	TCVN 5401:2010
143.	Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại. Thử va đập. Vị trí mẫu thử, hướng rãnh khía và kiểm tra	TCVN 5402:2010
144.	Thép cốt bê tông - Hàn hồ quang	TCVN 9392:2012
145.	Thép cốt bê tông - Mối nối bằng đập ép ống - Thiết kế thi công và nghiệm thu	TCVN 9390:2012
146.	Lưới thép hàn dùng trong kết cấu bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế, thi công lắp đặt và nghiệm thu	TCVN 9391:2012
147.	Kết cấu bê tông cốt thép - Phương pháp điện từ xác định chiều dày bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012
148.	Sơn - Phương pháp không phá hủy xác định chiều dày màng sơn khô	TCVN 9406:2012
149.	Sơn tường - Sơn nhũ tương - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 6934:2001
150.	Sơn và lớp phủ bảo vệ kim loại - Phương pháp thử trong điều kiện tự nhiên	TCVN 8785:2011
151.	Sơn bảo vệ kết cấu thép - Thi công và nghiệm thu	TCVN 8790:2011
IV.	Tiêu chuẩn thiết kế trung tâm quản lý điều hành, trung tâm dịch vụ, nhà hạt quản lý, trạm thu phí và các công trình phụ trợ	
1.	Quy hoạch cây xanh sử dụng công cộng trong các đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 9257:2012
2.	Chống sét cho công trình xây dựng - Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra, bảo trì hệ thống	TCVN 9385:2012
3.	Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5573:2011
4.	Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5575:2012
5.	Kết cấu xây dựng và nền - Nguyên tắc cơ bản về tính toán	TCVN 9379:2012
6.	Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng - Cấp nước và thoát nước - Mạng lưới bên ngoài - Bản vẽ thi công	TCVN 3989:2012
7.	Nhà ở - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế	TCVN 4451:2012
8.	Công sở cơ quan hành chính nhà nước - Yêu cầu thiết kế	TCVN 4601:2012
9.	Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình	TCVN 9362:2012
10.	Hệ thống chữa cháy - Yêu cầu chung về thiết kế, lắp đặt và sử dụng	TCVN 5760:1993
11.	Công nghệ thông tin - Nhận dạng tần số vô tuyến cho quản lý đối tượng - Phần 63: Thông số cho giao tiếp không dây tần số 860 Mhz - 960 Mhz, loại C	ISO IEC 18000-63:2017

V.	Tiêu chuẩn áp dụng cho Hệ thống giao thông thông minh (ITS)	
V.1	Tiêu chuẩn áp dụng cho Hệ thống giao thông thông minh (ITS):	
1.	Hệ thống giao thông thông minh - Kiến trúc mô hình tham chiếu cho hệ thống giao thông thông minh (ITS) - Phần 1: Các miền dịch vụ, nhóm dịch vụ và dịch vụ ITS	TCVN 12836-1:2020
2.	Hệ thống Giao thông thông minh- Kiến trúc mô hình tham chiếu cho Hệ thống giao thông thông minh - Phần 5: Yêu cầu mô tả kiến trúc theo tiêu chuẩn ITS	ISO 14813-5:2020
3.	Hệ thống giao thông thông minh - Kiến trúc mô hình cho ITS - Phần 6: Biểu diễn dữ liệu trong ASN.1	ISO 14813-6:2017
V.2	Tiêu chuẩn hệ thống quản lý giao thông	
1.	Hệ thống thu phí điện tử	TCVN 10849:2015
2.	Hệ thống giám sát, điều hành giao thông trên đường cao tốc	TCVN 10850:2015
3.	Trung tâm quản lý điều hành giao thông đường cao tốc	TCVN 10851:2015
4.	Tiêu chuẩn quốc gia về Biển báo giao thông điện tử trên đường cao tốc.	TCVN 10852:2015
5.	Hệ thống thông tin liên lạc trên đường cao tốc	TCVN 12191:2018
6.	Hệ thống thông điệp dữ liệu giao thông trên đường cao tốc	TCVN 12192:2018
7.	Công nghệ thu phí đường bộ theo hình thức điện tử không dừng sử dụng công nghệ RFID - Yêu cầu chung	TCCS 44:2022/TCDBVN
V.3	Tiêu chuẩn trao đổi dữ liệu giữa các hệ thống	
1.	Tiêu chuẩn quốc gia về Trung tâm dữ liệu - Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật viễn thông.	TCVN 9250:2021
2.	Công nghệ thông tin - Các kỹ thuật an toàn - Các tiêu chí đánh giá an toàn CNTT	TCVN 8709-1:2011 TCVN 8709-2:2011 TCVN 8709-3:2011
3.	Hệ thống điều khiển và thông tin giao thông - Giao diện dữ liệu giữa các trung tâm và hệ thống kiểm soát và thông tin giao thông - Phần 1: Các yêu cầu định nghĩa thông báo	ISO 14827-1:2005
4.	Hệ thống điều khiển và thông tin giao thông - Giao diện dữ liệu giữa các trung tâm và hệ thống kiểm soát và thông tin giao thông- Phần 2: DATEX-ASN	ISO 14827-2:2005
5.	Giao diện dữ liệu giữa các Trung tâm điều hành và giám sát giao thông trong hệ thống giao thông thông minh đường cao tốc - Phần 3: Giao diện dữ liệu giữa các trung tâm của hệ thống giao thông thông minh sử	ISO 14827-3:2019

	dụng XML	
6.	Hệ thống giao thông thông minh (ITS) - Trao đổi dữ liệu bằng các kết nối mô-đun bên đường - Phần 1: Nguyên tắc chung và các khung tải liệu cho các mẫu ứng dụng.	ISO 15784-1:2008
7.	Hệ thống giao thông thông minh (ITS) - Trao đổi dữ liệu bằng các kết nối mô-đun bên đường - Phần 2: Mẫu ứng dụng - SNMP.	ISO 15784-2:2015
8.	Hệ thống giao thông thông minh (ITS) - Trao đổi dữ liệu bằng các kết nối mô-đun bên đường - Phần 3: Trao đổi thông tin mẫu ứng dụng (AP- DATEX).	ISO 15784-3:2008
9.	Hệ thống giao thông thông minh - Từ điển dữ liệu trung tâm ITS - Phần 1, 2, 3	ISO 14817-1:2015 ISO 14817-2:2015 ISO 14817-3:2017
10.	Hệ thống giao thông thông minh - Mô-đun bên đường Giao diện dữ liệu SNMP - Phần 1: Tổng quan	ISO 20684-1: 2021
11.	Hệ thống giao thông thông minh - Mô-đun bên đường Giao diện dữ liệu SNMP - Phần 2: Quản lý cơ bản thiết bị hiện trường	ISO 20684-2:2021
12.	Mã hóa đối tượng hình ảnh, âm thanh - Phần 1: Các hệ thống	TCVN 11795-1:2020
V.4	Tiêu chuẩn cho hệ thống thông tin liên lạc	
1.	Công trình viễn thông - Quy tắc thực hành chống sét và tiếp đất	TCVN 8071:2009
2.	Sợi quang dùng cho mạng viễn thông - Yêu cầu kỹ thuật chung	TCVN 8665:2011
3.	Thiết bị nguồn -48 VDC dùng cho thiết bị viễn thông - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 8687:2011
4.	Cổng, bẻ, hãm, hổ, rãnh kỹ thuật và tủ đấu cáp viễn thông. Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 8700:2011
5.	Mạng viễn thông - Cáp sợi đồng thông tin CAT.5, CAT.5E - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 8698:2011
6.	Mạng viễn thông - ống nhựa dùng cho tuyến cáp ngầm - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 8699:2011
7.	Mạng viễn thông - Cáp thông tin kim loại dùng trong mạng điện thoại nội hạt	TCVN 8238:2009
8.	Quản lý an toàn trong bức xạ tần số Radio	TCVN 3718-1:2005
9.	Dịch vụ điện thoại VoIP- Các yêu cầu	TCVN 8068:2009
10.	Thiết bị cổng thoại IP dùng cho mạng điện thoại công cộng (IP Gateway) - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 8078:2009
11.	Thiết bị và hệ thống điều khiển từ xa. Part 5- 101/104; Giao thức truyền dẫn	IEC 60870-5-101/104
12.	Thiết bị và hệ thống điều khiển từ xa. Phần 5-103: Giao thức truyền dẫn - Tiêu chuẩn đồng hành cho giao diện	IEC 60870-5-103

	thông tin của thiết bị bảo vệ	
13.	Thiết bị và hệ thống điều khiển từ xa. Phần 6-503: Các giao thức điều khiển từ xa tương thích với tiêu chuẩn ISO và các khuyến nghị của ITU-T	IEC 60870-6-503
14.	Mạng lưới và hệ thống thông tin liên lạc trong các trạm biến áp	IEC 61850
V.5	Tiêu chuẩn điện và cơ khí (E&M)	
1.	Hệ thống điện không gián đoạn (UPS) - Phần 1: Yêu cầu chung và yêu cầu an toàn đối với (UPS)	TCVN 9631-1:2013 (IEC 62040-1:2008)
2.	Hệ thống điện không gián đoạn (UPS) - Phần 2: Yêu cầu về tương thích điện từ (EMC)	TCVN 9631-2:2013 (IEC 62040-2:2005)
3.	Hệ thống điện không gián đoạn (UPS) - Phần 3: Phương pháp xác định các yêu cầu tính năng và thử nghiệm	TCVN 9631-3:2013 (IEC 62040-3:2011)
4.	Tương thích điện từ (EMC) - Thiết bị mạng viễn thông - Yêu cầu về tương thích điện từ	TCVN 8235:2009
5.	Tương thích điện từ - Yêu cầu đối với thiết bị điện gia dụng, dụng cụ điện và các thiết bị tương tự - Phần 1: Phát xạ	TCVN 7492-1:2018
6.	Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 9207:2012
7.	Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 9206:2012
8.	Lắp đặt cáp và dây dẫn cho các công trình công nghiệp	TCVN 9208:2012
9.	Hệ thống lắp đặt điện hạ áp	TCVN 7447
10.	Lắp đặt hệ thống nối đất thiết bị cho các công trình công nghiệp - Yêu cầu chung	TCVN 9358:2012
11.	Thông gió - Điều hòa không khí - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5687:2010
12.	Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình. Yêu cầu thiết kế	TCVN 2622:1995
13.	Hệ thống báo cháy - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 5738:2021
14.	Phòng cháy, chữa cháy, Bình chữa cháy xách tay và xe đẩy chữa cháy. Phần 1: Lựa chọn và bố trí	TCVN 7435-1:2004
15.	Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình - Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng	TCVN 3890:2021
16.	Phòng cháy chữa cháy	TCVN 6305-11:2006
17.	Phòng cháy chữa cháy, hệ thống sprinkler tự động	TCVN 7336:2021
18.	Chất chữa cháy - Chất tạo bọt chữa cháy	TCVN 7278:2003
19.	Hệ thống chữa cháy bằng khí - Tính chất vật lý và thiết kế hệ thống	TCVN 7161-1:2022

20.	Thiết bị chữa cháy hệ thống CO2	TCVN 6101:1996
21.	Cấp nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 4513:88
22.	Quy phạm nối đất và nối không các thiết bị điện	TCVN 4756:1989
V.6	Tiêu chuẩn thiết kế điện chiếu sáng	
1.	Cấp điện lực đi ngầm trong đất - Phương pháp lắp đặt	TCVN 7997:2009
2.	Tính năng đèn điện - Phần 1: Yêu cầu chung	TCVN 10885-1:2015
3.	Qui phạm nối đất nối không các thiết bị điện.	TCVN 9358:2012
4.	Bóng đèn LED có balasts lắp liền dung cho chiếu sáng thông dụng: Yêu cầu về tính năng	TCVN 8783:2011
5.	Tính năng đèn điện - Phần 2-1: Yêu cầu cụ thể đối với đèn điện Led	TCVN 10885-2-1:2015
6.	Đèn điện - Phần 1: Yêu cầu chung và các thử nghiệm đèn điện	TCVN 7722-1:2017
7.	Đèn điện - Phần 2: Yêu cầu cụ thể - Mục 3: Đèn điện dùng cho chiếu sáng đường phố	TCVN 7722-2-3:2019

Ghi chú: Một số tiêu chuẩn tùy theo phạm vi áp dụng có thể dùng chung cho cả giai đoạn khảo sát, thiết kế, thi công và nghiệm thu.

QUY CHẾ

Phối hợp triển khai thực hiện Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn I

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019; đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 72/2020/QH14 và Luật số 03/2022/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn I;

Căn cứ Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 25/7/2022 của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn I;

Căn cứ Quyết định số 17/2022/QĐ-TTg ngày 28/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân cấp thực hiện các dự án, dự án thành phần đầu tư các đoạn tuyến đường bộ cao tốc theo hình thức đầu tư công thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Bộ Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân các tỉnh Khánh Hòa, Đắk Lắk thống nhất ban hành Quy chế phối hợp triển khai thực hiện Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn I (sau đây gọi là Dự án) như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định về mục tiêu, nguyên tắc, phương thức, nội dung phối hợp và trách nhiệm phối hợp giữa Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các tỉnh Khánh Hòa, Đắk Lắk và các cơ quan, đơn vị liên quan nhằm triển khai đồng thời một số công việc, thủ tục, tạo sự thống nhất, đồng bộ, kịp thời để thực hiện Dự án bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật, tiến độ, chất lượng công trình, quản lý chất

chê và sử dụng vốn tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch theo Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội; Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 25/7/2022 của Chính phủ và Quyết định số 17/2022/QĐ-TTg ngày 28/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan chủ quản được Thủ tướng Chính phủ phân cấp thực hiện các dự án thành phần tại Quyết định số 17/2022/QĐ-TTg ngày 28/7/2022, cụ thể:

- a) Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa được phân cấp làm cơ quan chủ quản Dự án thành phần 1.
- b) Bộ Giao thông vận tải là cơ quan chủ quản Dự án thành phần 2.
- c) Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk được phân cấp làm cơ quan chủ quản Dự án thành phần 3.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ chủ trương, đường lối Nghị quyết, Quyết định của Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và quy định của pháp luật.

2. Phối hợp trong tất cả các khâu, các công việc liên quan trong quá trình chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, bàn giao, đưa công trình vào khai thác, sử dụng và thanh quyết toán, đảm bảo kế hoạch triển khai thực hiện Dự án (như Phụ lục kèm theo).

3. Hoạt động phối hợp thông qua việc thực hiện trách nhiệm lập, trình duyệt, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt các nội dung liên quan của các bộ, ngành, địa phương theo quy định; thỏa thuận, thống nhất giữa các bộ, ngành, địa phương và giữa các địa phương trong quá trình triển khai, thực hiện Dự án.

4. Trong quá trình triển khai, trường hợp phát sinh vướng mắc vượt thẩm quyền, các địa phương có văn bản gửi Bộ Giao thông vận tải tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 3. Phương thức phối hợp

1. Xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ.

2. Trao đổi ý kiến, cung cấp thông tin bằng văn bản theo các nội dung công việc cần phối hợp, xử lý.

3. Tổ chức các cuộc họp định kỳ, đột xuất.

4. Tổ chức công tác kiểm tra, giám sát của các đoàn công tác được thành lập với thành phần bao gồm các cơ quan ở trung ương và địa phương.

5. Đối với các yêu cầu phối hợp đột xuất để đảm bảo kịp thời công tác, lãnh đạo các cục, vụ và các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân cấp huyện của các địa phương có thể trao đổi trực tiếp thông qua gặp gỡ, điện thoại, email công vụ nhưng sau đó phải thực hiện bằng văn bản.

6. Bộ Giao thông vận tải giao:

a) Cục Quản lý xây dựng và Chất lượng công trình giao thông (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) chủ trì, các Cục, Vụ, Tổng cục có liên quan phối hợp tham mưu triển khai thực hiện Dự án và định kỳ tổng hợp báo cáo.

b) Vụ Kế hoạch đầu tư là cơ quan đầu mối tham mưu xử lý các vấn đề liên quan đến: nguồn vốn, kế hoạch vốn và các quy hoạch chuyển ngành.

c) Vụ Đối tác công - tư là cơ quan đầu mối tham mưu xử lý các vấn đề liên quan đến: Xây dựng phương án thu hồi vốn đầu tư Dự án hoàn trả ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo tỷ lệ vốn góp đầu tư Dự án, sau khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận về cơ chế thu; các nội dung liên quan đến các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư khi triển khai Dự án.

d) Vụ Khoa học - Công nghệ là cơ quan đầu mối tham mưu xử lý các vấn đề liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn, thẩm định thiết kế cơ sở hệ thống giao thông thông minh (ITS) và hệ thống thu phí điện tử không dừng (ETC).

đ) Vụ Tài chính là cơ quan đầu mối tham mưu xử lý các vấn đề liên quan đến công tác thanh, quyết toán, cơ chế thu hồi vốn đầu tư và các nội dung liên quan về thuế, phí, lệ phí.

e) Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông là cơ quan đầu mối tham mưu xử lý các vấn đề liên quan đến trạm dừng nghỉ; phương án tổ chức giao thông trên tuyến.

g) Vụ Môi trường là cơ quan đầu mối tham mưu xử lý các vấn đề liên quan đến đánh giá tác động môi trường.

h) Ban Quản lý dự án 6 là cơ quan đầu mối, hỗ trợ kỹ thuật, phối hợp với chủ đầu tư/Ban Quản lý dự án của các địa phương theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện Dự án, các dự án thành phần; báo cáo tiến độ thực hiện và các khó khăn vướng mắc (nếu có) trong quá trình thực hiện; lập mẫu đề cương, nhiệm vụ khảo sát thiết kế, hồ sơ định hướng công tác khảo sát, thiết kế lập báo cáo nghiên cứu khả thi; khảo sát, lập thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở; dự toán xây dựng; Chỉ dẫn kỹ thuật...

7. Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa giao:

a) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Khánh Hòa là đơn vị thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư của dự án thành phần 1, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện dự án thành phần 1 theo đúng thẩm quyền và tuân thủ quy định.

b) Sở Giao thông vận tải là cơ quan đầu mối, theo dõi chỉ đạo của Chính phủ, Bộ GTVT, phối hợp các sở, ban, ngành, các cấp chính quyền địa phương kịp thời tham mưu UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành các kế hoạch, văn bản chỉ đạo trong quá trình triển khai thực hiện dự án thành phần 1.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối, các địa phương có liên quan phối hợp giải quyết các nội dung liên quan đến việc xác định vị trí đổ chất thải rắn xây dựng, Hồ sơ khảo sát vật liệu xây dựng.

d) Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối, Sở Tài chính phối hợp trong việc công bố giá các loại vật liệu xây dựng thông thường theo thẩm quyền và quy định pháp luật.

đ) Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tham mưu xử lý các vấn đề liên quan đến nguồn vốn, kế hoạch vốn.

PHỤ LỤC
DỰ KIẾN TIẾN ĐỘ, KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI
Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma
Thuật giai đoạn I

TT	Nội dung công việc	Bắt đầu	Hoàn thành	Thời gian thực hiện
1	Chính phủ ban hành Nghị quyết		25/7/2022	
2	Lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho từng dự án thành phần	03/9/2022	10/12/2022	3,2 tháng
3	Lập, thẩm định, phê duyệt Khung chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (GPMB) cho từng dự án thành phần	03/9/2022	10/12/2022	3,2 tháng
4	Lập, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi cho từng dự án thành phần	04/8/2022	20/01/2023	5,5 tháng (1)
5	Bán giao hồ sơ và cọc GPMB cho địa phương	21/11/2022	20/01/2023	3,0 tháng (2)
6	Địa phương thực hiện công tác GPMB:	21/11/2022	30/12/2023	13,3 tháng
	- Bán giao 70% diện tích mặt bằng của các gói thầu xây lắp khởi công	21/11/2022	30/6/2023	7,3 tháng
	- Bán giao toàn bộ mặt bằng còn lại	01/7/2023	30/12/2023	6,0 tháng
7	Lập, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán; lựa chọn nhà thầu xây lắp, Tư vấn giám sát, ... và khởi công	01/02/2023	30/6/2023	05 tháng (3)
8	Tổ chức thi công	30/6/2023	30/12/2026	Khoảng 03 năm và 06 tháng (4)

Ghi chú:

(1): Phân đấu hoàn thành phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi các dự án thành phần trước ngày 20/01/2023.

(2): Dợt 1, từ ngày 21/11/2022: Bán giao các đoạn tuyến có yêu cầu kỹ thuật thông thường; Dợt 2, từ ngày 21/12/2022: Bán giao các đoạn tuyến có yêu cầu kỹ thuật phức tạp; Dợt 3, bán giao các đoạn còn lại trước ngày 20/01/2023.

(3): Phân đấu khởi công các dự án thành phần trước ngày 30/6/2023.

(4): Phân đấu cơ bản hoàn thành dự án trong năm 2026, bán giao đưa vào khai thác sử dụng trong năm 2027.



Ký ban: Ủy ban
Nhân dân tỉnh
Khánh Hòa
Emu: 1
UBND Khánh Hòa
g/v: 1
Ngày ký:
30/08/2022
40 + 07/00

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 8217 /UBND-XDND

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 8 năm 2022

V/v kế hoạch chi tiết triển khai thực
hiện dự án thành phần 1 thuộc dự án
xây dựng đường bộ cao tốc Khánh
Hòa – Buôn Mê Thuột giai đoạn 1

KHÂN

Kính gửi:

- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh;
- Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh;
- UBND thị xã Ninh Hòa.

UBND tỉnh nhận được văn bản số 2209/SGTVT-QLCL&ATGT ngày 25/8/2022 của Sở Giao thông vận tải về việc ban hành Kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện dự án thành phần 1 thuộc dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Mê Thuột giai đoạn 1. Sau khi xem xét, UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Thống nhất với báo cáo, kiến nghị của Sở Giao thông vận tải về Kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện dự án thành phần 1 thuộc dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Mê Thuột giai đoạn 1 (do Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh lập kèm theo Văn bản số 608/DAGT-DA1 ngày 24/8/2022).

2. Giao Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh (chủ đầu tư dự án), các sở, ngành, cơ quan, địa phương và đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý được giao có trách nhiệm triển khai thực hiện các nội dung công việc được phân công theo Kế hoạch nêu trên đảm bảo đúng thời hạn quy định; kịp thời báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Giao thông vận tải) về tình hình thực hiện Kế hoạch, tham mưu đề xuất các phương án xử lý những khó khăn, vướng mắc, các giải pháp khắc phục để đáp ứng tiến độ yêu cầu trong quá trình thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

3. Giao Sở Giao thông vận tải (cơ quan đầu mối), có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc chủ đầu tư dự án, các sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan thực hiện các nội dung theo Kế hoạch nêu trên để hoàn thành nhiệm vụ theo tiến độ quy định, đáp ứng các mốc thời gian thực hiện dự án theo yêu cầu của Chính phủ tại Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 25/7/2022.

Trong trường hợp có nội dung phát sinh cần phải điều chỉnh Kế hoạch triển khai thực hiện, giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Ban

QLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh, UBND thị xã Ninh Hòa. Ban QLDA 6, các đơn vị liên quan kiểm tra, rà soát, hoàn thiện Kế hoạch triển khai thực hiện đề tham mưu đề xuất báo cáo UBND tỉnh kịp thời và đúng quy định (Lưu ý: việc điều chỉnh phải đảm bảo mốc thời gian theo Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 25/7/2022 của Chính phủ).

(Sao kèm văn bản số 2209/SGTVT-QLCL&ATGT ngày 25/8/2022 của Sở Giao thông vận tải; văn bản số 608/DAGT-DAI ngày 24/8/2022 của Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh và Kế hoạch đính kèm)

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
 - CT và các PCT UBND tỉnh;
 - Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
 - Phòng KT - VP UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, CN, TV, HT, MX
- Minh - XDND

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Tuấn



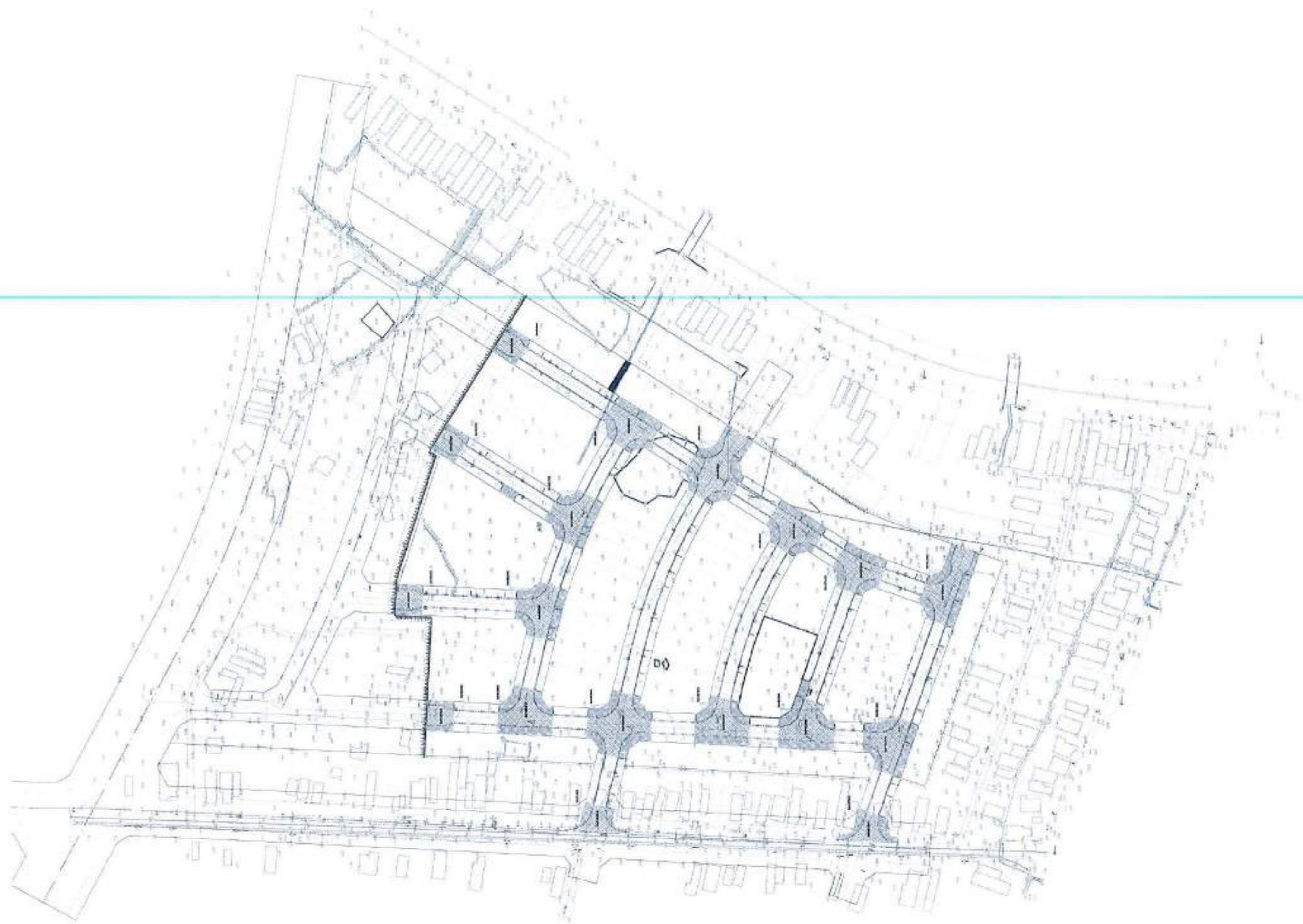


ĐIỂM CHỖ ĐẦU NỐI VỚI MẠNG
CẤP NƯỚC ĐÔ THỊ

KÝ HIỆU:

- | | | | |
|---|-----------------------|---|---------------------|
|  | ỐNG CẤP NƯỚC HIỆN HỮU |  | ỐNG CẤP NƯỚC TỰ MÔI |
|  | ĐƯỜNG KINH |  | CHẾU DAI |
|  | TRỤ CHỖ CHÁY NGỎM NHÀ | | |

ĐIỂM ĐẦU NỐI VỚI MẠNG CẤP
NƯỚC ĐÔ THỊ





CÔNG TY TNHH TƯ VẤN BÌNH MINH ĐC: 7/3A NGUYỄN THIỆN THUẬT P. LỘC THỌ, TP. NHA TRANG	CÔNG TRÌNH: HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU TÀI ĐỊNH CƯ HÀ THANH		T.K.C.S
	HẠNG MỤC: CẤP ĐIỆN VÀ ĐIỆN CHIẾU SÁNG		THÁNG: 05/2023
	MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN HẠ ÁP VÀ CHIẾU SÁNG		MB-HA-CS
GIÁM ĐỐC	CHỦ TRÌ	THIẾT KẾ	KIỂM
TRẦN THANH BÌNH	TRẦN THANH BÌNH	NGUYỄN THẾ QUÂN	TRẦN THANH BÌNH

KÝ HIỆU:

- ĐẤT NHÓM NHÀ Ở CHÍNH TRẠNG CÓ THỂ KẾT HỢP DỊCH VỤ
- ĐẤT NHÓM NHÀ Ở ĐỊNH HƯỚNG HÌNH THÀNH QUẬN NHÀ Ở THIẾT TẾ NHÀ LIỀN KẾ, NHÀ VƯỜN
- ĐẤT VĂN HÓA
- ĐẤT GIÁO DỤC
- ĐẤT CÂY XANH SỬ DỤNG CÔNG CỘNG
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- RANH GIỚI KHU VỰC ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ (Quy mô: 15.00 ha)
- RANH GIỚI QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1:2000 ĐƯỢC PHÉ DUYỆT NĂM 2010

GHI CHÚ:

KH	DT	HSD	XY HIỆU LỖ ĐẤT
			DIỆN TÍCH LỖ ĐẤT (m ²)
			HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT (LƯỖ)
			TẦNG CAO TỐI ĐA (TẦNG)
			MẬT ĐỘ XÂY DỰNG TỐI ĐA (%)

- GHI CHÚ
- TUYẾN HẠ ÁP & CHIẾU SÁNG THIẾT KẾ ĐI TRÊN KHÔNG
 - CỘT BÊ TÔNG TRUNG ÁP THIẾT KẾ
 - CỘT BÊ TÔNG HẠ ÁP THIẾT KẾ
 - ĐEN CHIẾU SÁNG LED 1000W LẮP TRÊN CỘT BÊ TÔNG
 - TỦ ĐIỆN CHIẾU SÁNG

MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN HẠ ÁP VÀ CHIẾU SÁNG

BẢNG SO SÁNH CÂN BẰNG
QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ

STT	Loại đất	Theo Đồ án quy hoạch được phê duyệt năm 2005		Theo Điều chỉnh cục bộ quy hoạch		Ghi chú
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	
1	Đất nhóm nhà ở	81.808	54,53	86.366	57,50	Tăng 4.558 m ²
1.1	Đất nhóm nhà ở chính mang cư trú khu tập thể cũ	0	0,00	34.003	22,73	Tăng 34.003 m ²
1.2	Đất nhóm nhà ở chính mang cư trú khu dân cư mới (nhà ở riêng lẻ, nhà chung cư)	81.808	54,53	52.363	34,77	Giảm 29.445 m ²
2	Đất văn hóa	1.832	1,22	1.832	1,22	Giữ nguyên
3	Đất giáo dục	4.736	3,16	4.736	3,16	Giữ nguyên
4	Đất cây xanh sử dụng công cộng	30.394	6,93	3.211	2,14	Giảm 27.183 m ²
5	Đất giao thông	51.248	33,16	53.973	35,98	Tăng 2.725 m ²
	Tổng cộng:	150.018	100,00	150.018	100,00	